



TIỂU LỤC THẬN PHONG

CHUYỆN CŨ
PHÙ DUNG TRẦN

TẬP TRUYỆN

Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu
2024

CHUYỆN CŨ PHỤ ĐUNG TRẦN

tập truyện



Tiểu Lục Thân Phong hiện cư ngụ tại thành phố Atlanta, Hoa Kỳ. Các tác phẩm đã xuất bản: Chì Có Con Đường Đố Mã Thời (tập truyện và tản văn - NXB Ananda Viet Foundation); Hoa Đào Năm Ấy (tập truyện - NXB Ananda Viet Foundation); Giữa Con Đường Với Vết Trâm (thơ - NXB Nhân Ảnh); Hạc Cầm (thơ - NXB Nhân Ảnh); Mộng Trùng Hoa (thơ - NXB Nhân Ảnh); Mộng Trùng Hoa (thơ - NXB Nhân Ảnh); Có Ngờ Gì Không (Trường Ca - Tủ Sách TV&BH); Kể Chuyện Mã Chơi (tập truyện - Nhân Ảnh, 2022); Năng Tợ Nghìn Căn (tập truyện - Nhân Ảnh và nxb Văn Học cùng in, 2024); Em Văn Mãi Là Nỗi Đau Đời (tập thơ - Nhân Ảnh); Kia Trúc Biếc Hoa Vàng (tập thơ - Nhân Ảnh).

tv&hh

TIỂU LỤC THẦN PHONG

CHUYỆN CŨ
PHÙ DUNG TRẦN

Tập truyện

Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu

2024

Trình bày: T.VẤN

Tranh Bìa: MAI TÂM

©Tủ sách T.Vấn & Bạn Hữu

©Tiểu Lục Thần Phong

TIỂU LỤC THẦN PHONG

CHUYỆN CŨ
PHÙ DUNG TRẦN

Tập truyện

ty&gh

MỤC LỤC

BÁ HỘ LÀNG CẢNH DƯƠNG	004
CẢNH ĐỒNG TRẦN	009
CHUYỆN ĐỜI CHUYỆN ĐẠO	015
ĐÊM NẪM NGHE ĐÀO RỤNG	023
ĐẾN ĐI NHỮNG MÙA XUÂN	029
ĐÌNH ÔNG ĐÔ	034
ĐỒNG HƯƠNG	043
ĐỒNG NỮ	048
HƯƠNG	055
KÝ ỨC MỘT THỜI	062
LÒNG MẸ	067
MA HỒI	074
MẠI DÔ, MẠI DÔ	081
MỊ NGŨ	085
MIẾU LỚN HƠN ĐÌNH	091
MÙA THU VĨNH VIỄN	098
MÙA XUÂN VĨNH VIỄN	105
NGHỀ HAY NGHIỆP	110
ÔNG GIÀ ĐIÊN THIỆT TÌNH	120

RA ĐÒN ẮT BIẾT KHẮC CHÉ	125
THẮNG Q	135
TIỀN NHIỀU ĐỂ LÀM GÌ	147
TÌNH CỜ VẬY THÔI	152
TÌNH	161
TRƯỜNG BỒ ĐỀ	169
VÂN ĐÓN TRANG	173
VÀNG HỒI	177
XỨ BẮC CHIÊM	184
CÁI LON	188
CÁI LU	192
THẮNG SAM	197
THƯỚC ĐO	201
NHỮNG GÃ DU TỬ...	208
MÙA XUÂN CỔ QUẬN	2013
ÔNG TRÙM LÀNG MẸO	217
BA MÁ EM...	226

Truyện Vừa

CHUYỆN CŨ PHÙ DUNG TRÁN	233
--------------------------------	------------

LỜI TỰA

Dòng đời bất tận vẫn miên viễn trôi, dù cho có an ổn hòa bình hay loạn lạc chiến tranh. Con người vẫn vô tình đến đi, sanh tử vô kỳ.

Đời thăng - trầm như con nước xuống lên, người vẫn thịnh - suy chẳng như ý bao giờ. Sự thay đổi, biến hoại diễn ra trong từng phút giây ấy là đặc tính tự nhiên của thế giới này. Hễ có tụ thành ắt có hoại diệt, có tụ thì có tan... Vật chất vốn thế mà tâm ý con người cũng thế. Thế giới hôm nay thay đổi đến khó có thể ngờ được, những năm tháng sắp đến sự thay đổi sẽ còn gấp gấp hơn, quyết liệt hơn. Khoa học kỹ thuật, công nghệ điện toán, IT, AI... đã và đang làm thay đổi sâu sắc bộ mặt của xã hội của thế giới hiện đại; thay đổi phương cách sinh hoạt, giao tiếp, hành động, thọ hưởng; thay đổi cả thị hiếu thẩm mỹ, phương thức thưởng thức của con người. Chữ nghĩa văn chương vốn đã âm ươn giờ càng thêm hiu hắt (chí ít là với người Việt ta). Ngày nay không còn ai đọc sách, rất ít người đọc văn thơ... Người ta chỉ thích lên mạng xã hội xem những tin tức nhảm nhí, xàm, những đề tài nóng của xã hội hoặc đọc những dòng văn tắt, ngắn gọn... Văn thơ giờ chẳng ai rớ vào nữa, chỉ

trừ một số ít, rất ít còn lưu luyến cố níu kéo sách vở và chữ nghĩa. Nếu trong nước sách in ra vài ngàn bản đã là lớn. Hải ngoại thì còn ảm ương hơn, in vài chục đến vài trăm là tối đa. Sách in ra cũng chỉ để gửi tặng một số bạn bè trong giới chứ bán ai mua? Cho ai nhận?

Sách đã từng một thời gian dài huy hoàng được quý trọng, được xem như kho tàng tri thức của nhân loại, vậy mà giờ rẻ rúng thảm thay. Sự thay đổi thịnh – suy quả thật khôn lường và cũng không thể nào cưỡng lại được. Một thời văn chương, thơ phú, sách vở... giờ lùi vào dĩ vãng.

Mặc cho chữ nghĩa văn chương như cảnh chợ chiều, những con người còn yêu chữ nghĩa vẫn ngày đêm âm thầm tiếp tục rì mọ viết ra, dĩ nhiên là trong số ấy cũng có người danh tiếng, tên tuổi bay cao và cũng có người lẹt đẹt như lá cỏ bờ mương. Văn chương có bác học hàn lâm thì cũng có bình dân đại chúng. Chuyện Cũ Phù Dung Trần này chẳng có chi để gọi là văn chương, chỉ là mớ chữ nghĩa quê mùa, bình dân, giản dị. Nó chỉ là những câu chuyện đời thường được kể lại với một giọng thật thà, thiếu trau chuốt, không bóng bẩy và dĩ nhiên chẳng có bút pháp chi. Bút giả chỉ là người kể chuyện mua vui, vì là chuyện đời thường nên nó chẳng lấp lánh đẹp hay sang trọng như hàn lâm hay cổ tích. Bảo là mua vui nhưng cũng có những câu chuyện cười ra nước mắt, những mâu chuyện buồn của con người và xứ sở. Bút giả như tấm gương phản chiếu hiện thực đang sờ sờ ra trước mắt. Những câu chuyện liên quan đến số phận nước non và con người. Xứ sở thế nào thì con người thế ấy: Chuyện tình, chuyện đời, chuyện đạo, chuyện thế thái

nhân tình, chuyện quốc gia thế sự... Người kể chuyện cứ thật thà kể mà chẳng chút làm màu, đôi khi nó đơn điệu và trần trụi như nó vốn thế!

Thời đại IT, AI... còn rị mọ viết và cũng chẳng biết viết để làm gì, viết vì đam mê thế thôi! Nhiều khi không viết thấy ngứa ý, ngứa tâm, ngứa cả tay, chữ nghĩa nhảy múa trong tâm hồn. Những kẻ lậm nghiệp chữ ắt biết việc này, người ngoài dù có nói thế nào cũng khó hình dung. Bút giả là một trong số những kẻ mang nghiệp chữ, đầu biết mình lạc hậu, roi rút cuối mùa nhưng vẫn mơ mộng vớt làn hương dưới đất, nhặt cánh hoa tàn hết mùa. Có một điều bút giả xin thưa rằng: Xã hội dù có phát triển cao độ như thế nào đi nữa, có thay đổi cỡ nào, kỹ thuật có tân tiến cách mấy... cũng không thể loại bỏ tâm hồn con người được! Con người là sự cấu thành của xác thân vật chất và tinh thần, không có tinh thần thì con người không còn là con người nữa. Đã nói đến tinh thần – tâm hồn thì không thể không nói đến tính thẩm mỹ, nhân văn, hoài niệm, thương yêu, đồng cảm... Văn chương chữ nghĩa cũng là một phần của tính thẩm mỹ vậy, nói cách khác thì văn chương chữ nghĩa cũng là một phần hồn của con người.

Tiểu Lục Thần Phong
Át Lãng thành, 0524

BÁ HỘ LÀNG CẢNH DƯƠNG

Năm ấy lụt lớn chưa từng thấy, nước ngập như biển. Nhà bá hộ Thì lu nổi lên phênh từ trong nhà ra ngoài sân, bá hộ cho người đóng cổng kéo nó trôi ra ngoài hết. Giáo Ngữ vốn hay chữ, đọc nhiều ông nói:

- Nhà bá hộ Thì giống truyện Alibaba và bốn mươi tên cướp quá, lu nổi lên khênh dễ cũng đủ bốn mươi á!

Bá hộ Thì vốn là tay lanh lợi, biết cách làm ăn. Ông mượn người đúc lu bằng xi măng để trữ đường, đi gom đường ở các lò ép, khi hết mùa mía thì bán ra, vậy là ông trúng lớn. Bá hộ Thì giỏi và lanh lẹ lắm, trong nhà ngoài các lu đường nước còn trữ nào là đường thẻ, đường bánh to như cối xay bột, đường cát, đường phèn, đường phôi... đường của ông bán ra Hải Phòng, vào Sài Gòn lên tận Nam Vang luôn!

Ai ai cũng khen đường của ông bá hộ ngon và tốt. Năm nay bán hết đường sớm mà chưa đến mùa mía nên gặp lụt các lu trồng nổi lên. Làng Cảnh Dương nổi tiếng: “Nhất Thì nhì Liên tam Kiên tứ Cự”. Bá hộ Thì không chỉ nổi tiếng giàu có ruộng đất “cò bay thẳng cánh, chó chạy ngay người” mà còn nhân đức hơn hết. cái thời thân phận chủ-tớ còn ngặt nghèo nặng nề lắm, ấy vậy mà ông đối xử với tá điền rất tử tế, thậm chí kẻ ăn người ở trong nhà ông còn cho phép ăn chung. Nhiều người không thích hay ghen ghét thì bảo:

- Thằng chả làm màu đó mà!

Mặc ai nói gì thì nói, bá hộ Thì vẫn không thay đổi cách ăn ở của mình. Nhà bá hộ Thì lớn và đẹp nhất làng Cảnh Dương, vừa nhà thờ gia tộc vừa là nơi ở luôn, vườn tược quanh nhà rộng cả mẫu. Sát hàng rào cây chuối ông bá hộ cho trồng mấy mươi cây dừa nên phong cảnh rất đẹp và thanh bình. Gian nhà thờ là quan trọng nhất và cũng được chăm chút nhất, toàn danh mộc; cái phản gỗ nơi ông thường nằm bằng gỗ lim lên nước bóng loáng như gương. Ông bá hộ Thì không mộ Phật Pháp nhưng em gái là cô Mười thì tin Phật lắm. Ngày rằm, mừng một cô đều mang lễ vật lên chùa và rất thành tâm cúng bái. Quãng đường từ nhà ông bá hộ lên chùa phải qua cổng Thầy Tư bắt qua con mương nước trong xanh, bên này mương là trường cô Bản. Trường nhỏ nằm bên bờ mương nép dưới lũy tre, ngày ngày tiếng trẻ ê a đánh vần nghe rộn rã đồng quê. Cô Bản dạy bọn trẻ không biết bao nhiêu năm rồi, hết lứa này đến lứa

khác. Cô Bản cũng xinh nhưng sao mãi chẳng lấy chồng. Người ta xì xầm, có kẻ còn nói:

- Tuổi dần cao số!

Có lần cô Mười nói với thầy, thầy quở:

- Đừng nói vậy mà gây khẩu nghiệp xấu; canh, kỷ là người Tàu đặt ra chẳng có tuổi nào cao số hay thấp số cả. Người sanh cùng ngày giờ cô Bản nhiều biết bao, sao chỉ cô Bản cao số? ấy là chưa nói bọn Tây, nó có coi ngày giờ tướng số chi đâu mà nó vẫn phát triển, vẫn sống hạnh phúc!

Cô Mười nghe và phục thầy lắm. Thầy sống một mình ở chùa, ngày ăn một bữa, nếu hôm nào lỡ việc mà quá ngại là thầy dứt khoát không ăn. Thầy công phu tinh tấn, giữ giới nghiêm ngặt, đạo hạnh thanh minh, người làng Cảnh Dương và các tổng đều mến mộ thầy. Việc ma chay, cưới hỏi, cúng kiếng... đều nhờ thầy, thầy từ bi không từ chối ai nhưng luôn dụng thời cơ để chỉ rõ những chuyện sai vạy mà người làng không biết. Có lần cô Mười cùng các bà mang vàng mã lên chùa, thầy kêu lại bảo:

- Không lẽ ma quỷ cô hồn Tàu, Việt mới có tiền để xài còn cô hồn Âu-Mỹ nó không có sao?

Mọi người cười rần rần chịu là thầy có lý, bắt chợt thầy khóc tí ti trách các bà hết sức thống thiết:

- Các bà nhẫn tâm lắm, các bà hại chúng rồi!

Bấy giờ các bà giật mình áy náy không biết mình làm gì sai, có kẻ đánh liều thưa:

- Bạch thầy, chúng con có gì sai xin thầy dạy bảo, mong thầy hoan hỷ bỏ qua cho.

Ngung giây lát rồi thầy mới nói:

-Lẽ ra cứu huyền thất tổ, thân nhân của các bà đã siêu thoát từ lâu nhưng vì các bà đốt tiền, vàng, vàng mã... nhiều quá nên bọn họ ở mãi dưới ôm đồng của mà không chịu đi đâu thai!

Bấy giờ mọi người ngó ra, không ai nói ai lời nào tất cả lặng lẽ đem hết số vàng mã bỏ đi. Cô Mười về kể với ông bá hộ, ông bá hộ cười và đắc ý:

- Ông thầy được lắm, vậy mới xứng là thầy để dạy chúng chứ!

Có lần ông giáo Ngữ nói với người làng rằng:

-Tui đọc sách thấy năm nọ ở đâu tận ngoài kia có ông trùm viết bài cật đặng trên báo là: “Địa chủ ác ghê”, nào là bóc lột, cướp đoạt, lừa biếng, độc ác... Nhưng sao ông bá hộ Cảnh Dương lại hiền thế, tử tế với tá điền và kẻ ăn người ở, ông còn trợ giúp cho việc làng. Ông là người ủng hộ tài vật và nhân lực để cúng đình, cúng miếu, hát bội... Hồng có ông lấy ai làm những việc này? hồng có ông đình làng Cảnh Dương chắc vắng như chùa Bà Đanh! Người làng ai cũng công nhận giáo Ngữ nói đúng. Họ nói lời giáo Ngữ:

- Bởi vậy ông bà ta mới dạy: “Có đức mặc sức mà ăn”. Nhà bá hộ Thì có lẫm lúa to nhất làng, lụt ngập cỡ đó mà cũng chưa tới được lẫm lúa của ông!

Bá hộ Thì không sanh được con trai nên bá hộ Kiên và bá hộ Cự luôn tìm cách cạnh khoé:

- “Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô” hoặc tỵ như “Nữ nhân ngoại tộc”

Người ta nghe được mách với ông thì ông cười khì:

- Có con trai như chứa giặc, có con gái như hũ mả. Cái nào hại hơn cái nào? Con cái cũng là duyên nợ, có duyên thì đến hết duyên thì thôi. Hà có gì phải phân biệt trai với gái!

Thầy trên chùa tán thán lắm:

- Nếu ai cũng có chánh kiến như bá hộ Thì thì đời này bớt khổ, bớt nhọc. Người ở quê khổ về vật chất, chân lấm tay bùn đã đành mà còn cái khổ khác nó khắc nghiệt hơn, đó là những quan niệm, tục lệ làng; những lời cay độc, bóng gió, xỉa xói... Họ tự làm khổ mình rồi làm khổ lẫn nhau, đày đọa nhau, trói buộc nhau cuối cùng cả đám dính mắc với nhau hết đời này sang đời khác! Mọi người cứ gây ra rồi lên chùa cầu xin Phật - Bồ Tát giúp, vậy là không thể được. Phật-Bồ Tát không giải quyết được việc của các người đâu. Các người phải tự sửa mình, tự mình thay đổi cái quan niệm thì cuộc đời số phận sẽ đổi thay theo!

Ngày cô Mươi lấy chồng ra riêng, ông bá hộ cho mảnh đất kế bên để cất nhà. Cô Mươi lên chùa mời thầy xuống coi hướng, làm lễ đặt móng. Thầy cũng xuống, xong thời kinh thầy kêu cô Mươi và người nhà lại:

- Tục ngữ có câu: “Vợ hiền hoà nhà hướng nam” cứ thế mà làm, ngày nào giờ nào cũng tốt cũng hưng vượng cả nếu tâm ý trong sạch hiền thiện!

Ông bá hộ Thì bước ra chấp tay vái thầy:

- Bạch thầy, con xin cảm ơn và đánh lễ thầy!

Hôm ấy cả làng đồn um lên:

- Lần đầu tiên thấy ông bá hộ vái tạ thầy!

CẢNH ĐỒNG TRẦN

Trần Cảnh Đồng nằm bên bờ sông Liễu Hạ, xinh đẹp như cảnh thiên thai ở chốn trần gian. Khách thương hồ đến đi mua bán quanh năm. Khách du thanh tú lịch lãm cũng dập dìu trẩy hội... Bọn họ kháo nhau rằng: “Cảnh Đồng đệ nhất thiên hạ trần”. Dân trong trấn phần nhiều mở cửa hiệu buôn bán, cao lâu, tửu điếm, lữ hành... nhưng cũng có một số sòng đòi nông phu, vui thú điền viên. Mỗi mùa lúa chín, những cánh đồng ngoài trấn vàng rục như một tấm thảm bao bọc lấy Cảnh Đồng.

Cao Nhã ngồi tựa lan can nhìn xuống dòng Liễu Hạ, một mình trầm tư độc ẩm, dòng suy nghĩ như gỏi theo giòng nước chảy. Ông chẳng nghe hay thấy những thực khách xung quanh đang huyên náo và không ít kẻ đang tỏ vẻ kệt cỡm. Chợt có tiếng nhã nhận:

- Hình như các hạ có điều bất an trong tâm?

Ông ngược nhìn lên thì thấy một vị du sĩ trông có vẻ rất tiêu sái phong lưu, tóc búi, râu dài, đôi mắt

ting anh, dáng dấp rần rỏi có vẻ như dân có nghề. Ông sanh thiện cảm bèn đứng dậy kéo ghế và rót chung rượu mời y:

- Xin mời tân khách một chén này.

Y chẳng khách sáo, đón lấy chung rượu và uống cạn xong nói lời cảm ơn. Đoạn ông hỏi tên thì y bảo:

- Tôi vốn họ Trần, sống đời cơm chùa cháo chợ, chu du khắp bốn phương, đi đến đâu thì dạy võ, dạy chữ cho người ở đấy. Nơi nào thuận duyên thì ở lâu một chút, nơi nào cạn tình thì lại ra đi. Bởi thế thiên hạ có người gọi tôi là Trần du tử nhưng cũng có kẻ gọi là Trần du sĩ, thực tình tôi cũng chẳng quan tâm họ gọi là gì. Nghe giang hồ đồn đại Cảnh Đòng trần đã lâu, nay mới có dịp đến, có lẽ vì cơ duyên mà tình cờ gặp các hạ ở đây.

Y dứt lời thì Cao Nhã tự giới thiệu:

- Tôi là Cao Nhã, nhà ở trần này. Tổ phụ bao đời đều phát tích từ đây, dám xin hỏi tân khách một lời. Có phải ngài biết xem tướng hay thuật bói toán chẳng?

Y cười lớn:

- Đôi khi Trần mỗ tôi nói ra lại giống như bói toán vậy, kỳ thực thì không phải! Bình sinh mỗ tôi rất ghét bọn bói toán, thuật sĩ, phong thủy... Mỗ tôi thường đọc sách lại có chút nghề riêng nên mới thấy được nỗi lòng bất an của các hạ.

Cao Nhã bảo:

-Ngài đã nói thế thì tôi cũng xin thú thật, tôi vốn là tài chủ ở địa phương, nhà có con gái tuổi cập kê. Tôi yêu thương và bảo bọc như ngọc quý. Nhiều nhà

quyền quý trong ngoài trần ngỏ lời nhưng tôi để mặc cho con tự chọn. Nào ngờ con gái tôi không chọn những đám ấy mà lại chọn lấy gã mò côi con nhà họ Lưu ở cuối trấn. Ngài biết đấy, làm cha mẹ ai mà không thương con? Làm sao tôi có thể chấp nhận gả con cho gã ấy được! con tôi là tiểu thư, về nhà ấy thì khổ cả đời, còn gì là đời hoa. Tôi không chấp nhận, ra sức ngăn cản nhưng con gái tôi cũng quyết liệt không kém, cô ấy tuyên bố: “Không lấy được anh họ Lưu đó thì sẽ không lấy ai cả”. Ở đây không tiện, nếu tân khách có lòng xin mời đến nhà chơi.

Y nhận lời, Cao Nhã kêu tiểu bảo tính tiền xong hai người bách bộ về nhà. Quả là tài chủ của Cảnh Đông, ngôi nhà to lớn bề thế như phủ đệ vương tôn, hoa viên rộng lớn xinh đẹp với nhiều kỳ hoa dị thảo... Cao Nhã bảo người nhà làm cơm, còn mình thì đưa khách lên nhà trên, lấy nệm rượu quý cất trong tủ ra đãi. Gã họ Trần vừa bước vào gian chính, trông thấy tôn tượng Như lai bèn sụp lạy rất cung kính. Sau khi yên vị khách chủ, Cao Nhã tâm sự:

- Chẳng dẫu gì Trần du tử, tôi không muốn gả con gái cho gã mò côi họ Lưu nhưng tôi cũng không dám làm căng, e mất con. Giờ tôi bối rối không biết tính sao cả!

Gã họ Trần cười mỉm:

- Tôi có chút nghề riêng, may ra có thể giúp ích chút ít cho ngài.

Nói xong y bảo Cao Nhã ngồi yên ngay thẳng, đoạn y nhìn thẳng vào mắt, tay bắt ấn, tay còn lại hươ hươ trước mặt như vẽ gì đấy trong hư không, miệng lầm

nhắm đọc thần chú... Chùng giây phút Cao Nhã thấy mình đi lạc vào một không gian cổ sơ tiêu sái rất lạ lùng. Cao Nhã nhìn quanh thì thấy cũng có nét quen quen nhưng không tài nào nhận ra, lòng đầy nghi hoặc: vẫn dãy tửu lầu bên sông Liễu Hạ, vẫn con đường lát đá đây, thế nhà mình đâu? đây chẳng phải là Cảnh Đồng trấn chăng? Cao Nhã lang thang khắp nơi, nhìn thấy thiên hạ lớp lớp người trẩy hội mà sao hình như chẳng ai thấy mình. Đi đến một nhà nọ thì thấy người ta đang vây quanh một bà lão hấp hối, thằng bé lên năm đang đứng bên bà. Bà mắt vẫn mở thao láo, miệng thì thào: “Ta chết không yên lòng, ta chết rồi ai sẽ săn sóc cho cháu của ta? Ta thương thằng bé lắm!” thế rồi bà ta chết mà không nhắm mắt. Cao Nhã còn đang vắn vợ ngơ ngác thì chợt thấy trời đất tối sầm, chưa kịp định thần lại thì thấy mình đang ở trong một toà điện nguy nga nhưng rất âm u, đuốc cháy bập bùng, nhìn lên thì thấy một tấm biển ghi: “Đệ Ngũ Điện Bình Đăng Vương”. Lại thấy bà lão vừa hấp hối lúc nãy, bà đang quỳ ở đây.

- Bẩm Diêm Vương, tôi chết không nhắm mắt, không đành lòng. Thằng cháu mồ côi không biết có ai chăm sóc cho nó không? Không biết có ai thương yêu lo lắng cho nó không?

Từ trên không có tiếng rền như sấm:

- Vậy thì bà hãy về mà chăm sóc nó!

Dứt lời thì có một lũ lâu la xuất hiện và đưa bà lão đi ngay. Cao Nhã lại thấy trời đất phong quang, cảnh vật rất xinh đẹp. Y đang cùng với khách thương hò

trên con tàu xuôi dòng Liễu Hạ, sau mấy chuyến hàng được giá và trở nên giàu có. Người bạn hùn hạp làm ăn muốn đi chuyến này xong thì về quê lấy vợ, nào ngờ hôm ấy anh ta bị bạo bệnh mà chết bất đắc kỳ. Cao Nhã cho thuyền quay về, giữa đường gặp giặc giã nên không làm sao đưa xác bạn về quê được, bèn chôn cất anh ta ở trấn này luôn. Sau đó Cao Nhã mấy lần đi tìm thân nhân của bạn để trao trả lại số bạc hùn hạp nhưng không tìm ra, cảnh vật thay đổi, người ly loạn di tản... đi về bao bận mà sở nguyện chẳng thành, lòng thấy ảm đạm lắm mà không biết làm sao.

Cao Nhã giật mình tỉnh ra ngỡ ngác hỏi:

- Chuyện gì đã xảy ra?

Trần du sĩ nhìn ông cười nhẹ bảo:

- Ngài đã thấy hết mọi sự rồi phải không?

Cao Nhã vẫn còn hồ nghi và mơ màng:

- Tôi không hiểu, có lẽ nào...?

Trần du sĩ thông thả:

-Bà ngoại lúc chết một niệm không buông được ấy nay là con gái ngài vậy. Thằng bé ấy chính là cậu mô cô nhà họ Lưu. Gã ấy trong nhiều kiếp cũng là bạn thương hồ với ngài. Trong một kiếp nợ, khi y chết mà ngài còn giữ của y năm trăm lạng bạc. Ngài không có lòng tham, đã tìm cách trả nhưng vẫn chưa thành, vì vậy ngài vẫn nợ y. Hôm nay nhân duyên lại hội tụ một chỗ, mọi sự vốn có góc gác với nhau bởi vậy mà giới Nho gia thường nói: “Nhất âm nhất trắc mạc phi tiền định”. Trần du sĩ dứt lời thì người nhà họ Cao báo cơm nước đã dọn xong. Cao Nhã

mời Trần du sĩ dùng bữa, cả hai ăn trong sự lặng lẽ như người giữ chánh niệm vậy, bề ngoài là thế chứ trong lòng Cao Nhã đang có những xao động lớn mà từ trước giờ y chưa từng trải qua. Hồi lâu Trần du sĩ khẽ nói:

- Phàm ở đời không nên buộc mà nên mở, những oán kết cũ thì nên giải và đừng tạo thêm oán kết mới.

Cao Nhã không trả lời mà hỏi:

- Mai này du sĩ sẽ đi đâu?

Trần du sĩ cười to:

- Đắt trời thên thang, thiên hạ đông đầy lo gì không có lối.

Đoạn y lại nói:

- Cuộc trăm năm là ước lệ, mấy ai đủ, đôi khi lại ra đi bất kỳ. Tiền của là con nạm nhà, dễ gì giữ đặng. Người đời ai cũng mong cầu nhưng dễ mấy ai có, có kẻ không mong mà lại vô tình được... tất cả đều có duyên do cả. Ngài là bậc tài chủ, ít nhiều đọc sách ắt biết điều này!

Bữa cơm xong, Cao Nhã tiễn Trần du sĩ qua khỏi bến Tầm Dương mới quay về. Y gọi con gái lại bảo:

- Tiểu Hoa, con hãy cho người sang nhà họ Lưu bảo gã ấy ngày mai đến gặp cha.

Con bé mắt sáng long lanh chạy lại ôm chầm lấy y.

CHUYỆN ĐỜI CHUYỆN ĐẠO

Mùa hè năm nay thành Át Lãng nóng như đồ lửa, không chỉ ở thành Át Lãng mà hình như cả xứ này. Cali cũng nóng, Texas lại nóng hơn. Thậm chí Alaska xứ sở của băng tuyết ấy vậy là cũng lên đến chín mươi...Cờ Hoa nóng, châu Âu cũng nóng, Pháp, Đan Mạch, Hà Lan...dân chúng kêu trời như bộng, cả ngàn người chết vì nóng. Có quận mình thì khỏi phải nói rồi, nóng triền miên, nóng kinh niên, nóng dài lâu... Vì xứ sở nhiệt đới mà! Nhưng có điều quái lạ ở xứ mình là: đồng bằng, miền biển thì nóng, hạn hán mà miền trung du, miền núi cao lại lũ lụt, ngập nặng ngập sâu: Đà Lạt, Đắc Lắc, cao nguyên Trung Phần...

Khí hậu thay đổi, nhiệt độ tăng... ấy là tự nhiên nhưng cũng do sự góp tay của con người, nào là: hiệu ứng nhà kính, phá rừng, xả thải công nghiệp, phát triển nóng như Tàu, Cam Bốt, Việt... Thiên nhiên nóng, xã hội cũng nóng không kém, nóng hừng hực đang chờ chực bốc cháy. Hồng Kông như chảo lửa suốt hai tháng nay. Hồng Kông thừa hưởng

nền kinh tế phát triển cao, nền dân chủ pháp trị và tự do của người Anh xây dựng. Hôm nay Hồng Kông đang đối đầu với sự cai trị tàn bạo của chế độ độc tài. Người Hồng Kông đang đấu tranh cho chính họ và tương lai con em của họ. Cuộc đấu xem ra không cân sức, sức mạnh tàn bạo của bạo quyền lăm le nghiền nát họ như đã từng làm ở Thiên An Môn, thật sự không biết ngày mai ra sao? sức nóng Hồng Kông đang làm cho cả thế giới nín thở quan tâm. Người Đài Loan, người Ma Cao đang lo sốt vó. Người Hài Tân Cương, người Tây Tạng... mấy mươi năm nay rên siết dưới sự chiếm đóng cai trị tàn bạo của bọn độc tài, của chủ nghĩa bành trướng đại Hán. Sức nóng ngày càng tăng, không có một dấu hiệu nào, dù nhỏ nhoi để cho thấy sự hạ nhiệt. Biển Đông của xứ mình cũng thế, nóng bỏng hàng ngày. Giặc Tàu tham lam, từ ngàn xưa đến giờ chưa từng từ bỏ mộng xâm lăng. Trên đất liền thì lấn chiếm, xà xẻo đất đai, lập đặc khu, lũng đoạn kinh tế-xã hội. Ngoài biển cả thì dùng tàu quân sự, tàu cá trá hình, tàu thăm dò địa chất... đóng kín mặt biển Đông. Hoàng Sa- Trường Sa mất, Gạc Ma mất, nay đến bãi Tư Chính... Người ta chỉ đóng cửa la oai oái: phản đối, cực lực phản đối thế thôi; khá hơn chút nữa phát cờ cho ngư dân đi ra biển.

Danh từ nhân dân chưa bao giờ bị lạm dụng kinh khủng như hôm nay! Tiên Lãng, Cồn Dầu, Thủ Thiêm... chỉ là những vụ trong vô số vụ, dân tình o ép vào bước đường cùng. Ai cũng muốn yên ổn sinh

sống làm ăn nhưng nay cưỡng chế, mai qui hoạch, nhà cửa mất, ruộng vườn mất...khi không mà bao nhiêu người màn trời chiếu đất, thử ai ai chịu cho thâu? Bởi thế mà có câu: “Hà chính mãnh ư hồ”. Tích của nó vốn như thế này, khi Khổng Tử dẫn đám học trò đi du sơn ngoạn thủy, ngày kia đến một túp lều dưới chân núi thì trời đã về chiều. Chợt nghe có tiếng thiếu phụ khóc tỉ ti. Khổng Tử hỏi thăm định an ủi thì bà ấy nói: “Năm kia cha chồng bị hồ vồ, năm rồi chồng bị hồ tha, năm nay thằng con bị hồ chụp...Tôi đau như đứt từng khúc ruột!”. Khổng Tử lại hỏi: “Sao bà không dời nhà vào làng mà sống?” bà ấy bảo: “Không được đâu! ở đây tuy hồ dữ nhưng còn sống nổi, vào làng chịu không thâu quan lại cường hào.” Khổng Tử ngậm ngùi mới dạy học trò: “Các con thấy đấy: Hà chính mãnh ư hồ”. Tạm dịch rằng: Nền chính trị hà khắc còn đáng sợ hơn cả hồ dữ!

Thế giới hôm nay vào thời hắc ám, các nhà độc tài, các tay cực hữu, những chính phủ dân túy, dân tộc chủ nghĩa...đang ngày ngày gây thêm những xung đột, kích động những cuộc xung đột cho thêm khốc liệt, mục đích cũng vì tự tư tự lợi, vì ích kỷ nhỏ nhen. Châu Âu, Bắc Phi, Trung Đông, Nam Á và ngay cả Bắc Mỹ này!

Đời đã thế, đạo cũng có vô số chuyện đáng buồn. Đạo từ đời mà ra, đời nhờ đạo mà thăng hoa. Ngạn ngữ có câu: “Thanh xuất ư lam nhi trắng ư lam”. Tạm dịch là: Màu xanh xuất ra từ màu lam nhưng

tuyệt diệu hơn màu lam. Đạo từ đời mà ra nhưng đạo cao cả hơn, lo cho phần tâm trí, đạo đức của con người; hướng dẫn con người vào con đường lương thiện, cao cả...Nhà bác học Einstein từng nói: Khoa học mà không có tôn giáo thì dễ đi vào bại hoại và tàn độc (đại ý là như thế chứ không phải nguyên văn câu nói). Quả thật không sai, hôm nay con người đang đẩy đời vào con đường nguy hiểm và tàn độc. Khoa học quá tân tiến, chế ra bomb A, bomb H, vũ khí tia X, vũ khí hoá học...có thể giết cả triệu người trong chớp mắt, hủy hoại một thành phố trong giây lát. Khoa học đang nhân danh con người nhưng lại làm hại con người một cách kinh khủng nhất: sửa gene, nhân bản vô tính (cloning)... Khoa học đang dùng những phương pháp tàn bạo thử nghiệm trên động vật như: nhỏ acid lên mắt con vật, tạo vết thương trên con vật... để tìm ra thuốc cho con người; dùng những con vật vô tội để thử nghiệm hoá chất mới, mỹ phẩm cho con người. Khoa học tàn độc này quả thật không thể chấp nhận được! khoa học rời xa tôn giáo, đạo đức thì như thế đó. Đời vào sâu thò hắc ám, đạo cũng đang lúc mặt pháp những hiện tượng quái gở ngày càng nhiều và lan tràn khắp mọi nơi. Tăng sĩ ngày càng phá bỏ giới luật, sống hưởng thụ nhưng dùng chiêu bài “phương tiện” để biện hộ. Những chế độ độc tài cài cắm người vào tôn giáo để sai xử theo ý của mình, cũng có không ít những tăng sĩ bán mình, bán cả linh hồn để phục vụ cho thế tục. Những ông tăng ngày đêm trẩy hội bốn phương, tiệc tùng đình đám, vào ra oai vệ với bao

nhieu mật vụ đón đưa...Chùa chiền thành những nơi cúng đám, cầu siêu, xin xăm, giải hạn, cúng sao, trục vong...Những ngôi chùa ngàn tỉ, đồ sộ như cố cung Bắc Kinh. Trong ngoài chung toàn tượng Tàu, pháp khí Tàu, sư tử Tàu... Khách du lịch kéo về nườm nượp để làm gì? để chụp hình khoe trên mạng xã hội, để cầu duyên, cầu tài, cầu thăng quan, cầu danh vọng hanh thông...Những nhà tu hành chân chính, có sở học, sở hành, có đạo tâm, có đức hạnh... bị đẩy lùi vào vùng khuất!

Đạo Phật dạy cái thân này là huyễn, dạy con người phải xả bỏ cái “tôi” nhưng những tăng sĩ dễ duôi, danh văn lợi dưỡng đang ngày đêm nuôi cái “Tôi” cho lớn thêm. Hình tướng, hành xử thật khác xa với những bậc chân tu. Có những vị lơ là chuyện quán xét, loi lóng giới luật... làm cho hàng Phật tử hoang mang và nhiều người mất cả niềm tin.

Thành Ất Lãng, mùa hạ năm nay nóng lắm. Khí hậu nóng, chuyện đời nóng, chuyện đạo cũng nóng luôn! Lòng người cũng nóng theo, nằm nghe nhạc vàng thuở trước: “...Mùa hạ năm nay, anh sẽ đưa em về phố chợ...” hoặc như: “... Mùa hạ ơi! Anh xa em mấy mùa hạ rồi, mà lòng vẫn thương vẫn nhớ...” , những khúc ca mấy mươi năm trước sao nghe hoài vẫn hay, vẫn không chán. Ca từ đơn giản, rõ nghĩa, trong sáng, nội dung rất nhân văn, đầy tình tự với quê hương, đất nước, con người... Có một thời nhạc vàng bị cấm, ai cất giữ, ca hát... sẽ bị tù như chơi, những tưởng bạo lực bóp nó chết nhưng nào ngờ

vẫn âm ỉ sống. Hôm nay thì nó sống lại còn mạnh, còn khoẻ hơn nữa. Những người căm nó cũng mê nó luôn! Thế mới biết sức mạnh của văn hoá, chữ nghĩa. Cũng nhờ văn hoá riêng biệt mà mình không bị đồng hoá thành Hán, mặc dù Tàu cai trị cả ngàn năm. Bách Việt thời sơ sử giờ chỉ còn có mỗi Lạc Việt, tức giòng Việt ta hôm nay!

Nhà Phật bảo thời gian không thật, không gian không thật, tất cả từ vọng niệm mà ra. Bởi thế mới có câu:

Thập phương hư không bất ly đương xứ
Cổ kim tam thế bất ly đương niệm

Ngay tại phút giây này, ngay tại chỗ này! các pháp sanh diệt, các tướng biến chuyển...Nó như mộng huyễn, bào ảnh, như lộ, như điện nên thế gian này cũng biến chuyển sanh diệt không ngừng, thịnh – suy quay vòng bất tận. Nền văn minh của nhân loại cũng từng nhiều lần phát triển rực rỡ và lụi tàn. Nền dân chủ của Hy Lạp, La Mã cổ đại cũng từng bị suy tàn để cho đêm trường nghìn năm trung cổ phủ khắp châu Âu. Nhiều thể chế độc tài, gia đình trị khắp Á, Phi, Trung Cận Đông, Ả Rập cũng từng sụp đổ. Cách mạng Hoa Lài, cách mạng màu, mùa xuân Ả Rập...truyền cảm hứng cho thế gian này. Thế sự chuyển biến trong từng phút giây, không có cái gì để gọi là đời đời, muôn năm cả! Ấy là sự hoang tưởng của những chế độ độc tài toàn trị.

Thế giới hôm nay, mọi người, mọi quốc gia liên kết với nhau như một mạng lưới, tất cả phụ thuộc lẫn

nhau. Chưa bao giờ mà hoàn cảnh thực tế nó chứng minh cho cái nguyên lý “duyên Sinh” một cách đầy sức thuyết phục như thế! Hễ cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia cũng không. Tất cả các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau, các mạng xã hội nối kết con người toàn cầu lại với nhau. Chỉ một sự kiện nhỏ bên này thế giới cũng có thể làm chấn động bên kia địa cầu. Điều này ngày xưa kinh điển cũng như văn chương từng ví: “Cánh bướm bên này đập nhẹ cũng làm dậy sóng, nổi bão tố bên kia”. Ngày xưa nền văn minh nông nghiệp, các quốc gia, thậm chí nhỏ như một trấn, một ấp...cũng có thể độc lập, đóng cửa sống một mình, tự cung tự cấp... chẳng lệ thuộc gì bên ngoài. Ngày nay kinh tế mở, kỹ thuật điện toán cao, không một quốc gia nào có thể đóng cửa tự sống một mình được! Khoa học kỹ thuật càng phát triển, con người càng cần tôn giáo hơn hết, khoa học không thể chữa nỗi đau của tâm hồn. Các tôn giáo, phần nhiều đều chỉ dạy con người yêu thương nhau, sống hoà bình với nhau, tương trợ nhau...(tuy nhiên cũng có những ông đạo diễn giải sai lệch nhằm mục đích biến tôn giáo thành công cụ để lợi dụng, chẳng hạn ISIS giải thích việc giết người, khủng bố để được lên thiên đàng...) Khoa học kỹ thuật chỉ lo cho phần xác thân, tạo điều kiện tiện lợi tối đa cho thân. Còn tôn giáo hướng dẫn cho tâm linh của con người. Nhà Phật không có gọi là linh hồn, chỉ gọi là danh, là tâm (thọ, tướng, hành, thức). Nhà Phật quan niệm rằng: tất cả không ngoài

một niệm tâm., “nhất thiết duy tâm tạo” kia mà! Tâm an thì thân mới lạc, tâm bình thì thế giới mới hòa. Có những người giàu có vô cùng, địa vị cao ngất ngưỡng nhưng tâm không an nên vẫn khổ như thường. Có những ông thầy tu, cái gì cũng chẳng có, chỉ có ba y và một bát ấy vậy mà tâm an thân lạc quá chừng! Nhà Phật luôn dạy mình biết đủ, biết tiết chế sự ham muốn vì nó là nguồn gốc của khổ, dính mắc, bất an, càng ham muốn thì càng khổ và bất an. Con người biết đủ là người hạnh phúc. Người biết đủ thì xã hội này sẽ an ổn, thiên nhiên này đỡ bớt sự hu hoại.

Đời và đạo song hành với nhau, bổ sung cho nhau, cũng giống như thân và tâm, không thể nào có cái này mà không có cái kia. Đạo từ đời mà ra, đời nhờ đạo mà thăng hoa. Có những gã du tử sống giữa đời mà mơ về đạo, con đường đạo tuy là đi ngược giòng đời nhưng chẳng vì thế mà xa rời đời. Đời không thể thiếu đạo và đạo cũng không thể thiếu đời là vậy.

ĐÊM NẪM NGHE ĐÀO RỤNG

Cứ thỉnh thoảng lại lộp độp, lộp độp... cái điệp khúc suốt cả tháng giữa mùa hạ. Đêm đêm đào rụng trên mái nhà, âm thanh như vọng từ một thời cổ tích xa xưa nào vậy. Cái xứ sở lạ lùng, cây gì cũng chi chít trái trên cành, nhiều cây sai quả oằn trĩu đến độ gãy luôn: Đào, lê, táo, mận, cam, quýt...

Ở Hoàng Hoa trang này, nếu mùa xuân thì đẹp như cõi thiên thai. Hoa đào nở hồng cả một góc trời nhưng đến mùa hạ thì "địa ngục" mở cửa. Trái đào chín rụng đầy đất, nát ra nhầy nhựa, bọ côn trùng kéo đến trông mà phát ón. Với bốn mươi gốc đào, số trái rụng phải tính bằng tấn, thật kinh khủng mỗi khi mùa trái rụng! Hoa đào đẹp, trái đào chín nhầy nhựa dơ, vốn chẳng phải hai mà lại không phải một. Mùa xuân xanh, mùa hạ biếc vốn không là một mà cũng chẳng phải hai. Bởi vậy mới biết rằng: thích với chán, yêu với ghét vốn không một mà cũng không hai. Tất cả từ một niệm tâm mà ra!

Trái đào non thì chát, không ăn được, trái đào già thì giòn và chua chua ngọt ngọt, ăn ngon lắm. Tự thân nó chuyển hoá chẳng cần ai phải "độ" cho nó từ chát thành ngon. Con người cũng vậy thôi, tự mình

“độ” mình, tự mình chuyển hoá thân tâm của mình, tâm mình chuyển thì tướng mình chuyển, vì “tướng tông tâm chuyển”, “nhất thiết pháp tông tâm tướng sanh” cơ mà! Phật, Bồ Tát là người chỉ đường, chỉ phương cách cho mình. Mình phải cất bước đi thì mới đến, có bệnh thì phải uống thuốc mới hết bệnh. Phật và Bồ Tát không thể đi thay hay uống thuốc giúp mình được! Phải tự mình đi thôi, con đường đã có, phương cách đã bày. Người xưa đã đi, người nay đang đi, người sau đang đến, con đường này nhất định phải đi, không đi thì không bao giờ đến được!

Đêm nằm nghe tiếng đào rụng lộp độp trên mái nhà, cứ ngỡ tiếng vọng từ một miền xa lơ xa lắc nào đó của tuổi thơ vọng về. Tiếng đào rụng làm nhớ đến tiếng mạn rụng trên mái tôn của ngày xưa. Hồi ấy ba trồng cây mạn bên chái hiên nhà, cây mạn cũng cho quả sai lắm, trái mạn to như nắm tay người lớn, chín ửng hồng thắp thoáng trong tàn lá xanh. Mạn nhiều quá, đêm đêm rụng trên mái tôn lộp bộp. Cứ hai ngày ba lựa những chùm mạn to đẹp nhất để dâng cúng Phật. Thường thì sau hai ngày để trên bàn thờ thì trái mạn mất giòn đi. Ba hạ xuống thay trái mới, trái cũ dù không còn ngon nhưng vẫn phải ăn, vì bỏ thì sợ mang tội. Từ chuyện trái mạn cúng xong thì hết giòn, hết ngon tôi lại nhớ chuyện người ở quê nhà. Hồi ấy hàng xóm có người từ Bắc mới vô, y là tay vô thần và cực đoan. Có lần y cũng làm giỗ cho mẹ (tất nhiên là y chẳng biết lễ tiết gì cả) chỉ nấu thức ăn dâng lên bàn thờ mẹ y, đốt nắm nhang và chờ nhang tàn thì hạ xuống. Lúc mọi người ăn uống

thì y oang oang nói: “rõ ràng các vị có về hưởng, hãy xem này! thức ăn mất hết hương vị như lúc mới dâng lên!” thật mắc cười, rõ ràng tận trong thâm tâm y vẫn tin có hương hồn ông bà, cha mẹ, trời đất quỷ thần...mặc dù y tôn thờ chủ nghĩa vô thần, làm việc bá đạo! Mấy tay vô thần gộc hoặc đầu lãnh, khi về già thường viết sách chạy tội, lấp liếm chuyện ác đã làm, thanh minh thanh nga niềm tin xằng bậy. Có nhiều tay vô thần còn quy y, sám hối trước khi chết! chỉ tội bọn tép riu đi theo phí cả đời, suốt đời phò ác, hại người, hại vật, hại nước non, phỉ báng thánh thần.

Đêm phương ngoại nằm nghe dào rúng lộp độp trên mái nhà, lòng thấy xốn xang chi lạ. Cái xứ sở lạ lùng này. Thông thường người ta biết đây là xứ sở phồn vinh về kinh tế, hùng mạnh về quân sự, thanh minh về chính trị, tân tiến về khoa học kỹ thuật, nhân bản về giáo dục, khai phóng về văn hoá nghệ thuật...Nhưng người ta không ngờ rằng, cái xứ sở này còn là nơi mà nền nông nghiệp vô cùng trù phú và phát triển, sản vật phong nhiêu sung túc, hoa quả nhiều vô kể. Cái đất chi mà lạ, cấy cây gì xuống cũng sống, gieo hạt gì xuống cũng mọc lên. Lòng tự hỏi lòng, sao người ở đây nhiều phước báo thế? phải chăng quá khừ gieo trồng nhân lành nên nay hưởng quả? phải chăng những người cùng tâm lượng rộng, chí nguyện lớn nên cùng cộng sinh ở quốc độ này? hỏi tức là thừa rồi vậy. Tất cả mọi người, hàng ngày đang hưởng quả và cũng là đang tạo nghiệp. Mỗi năm xứ Cờ Hoa viện trợ cho thế giới đến ba

trăm tỷ mỹ kim (gồm cả tiền của chính phủ, tư nhân, các tổ chức từ thiện...), cứu mang hàng triệu nạn nhân khắp thế gian này. Không ở đâu mà chính phủ và người dân có lòng bao dung, cởi mở để chấp nhận hàng triệu, triệu người di dân như thế! Không ở đâu trên thế gian này mà người ta có thể tự do truyền đạo, hành đạo như ở đây. Ai cũng dễ dàng và tự do theo đuổi đức tin của mình, việc xây cất nhà thờ, thánh đường, chùa chiền... rất dễ dàng, chỉ cần đủ những yếu tố cơ bản mà luật pháp đòi hỏi như: diện tích đất, chỗ đậu xe, sự an toàn cho tín đồ... Ở đây đủ các sắc dân trên thế giới và cũng từ đó đủ các sắc thái văn hoá, các tôn giáo mà người di dân mang theo. Tất nhiên không thể không nói đến mặt trái của nó, ở đây cũng có nhiều bất công, bất cập về địa vị, thu nhập, quyền lợi, màu da... Dân chúng tiêu thụ một cách hoang phí, hàng năm có cả trăm nghìn tấn thức ăn thừa đổ đi. Chính phủ can thiệp quân sự nhiều nơi trên thế giới, sản xuất mua bán vũ khí nhiều nhất thế giới, súng đạn trong dân chúng nhiều như kẹo... Nghiệp thiện và bất thiện cùng tồn tại, ngày ngày đang thọ hưởng quả và tạo nghiệp không ngừng.

Mùa xuân hoa đào nở, mùa hạ trái đào rơi, hoa quả của mùa màng dễ dàng nhận thấy và nắm bắt. Quả của quy luật nhân quả, luật tự nhiên thì đâu dễ gì thấy và biết được, đôi khi nó như sương khói mờ hồ, khó hiểu khó tin. Quả có thể trở liền tức thì như “hậu quả nhân tiền” nhưng phần nhiều thì quả trở đời sau, gọi là hậu thế báo, lai thế báo, thậm chí quả

có thể không trở, vì nó còn bị chi phối bởi cái duyên, không đơn giản cứ hễ có nhân là có quả. Cái duyên quan trọng lắm, có thể làm tăng trưởng thúc đẩy cái quả sớm xảy ra hay chậm lại hoặc thui chột đi, ví như gieo hạt lúa trên ruộng nước, có phân bón, chăm sóc, thời tiết thuận lợi... thì sẽ có mùa màng bội thu; còn như gieo hạt lúa trên cát sa mạc, không nước, phân, chăm sóc... thì chắc chắn không có gì để gặt! Bởi thế trong nhà Phật không chấp nhận chuyện số mệnh, tương lai nằm trong tay của mình, những nghiệp cũ có thể sửa đổi chuyển hoá. Kệ có bài viết rằng:

Dục tri tiên thế nhân

Kim sanh thọ giả thị

Dục tri lai thế quả

Kim sanh tác giả thị

Ở đời gặp thầy lành, bạn tốt không phải dễ, gặp duyên lành cũng không phải dễ. Phần nhiều gặp duyên không tốt vì cái tâm, cái tôi, cái ngã nó thích hưởng thụ, ngại khó... từ đó nó hướng ta về những cái: tài – sắc – danh-thực - thụý. Nó ràng buộc ta vào: Sắc – thanh – hương – vị – xúc - pháp, để rồi tháng năm qua đi, đời nối tiếp đời cứ như trái đào rụng trong sự uổng phí vô tình.

Đêm nằm nghe đào rụng lộp độp trên mái nhà, nhớ về tiếng mạn rụng ngày thơ ấu xa xưa. Lại nghĩ đến trái táo rụng xuống đầu nhà bác học Newton. Đã từng vô số lần rụng, vô số trái táo rụng nhưng chỉ có mỗi trái táo rụng trên đầu ấy mà nhà bác học đã khám phá ra định luật sức hút của trái đất. Rõ ràng

trong tạng thức nó chưa vô số chủng tử, khi có một cơ duyên đặc biệt nào đó tác động thì nó lập tức khởi tác dụng vậy! cũng vì thế mà có nhiều người chột ngộ rất tình cờ. Ví như ngài A Nan, vì chưa chứng quả Arahanta nên không được dự kết tập kinh điển. Ngài buồn lòng suy nghĩ nhiều, rồi trong lúc vừa toan đặt lưng nằm nghỉ thì bất chợt ngộ mà chứng quả. Hoặc giả như Lục Tổ Huệ Năng trong lúc gánh củi đi bán, nghe người tụng kinh mà ngộ ra...

Trái đào rụng, chín bầy nát bét ra, những tưởng thế là xong. Nào ngờ hạt vùi trong đất, năm sau lại mọc cây đào mới. Mùa thu lá đào vàng, mùa đông trơ trụi cả cành nhưng nhựa sống vẫn âm thầm nuôi những nụ, mùa xuân nở ra rục rở đất trời, mùa hạ thì trái đào chín rụng rơi. Sinh – già – bệnh - chết cái vòng quay bất tận, sinh – trụ – dị - diệt vẫn tiếp diễn không ngừng, tử - sanh vẫn hiện diện trong từng tế bào và trong mỗi sát- na này!

ĐẾN ĐI NHỮNG MÙA XUÂN

Năm ấy, sau khi pháo giao thừa tắt lịm, không gian trở lại tịch mịch vô cùng, lúc ấy trong nhà bảo sanh có một người mẹ đau bụng chuyển dạ. Lát sau gã oe oe cất tiếng khóc chào đời, thế là gã đến thế giới này! mở đầu cho những cuộc đến đi của đời mình, mà cũng là tiếp nối những cuộc đến đi bất tận của dòng sanh - tử.

Ngày chào đời, ngày đầu năm mới của đất trời, bảo rằng đầu thì hay là đầu nhưng đầu cũng có thể là cuối. Cái vòng quay miên viễn bất tận ấy làm sao biết điểm nào điểm đầu, điểm nào là điểm cuối? Năm ấy quốc gia chìm trong khói lửa chiến tranh, cuộc chiến tàn khốc nó huỷ hoại cả một quốc gia: nhà cháy, người chết, ruộng đồng hoang hoá, núi rừng loang lổ... bom đạn khói lửa ngập trời. Cuộc chiến rồi cũng qua đi nhưng cuộc chiến trong lòng người thì vẫn tiếp diễn: sự chia cắt, hận thù, ân oán... Cuộc chiến qua đi nhưng niềm tin đã mất, tình thương không còn, lòng nhân cũng cạn. Ý thức hệ tàn phá tất cả những giá trị nhân bản nhất, tàn phá lương tri của cả một dân tộc!

Cuộc chiến qua đi nhưng ai dám bảo rằng tương lai sẽ không có cuộc chiến khác đến? lẽ vô thường, lý sinh – trụ – di - diệt mà! Đâu dính mắc đến ý muốn chủ quan của con người. Thói thường người ta hay né tránh, kiêng kỵ nói đến bệnh tật, máu lửa, chết chóc... nhất là những ngày tết, ngày xuân thì càng khát khe kiêng kỵ! Dù ta có nói đến hay không nói thì sự vận hành của qui luật tự nhiên nó vẫn đến- đi không ngăn ngại gì! cuộc chiến qua đi, liệu con người ta có học hỏi được gì để tránh hay chí ít giảm bớt những cái hại cho tương lai?

Ngày gã đến thế gian này cũng là lúc cuộc chiến đã gần đến hồi chung cuộc cho nên những mắt mắt đau thương, những cảnh địa ngục trần gian... chẳng qua là những cái biết có được qua sách vở, qua trang sử... Tuy nhiên gã có cái rung cảm nhạy bén, cho nên dù không có kinh qua chiến tranh nhưng gã cảm nhận hết sức rõ ràng và sâu sắc những đón đau như người trong cuộc vậy!

Ngày tháng tiếp theo tuy gọi là hoà bình nhưng thật ra chẳng hoà mà lại rất bất bình. Đời sống ngột ngạt và hết sức bất an, thế là những cuộc ra đi mới lại bắt đầu. Hàng vạn người ra đi, lao vào cái chết để tìm sự sống. Những con tàu mong manh như lá tre, lá trúc lèn chặt những con người khốn khổ... Bão bùng, giông tố, đói khát, hải tặc... Một nổi hãi hùng đến cực độ! Không biết bao nhiêu người đã vĩnh viễn nằm lại dưới lòng biển sâu, trong bụng cá, trên hoang đảo, máu và nước mắt mặn cả đại dương! Không bút mực nào diễn tả nổi nổi kinh hoàng khổ

đau này! chết vẫn chết nhưng người ra đi vẫn cứ đi, bởi vì đâu nên nỗi này?

Người ta vẫn thường bảo: “trong phúc có họa, trong họa có phúc”. Những cuộc ra đi đầy huyết lệ năm nào giờ đã trở quả lành. Cuộc sống ở miền đất mới thật tự do, bình an, trù phú, ấm no... Có không ít người thành công vượt bậc. Thế hệ con em sinh ra và lớn lên hưởng bao nhiêu phước lành. Cái xứ sở giàu có, hào phóng, bao dung, nhân bản và khai phóng... tiếp nhận những con người bị ruồng bỏ bởi chính quê hương xứ sở của họ! bất hạnh qua đi, máu lệ người đi trước đã tưới tẩm hạt giống lành nảy nở hoa quả ngọt. Xứ sở này chưa phải là thiên đường. Nó cũng không tự xưng thiên đường như “Những thiên đường mù” (Chữ của nhà văn Dương Thu Hương) vẫn hay vênh váo! Cái xứ sở này tuy chưa hoàn hảo nhưng nó có thể là một trong những nơi đáng sống của thế gian này, bằng chứng là hàng triệu triệu người trên khắp thế gian vẫn ngày đêm tìm trăm phương ngàn cách để được đến sống ở cái xứ này. Kể cả những kẻ luôn mồm chửi bới, miệt thị, kích động thù hận... cũng tìm cách cho vợ con, quyến thuộc đến đây để sinh sống! Sau mấy mươi năm phá hủy một thiên đường (dẫu chưa hoàn hảo) để xây dựng một thiên đường hoang tưởng, rồi cuộc lại tìm đường đến một xứ sở có nhiều yếu tố của một thiên đường để sinh sống! Quả thật là một vở bi hài kịch của dân ta và của chính bản thân họ (có thể họ hoàn toàn vô minh không ý thức được, hoặc cũng có thể biết nhưng cố tình từ chối không dám thừa nhận)

Mùa xuân đang về với cố quận. Mình gọi xuân dân tộc, người nhà Phật gọi xuân Di Lạc, dù tên nào đi nữa cũng đều in sâu trong tâm thức của người Việt! Mời thể kỷ trước Mãn Giác thiền sư bảo:

“Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai”

Cái hay, cái đẹp, cái nghĩa lý... đã được ngợi ca, xưng tán nhiều rồi; đôi khi nhắc lại thêm thừa hay sáo rỗng nhưng bài thơ -kệ này hay quá, không thể không nhắc! Ví như con người ta cũng vậy, ngày nào cũng ăn ba bữa, tắm gội, mặc áo quần... nó nhàm thế, nhưng không thể không ăn, không thể không tắm gội hay thay áo quần!

Mùa xuân đến, mùa xuân đi của thiền sư là như thế! Thế còn xuân của những gã du tử thì thế nào? những gã du tử lãng đãng, mang mang đến đi trên con đường tình, ngơ ngẩn trên con đường đời, tấp tễnh con đường đạo... chẳng có gì và cũng chẳng quan tâm gì đến đường công danh, lận đận đường mưu sinh, và còn bất tận trên con đường sanh - tử!

“Xuân đất trời bây giờ mới đến

Trong lòng tôi xuân đến đã lâu rồi”

(thơ TLTP)

Thế đấy! mùa đến mùa đi, cảnh xuân, tình xuân... chỉ là cái có, cái ngoại cảnh bên ngoài. Mùa xuân Yên Tử, bảy trăm năm rồi mà vẫn lung linh, vẫn thong dong giữa đất trời. Sông cạn núi mòn, chùa đổ, bia vỡ... nhưng hình bóng Yên Tử vẫn mãi mãi trong tâm hồn dân Việt. Cái không khí âm hưởng của Yên Tử vẫn phảng phất xuân và sống lại mỗi

mùa xuân. Nhắc đến xuân thì không thể không nói đến mừng năm. Lịch sử dân tộc mấy ngàn năm chưa bao giờ hoan hỷ và tự hào như thế! chưa bao giờ Phương Bắc nể sợ ta đến vậy! Xuân Kỷ Dậu, người anh hùng áo vải cờ đào đã đánh bất ngờ, đánh thần tốc, đánh vi diệu làm cho giặc chạy trôi chết, mở ra một thời kỳ độc lập dài lâu! Mùa xuân lịch sử, mùa xuân của áo vải cờ đào

“Mà may áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình”

(Ai Tư Văn- Lê Ngọc Hân)

Mùa xuân đến rồi đi, sự việc cũng đến rồi đi và ta đã đến rồi cũng sẽ đi, đi mau thôi! Đi bất chợt không ai ngờ. Trên đời này không có gì chắc chắn cả, chỉ có cái chết là chắc chắn nhất! có thể trăm năm, bảy mươi năm, có thể hôm nay, ngày mai... rất vô thường, đã từng đi, đã từng đến, đến đi vô số lần rồi và sẽ còn vô số lần nữa! Mùa xuân gắn liền với việc lên chùa lễ phật, cầu quốc thái dân an, phong điều vũ thuận, cầu gia đạo bình an, cầu tài, cầu lợi... Cầu gì thì cầu, phải thực hành thì mới được, cầu sông thì không hiệu quả! Chẳng có Phật - Bồ Tát hay thánh thần nào có thể làm cho ta an, nước ta an, gia đình ta thịnh vượng. Phải tự thân hành, phải dần thân làm thì mới được!

Mùa xuân đến rồi đi, mùa xuân lại về, lại một mùa xuân nữa về rồi đó bạn thân ơi!

ĐÌNH ÔNG ĐÔ

Chợ Cây Da sáng hôm ấy xôn xao hẳn lên, người ta xì xầm bàn tán: “Đêm qua Ông về”, nhiều người có vẻ hả dạ: “Bọn gian thương xảo trá liệu hồn, Ông linh hiển lắm!”. Bà Ba Mập oang oang:

- Ông Tám Nề uống rượu ăn thịt chó, nửa đêm nằm võng bị Ông đập cho mấy gậy té lăn xuống đất, giờ còn sáng thân, sốt hâm hấp kìa. Vợ con ra đình cúng tạ cầu xin.

Đêm qua trăng sáng lắm, sáng đến nỗi tỏ cả đường chỉ tay, không gian im ắng lạ thường, tiếng côn trùng vốn nỉ non hàng đêm ấy vậy mà cũng im bật, sự im lặng đến nghe rõ cả nhịp tim thì thụp. Chừng nửa canh giờ quá khuya thì gió bắt đầu nổi lên ào ào, dân quanh đình nhiều người nghe rõ mồm một tiếng ngựa hí, tiếng quân reo, sau đó thì tất cả bất chợt im bật, chỉ còn tiếng vó độc mã gõ lộp cộp ở sân đình. Cả làng biết Ông về, không ai dám lộ mặt ra khỏi cửa, ấy vậy lão Cường bạo gan dám hé cửa nhìn ra sân đình. Lão thấy bóng một người vận

nhưng phục như võ tướng trong tuồng hát, cỡi ngựa bạch, tay cầm côn dài hai thước. Bất chợt con ngựa linh cảm có người nhìn lén, nó khụy hai chân sau xuống, tung hai chân trước lên và hí vang, sau đó thì cả người và ngựa biến mất như một tia sáng xanh lè vụt qua dưới ánh trăng

Dân làng Hội Long xưa nay rất sùng bái ngôi đình này, chẳng biết đình dựng tự bao giờ, tên chữ là đình Vân Long nhưng dân làng vẫn quen gọi là đình Ông Đô. Tiếng là thờ thành hoàng bốn cảnh nhưng thực ra thờ đô đốc Long. Người làng cung kính kỵ húy, chỉ kêu là Ông Đô. Hàng năm xuân thu nhị kỳ cúng tế, các bô lão vẫn khấn thầm

Xuân thu nhị kỳ
 Chúng con kính lễ
 Cháu con hậu thế
 Ôn đức tổ tiên
 Tiên hiền liệt thống
 Đức ông hiển thánh
 Giết giặc trừ gian
 Bảo vệ giang san
 Hộ dân hộ quốc
 Sóng phò thánh tổ
 Đức độ cao danh
 Thác lưu sử xanh
 Đòi đòi cúng tế

Thời thế thay đổi, lệnh trên bảo bài trừ mê tín dị đoan, buộc mọi người phải đập phá chùa chiền, miếu mạo, đình, dinh... làng chẳng ai dám làm, chỉ có mỗi ông Tám Nề vốn là tay thô tháo xu thời làm

mà thôi. Y cùng bọn vô lại trên quận xuống đập phá toang hoang các phù điêu, trụ biểu, tượng, đồ tế khí... Thế rồi y té vống, bệnh sáng thần, nói năng lảm nhảm. Vợ con phải chạy chữa, cúng vái khắp nơi. Làng lại có một người trông nho nhã lắm, ông ta là một sự đối nghịch với hình ảnh lão Tám Nề. Người thanh lịch, học rộng biết nhiều, bởi thế người làng gọi là Hai Lịch. Hai Lịch tìm tòi trong sách vở, tra điển cố mới biết được lai lịch đức ông. Năm ấy người làng vẫn âm thầm cúng đình, bọn chức dịch cũng biết nhưng làm lơ. Bọn chúng thấy cái gương của ông Tám Nề nên cũng sợ, có kẻ trong bọn ấy nói bâng quơ: “Cúng gì thì cúng, làm cho khéo, kéo trên quận quở”. Sau buổi cúng đình, người làng quây quần ăn bánh hỏi cháo lòng và nghe Hai Lịch kể tích đức ông.

Đức ông người họ Đặng tên Long, vốn là người Bắc Hà di cư vào vùng này lập nghiệp. Nhà họ Đặng vốn có nghề rèn nhưng ông rất khảng khái và khí tiết cao ngất, tánh tình phóng khoáng, thích ngao du sơn thủy hơn là lập nghiệp lập danh. Sau một thời gian ổn định cuộc sống, ông lại quay về phương Bắc, dẫu chân ông in khắp mọi vùng, ông thăm thú di tích cổ xưa, leo lên đỉnh Yên Tử, vào chốn thị tứ... không đâu là không đến, có khi lên tận Bắc Hà, Cao Bằng. Một lần về trấn Bắc Qua, ông ngồi uống rượu ở quán lạ trong trấn, chợt một bọn côn đồ hung hãn tràn tới, chúng cướp giật đồ đạc những người đang bán mua ở đấy, chúng giở trò sàm sỡ đàn bà con gái giữa thiên thanh bạch nhật. Bọn lính lệ ngồi ăn uống

trong quán vẫn điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Dân chúng bất bình nhưng không dám làm gì. Ông lẳng lẳng huơ côn đánh giạt cả bọn côn đồ. Chúng ỷ đông hè nhau vây ông, tiếc thay chúng gặp phải cao thủ trong nghề, chẳng mấy chốc bọn chúng bu đầu sứt trán cả, liệu thể không xong bèn bỏ chạy. Tên đầu đảng còn quay lại đe nẹt:

- Liệu hồn mày, chúng ông sẽ quay lại xẻ thịt lột da mày!

Dân kẻ chợ hoan hô vang dội, cảm ơn ông rồi rít. Bọn lính lệ nãy giờ ngồi im, một tên trong bọn có lẽ là đội trưởng, y đứng dậy chia giáo vào mặt ông:

- Mày là thằng nào? Dám đến đây làm loạn à?

Ông khễ gạt ngọn giáo, nhìn thẳng mắt y, giọng đánh lại, rành rọt từng tiếng:

- Ôn vua, lộc nước, thuê dân ăn đủ, có sao giặc cướp lộng hành lại làm ngơ? chấp pháp mà dung chứa trộm cướp thì tội gì?

Hắn ta tái mặt, biết là gặp phải tay cứng cựa bèn hậm hực phẩy tay gọi bọn lính lệ bỏ đi. Trước khi ra khỏi quán, chúng còn vót vát:

- Lần này ông bỏ qua, lần sau gặp lại đừng trách ông nhé!

Sau khi bọn lính lệ bỏ đi, có một người trông rất tráng kiện và oai phong bước đến bàn ông:

- Xin được mời tráng sĩ bát rượu này!

Ông nhìn người kia giây lát rồi bung lấy uống cạn, người kia lại hỏi:

- Dám hỏi tráng sĩ danh tánh là chi?

Ông tự rót một bát nữa, uống cạn rồi thủng thẳng:

- Thưa huynh, tôi vốn người Bắc Hà nhưng vì ngao ngán triều chính bết bát, quan lại những lạm hà hiếp dân...Tôi đã đưa cả gia đình vào xứ Đàng Trong sinh sống. Chuyện này tôi về đây là thăm thú non sông, chuyện gặp phải cơn đò mà bất bình ra tay cũng là bất đắc dĩ. Thế còn huynh thì sao?

Vị tráng sĩ kia cũng từ tốn thưa:

- Thưa huynh, tôi vốn người Sơn Hạ, đậu tào sĩ năm dần, đời Cảnh Hưng mười ba, làm quan được tám tháng thì bỏ. Tôi chịu không nổi cảnh chúa Trịnh lộng quyền, vua Lê nhu nhược, triều đình hủ bại, quan lại toàn một lũ sâu dân một nước. Ở ngôi cao, lộc trọng lẽ ra phải hộ dân hộ quốc, đằng này chúng xử dụng tôi và quân binh như một loại kiêu binh chỉ để phục vụ riêng cho chúng mà thôi. Vì vậy tôi cởi nhung phục trả triều đình, tháng ngày rong ruổi khắp sơn hà

Vị tráng sĩ dừng lời, ông rót bát rượu đầy uống cạn rồi tiếp:

- Cả nhà tôi vào đất mới dung thân, Đàng Trong đất rộng người thưa, sản vật phong nhiêu, đất đai trù phú... rất dễ sống, tiếc là mấy năm nay bị nạn quyền thần Phúc Loan. Đất Tây Sơn có người hào kiệt đã dựng cờ khởi nghĩa. Tôi với y thờ chung sự phụ, y là tay anh hùng, nhìn xa trông rộng, tánh tình hào sảng, văn võ đều hơn tôi rất nhiều, tài thao lược của y thiên hạ này không có người thứ hai. Y và hai người anh em lập căn cứ trên thượng đạo, hào kiệt tụ về nhiều lắm. Tôi thuận lời mời của y, giúp rèn binh khí cho nghĩa quân. Y cầm quân đánh đâu thắng đó,

chặn quân Trịnh từ Bắc Hà vào, đuổi quân Nguyễn ra tận bể Xiêm La. Lần đầu y đem quân ra Bắc Hà, dẹp yên cả Trịnh, Lê và bao nhiêu dư đảng khác để như thò tay vào túi lấy kẹo. Cái đám kiêu binh loạn tướng, hủ bại ấy đâu phải là đối thủ của con mãnh sư! Lòng tôi còn tưởng nhớ Bắc Hà nên không tham gia với y, ngoài việc giúp rèn binh khí thôi! Tôi e một ngày kia y kéo quân ra Bắc Hà lần nữa thì mất cả non sông, bởi vậy tôi từ tạ ra đi. Bắc Hà lừng lẫy lắm, nhưng hơn hai trăm năm bại hoại bởi vua chúa, giờ như con bệnh dở sống dở chết, nho sĩ hủ lậu, hào kiệt không còn, bọn giá áo túi cơm nhan nhản trong triều ngoài nội, bọn quan lại kết cấu côn đồ rông rỡ, nông cuồng. Bắc Hà như mảnh đất vô thiên vô pháp.

Nói đến đây ông ngồi trầm ngâm, hai tay bưng bát rượu không xoay xoay. Người kia lại hỏi:

- Thế những ngày sắp tới huynh tính sao?

Ông thật thà:

- Ta cũng chưa biết ra sao, thời thế này thì tính được gì, như nùi canh hẹ!

Tháng chạp, Thăng Long còn lạnh lắm nhưng không khí xuân đã bắt đầu rộn ràng, các phường thủ công làm đồ tết cả ngày đêm, người kẻ chợ lo mua sắm tấp nập. Chợ một sáng có tin dữ từ Lạng Sơn cấp báo về: “Giặc Mãn Thanh đã tràn qua biên giới, nội trong vài ngày chúng sẽ kéo vào Thăng Long”. Dân chúng kinh hoàng, mọi người nháo nhác như ong vỡ tổ. Riêng bọn quan lại theo phò Duy Kỳ thì hí hửng ra mặt, chúng lập tức trả thù những người

trước kia theo Tây Sơn, cướp bóc, hãm hiếp loạn cả kinh kỳ. Ông thấy nguy cấp bèn rủ cả người bạn mới về Nam. Đến Tam Điệp thì đúng lúc Quang Trung hội quân ở đây, nghe tin ông đến. Chúa công bèn cho người mời:

- Ông biết tin gì rồi chứ? lúc trước ông bỏ đi vì sợ tôi cướp thiên hạ của vua Lê. thật tình tôi ra Bắc Hà dẹp loạn, định yên thiên hạ, lập Duy Kỳ làm vua, trả Bắc Hà cho y... tiếc rằng y quá nhu nhược bất tài, lại đón hèn để loạn tướng phá nát triều chính và giang sơn, sau đó rước giặc Tàu về giày má tổ. Nay Mãn Thanh đã tràn sang, ông tính sao? kẻ hào kiệt nữ ngồi nhìn quốc diệt dân vong?

Ông quỳ tâu:

- Bẩm chúa công, ngài đã thấu tận tâm can của tôi, tôi xin tạ tội và quyết theo ngài đi dẹp giặc! Bắc Hà hai trăm năm nay vô thiên vô pháp. Bắc triều muôn đời nay muốn cướp mảnh đất Đại Việt này, đã bao lần kéo quân sang nhưng trước sau cũng đại bại. Nay mượn có tràn sang, thế nào cũng theo vết xe đổ mà thôi! Chúa công là người xuất chúng trong thiên hạ, điều binh khiển tướng như thần, dưới trướng toàn những tay anh hùng hào kiệt, quân binh khí thế ngất trời, chính nghĩa quang minh như thế này thì giặc Bắc phương ắt sẽ sớm bại vong!

Quang Trung nói:

- Ngay từ lúc còn học chung với giáo Hiến, ông đã tỏ rõ là tay xuất sắc hơn người, chí khí cao, tánh tình khảng khái. Nay ông chịu giúp nước ấy là phúc cho dân!

Nói xong cho người mang một bộ nhung phục, một thanh kiếm và cờ tiết ra. Đích thân Quang Trung trao tận tay ông:

- Tôi thân chinh chỉ huy trung quân, giao cho ông thống lĩnh hữu quân. Các cánh quân kia do các đô đốc Lộc, Tuyết, Diệu, Xuân, Dũng... chỉ huy. Chuyến này sẽ dẹp giặc nhanh thôi. Bọn chúng kiêu căng ngạo mạn vì vào Thăng Long dễ dàng như vậy. Chúng chỉ lo vợ vét, ăn chơi và hưởng thụ, quân lệnh trở nãi. Tôi thề với các ông, quân ta sẽ vào Thăng Long ngày mừng bẩy tết.

Thế rồi mới mừng năm Quang Trung đã dẫn đại quân vào Thăng Long. Trăm họ vui mừng hết cỡ, bày hương án tế sống Quang Trung, đem hết lương thực ra khao quân. Thăng Long ngàn năm chưa bao giờ hào hùng và rạng rỡ như thế cả. Quang Trung liền phong thưởng cho các tướng và những người có công. Ông được gia phong làm đại đô đốc, chẳng bao lâu thì ông dâng sớ xin về quê. Quang Trung triệu ông đến:

- Tôi biết ông là người cao nhã, tánh tình phóng khoáng, áo xiêm ràng buộc không phải là ông, quan trường lại càng không phải là chí ông. Quốc gia tạm yên, thiên hạ đã định nhưng ngặt còn dư đảng hậu Lê đang âm mưu quấy phá, cát cứ. Tôi mong ông nán lại một thời gian, ra tay lần nữa dẹp loạn. Sở dĩ tôi tin cậy ở ông vì ông vốn là người Bắc Hà, rành địa chí, biết phong tục, rõ lòng người. Nay lần nữa nhờ ông!

Thế là ông lại ngược lên Đà Giang, Lạng Sơn, chẳng mấy chốc dẹp tan dư đảng của Duy Kỳ. Ông chưa kịp về Nam thì nghe hung tin Quang Trung băng hà. Ông khóc ba ngày đêm, sau đó lên chùa lập đàn cầu nguyện cho chúa công. Đàn hoàn mãn thì ông cũng biệt tích luôn, kể từ đó không ai biết ông đi về đâu nữa cả!

Gia Long năm thứ nhất, y làm lễ hiến phù, tận pháp trả thù những người liên can với nhà Tây Sơn. Quan chấp pháp đọc tên ông, xử khiếm diện, chờ khi bắt được sẽ gia hình. Gia Long tung tay chân bộ hạ ráo riết truy tìm ông nhưng vẫn bật âm vô tín. Triều đình treo cao giải thưởng cho ai bắt hay giết được ông nhưng cũng chẳng có ai làm được. Giang hồ hành hiệp thì vẫn đồn đại khi thì thấy ông ở mạn Đà Giang, kể thì bảo sang Bồn Man, thậm chí có người còn cả quyết ông đã sang Xiêm. Có lần có một người lạ mặt nói bâng quơ: “Nơi nguy hiểm nhất lại là nơi an toàn, ông đang ẩn danh sống trên đất chúa công khởi nghiệp” dù bao lời đồn đại nhưng tuyệt nhiên chẳng ai nói với tai mắt của triều đình cả.

Mùa xuân năm Tý, lão võ sư làng Long Vân qua đời, khi khâm liệm người làng phát giác một thẻ kim bài có khắc hàng chữ: Đại đô đốc Đặng Văn Long và dấu ấn chìm Quang Trung đệ nhất niên. Người làng lập tức bỏ vào áo quan và đóng nắp luôn, sau bảy tuần thất, các bộ lão trong làng làm sớ xin lập đình để thờ tiền hiền nhưng hàng năm vẫn đọc văn tế xong thì thảm khản vía Ông.

ĐỒNG HƯƠNG

Bốn giờ sáng trời còn tối đen, ra đề máy xe mà lạnh thấu xương, mặt kiếng đóng một lớp băng mờ, không thấy đường dành chờ mười phút cho tan vậy. Vừa lái Tim vừa gặm lát bánh mì vuông khô khốc, trông chừng như gặm rơm, duy có ly cà phê hòa tan còn ấm bốc hơi tỏa mùi thơm phức, tuy là mùi hoá chất nhưng cũng tạm thích vậy!

Tim liếc nhìn qua kiếng chiếu hậu, xa lộ phía sau dài hun hút không thấy điểm đầu, nhìn phía trước thì mút chỉ cà tha không thấy điểm cuối, nhiều lúc cứ tưởng kéo đến vô cùng tận. Tỉnh thoảng một vài chiếc xe hàng hạng nặng chạy xuyên bang lao qua ầm ầm, một vài chiếc xe nhỏ chạy loang loáng, có lẽ cũng là những người đi làm sớm như Tim. Ngày nào cũng thế, sáng sớm vào hăng, chào nhau, bắt tay, cụng ngực xong là lao vào việc. Mọi người như lũ người máy, quân quật suốt ngày để cuối tuần nhận cái ngân phiếu với đồng lương tối thiểu.

Hăng của Tim có lẽ là hình ảnh tiêu biểu cho cái xứ sở này. Nó là một cái lẩu thập cẩm, đủ các sắc tộc và màu da: Trắng, đen, vàng, xì...Người ta bảo bình đẳng, cầm kỳ thi! nói vậy chứ không phải vậy, da

trắng vẫn nắm toàn bộ quyền lực và quyền lợi. Người ta cũng bảo, xứ này làm việc rất hiệu quả, không có khiếu: “sáng vác ô đi tối vác về”, thực tế thì cũng gằn gằn vậy chứ chưa hoàn toàn đúng. Hăng Tim có những công việc và vị trí rất vô dụng, làm chơi mà ăn thật. Những vị trí và chức vụ này có hay không có cũng chẳng ảnh hưởng gì đến năng suất hay hiệu quả của việc sản xuất cả, đã thế những vị trí ấy lại lương cao mới chết chứ! Còn những người đồng hương của Tim nữa, cũng hết sức kỳ quặc. Người ta ví họ như những con cua trong một cái thau, những cái que của chúng móc vào nhau, con nào muốn leo lên, vượt qua thì những cái que ấy sẽ kéo xuống.

Bà Tám được cử làm tổ trưởng, mới có nhiều đó mà hách xì vàng, nịnh trên nạt dưới, ép công nhân làm những việc quá qui định để lấy điểm với đốc công. Một hôm bà Tám kêu:

- Tim, làm việc này cho tôi!

Tim bảo:

- Việc này đâu phải việc của em, vả lại cũng sắp hết giờ rồi!

Bà Tám lập tức sùng sộ:

- Đồ lười biếng!

Tim cãi:

- Em không lười nhưng rõ ràng việc này không phải việc của em!

Bà Tám không thấy mình sai mà còn đổ vấy:

- Làm việc chung với đồng hương mệt quá! Thà làm với người khác chùng tộc!

Đúng là mệt thật! mệt vì đồng hương, hình như ai cũng nói câu này, ai cũng né đồng hương mà không thấy bản thân mình chính là một người đồng hương khó ưa, xấu tính! Bà Tám vẫn thường mang chảo giò, phở... vào hăng đãi thẳng đốc công với dụng ý gây tình cảm để nó chiếu cố. Thằng John ăn hết ráo, món gì cũng xơi được cả! nó cảm ơn rối rít. Tuần rồi, bà Tám đọc nhầm cái đơn hàng, làm sai một loạt. Thằng John kêu bà Tám lên văn phòng cảnh cáo và thay người khác làm tổ trưởng. Giờ ăn trưa, bà Tám hăm hăm:

- Con bà nó, ăn xong quệt mỡ như gà!

Những người đồng hương cười tủm tỉm, bà Ba ngồi bàn kế bên nói:

- Người Mỹ họ rạch ròi lắm, không có nhập nhằng việc công với tình cảm cá nhân như người mình. Chị cho nó ăn thì nó cảm ơn, còn việc của hăng thì nó cứ theo qui định mà làm.

Bà Tám liếc xéo bèn như dao lam rồi hứ cái cóc:

- Vô duyên, rảnh quá hén, dạy đời người khác! Đồng hương gì mà thấy người ta hơn thì ganh, thấy người ta thua thì lên mặt!

Cả bàn ăn im bật nhìn nhau, anh Tư nói nhỏ:

- Có phải bà ta đang tự nói bản thân bà phải không?

Thế rồi một ngày kia hăng cử Tim làm tổ trưởng. Bà Tám lập tức mĩa mai:

- Tim nay là cánh tay phải đắc lực của quản đốc rồi hén!

Cách mấy hôm sau quản đốc cho gọi Tim lên văn phòng

- Người ta báo cho tao biết, mày nói với mọi người là tao kỳ thị, hách dịch, khó chịu có phải không?

Tim đờ người ra, đặng cả họng thật không biết nói làm sao. Tim thừa biết là ai đã đâm sau lưng mình như thế. Tim giơ bàn tay phải lên nói:

- Tôi nghiêm túc nói rằng: Tôi không hề nói những lời này, trời đất chứng giám!

Thằng quản đốc ôn tồn:

- Mày nói thế thì tao tin, tao quan sát thấy mày rất tốt, thôi mày xuống hãng làm việc đi!

Tim ngao ngán quá, thấy đồng hương như thấy chề đậu, người nào cũng ôm cái bản ngã to như núi, dù sống ở xứ sở văn minh nhưng vẫn hành xử như chốn đồng quê sau lũy tre làng. Làm trong hãng còn đỡ, nếu làm ở các tiệm Nails thì còn kinh khủng hơn: tranh giành, hơn thua, tị hiềm, xúc xiêm, chơi xấu... không thứ gì không có. Ai cũng chung diện đồ hiệu, bóp xịn, xe sang mà trong lòng thì chẳng xịn, chẳng sang tí nào! Ngày cuối tuần Tim theo bạn đến chùa, phục vụ sắp xếp xe. Mặc cho Tim hướng dẫn, nhiều người vẫn lái ào ào vào và tìm chỗ đậu sao cho tiện mình nhất, mặc cho chỗ đó cản trở ra vào hay việc an toàn của mọi người. Có người còn la Tim:

- Tui là Phật tử ruột của chùa, cúng chùa, làm công quả ở đây lâu năm... Tui phải đậu xe chỗ này!

Tim nhỏ nhẹ giải thích:

- Dạ, chỗ này cản trở giao thông, vả lại lát nữa mấy thầy sẽ đi qua lối này.

Người ấy vẫn quây quạu:

- Cậu là ai mà cản tui? Xí, bày đặt!

Tim giờ hai tay lên trời, nói với bạn:

- Đến chùa mà còn hăng cỡ này, đi chợ thì chắc phải biết!

Bạn gái Tim có đạo, tuần nào không đi chùa thì Tim theo bạn gái đi nhà thờ. Tim ngạc nhiên, lẩm bẩm: “Ở đây toàn người giàu sang”. Ai ai cũng đồ hiệu, đàn bà nhẫn xoàn, đàn ông đồng hồ mắc tiền, nước hoa thơm phức... trước giờ lễ, tiếng trò chuyện râm ran, sau lưng có người xúc xiêm:

- Con nhỏ đó mới làm nail mà bày đặt mang bóp LV, nhẫn xoàn năm ly, không chừng đồ giả!

Mấy bà kẻ cận hùa theo:

- Thằng cha đó chung diện như đĩ đực, làm hăng lương có nhiều đâu, tiền đánh đâu ra mà bày đặt chảnh!

Một bà ngồi hàng ghé trước Tim, quay xuống:

- Tôi mới mua cái nhẫn xoàn bảy ly nè, có chục xấp chứ nhiều đâu, có mấy cái rồi nhưng thấy rẻ thì mua chơi!

Tim thấy mình như ăn phải cơm nếp nhão nhưng ráng ngồi cho qua buổi lễ. Trên đường lái xe về, Tim trêu cô bạn gái:

- Em cũng là đồng hương của anh?

Cô ta cười nắc nẻ:

- Em không là đồng hương mà là hương đồng đây!

ĐỒNG NỮ

Ông Hân giáng bạt tai vào mặt Hoa, gằn giọng:

- Đồ bất hiếu! mày phải lấy thằng Hưng con chú Ba, đây là lệnh, không lời thôi yêu đương gì cả!

Bà Hai đầu dụ:

- Chuyện đâu còn có đó, ông bớt giận đi có được không?

Bà Hai ngồi xuống ôm lấy Hoa vỗ về:

- Con nghe lời ba đi, thằng Hưng cũng đẹp trai phong độ. Gia đình mình với chú Ba là chỗ quen biết lâu nay, vả lại chú Ba là xếp của ba con. Ông ấy là người có thể lực trên sờ, cũng nhờ thế mà anh con xin được chân chuyên viên trên bộ, ba con và gia đình ta mới được như hôm nay!

Hoa vẫn thút thít, bà Hai tiếp tục:

- Nhà mình cũng có tiếng tăm ở quận này. Chuyện yêu đương của con không thể chấp nhận được, nó sẽ làm ô nhục danh giá gia đình ta. Người ta sẽ cười chê chúng ta!

Anh Hoà xen vào, đe dọa:

- Mà phải bỏ nó, bằng không tao sẽ cho đàn em và đám giang hồ xử nó!

Hoa thối khóc nhưng nước mắt vẫn chảy dài, sinh ra và lớn lên trong gia đình giàu và có tiếng tăm trong quận, cuộc sống vật chất đủ đầy, ai cũng cung nhưng từ khi chuyện tình của Hoa lộ ra thì mọi việc lại thay đổi hoàn toàn. Những lời miệt thị cay độc, những lần hăm dọa rất dữ tợn, thậm chí ba và anh Hòa còn không muốn nhìn mặt nữa. Má thì chì chiết và than thở không ngừng, không khí trong nhà ngột ngạt và nặng nề quá. Hoa vốn hiền lành và hơi yếu ớt ngày càng co rúm lại dưới sức ép của gia đình. Hoa đẹp lắm, thùy mị, nét na...bao anh chàng ngấp nghé làm quen, trong số ấy có Hưng con của chú Ba. Hưng con nhà thế lực, nên ba má Hoa ưng ý lắm! đã thế chú Ba lại là xếp của ba và cũng có ý tác thành con trai mình với Hoa. Khổ nỗi trái tim Hoa đã trao trọn cho Hương rồi! Hoa gặp Hương trong một lần đi chơi bar, đêm ấy Hoa và bạn bè đang tung tung nhảy ở cái bar quen thuộc, không khí rất sôi động, nhạc nhảy đậm dật, ánh đèn màu loang loáng quét, một không khí đầy ma mị nhưng hấp dẫn. Khói thuốc, rượu tràn ngập mặc dù Hoa chỉ nếm chút chút thôi. Bất chợt Hoa cảm thấy nhột nhột khi có người cứ nhìn chằm chằm mình, khi Hoa đi vào nhà vệ sinh thì người ấy cũng đi theo. Người ấy chủ động tự giới thiệu tên là Hương và xin số điện thoại. Phải công nhận là khi gặp mặt Hương, Hoa đã run lên. Đây là mẫu người mà Hoa ấp ủ trong tim bấy lâu, những

ngày còn đi học Hoa cũng thầm yêu người này người kia nhưng chưa bao giờ dám thổ lộ ra. Hoa sợ bạn bè châm chọc, sợ thầy cô trách phạt, sợ dư luận kỳ thị... bao nhiêu nỗi sợ nó làm cho Hoa phải giấu kín tâm sự của mình, lúc nào cũng phải cẩn trọng đề phòng mọi người, lúc nào cũng phải che giấu cảm xúc và hành động của mình. Hoa dần vật bản thân suốt bao năm trời. Hoa tự hỏi lòng tại sao mình không giống mọi người? tại sao mình lại yêu đàn bà mà không phải đàn ông? Tại sao số phận mình éo le như thế... Cả ngàn câu hỏi xoáy trong đầu mà không có lời giải và cũng chẳng biết tỏ cùng ai. Hoa cũng đã nghĩ đến cái chết để giải thoát nhưng không đủ can đảm tự kết liễu đời mình. Hoa sống trong bị kịch, âm thầm như cái bóng, nổi lòng chát chứa nặng nề nhưng vẫn phải cố làm tỉnh. Không biết bao nhiêu đêm Hoa đã khóc thầm, cuộn mình trong chăn, những khi sóng tình nổi lên Hoa tự ngắt véo thân thể, ôm cái gối ôm mà lăn lộn. Mãi cho đến những năm cuối của đại học Hoa mới dần cởi mở chút ít và dám sống cho bản thân mình! Nhớ lại kỷ niệm ba năm trước, khi quen Hương ở bar. Đêm ấy Hương mạnh dạn hôn lên má Hoa và nói:

- Rất vui khi được làm quen với em.

Hoa cũng hồi hộp đáp lại như vậy và từ đó hai đứa quen nhau. Hoa và Hương là cả hai mặt đối lập nhau, nếu Hoa thùy mị, nết na và hơi nhút nhát thì Hương lại mạnh bạo, cứng rắn và năng nổ biết bao. Lần đầu tiên đón nhận nụ hôn của Hương, Hoa tưởng chừng như mình tan chảy vào trong ấy. Hoa

mềm nhũn trong vòng tay Hương và Hương như con thú đói vồ mồi. Vì yêu, Hoa đã nói dối mẹ:

- Tối nay con ở nhà bạn, tụi con Hồng, con Huệ...nó tổ chức tiệc mừng con Hạnh sắp lấy chồng. Con và bạn bè muốn vui một đêm với nó!

Đêm ấy Hoa đã ngủ lại nhà Hương, lần đầu tiên trong đời người con gái, Hoa đã biết thế nào là sự sung sướng của xác thịt. Hương ngấu nghiêng như mèo vờn chuột, vẫn Hoa như một cái gối ôm...Những nụ hôn cháy bỏng ướt át khắp thân thể Hoa. Hương cuồn khoái cắn cổ Hoa, bàn tay mạnh và cứng như tay đàn ông, vò bóp cặp vú xuân thì và đôi hông mọng múp míp. Hương lật sấp, lật ngửa Hoa cong mình rên rỉ trong cơn thông khoái...

Tháng ngày qua mau, mới mà đã ba năm rồi kể từ ngày quen Hương, chuyện tình giấu kín nhưng cũng dần lộ ra. Bạn bè giỡn ra, nhiều đứa tránh né hẳn. Có kẻ chẳng cần bóng gió gì mà thẳng thừng dè bêu:

- Đồ les, đồ biến thái!

Có người thì trước mặt nói không sao, không vấn đề gì nhưng sau lưng thì kỳ thị:

- Em đẹp thế, tiếc thay lại là ô môi.

Một lần nọ hai đứa vào quán nước, bàn bên cạnh có người nói vu vơ:

- Hai đứa con gái làm tình với nhau thì làm bằng cách nào nhỉ? tụi nó không có cái đó thì làm sao sướng được?

Hương tỉnh bơ nhưng Hoa thấy xấu hổ và xót xa quá. Hương nắm bàn tay Hoa thật chặt và bóp mạnh, cái cảm giác bình tĩnh, trấn an của Hương đã giữ

Hoa lại, nếu không có cái nắm tay đó có lẽ Hoa đã bỏ chạy khỏi quán rồi.

Gia đình Hoa cũng nghe người ta xì xầm nên sanh nghi, nhân tiện chú Ba gợi ý tác hợp cho con trai nên ba má Hoa làm tới luôn. Hoa thương ba má nhiều lắm, có lúc Hoa nghĩ: “Thôi thì cứ ung đại đi, cứ sống giả như mọi người vậy” nhiều đêm Hoa suy nghĩ nát óc mà không tìm ra lối thoát. Hoa thổ lộ với Hương thì Hương bảo:

- Hai đưa mình bỏ trốn khỏi thành phố này!

Hoa dụi vào lòng Hương khóc:

- Trốn đâu bây giờ? Không chừng đàn em của ba và anh Hoà sẽ làm hại đến Hương! Em không thể làm thế được!

Hương mỉm cười:

- Nếu em lấy chồng thì Hương sẽ ở vậy suốt đời

Tan sở buổi chiều, ông Hân đi nhậu với chú Ba còn anh Hoà đi karaoke với đám bạn. Hoa ăn cơm với mẹ, bà Hai nhỏ nhẹ:

- Con cứ lấy thằng Hưng đi, mình sống như mọi người vẫn sống vậy! ai cũng phải lấy vợ lấy chồng, còn chuyện yêu đương riêng tư thì cứ để thời gian nó hoá giải.

Hoa trả lời:

- Con thương ba má nhưng con không thể làm vậy! Con không thể giả trá lấy người mà mình không thương để che mắt thiên hạ, làm vậy thì hại người ta mà mình cũng khổ đau chứ sung sướng gì, việc này còn tồi tệ hơn cả sự thật của bản thân con!

Bà Hai vẫn vót vát:

- Thì mình cứ theo thói thường của người đời mà sống, cưỡng lại thì khổ lắm con ơi, bao nhiêu rắc rối, rồi còn danh giá gia đình mình nữa!

Bất thần ông Hân về sớm, thấy hai mẹ con thủ thủ, ông lầm lì:

- Nếu con thương ba má thì con phải lấy thằng Hưng, không có đám nào ngon lành và xứng hợp hơn đám này!

Anh Hoà thường chơi bời sau giờ làm nên luôn về trễ, không hiểu sao chiều nay cũng về sớm thế. Thấy cả nhà đang nói chuyện Hoa. Anh cũng nói:

- Em cứ lấy thằng Hưng đi, cứ sống như mọi người vậy! còn chuyện em với con Hương thì cứ để đó, nếu thỉnh thoảng em có gặp nó thì cũng chẳng sao!

Hoa hết sức cay đắng và ngán ngẫm khi nghe những lời này, mọi người quen sống dối trá đã thành nếp, dối trá từ việc công sở, quan hệ giao tiếp cho đến tình cảm cá nhân trong gia đình. Hoa biết cả nhà lo cho tương lai của mình nhưng cũng tính toán cho mối quan hệ làm ăn cũng như cái danh giá hão huyền của chính họ. Đành rằng thương nhưng bất chấp mình thế nào thì ra hại mình mất thôi. Nếu ngày trước Hoa tự hào về gia đình mình bao nhiêu thì giờ ngán ngẫm bấy nhiêu, cái danh giá hão huyền trở thành cái gánh nặng, cái bóng đè, nó áp lực tới đa lên đời sống riêng tư của mình. Ngày trước Hoa nghĩ mình may mắn nên sanh ra trong gia đình giàu có, danh giá. Giờ Hoa ước gì mình sanh ra trong gia đình bình dân, chắc sẽ không bị cái áp lực nặng nề này! Cái áp lực suốt bao nhiêu năm làm cho Hoa chỉ

biết khóc, con cụp lại đến độ mắt cả sức phản kháng. Thậm chí có người còn bảo:

- Con Hoa sinh ra trong gia đình có thế lực, thế mà nó rất hiền lành và nhút nhát đến thế! lẽ ra nó phải ngông nghênh lắm mới phải chứ!

Hoa ngồi lặng lẽ nãy giờ, lắng nghe cả nhà và miên man suy tư. Bất thần Hoa đứng dậy:

- Ba và anh nghĩ sao? nếu ba và anh lấy phải người vợ không yêu mình. Người ấy lấy chỉ vì mượn ba và anh làm cái bình phong che đậy giới tính mình, che mắt thiên hạ. Liệu ba và anh có hạnh phúc không? Có danh giá không? Khi cô ta lấy ba và anh nhưng vẫn cứ thậm thụt với những người đàn bà khác!

Cả nhà im phăng phắc, không ai nói được câu nào.

HƯƠNG

Dắt em gái về bên gốc cây dầu ở giữa con phố nhiều quán xá để đánh giày kiếm sống, sáng hôm ấy nó làm được ba người khách, lòng thấy vui lắm, có lẽ dễ sống hơn ở chỗ cũ. Nó nghĩ như thế và đang ngồi mơ màng bên gốc cây; bỗng một cú tát như trời giáng làm nó ngã chúi nhủi, nhìn lên thì thấy gương mặt lạnh lùng của thằng côn đồ đang nhìn nó.

- Ai cho mày dám xâm nhập lãnh địa của tao? thằng côn đồ quát

Nó im lặng cũng không biết nói gì, nó lăn lộn vào đờn từ nhỏ nên cũng biết đây là luật. Nó còn đang suy nghĩ thì thằng kia đá hộp đồ nghề của nó lăn long lóc rồi nắm cổ áo nó kéo dậy, tay kia nó móc sạch những đồng tiền sáng nay nó kiếm được. Thằng côn đồ cười khoái trá.

- Mới sáng mà mày kiếm được nhiều đây hả? giỏi đó nhóc! Bây giờ mày muốn làm ăn ở đây thì phải chia tứ lục, bằng không thì biến!

Nó gật đầu đồng ý, thế rồi từ đó mỗi ngày thằng kia đều đặn giám sát nó, hề làm được đồng nào thì thằng kia lại lấy đi bốn phần. Nó uất ức lắm nhưng không làm gì được. Ngày đánh giày bên gốc cây, tối hai anh em về dưới gầm cầu bên con kênh thúí hoặc ôm nhau ngủ. Ba nó bỏ đi lúc nào nó không biết, mẹ nó bỏ đi khi em gái biết chạy nhảy. Nó lần hồi vào đờn kiếm sống và nuôi em gái. Dù đói khát, dù khôn

khó... nhưng nó thương em gái nó vô cùng; nhiều khi giữa đêm khuya con nhỏ kêu:

- Anh Hai, có gì ăn không? Em đói quá!

Nó ôm em gái mà nước mắt chảy dài

- Ráng ngủ đi em, sáng anh mua đồ cho em ăn.

Nói vậy thôi chứ túi nó không có một xu lấy gì mua, cũng vì thương em gái đói có lần làm liều ăn cắp ổ bánh mì mà người ta đánh nó một trận thừa chết thiếu sống. Cuộc đời sao mà cay nghiệt với nó quá, nhiều lúc sáng sớm thấy bọn trẻ cùng tuổi tung tăng đến trường, có đứa cha mẹ chở vào quán ăn mà còn nũng nịu không ăn... Nó thấy lòng chua xót, thương mình, thương em gái. Có lần nó dắt em gái đi ngang một trường tiểu học, con bé bám vào song sắt nhìn những đứa trẻ đồng trang lứa đang tung tăng chơi trong sân, nó lôi đi mà con bé cứ bám chặt. Nó thấy lòng đau lòng, em gái thèm muốn được như những đứa bé trong sân trường, nhưng làm sao được? ai cho nó cơ hội đây? Anh em nó là trẻ bụi đời, cơm ăn áo mặc còn chưa có làm sao mà mơ cắp sách đến trường! Nó xót xa thương em gái. Nó đâu gì cũng được học hết lớp ba trước khi bị quăng ra đường. Trên công trường nó đọc thấy câu khẩu hiệu: “Trẻ con là tương lai của nước nhà! Chính phủ và xã hội hết lòng chăm sóc con em chúng ta!”. Nó không hiểu sâu nhưng cũng lờ mờ hiểu ý nghĩa nên lầm bầm: “Xạo sự”, rồi quyết liệt gỡ tay con bé khỏi song sắt và kéo nó đi thật nhanh mà lòng như muối xát.

Thời gian lững lững trôi qua nhưng nó chẳng còn ý niệm gì về ngày tháng nữa, nó chỉ nhớ mang máng nó mười lăm tuổi. Nó chẳng cần thời gian và cũng không quan tâm đến thời gian nhưng dòng thời gian vẫn đóng dấu lên cuộc đời nó. Tháng năm dần dần chất lên mình nó... Chẳng mấy chốc rồi nó cũng đến tuổi dậy thì; mặc dù đói khát, mặc dù không nhà cửa, cù bắt cù bơ ở gốc cây, gầm cầu; áo quần dơ dáy... nhưng vẫn không thể che phủ được khuôn mặt thanh tú của nó. Nhiều khách đưa giày cho nó đánh đều có cảm tình thường cho thêm nó ít tiền lì xì có lẽ không chỉ vì nó làm cẩn thận mà còn vì khuôn mặt thanh tú dễ thương ấy, đặc biệt đôi mắt đen lay láy rất đẹp và lúc nào cũng như có khói sương phảng phất, trông rất sầu mà đẹp đến nao lòng. Ngày kia nó đang đánh giày chợt thấy thằng du côn ở đằng xa dờ dờ sầm sờ em gái nó. Nó lập tức nhào đến húc thẳng kia một cái ngã nhào, nó xông vào đánh tụi bụi. Thằng kia quá bất ngờ nên cũng chưa kịp phản ứng gì.

- Mày muốn gì tao cũng chịu nhưng mày đừng đến em gái tao là không được! Nó hét lên vừa thoi thêm mấy cú nữa mới thôi.

Nhiều người hiếu kỳ đứng nhìn, thằng du côn quê độ quá:

- Liệu hồn mày, hãy đợi đấy! nói xong hầm hầm bỏ đi.

Mấy hôm nay nó thấy trong lòng có gì là lạ, con nhỏ bán trái cây dạo sao dạo này dễ thương quá. Nó thỉnh thoảng mua trái cóc, miếng xoài cho em gái

ăn. Con nhỏ có khi còn tặng khuyến mãi cho em nó chút khóm nữa chứ. Tướng con nhỏ ngon lành quá, một hôm nó lấy hết can đảm hỏi:

- Bò tên gì?

Con nhỏ cười cười:

- Hỏi chi vậy?

- Để biết tên

- Biết để làm gì?

- Thì chỉ để biết chứ chẳng làm gì!

Con nhỏ bỏ đi một quãng ngắn rồi quay lại bỏ gọn lớn:

- Hương

Chỉ có vậy thôi mà nó sướng suốt cả ngày hôm đó! Bằng mấy ngày con nhỏ đi qua mà hông nói gì, đột nhiên một hôm nó nói:

- Ông biết tên tui mà sao không cho người ta biết tên ông?

- Người ta là ai? Nó gheo con nhỏ.

- Người ta là người ta chứ còn ai nữa! con nhỏ ngúng ngẩy.

Bây giờ nó thật thà:

- Lúc nhỏ mẹ tui kêu tui là Hải, rồi mẹ tui bỏ đi, tui cũng không biết tên mình là gì nữa!

- Buồn quá hén! Nhưng mẹ kêu là Hải thì là Hải chứ còn tên gì nữa!

Nói xong con nhỏ bỏ đi. Nó ngẩn ngơ như vừa ra khỏi một giấc mơ. Cuộc sống bụi đời xù xì, gai góc...chưa bao giờ nó cảm nhận phút giây ngọt ngào và đẹp như nay! Tháng ngày dần trôi qua, cây dầu đã mấy mùa thả trái bay quay tít trong không

trung. Nó lớn dần ra vẻ khá trưởng thành. Trong lòng nó nghĩ: “Không lẽ tuổi này mà còn đánh giày?” nghĩ vậy nhưng nó cũng chưa biết làm gì khác. Mùa mưa đến, những cơn mưa đến bất chợt rồi lại ráo hoảnh đi. Có nhiều khách hơn vì họ đi làm mà giày dơ nên cần phải đánh lại. Nó làm tíu tít. Lòng nó vui vì có thêm chút tiền, nó ky cốp để dành, hy vọng sẽ kiếm một việc khác hợp hơn. Hôm nọ nó hỏi con nhỏ:

- Hương! chiều nay bán xong ra gầm cầu chơi nhen? Con nhỏ không nói gì nhưng nhìn ánh mắt thì nó hiểu con nhỏ chịu lời. Chiều nó về gầm cầu sớm, chọn cái áo nào thơm tất nhất mặc vào, nó không quên mua mấy chai xá xị, đậu phộng luộc và mấy con khô mực.... chờ đợi Hương. Hoàng hôn đỏ rực trên phố, dưới gầm cầu mờ mờ tối hai đứa ngồi bó gối nhìn ánh đèn vàng hắt bóng xuống con kênh. Cả hai im lặng hồi lâu. Nó bảo Hương uống xá xị đi, rồi xé khô mực cho Hương nhai.

- Hương! Nó kêu tên.

- Gì vậy? Hương hỏi lại.

- Có bồ chưa?

- Em nghèo quá, ai thèm thương mà có bồ!

- Thì nghèo thương nghèo!

- Hải muốn nói ai vậy?

Ừ! Thì nói người ta đó mà!

Hai đứa cứ nói cụt lủn, trông lơ vậ nhưng trong những từ ngữ ấy lại ngầm chứa bao nhiêu là sự hồi hộp yêu thương, theo cái lẽ mà người ta bảo: “Tình trong như đã tuy ngoài còn e”. Nó thò tay cầm lấy

bàn tay Hương, con nhỏ để yên, cả hai bắt động giây lâu. Nó mân mê bàn tay một hồi bắt chợt kéo con nhỏ ngã vào lòng rồi hôn cái chợt. Con nhỏ chống đỡ yếu ớt nhưng hơi thở gấp gấp lắm rồi. Bất chợt có tiếng kêu:

- Anh hai! tối mịt rồi, có gì cho em ăn không?

Hai đưa buồng ra, thì em gái chơi ngoài kia chạy vào. Hương lấy khô mực đưa nó ăn và bảo:

- Ăn khô mực đi, lát nữa chị mua đĩa cơm sườn cho em nhen!

Con bé gật đầu cười, cầm miếng khô mực chạy tuốt ra ngoài xóm nhà chồ chơi. Hai đưa lại ngồi im, giờ nó bạo dạn hơn rồi, nó ôm vai Hương. Hai đưa ngồi nhìn ra dòng kênh đen kịt, bốc mùi hôi nồng nặc. Nó hôn lên tóc Hương, mùi khét nắng cả ngày mưa sinh. Nó hôn lên cổ Hương, mùi đàn bà đầy quyền rũ cho dù cả ngày chưa tắm, cái mùi khơi dậy bản năng giống đực pha lẫn mùi chua của mồ hôi làm nó ngất ngây... Nó lằn mồ toan mở nút áo nhưng con nhỏ giữ lại.

- ĐỪNG anh Hải! má đánh chết.

Nó chống chế:

- Má sao biết được?

- Nhưng chưa được đâu, Hương kiên quyết không cho Hải quá đà.

Hải cũng thôi, nó biết mình trong phút chốc hứng khởi quá nên mới vậy. Nó giả lả:

- ĐỪNG giận tui nha Hương.

Con nhỏ im lặng nhưng cầm bàn tay nó thật chặt. Lát sau Hương nói:

- Em về! hôm nào mình gặp sau.

Hương đi rồi, nó nằm dưới gầm cầu mắt mở to, phút giây thần tiên trong đời nó. Nó đã hôn, lần đầu nó ngửi được mùi giống cái. Dòng kênh hôi thối không thể làm loãng cái mùi hương từ Hương. Cái mùi nồng nồng, ngái ngái, chua chua... Nó bất chợt mỉm cười rồi hét lớn: “Hãy đi... đã quá”. Hình như nó đã yêu, trái tim nó biết rung động. Sống đời bụi bặm nhưng không làm cho cảm xúc nó chai lì. Từ ngày mẹ nó bỏ đi, đây là lần đầu tiên nó thấy mình sống như một con người! Nó đang mộng lung tính toán, mơ mộng cho những ngày sắp tới... Minh sẽ tìm việc gì để làm đây? Minh sẽ nói yêu Hương, mình sẽ nói với Hương về chuyện hai đứa... Bao nhiêu việc phải tính! Rồi nó chợt thiếp đi cho đến khi con em gái chạy về lay:

- Anh Hai! Em đói bụng quá nè!

Nó vươn vai đứng dậy dắt em ra quán cơm bà Ba bên vỉa hè mua cho con bé đĩa cơm sườn. Nó tự nhủ trong lòng, hôm nay ngày vui của đời mình, mình thưởng cho em gái một chút hương, chút mật ngọt hiếm hoi giữa cuộc đời này. Nó còn lơ mơ thì tiếng bà Ba rồn rảng:

- Chà! bữa nay bánh quá nhen, bộ mới vô mánh hả Hải?

- Dạ, có gì đâu dì Ba! Lâu lâu thưởng cho em gái một bữa cơm ngon.

Nó ngồi nhìn em gái ăn cơm mà lòng nghe sung sướng vô bờ

...

KÝ ỨC MỘT THỜI

Thế rồi cái ngày ấy vẫn đến, cái ngày mà không một ai trên thế gian này muốn cả, cái ngày mà mọi người luôn né tránh nói đến. Dù cho có muốn hay không muốn thì nó vẫn cứ đến. Ngày ngoại tôi ra đi về miền vĩnh viễn.

Chín mươi Sáu năm bôn ba trên cõi đời này, phần nhiều nhọc nhằn, khổ lụy. Ngoại một mình bươn chải nuôi lấy đàn con. Ngoại là người đàn bà cứng rắn và lạnh lợi. Ngay từ thời Pháp thuộc ngoại đã ra Bắc vào Nam buôn chuyên. Những chuyến hàng đường phèn, đường phôi, mạch nha... danh tiếng một thời! Cũng như những con dân nước Việt cùng thế hệ. Ngoại đã trải qua ba cuộc chiến long trời lở đất, vận nước lênh đênh thì người dân cũng bấp bênh sống chết. Ấy vậy mà ngoại vẫn vững vàng vượt qua! những ngày còn thơ tôi vẫn thường được ngoại dắt về ngôi nhà trên quê ngủ, trên đường đi ngang qua một Đè Bô (depot) xe lửa, ở đấy có những gánh hàng rong bán quà quê nào là: chè, bánh bò, bánh bèo, sừng sa, sừng xáo... Tôi là đứa trẻ

thích ăn vặt hơn ăn cơm nên ngoại luôn luôn ghé mua quà cho tôi ăn. Tôi vẫn thắc mắc sao không ngủ ở ngôi nhà trong thị trấn mà cứ phải về ngôi nhà trên quê để ngủ? nhưng chẳng có ai nói rõ lý do. Sau này lớn lên tôi mới biết tại sao, tại vì ngoại chôn giấu vàng ở trong ngôi nhà đó! Ngôi nhà trên quê yên ả biết bao, hai hàng tre kéo kẹt mát rượi những trưa hè. Người xưa cất nhà rất khoa học, nhà nào cũng luôn luôn có một khoảng sân ở giữa nhà vừa thoáng mát, lấy ánh sáng, lại thoát nước mưa... Ngày nay những ngôi nhà hiện đại không còn khoảng giếng trời giữa nhà tuyệt vời như vậy, kể cũng tiếc thay! Ngoại vẫn thường dạy con cái ăn chay niệm Phật. Ngoại giữ thập trai rất nghiêm túc, dù thế nào cũng không vi phạm. Những ngày rằm, mừng một ngoại lên chùa lễ Phật. Có lẽ nhờ thế mà chúng tôi lớn lên ai ai cũng tin theo Phật, có lẽ đây là cái nhân duyên ban đầu tiếp xúc Phật pháp của tôi! Tạ ơn Phật, tạ ơn ngoại!

Chín mươi Sáu năm trên cõi đời này kể cũng thượng thọ rồi, đời người vốn thoát có thoát không; thời gian như bóng câu qua cửa sổ. Trải qua ba cuộc chiến, trải qua những tháng năm gian khó biết bao. Nuôi cả đàn con cháu, công lao như trời bể. Ngoại ra đi tôi không về viếng ngoại được, dù lòng tha thiết muốn biết bao. Lòng tôi đau nhưng lực bất tòng tâm. Lương công nhân ngày ngày kéo thẻ không là bao, rồi thê nhi ràng buộc; với tôi còn có cái khó hơn người khác vì nhân duyên của mình không tốt, lòng người không rộng rãi lại đa nghi... Nên đành

vọng từ ngoài ngàn dặm xa xôi! dẫu biết sống chết là lẽ thường nhưng khi biết ngoại ra đi lòng không sao cầm đặng! chím mười Sáu năm trên cõi vô thường kể cũng phù du bèo bọt nếu so với chín vạn đại kiếp! Không biết đã bao bận thay hình đổi dạng, đã bao lần tử- sanh? Chỉ có con số là vô lượng mà thôi! vẫn biết khứ, lai, hiện tại cùng thập phương hư không vẫn không ngoài một niệm nhưng cũng từ một niệm này mà trùng trùng vô tận duyên khởi sanh ra. Tôi ở ngoài muôn dặm, ngoại từ trong cố quận xa xăm nhưng lòng tôi vẫn luôn có bóng hình ngoại trong tâm. Cái thân tứ đại vô cùng thô này làm sao mà vượt không gian thời gian để về viếng ngoại? Tôi lên chùa lễ Phật, quỳ dưới chân Như lai nguyện cầu Tam Bảo gia hộ ngoại. Cầu mà không cầu, ở đây không phải cầu tài lộc; ở đây cầu năng lực từ bi, trí huệ vô biên của chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền gia hộ cho hương linh ngoại siêu thoát, tái sanh về cảnh giới an lành, tốt đẹp!

Thời gian như nước chảy, mây bay, như hoa rơi, lá rụng... Thấm thoát đã ba năm trôi qua. Không biết giờ ngoại đã tái sanh về đâu? về Tây Phương Cực lạc, cõi thiên, cõi người? dù về đâu thì hình bóng ngoại vẫn mãi mãi trong tâm tôi! Ngoại đã về một vùng phương ngoại, ở đấy không còn những khổ đau, phiền não của một kiếp người, nhất là thân phận con người ở những nước nhược tiểu, nơi ấy bị thao túng bởi cường quyền, nơi ấy thân phận con người càng nhỏ bé hẩm hiu và bất an biết là bao! Vùng phương ngoại ấy vẫn lung linh huyền diệu như

có như không, vùng phương ngoại ấy cũng không ngoài tâm mà cũng là thật có! nếu không có cái vùng phương ngoại ấy thì ta biết sống làm sao nổi với cuộc đời này, nếu không có vùng phương ngoại ấy thì kiếp người sẽ cô đơn và khổ sở biết bao trong cõi đi về này! Thế gian này dù có ra sao đi nữa thì vùng phương ngoại vẫn lung linh trong tâm ngoại, tâm tôi, tâm tất cả mọi người! Ngoại đã về với vùng phương ngoại ấy thì ngoại hãy yên lòng, rồi mai đây sẽ đến lượt con cháu. Mọi người sẽ lần lượt đến phiên mình; tử - sanh vốn bất tận. Phật từng cảm thán: “Sinh tử bì lao” dù thế nào ta cũng phải sống, sống trong từng phút giây hiện tại, an lạc trong từng phút giây hiện tại. Không có ai có thể biết được khi nào sẽ đến phiên mình. Điều quan trọng là hãy sống hết mình cho hôm nay!

Thời gian như nước qua cầu, năm xưa cụ Bá Trác từng viết: “Hồ trường nay biết rút về đâu?” người Phật tử không uống rượu nhưng “Nước xuôi làm rượu quan hà chuốc say”- (thơ Phạm Thiên Thư). Nhớ thương ngoại, nhớ quê hương thiết tha, dù sống ở hải ngoại vật chất có đủ đầy đi nữa vẫn không sao xóa mờ hình ảnh cố quận trong tim tôi. Có danh nhân nào đó từng nói: “chỉ có thể rút người ta ra ra khỏi quê hương chứ không thể rút quê hương ra khỏi trái tim người”. Hải ngoại những ngày cuối năm, người ta rộn ràng cho mùa lễ. Tôi vẫn lang thang như một người đi tìm một vùng phương ngoại nào đấy trong tâm hồn tôi! Không biết nhân duyên thế nào mà những người con nước Việt lao đao lận

đận vậy? người ở lại khổ, kẻ ra đi cũng chẳng hơn gì! Tâm tư vẫn đau đáu về cố quận xa xôi. Người con nước Việt vốn ngàn đời sống với quê hương, tổ tiên đâu có ai muốn làm viễn khách ly hương. Nhân duyên thì trùng trùng vô tận, kiếp người thì ngắn hạn, trí tuệ thì không... Vô tình khách vẫn lang thang trên nẻo đường đời, vẫn mơ về cố quận!

LÒNG MẸ

Ngày chú Út lên thành học, nội đi ra đi vào chép miệng:

- Tội nghiệp thằng nhỏ, lên trên học, ăn nhờ ở đậu, cơm chùa cháo chợ, hông biết sao đây?

Đêm nằm võng đưa kéo kẹt lại khấn thầm:

- Cầu trời khấn Phật, phù hộ cho thằng nhỏ. Nó hiền lành khờ khạo, lên thành lạ nước lạ cái... Trời Phật che chở cho nó gặp được thầy lành bạn tốt, đừng nó học hành nên ông nên mụ!

Anh chị Hai cầu nhàu:

- Có gì mà má lo dữ vậy, bao nhiêu người lên thành học chứ có phải mình chú Út đâu!

Nội nói:

- Nhưng thằng Út khờ quá!

- Vậy má tính giữ chú Út ở quê cho nó dốt hay sao?

Nội hông nói gì nữa, nhưng thỉnh thoảng lại cựa mình chép miệng ngủ không yên. Lát sau nội lại chép miệng:

- Nó hiền quá, sợ người ta ăn hiếp!

Chùng quá khuya thì nội ngủ thiếp đi, tiếng kẽo kẹt cũng dần dần lặng tắt, giờ còn chỉ mỗi tiếng tọc tọc của con thạch sùng trên tường.

Chú Út lên thành, ở trọ chung với mấy người bạn từ miệt ngoài vào, hùn tiền nấu ăn chung, việc học hành cũng suôn sẻ. Tháng tháng nội gửi tiền lên cho chi tiêu, tiền bán lúa và hoa quả cũng đủ cho chú ăn học, tháng nào ngặt quá thì nội bán đỡ chỉ vàng. Mấy tháng đầu chú Út gửi thư về than nhớ nội, nhớ nhà, nhớ vườn cây... Nội đọc thư róm nước mắt:

- Tội nghiệp thằng Út!

Đến hè, chú Út về. Nội vui và tươi như bụi chuối sau hè được trận mưa. Nội tự tay nấu cơm và nôi canh chua cá bông lau cho chú Út ăn. Chị Hai cười:

- Chú Út như ông hoàng, nội cưng còn hơn chén kiêu.

Chị Ba, anh Tư thì phân bì:

- Gì cũng thằng Út không hà, đúng là “Giàu út có khó út lo”

Những ngày hè chú Út ở nhà, nội lảng xãng làm cái này cái kia cho chú Út, làm mất để chú Út mang lên thành mà ăn... vậy mà tinh thần thư thái lạ, cả nhà ai cũng cười:

- Chắc kiếp trước nội nợ chú Út nhiều nên giờ lo cho chú đủ thứ!

Thời gian thấm thoát qua nhanh, chú Út lên năm hai rồi năm ba đại học, thư từ cũng thưa thớt dần, thậm chí chỉ gửi thư về khi chú kẹt tiền. Hè năm ấy chú nhắn tin về:

- Con ở lại làm thêm, má an tâm đi, đừng lo lắng gì!

Chị Hai chọc:

- Rồi, chắc chú Út có bồ nên hồng òa.

Nội nhớ chú Út, trưa nằm võng trước hiên hò:

.... Hò ơ... thành đô đèn mắc điện giăng...

hò ơ... Ở đây chỉ có ...hò ơ...ở đây chỉ có gió
trắng bồi bồi

Người quê vùng nói thô lời.... hò ...ơ

Nghĩa tình gắn bó...hò ơ...ơn đời thủy
chung...hò ơ...

Bốn năm đại học cũng qua mau, chú Út tốt nghiệp
xong lại về quê. Nội như trẻ ra mấy tuổi:

- Địa đây xin diệc trong thị xã cho gần nhà, ở trên
làm nhiều tiền nhưng vật giá mắc mỏ cũng trót quớt.

Chú Út làm kế toán cho một doanh nghiệp trong thị
xã gần nhà, thời gian đầu chú thường về ăn cơm
chiều với nội. Hôm nào chú về trễ, nội vẫn đợi chú
Út về mới ăn; dần dà rồi những bữa cơm chiều cũng
thưa thớt đi, có hôm chú Út tận nửa đêm mới về.
Nội rầy thì chú Út bảo:

- Má ăn cơm với anh chị Hai trước đi, đừng chờ
con! Công việc nhiều, con còn phải đi giao tiếp với
khách hàng nên ăn uống ngoài đường luôn rồi mới
về.

Ấy thế mà nội vẫn chờ, anh chị Hai can nhắc:

- Má ăn cơm đi, cơm canh nguội hết. Chú Út bận
công việc, hơi đâu má chờ!

Chú Út làm ở đó được giám đốc mến, vì chú Út
sáng láng lại học khá và rất thật thà. Bất cứ hợp
hành, hội nghị hay ký hợp đồng giao dịch... giám

đốc đều dẫn chú Út theo. Ban đầu chú Út hồng biếc uồng, chỉ vài ly là đỏ như gà cồ đá. Giám đốc cười:

- Chú em gì cũng khá, chỉ có mỗi cái này là chưa được. Mình làm ăn giao dịch với khách hàng mà không uống thì hợp đồng khó thông, hoá đơn khó duyệt, con mộc khó đóng. Chú Út mắc cỡ gãi đầu.

Ngày tháng liên liên với những thương vụ như thế, không ngày nào mà không ăn nhậu, khi thì nhà hàng đặc sản, khi thì khu du lịch năm sao, lúc thì quán karaoke sành điệu nhất thị xã... Một lần trong quán này, giám đốc kêu mấy cô cave ruột của mình lại:

- Mấy em chăm sóc thằng đệ của anh chu đáo.

Mấy cô ấy vui như hội, vì vừa được tiếp trai đẹp vừa được giám đốc cho tiền bo hoa hậu hĩ. Mấy cô nhào vô hôn chú Út tới tấp, cụng ly liên tục. Chú Út vốn gà tơ chịu sao thấu với mấy cô đã dày dạn. Một cô trong bọn đặt ra tửu lệnh:

- Hễ ai qua tua thì bị phạt, cởi một món đồ trên người!

Cả đám hưởng ứng ầm ỹ, chẳng mấy chốc là chú Út bị lột sạch cả giày, vớ, quần, áo chỉ còn mỗi cái xì líp trên người. Mấy cô ngả ngón ôm ấp và nựng chú Út như con gấu bông. Dãy bên kia của giám đốc và mấy vị làm lớn trong thị xã, toàn dân có máu mặt lẫn máu dê. Họ vui nhầy nhựa tới nóc luôn. Cô Lê, một cave nổi tiếng của quán phô tài lấy tiền tấp bằng hạ thân. Cô Loan, có tiếng từng chấp cả năm anh, phô bày tài khui bia bằng miệng. Cô Liễu, có biệt tài uống bằng mũi... cả đám nhảy múa thoát y vô cùng bốc lửa. Giám đốc và mấy vị khách chẳng lạ gì với

mấy trò này nhưng vẫn phần kích như chưa từng chán vậy.

Đêm ấy chú Út không về, cô Đào, một cave trẻ và đẹp nhất quán mê chú Út và tình nguyện qua đêm với chú Út mà không đòi hỏi gì. Chú Út theo giám đốc một thời gian thì trở thành tay chơi tự lúc nào cũng không biết. Chú Út giờ nổi tiếng tửu lượng quỷ khóc thần sầu, lại đào hoa sát gái. Hễ chú chắm em nào rồi thì em đó chỉ còn một cách là ngã vào vòng tay chú. Dân chơi trong thị xã đồn đại và nể chú lắm! anh chị Hai cũng nghe được, rồi tiếng xầm xì cũng đến tai nội. Nội ngồi võng nhìn ra sân chép miệng:

- Thằng Út khờ vậy mà giờ đồ đốn! thời buổi làm hư thằng nhỏ mất rồi!

Bữa kia chú Út về và ở lại ăn cơm với nội. Nội rầy:

- Sống cho có ý tứ nha con, tiếng dị nghị khắp nơi rồi, xóm giềng chê cười. Con giờ cũng lớn rồi, công ăn việc làm cũng có, lo cưới dzợ đi, kéo mai một cha già con muộn thì khổ.

Chú Út cười cười, dạ dạ cho qua chuyện. Chú bóp vai nội:

- Má đừng lo, con lớn rồi, biết cách sống mà!

Nội mắng yêu:

- Bà có tổ mày chứ đừng lo, biết cách sống sao để người ta đồn đại tùm lum vậy?

Chú Út cãi:

- Hoi đâu nghe người ta nói, má hông nhớ câu: “Sống sao cho vừa lòng người, ở rộng người cười ở hẹp người chê” sao?

Nội lại nói:

- Hăm ba tháng này con chở má qua nhà con Linh, con bà Tư Lành bên ấp Thạnh An chơi.

Chú Út nghi ngờ:

- Chi vậy má?

Nội cười:

- Con Linh đẹp gái, hiền lành. Nhà bà Tư Lành cũng đàng hoàng, gia cảnh khá giả...má muốn con qua coi mắt đặng làm sui.

Chú Út giơ hai tay lên và cười to:

- Trời, cưới vợ mà má làm như mua trái xoài, trái cóc vậy! mà má cưới vợ cho con hay cho má?

Nội nghiêm mặt:

- Thì cưới cho con.

Chú Út cự tuyệt:

- Không được đâu má, con chưa muốn lấy vợ, đừng có bắt tiếng qua lại kéo mích lòng người ta!

Sau đó nội nói đôi lần nữa nhưng chú Út không nghe, chuyện cũng bỏ qua. Tánh nội xưa nay thế, rất hiền và chẳng bó buộc ai chuyện gì; bởi vậy con cháu rất thương nội và xóm giềng cũng mến nội lắm.

Chú Út được thăng lên trưởng phòng, lương lậu cũng khá, tiền hoa hồng, tiền khách cho cũng nhiều. Cuộc sống chú Út phong lưu, giờ toàn ăn cơm nhà hàng, đã lâu chú Út không còn về ăn cơm nhà nữa. Ấy vậy mà nội vẫn thỉnh thoảng chờ. Chị Hai cảm ràm:

- Chú Út lâu nay có ăn cơm nhà nữa đâu mà má chờ?

Nội càng ngày càng già thêm, đã có chút lẩn. Chị hai dọn cơm thì nội lấy một phần bỏ vào gà mên để dành cho chú Út:

- Tội nghiệp thằng nhỏ, đi làm từ sớm, chưa ăn gì chắc đói bụng lắm!

Bữa kia chị Hai dọn phòng cho nội, cả tá gà mên đầy cơm và thức ăn đã thiu. Chị Hai không rửa mà giữ nguyên đấy. Chú Út về, chị Hai kêu chú Út lại chỉ vào đống gà mên:

- Nội lo chú Út đói, vẫn để dành cơm cho chú kia.

Chú Út ra ôm nội:

- Má ăn cơm với anh chị Hai, đừng để dành cơm cho con. Công việc giờ giấc con không tiện về nhà.

Nội cười móm mém:

- Mò tỏ mày, không để dành cho thằng Út thì để dành cho ai?

Cả nhà cười, chú Út mắt đỏ hoe.

MA HÒI

Mặt trăng tròn vành vạnh treo trên đỉnh tháp, từ bốn phương nhìn lên đời cứ ngỡ một đài gương khổng lồ vậy. Ánh trăng bàng bạc như sữa loang khắp sơn hà, lại như tơ óng ả giăng mắc khắp đất trời. Làng Lộc Thọ dường như đã chìm sâu trong giấc ngủ, tiếng côn trùng rả rích như khúc hoà tấu của giàn giao hưởng tự nhiên.

Phủ Nàng Hai dưới chân đồi đuốc sáng lập loè dưới trăng, cả vùng này là lãnh địa thuộc phủ. Bọn ca nữ ca hát véo von, tiếng trống baranung tom tom giòn giã, tiếng kèn ống như thổi miên lầy người nghe. Cả phủ tung bừng đêm hội trăng trắng. Bất chợt Nàng Hai ra dấu hiệu bảo mọi người dừng lại và lắng nghe

– Dường như trong gió có tiếng khóc nỉ non? Có ai đó xâm nhập lãnh địa của ta chăng?

Nói xong Nàng Hai cho thị vệ đi khám xét, chùng dập bã thuốc bọn chúng dắt về một cô gái chùng đôi mươi, xiêm y tha thướt, dáng người thanh vận, gương mặt đẹp nả nùng, vẻ đẹp liêu trai huyền hoặc rất thiên kiều bá mị... Nàng Hai

giật mình tự nhủ: “Chón này có người đẹp đến thế sao?”, ngẩn ngơ giây lát, Nàng Hai nói:

– Cô là ai? có sao đêm trăng đến lãnh địa của ta khóc than ai oán đến vậy?

Cô gái thút thít khẽ thưa:

– Tâu quận chúa, tôi là kẻ tôi đòi lạc loài lỡ phận, hoàn cảnh đẩy đưa, bước chân vô định lạc đến đây, không biết đây là phủ của quận chúa, xin quận chúa tha tội.

– Cô hãy khai rõ thân phận xem sao- Nàng Hai nói.

– Thiếp tên Tiêu Lan, vốn con nhà nghèo ở phía Đông tháp này, vì có chút nhan sắc nên được gả bán cho nhà họ Chát Đa. Ở đất này, họ Chát Đa và họ Chế là vọng tộc lại hông gia với nhau. Ban đầu họ đối xử rất tử tế, cho học nhã nhạc, ca múa... những tưởng sẽ là ca nhi trong phủ, cuộc đời no đủ, cha mẹ cũng có phúc phần... nào ngờ họ có âm mưu tàn độc. Một ngày kia các thầy tử tế đến phủ họ Chát Đa lập đàn cầu đảo cúng tế suốt ba ngày đêm liền. Thiếp cùng các ca nhi khác được cho uống rượu say bí tử, sau đó bọn họ nhét vào miệng mỗi người một củ linh sâm ngàn năm và đem tuấn táng dưới chân tháp này. Một số tuấn táng ở mộ phần nhà họ Chát Đa, số khác ở mộ phần nhà họ Chế. Trong huyết đạo mộ phần nhà họ Chế, cất giấu vô số vàng bạc châu báu và đồ tế khí. Bọn thiếp bị yểm trong huyết mộ, trở thành thần giữ cửa cho chủ nhân. Bọn thiếp trong huyết mộ cả nghìn năm rồi,

không sống mà cũng chẳng chết. Huyệt mộ trải qua bao lần binh đao loạn lạc cùng thiên tai nhưng chẳng hề hấn gì. Mãi cho đến năm Canh Dần, bọn trộm mộ khoét thủng quách, phá quan. Chúng lấy hết vàng bạc châu báu và gỡ luôn miếng bùa yểm bằng lưới vàng ròng trên mặt thiếp, nhờ thế mà thiếp thoát ra khỏi huyệt mộ này. Kể từ đó thiếp vất vưởng khi đồng hoang bờ bụi, khi tá túc dưới hiên tháp rày đây mai đó... cho đến hôm nay thì lạc bước vào phủ quận chúa vậy!

Nàng Hai ngậm ngùi:

– Kê cũng đáng thương thật! người ta bảo hồng nhan bạc phận, không có phận nào giống phận nào, cùng sinh ra kiếp đàn bà, phần nhiều đều chịu thiệt thòi và đau khổ. Giờ cô tính sao?

– Thân thiếp người khác chiếm, hồn thiếp người khác đoạt, thiếp như chiếc lá bay trong gió bụi còn biết tính được sao?

– Vậy thì cô hãy ở lại đây, nếu muốn – Nàng Hai nhẹ nhàng nói.

Nghe thế, cô ta sụp lạy tạ ơn Nàng Hai và thưa:

– Tạ ơn quận chúa đã có lòng bao dung, thiếp xin đem thân hầu quận chúa.

Đêm hội trông trăng trở nên lắng xuống, buổi tiệc dở dang. Bọn tì nữ trong phủ lặng cả người, cái khổ của bọn họ xem ra không ăn thua gì so với cái khổ của nàng ma nữ mới đến; cả nghìn năm rồi, không sống mà cũng chẳng chết! ai cũng suy tư theo đuổi ý nghĩ riêng của mình.

Những ngọn đuốc dường như cũng cảm thông nên chập chờn lung linh. Bóng trăng càng về khuya như đặc quánh lại tựa dòng ánh sáng sữa, lại như tơ trùn lầy cảnh vật quanh phủ. Nàng Hai dịu dàng cất tiếng:

– Ta vốn con gái thị tộc Cau, mười Sáu tuổi về làm vợ Chế quận công. Nhà họ Chế danh giá nhất vùng, của cải nhiều vô số, quân binh và kẻ hầu người hạ đông nhất thiên hạ. Những tưởng vậy là phúc lớn nhưng có ai thấu nỗi khổ của ta. Quận Chế vốn hào hoa nhưng lại là tay đoan tụ bạo dâm, đem tâm hồn của ta biến thành địa ngục kinh hoàng. Quận Chế trói ta và dùng roi da quất đến tứa máu. Y lại treo ngược lên xà nhà, y xé áo quần ta, y dày vò ta với những trò quái đản mà một cô gái mới lớn không sao tưởng tượng nổi. Y hành hạ ta cho đến tàn canh mới thôi! Sáng hôm sau y quỳ dưới chân xin lỗi và nuông chiều ta. Ta những tưởng nhất thời nên gặt đầu tha thứ, nhưng nào ngờ sau đó lại tiếp tục tái diễn. Ta khóc cạn nước mắt, toan tính cả quyên sinh. Đòi con gái mới lớn, trong trắng thanh tân lại gặp phải cảnh kinh hoàng như vậy! Thế rồi ta cần thai, kể từ đó coi như thoát khỏi cảnh ân ái của ác quỷ. Chế quận công vẫn thường đi săn lùng bọn đồng nam đưa về phủ mà hành lạc. Y mua con nhà nghèo khó về với danh nghĩa làm nô bộc nhưng thực chất là nô lệ tình dục. Thỉnh thoảng ta cũng có nghe nói hoặc chính tai ta nghe tiếng hét của bọn đồng nam nhưng không

ai dám hé răng, có đôi khi người ta báo có đưa đồng nam mất tích... nhưng tất cả rơi vào im lặng đáng sợ! suốt cuộc đời ta, những lần ân ái đếm không đủ mười đầu ngón tay, nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến ta còn sợ són cả đái. Sống trong nhung lụa của phủ nhưng lòng ta héo hon, có những đêm trăng cái cảm giác cô đơn nó dày vò ta, sống tình khao khát nổi lên... ta ngồi dưới trăng đêm mà tê tái cõi lòng. Thế rồi một năm kia, Đại Việt tấn công đến đây. Chế quận công chết trận, ba vạn thủ cấp quân binh bị chém. Ta và toàn bộ thị tì bị bắt và đem chia cho các tướng Đại Việt. Ta không chịu ô nhục nên nhảy xuống sông tự vẫn, một số thị tì khác cũng chết theo. Mất thân rồi, ta dễ dàng tìm về chốn cũ nương náu. Phủ Chế quận công ngày xưa huy hoàng lắm, giờ bị đốt phá tan hoang, miếu đường tro bụi, mồ mả vỡ tan, riêng ngọn tháp này vẫn còn sừng sững dù có bị loang lở tang thương.

Nàng Hai dứt lời, giọt lệ nhẹ rơi. Cô Tiểu Hương, Thị tì thân cận dâng mảnh khăn lụa để Nàng Hai lau lệ. Nàng Hai lại nói:

– Thôi, chuyện ngày xưa đủ rồi, giờ ta trở lại tiệc đêm trăng này!

Bọn nhạc công gõ trống, tiếng trống nghe vọng tựa ngàn xưa; tiếng kèn sao nào nuốt quá, không còn vui như thuở ban đầu; lời ca của ca nhi cũng nào nùng như nổi lòng của người oan phụ, lại nỉ non ai oán như khúc ca vong quốc.

Bất chợt tiếng gà râm ran gáy từ hướng làng Lộc Thọ. Nàng Hai cùng cả bọn ma nữ giật mình đứng dậy. Cả bọn lập tức biến mất, một làn sương khói mỏng manh mờ hồ bay lên trên tháp. Người làng Lộc Thọ lục tục thức dậy, kẻ nấu cơm ra đồng, người đi phiên chợ bên kia sông.

Mặt trời lên nhuộm đỏ cả tháp và ngọn đồi. Bọn trẻ chăn bò làng Lộc Thọ lừa bò đi ngang qua khu gò mả dưới chân đồi. Chợt thằng An reo lên:
– Nhìn kia tụi bay! Hũ, lu, bình, chén... ai bỏ tùm lum kia.

Thằng Tịnh có vẻ chững chạc, rành rõi:

– Đồ Hời đó! bị ếm rồi, lấy về xui xẻo lắm!

Thằng Thắng cãi:

-Xui gì mà xui, lấy về để ngoài sân làm chậu kiếng, hoặc để chứa thức ăn cho gà vịt cũng tốt.

Thế rồi cả đám nhao nhao lựa những món nào còn tương đối lành lặn, ít sứt mẻ đem giấu vào mấy bụi duối, dú dẻ quanh đó. Đến trưa về ăn cơm sẽ mang theo

Bà Tám le te đi chợ về, kéo ông Tám lại xì xầm:

– Nay tui đi chợ, người ta đồn: “Đêm qua ông Bảy Xị ra vườn hái, thấy đuốc ma Hời xanh lè, dễ chừng có mấy mươi ngọn luôn, lại nghe tiếng hát nỉ non nên sợ xanh mặt, không kịp kéo quần chạy ngược vô nhà đắp mền nằm run như cây sậy, giờ còn sáng thần, hâm hấp sốt.”

Ông Tám xì một tiếng:

– Tưởng chuyện gì? đuốc ma Hời đêm trăng xưa nay thấy hoài, nhiều người thấy chứ mình chả

thấy sao? Hồi cha còn sống, cha kể có đêm trăng cha thấy ma Hồi kéo binh lên trăng cả ngọn đồi kia!

Bà Tám lắc đầu, lè lưỡi:

– Nếu tui mà gặp chắc chết điếng mất, ông có ra vườn đái giữa đêm thì hãy cẩn thận!

Ông Tám không ừ hử, uống cạn chung rượu Bàu Đá rồi ngâm:

Lập loè xanh đuốc ma Hồi

Nỉ non tiếng hát bên trời tiếc thương

Mặt mờ vết cũ màn sương

Đồi hoang tháp lở miếu đường quanh hiu

Ngọn cờ lay lắt liêu xiêu

Cung nga thể nữ mỹ miều xương khô

Công hầu chung một nắm mồ

Tàn canh trăng lạnh cơ đồ khói bay

Ngàn đời khóe mắt còn cay

Cô phong đỉnh tháp tháng ngày phế phong

...

Chợt thằng An lừa bò về đến cổng reo:

– Ba ơi! Con lấy được mấy cái hũ ngoài mà Hồi nè, tuy sút mẻ một chút nhưng còn tốt để làm chậu kiểng trồng bông.

MẠI DÔ, MẠI DÔ

“Kính thưa bà con cô bác, hườn này bỏ nhất, tật bệnh tiêu trừ, phẻ như ông kẹ, tể này thậm phê, ông uống bà khen... mại dô, mại dô, tiền trao cháo múc, mua một tặng hai... mại dô, mại dô...” gánh Sơn Đông Mãi Võ của nhóm Thập Môn Đường vừa múa võ bán thuốc tể, hườn, đan, cao đơn hoàn tán... Anh lực sĩ nằm trên bàn chông cho người khác lấy búa tạ đập mà không hề hấn gì. Người ta xếp lớp vòng trong vòng ngoài, vừa coi vừa reo hò thán phục; tiếng vỗ tay rào rào, tiếng bạc cắt quãng vào lon bơ lừng xềng. Xéo bên góc Trần Bình một nhóm khác đang biểu diễn mô tô bay. Cái thùng gỗ như thùng nước mẩn nhưng to ơi là to. Các tay xiếc cho xe chạy vòng vèo bên trong thùng, tiếng reo hò âm ỉ, tiếng xe inh ỏi gầm rú, mùi khói xăng dầu xông lên muồn ngạt thở... ấy vậy mà gã cùng cậu em họ coi say mê, một suất chưa đủ phải chen lấn mua coi thêm xuất nữa...

Chợ Lớn những tháng ngày năm ấy thật đẹp và êm đềm. Gã thích ra chợ lớn đi dạo quanh tượng ông

Thông Hiệp (tên thật là Quách Đàm) có bốn con rông châu phun nước! sõ dĩ người ta kêu là Thông Hiệp vì có người tặng ông câu đối:

Thông thương sơn hải

Hiệp quán càn khôn

(Thông thương sơn hải thì hợp lý, có lẽ vì ông là tay thương lái cự phách, mua bán nông – lâm - hải sản, tất cả sản vật của núi rừng, biển cả hay ruộng vườn... xuất đi khắp các xứ xa gần. Câu sau thì đại ngôn, quá lồi làm gì mà đến hiệp quán càn khôn, tác giả tăng bốc quá đáng!)

Đã ra Chợ Lớn thì phải ghé qua hàng trái cây, chạy dọc mé Trần Bình. Mùi sầu riêng, xoài, nhãn...thơm bễ lỗ mũi, không chỉ mùi trái cây mà còn mùi sình lầy cống rãnh thum thum bốc lên, mùi rác rến úng thối...nó quyện vào nhau làm thành một cái mùi không sao tả được, dù đã ba mươi năm mà không thể quên được mùi trái cây ở mé đường Trần Bình.

Gã và người em họ đèo nhau trên chiếc xe đạp rong ruổi quanh chợ Lớn, những khu vực sau lưng Chợ Lớn như cầu Ba li Kao, những con kênh đặc quánh rác, đen ngòm; những địa danh như: lò Gà, lò Đất...rất người Hoa, không có một mống Việt, Tiếng Tiều là dĩ nhiên. Những khu này nó giống những thị trấn nào đó bên Tàu ở thế kỷ 18... cuộc sống, lịch sử gần như dừng ở đây mặc ngoài kia xe cộ nườm nượp, phát triển thế nào thì phát. Gã thích ăn hàng, những xe bột chiên, trái cây, sương sáo... quả thật bá cháy! đặc biệt xe kem Tân Lạc Viên là không thể nào quên với món kem sầu riêng. Sau ba

mươi năm nhưng bây giờ nó vẫn còn đầy những xóm người Hoa vẫn như ngày nào! Dù chưa về ghé thăm nhưng qua những người thân thì những xóm ấy vẫn thế, không có gì thay đổi mấy, vẫn mãi giống như những tiểu trấn Tàu ngày xưa. Mặt tiền bên ngoài với những: Trang Tử, Đồng Khánh, Châu Văn Liêm... vẫn là những China Town như những China Town khác trên thế gian này! cái đặc trưng tương đồng nhau: tiếng Hoa thống trị, mua bán đủ thứ, ồn ào, dơ dáy...và thức ăn thì...người Việt mê tít thò lò! Người Hoa dù đi đâu, sống ở đâu, dù bao đời...Họ vẫn nói tiếng Tàu, viết tiếng Tàu...Họ chỉ biết có Tàu của họ thôi. Họ gần như không đếm xỉa gì đến những miền đất nuôi họ, dung chứa họ. Tâm hồn họ, ngôn ngữ họ, chủng tộc họ, phong cách họ... chỉ có một chữ Tàu, cho dù họ sống ở Chợ Lớn, Paris, London, Los Angeles... thậm chí ở mặt trăng! Họ có thể là những ông trùm, những băng đảng, hay những người lao động hiền lành chắc phác...

Chợ Lớn không phải là trái tim của Sài Gòn nhưng nó là đũa bạc, là nồi cơm của Sài Gòn. Những ngày tháng ấy, Chợ Lớn cung cấp cho Sài Gòn, cho cả nước... những món hàng gia dụng cho cuộc sống hàng ngày. Ông Thông Hiệp là một tay cự phách, từ người di cư nghèo khổ mà gây dựng nên cơ nghiệp lẫy lừng, hàng hoá nông sản xuất sang các xứ: Mã lai, Phi Luật Tân, Tân gia Ba Hong Kong...và cả Pháp nữa. Ngày nay cơ nghiệp vẫn còn đấy: Nhà

lòng Chợ Lớn, các dãy nhà quanh Chợ Lớn... Ông thì đã ra người thiên cổ nhưng gia sản vẫn còn đây!

Cứ mỗi mùa hè là gã được ngoại dắt lên Sài Gòn chơi. Gã với người em họ đèo nhau rong ruổi khắp Sài Gòn- Chợ Lớn. Người em họ của gã là một tay tháo vát, chiếc xe đạp của y gắn toàn đồ xịn nên chạy nhẹ và êm lắm. Những năm ấy xe máy rất ít, chỉ có vài nhà còn giữ được, chiếc Honda Dame hay chiếc Honda 67. Nhớ có lần hai đứa đèo nhau từ Chợ Lớn lên Sài Gòn chơi. Gã sờ vào cánh công dinh tổng thống mà thấy xốn xang lạ lùng, một cảm giác thật không sao tả nổi! (rồi nhiều năm sau đi chơi Huế, gã lại sờ phiến đá của tường thành lại có một cảm giác cũng lạ lùng y như thế!). Sài Gòn năm ấy còn ít người, xe cộ không bao nhiêu nên còn sạch sẽ, thơ mộng, xanh và đẹp lắm! người ta đồn đại: “Ăn quận Năm, nằm quận Ba, hát ca quận Nhất”, quả không sai tí nào, muốn ăn ngon thì nhất định phải về Chợ Lớn. Người Hoa là vua của việc mua bán, nấu nướng mà! mấy ông Xì Thủ bụng phệ, cời trần trùng trực, giắt cái khăn vào cặp quần xà lỏn, tay cầm hai cái xẻng xúc, cào lèng xẻng trong cái chảo... mùi thức ăn thơm nức mũi, khách ngồi chờ nuốt nước miếng cái ực khi mà đĩa mì xào, hay hủ tiếu xào được mang ra! Chợ Lớn là thế... Ba mươi năm rồi mà mùi trái cây và mì xào Chợ Lớn vẫn cứ thơm trong hốc mũi không phai.

MỊ NGŨ

Bà Tư mở mắt kiếng dụi dụi rồi ngẩng lên:

- Ba sắp nhỏ oi, tui dò tìm trong tự điển thấy cả mấy trăm nước, vậy mà tuyệt nhiên không thấy tên “Nước lạ”! Nước lạ là nước nào? Nó ở đâu vậy ông?

Ông Tư dừng tay đan lợp, cười hềnh hếch:

- Trời đất, sao bà khờ quá vậy? nước lạ nó ở sát nách mình mà cũng hông biết. Nước lạ là từ mới của bọn điếm bút, làm gì có trong tự điển mà bà tra!

Bà Tư bẽn lẽn:

- Vậy chứ nước lạ nó là cái giống gì vậy ông?

Ông Tư ra vẻ sành sỏi:

- Ngày xưa người Tàu dùng tàu thuyền sang nước mình lánh nạn Mãn Thanh. Ban đầu người mình kêu họ là Khách trú, Hoa kiều. Sau có chiếu vua cấm xài chữ Hoa vì phạm húy nên người mình kêu họ là Ba Tàu. Lâu dần thành quen, cứ thấy họ là kêu Ba Tàu, nước họ là nước Tàu.

Bà Tư thắc mắc

- Thế sao giờ tự dưng kêu nước lạ?

Ông Tư trầm ngâm một lát rồi thủng thẳng

- Chuyện kể ra cũng dễ hiểu nhưng cũng dễ đụng chạm lắm! Số là giặc Tàu ngày đêm xâm lấn đất đai, cướp biển, đảo của mình, dùng tàu sắt đâm chìm tàu ngư dân mình...ngặt nỗi quan quyền sợ chúng. Bọn điếm bút lấy lòng chủ, không dám gọi thẳng là Tàu mà gọi chệch đi là: nước lạ! Bọn điếm bút tự đặt ra những giới hạn “nhạy cảm”, không đụng đến hoặc là nói trại đi, kiểu như kỵ húy ngày xưa vậy! Để tui nói cho bà nghe, không chỉ có từ nước lạ mà còn tràn lan những từ ngữ ngô nghê, vô nghĩa. Giờ đâu đâu cũng toàn những lời giả trá, ngụy ngôn, mị ngữ... Dân chúng thấp cổ bé họng đành chịu. Bọn trí thức cũng hòa theo, phù thịnh chứ ai phù suy; hoặc giả có biết nhưng làm ngơ để kiếm cơm, bởi thế sự thể càng ngày càng tệ. Bà còn nhớ hôn? Tháng rồi ti vi đưa tin một nhóm phỉ quan kết hợp gian thương cào phá cả ngàn héc ta rừng, làm cho lũ lạt cuốn trôi nhà cửa, tài sản và tính mạng của bao nhiêu người. Ấy vậy mà khi ra toà, toà không nói phá rừng mà chỉ kết luận: “Thiếu tinh thần trách nhiệm”. Máy ông quan ăn hỏi lộ thì nói: “Nhận quà trên mức tình cảm”... bà biết hôn? thằng Bảy ở công ty cảng Q, nó kết cấu với quan nha biên cảng quốc gia thành tài sản riêng. Nó và các quan trở nên giàu kinh khủng luôn, của chìm, của nổi, tài khoản mở ở nước ngoài, con du học, vợ du hí, ăn chơi mát trời ông địa luôn... Thế mà người ta nói: “Cổ phần hoá chưa rõ ràng”.

Ông Tư buông cái lợp đang dở xuống, với tay rút một chung trà chiêu một ngụm, mắt nheo nheo nhìn

ra sân thì thấy bà Tám xóm chợ qua chơi. Chưa bước lên bậc cấp mà miệng đã oang oang

- Anh, chị Tư có nhà hôn? Mèn đét ơi, tui tức quá tức chừng! ai đòi ông quan trên tỉnh mê con nhỏ gọi đầu rồi đưa nó lên làm quan luôn. Cỡ nó mà cũng làm quan được thì thử hỏi dân chịu sao thấu? Người ta phản đối ì xèo thì mấy chả bênh vực nhau, nói chỉ là: “Nâng đỡ không trong sáng”. Bỏ nhiệm người thân, người nhà thì nói đại đi, bày đặt lẹo lưỡi chơi chữ: không trong sáng, sáng gì nổi, tối hù hà.

Bà Tư cười hiền khô:

- Chị Tám ngồi chơi, uống chén trà, chuyện đâu còn có đó, hơi đâu chị tức cho nó nặng mình.

Bà Tám ngồi bệt xuống bậc cấp, giọng chả chọt:

- Cho tui gáo nước lạnh là được rồi, còn tiện thì cho ly trà đá. Nói thiệt với chị, tui hông thích uống trà, chung trà nhỏ xíu uống hông đã, tui chỉ khoái trà đá thôi.

Bà Tư làm ly trà đá to tướng. Bà Tám cười ha hả, cảm ơn rồi quất một hơi hết nửa ly.

- Chị Tư biết hôn? mấy chả ở trên đầu đá giành ăn quá trời, chơi nhau tới bên luôn. Cũng chính mấy chả tiết lộ cho báo chí biết ông này chưa học hết cấp ba mà có bằng tiến sĩ, học hàm giáo sư. Bà nọ chưa qua phổ thông mà có bằng sau đại học...anh, chị thấy hôn? Quan như vậy thì nước mình có mà mặt! mấy khứa bôi bút hồng dám kêu: chạy chức, mua bằng mà lươn lẹo viết: “Ngồi nhàm ghê”, “Sử dụng văn bằng chưa chuẩn”... Tui tức là tức ở chỗ tui nó mị ngữ đó!

Bà Tám quát hơi nữa thì cạn ly trà đá, chợt thấy chú Ba xóm đình ghé qua. Ông Tư rót chung trà mời. Chú Ba nhấp nhấp chút xíu liền khen:

- Anh Tư sành điệu ghê vậy nha, trà ngon và thơm quá, loại này chắc là hảo hạng đấy!

Ông Tư cười:

- Mình già rồi, chẳng tiêu xài gì, chỉ có thích chút trà thôi, nên cũng tìm loại ngon ngon mà thưởng thức.

Chú Ba hỏi:

- Tôi qua anh có coi ti vi không? Tui coi xong tức ngủ hồng được! dân lái xe bị trấn lột tiền mãi lộ quá trời, áy vậy mà ông lớn trên bộ bênh vực nói: “Tiền trà nước”, “Bánh mì”... Tiền đó là mồ hôi nước mắt dân, đúng là lời mỉa cười! chưa hết đâu anh, có thằng lính công lộ nó quát dùi cui vào mặt người lái xe, lại đập cho người ta ngã giữa lộ vậy mà lẹo lưỡi phân bua: “Mặt chạm phải gậy”, “Giơ chân hơi cao nên đụng người lái”.

Ông Tư nhìn chú Ba đầy vẻ thông cảm:

- Chú tức cũng phải, tui tức nhưng phải giãn lòng xuống. Chú nhớ không? vụ thằng cha làm gì ở ngành tư pháp đó, y sàm sỡ con nít đáng tuổi cháu của nó. Lẽ ra phải gọi đích danh là ấu dâm nhưng báo chí, quan nha đỡ đòn cho y, chỉ nói là : “Nặng con nít”.

Chú Ba chưa kịp nói gì thì bà Tám chửi:

- Nặng, nặng cái quần què! Con bà nhà nó, đồ dè xòm, già hồng bỏ nhỏ hồng tha.

Bà Tư nãy giờ ngồi nghe mà hồng nói gì hết tron, tánh bả xưa nay vốn hiền lành ít nói, không quan tâm mấy đến chuyện thế sự. Ấy vậy mà nghe mọi người kể chuyện cũng tỏ vẻ bất bình:

- Thằng Út tuần rồi về chơi, nó nói: Người ta lấp cả con rạch để phân lô bán nền, làm cho nước ngập lênh láng bốn bề. Khi phát hiện sự việc thì báo chí và quan nha không nói lấp rạch mà nói: “rạch trên lộ”, “Chuyển đổi mục đích sử dụng”.

Bà Tư dứt lời thì bà Tám nói như reo:

- Mèn đét ơi, vậy mà tui cứ tưởng chị Tư hồng quan tâm thời cuộc, thì ra chị cũng biết rõ tình hình dữ đạ.

Bà Tư ngao ngán:

- Bậy hây lắm chị ơi! Càng nói càng nản. Có ông quan trên bộ lùm xùm chuyện công quỹ, chuyện giao tế, chuyện người nhà trong sở... Khi phóng viên hỏi thì ông ta chửi bới, đe nẹt không trả lời, chưa hết ông ta còn đập bàn hét: “Mày có biết bố mày là ai không?”. Tay phóng viên kia bèn thâu lại rồi phóng hết lên trên mạng xã hội. Người ta rần rần phê phán thì ông ấy dùng mỉa mai: “Vênh ngôn ngữ nên hiểu lầm”. Rồi có những con đường làm xong chưa chạy đã hư thì ông ta bảo: “Chỉ là vênh bề mặt”. Năm kia ở thành đô, người ta làm con đường lớn lắm, kẹt nổi nó vướng nhà quan nên phải bẻ cong nó... dân phản ánh thì quan cười khùng khục nói: “Đường cong mềm mại”. Rồi những công trình làm hoài hồng xong, xây trước hư sau, vốn đội lên nhiều lần... quan nói: “Khấu hao thời tiết”. Quan xuống lệnh, ra văn bản sai trái bị dân ta thán thì nói: “Lỗi thằng

đánh máy”. Sau khi ăn tàn phá hại, vợ vét đầy túi... bị phanh phui nhưng chẳng bị gì thì bảo: “Hạ cánh an toàn...”

Bà Tư nói luôn một hơi làm ông Tư ngạc nhiên quá đỗi, ăn ở với nhau mấy mươi năm chưa bao giờ ông Tư thấy vợ mình nói nhiều về thế sự như thế cả. Ông cũng không ngờ bà Tư vốn hiền như đất, cả đời chỉ lo cho con cháu với việc nhà,, ấy vậy mà bà cũng rành thế sự đến thế. Chú Ba thì cười khoái chí khen:

- Giá mà bọn trí thức mị ngữ được như chị Tư thì dân cũng được nhờ.

MIẾU LỚN HƠN ĐÌNH

Trời tối đen như mực, tiếng mang tác, tiếng hổ gầm từ đại ngàn vọng về xen vào bản hợp tấu bất tận của lũ ếch nhái côn trùng quanh con suối Hàm Hồ. Đêm đường sơn không hề im vắng như người dưới xuôi vẫn tưởng. Ông ngồi bên bếp lửa độc ẩm một mình, nậm rượu dường như cũng vui cạn, tiếng củ cháy tí tách, ngọn lửa lung lay in bóng ông trên vách nứa. Ông vẫn ngồi như thế hàng đêm, dù nắng hạ hay mưa đông, kể từ ông về dựng cái lán bên suối này, tính ra cũng đã bảy ngàn đêm.

Bất chợt mắt ông quắc lên, ngưng thần lắng nghe âm thanh lạ hoà trong tiếng mưa rơi, bước chân đã bước lên bậc thang của lán. Thiên tánh con nhà võ cộng với sự từng trải mấy mươi năm khiến ông phán đoán chính xác. Lập tức ông lăn mình qua bên kia tấm phen, núp mình trong bóng tối. Cửa lán khẽ hé mở, một gã trung niên ló đầu vào và khẽ gọi:

- Đô đốc, đô đốc! Ngài có ở đây không?

Y gọi ba lần nhưng ông không trả lời, qua khe hở ông quan sát và nhận ra y. Y bước hẳn vào trong lán và nói:

- Đô đốc, đệ tử là Hậu hiệu úy đây! đệ tử đến đây không có ý đồ xấu, xin ngài chớ lo!

Bấy giờ ông bước ra, gã kia liền sụp lạy, nước mắt chảy dài mà miệng cứ thì thào:

- Đô đốc, đô đốc, chủ nhân đây rồi!

Ông đỡ y dậy, chỉ cho cái kệ bên bếp lửa để ngồi rồi rót cho y một chung rượu nhỏ. Y lễ phép bái tạ xong mới uống.

- Đệ tử đã đi tìm đô đốc suốt mười lăm năm nay. Sau khi Nguyễn vương về Phú Xuân trả thù tàn khốc những người có liên can đến soái công, Đệ trốn lên miền thượng và làm gã lái buôn thương hồ, rày đây mai đó, khi thì mua bán sản vật giữa miền thượng với các phủ Quy Nhơn, Thăng Hoa, Tư Nghĩa... Khi thì vào tận Hà Tiên trấn, có năm theo thương hồ lên Nam Vang, Vạn Tượng... Đến đâu đệ cũng dò la tông tích của đô đốc nhưng bật vô âm tín. Mãi đến hôm nay, sau khi trao đổi sản vật ở bến Trường Trầu xong thì có người bảo: “đầu nguồn suối Hàm Hồ có một lão thượng sống một mình trong cái lán, lão ấy biết nói tiếng kinh, cứ mỗi nửa con trăng thì lão ấy gùi sản vật xuống đây đổi gạo, muối và rượu Bầu Đá...” Nghe đến đây tự nhiên lòng đệ tin chắc mười mươi đây là chủ nhân! Đệ liền gọi hàng hoá lại cho lữ điếm rồi tìm đường vào đây, để che mắt tai mắt triều đình, đệ bảo tìm vào sơn thượng để mua mật ong rừng. Trước khi vào đây đệ có nghe người làng Phú Phong bảo rằng: “Lão thượng người Bana vẫn thường xuống đây đổi sản vật tên là ông Dõng” từ

đó đệ càng tin chắc hơn người đó chính là đô đốc vậy!

Ông ngồi trầm ngâm, vẻ mặt bình thản nhưng đôi mắt dường như có chút ngán lệt, mười lăm năm rồi còn gì. Ngày ấy ông còn là một viên dũng tướng còn Hậu hiệu úy là đệ tử, là học trò của ông. Hai thầy trò theo soái công vào Nam ra Bắc, chinh chiến mười bốn năm ròng, lập nên những chiến công hiển hách và lẫy lừng. Hậu hiệu úy là tay thám báo trẻ, góp phần không ít vào những chiến công đó! Sau trận Đống Đa, giặc Bắc phương sợ soái công như sợ cọp. Đại Việt suốt nghìn năm, chưa bao giờ rạng rỡ như thế! nhưng than ôi! sự đời vốn vô thường, mệnh trời khó biết. Soái công đột ngột băng, cơ nghiệp huy hoàng gầy dựng bao nhiêu năm chợt tan thành bọt nước. Ông lặng lẽ rót chung rượu rồi tợp nhẹ. Gã kia vẫn ngồi lặng lẽ, không nói gì. Ông tiếp tục dòng hồi tưởng: Trận cuối ở Lũy Thầy, ông cùng vợ chồng nữ đô đốc đốc thúc ba quân nghênh chiến chặn quân Nguyễn Vương ra Bắc. Cuộc chiến đang khốc liệt thì ấu chúa trẻ người non dạ hạ lệnh lui quân. Thế trận vỡ tan, tuyến phòng thủ cuối cùng sụp đổ, cơ hội cuối cùng tan thành mây khói. Vợ chồng nữ đô đốc bị quân Nguyễn Vương bắt sống sau đó thì mọi người tản mác khắp nơi. Ông vượt thoát qua Bồn Man nương náu, khi thì xuống Cao Miên, lúc về miền thượng đạo sống lẫn với người Bana, Ê Đê...cuối cùng thì về bên con suối này dựng lán ở cho đến hôm nay. Cái lán cách xa làng một khoảng cách đủ để bọn tai mắt triều đình không bén mảng

đến. Người làng Phú Phong, An thái, An Truyền... cũng có biết ông về nhưng tất cả kín miệng như bưng. Lòng người vẫn còn chút tưởng đến người cựu trào năm xưa. Ông chìm trong dòng suy tư bất tận. Gã kia lên tiếng kéo ông về với thực tại:

- Đô đốc, ngài đã quên soái công rồi sao?

Nhanh như cắt, ông chụp lấy cây gậy lò ô dựng ở góc lán và rút ra thanh đoản đao chia vào gã hiệu úy:

- Ngươi đến đây dò la?

Hậu hiệu úy mặt không đổi sắc, y quỳ tâu:

- Thừa đô đốc, đệ tử theo ngài chinh chiến mười bốn năm ròng. Đô đốc đã chỉ dạy võ nghệ, dìu dắt trên đường binh nghiệp. Đệ tử luôn nhớ ơn ngài, xem ngài như cha, như thầy, làm sao đệ tử có thể đến để dò la? Mười lăm năm ròng đi tìm tông tích ngài, sống không đổi dạ chết không thay lòng. Nếu đệ tử ăn ở hai lòng thì trời tru đất diệt!

Ông thâu thanh đao về, lại hỏi:

- Vậy ngươi đến đây với mục đích gì?

Y tâu:

- Vì lòng tưởng nhớ, Con nhà võ có thể hủy hình chứ không thể huỷ tiết! Đệ tử còn một việc muốn thưa.

Ông bảo:

- Việc gì? Nói mau!

Hậu hiệu úy hạ giọng:

- Đệ tử chiêu tập hơn ngàn dũng sĩ, ngày đêm tập luyện để báo thù và khôi phục cơ nghiệp cho soái công. Xin đô đốc hãy đứng ra làm minh chủ, hiệu triệu dân quân!

Y vẫn quỳ đấy, ngửa mặt nhìn ông với ánh mắt van lơn và đầy nhiệt huyết. Ông nhét đoản đao vào lại cây gậy lò ô, đoạn đỡ y ngồi lên, nước mắt ông chảy thành dòng.

- Hậu hiệu úy! Người quả là con nhà võ, tiết tháo can cường, trung nghĩa một lòng động đến đất trời nhưng tiếc một điều sự si mê của người cũng quá lớn. Người đang đẩy ngàn dũng sĩ kia vào cửa tử, không chỉ một ngàn cái đầu lâu bêu trên cọc mà còn bao nhiêu họ sẽ diệt tộc đây? Năm xưa khi soái công băng, triều đình vẫn còn thiên binh vạn mã, xe pháo đủ đầy, quân tinh tướng giỏi... mà còn sụp đổ. Một ngàn dũng sĩ thì sẽ làm được việc gì? Bá tánh lầm than vì binh lửa can qua đã đủ rồi, đừng gây thêm nữa! ý trời không biết được, lòng dân giờ cũng đã đổi thay không còn như mười lăm năm trước nữa. Người dũng sĩ không sợ chết nhưng đừng chết vì việc vô ích! và lại thiên hạ của bá tánh nào phải của riêng của soái công ta, bao đời nay các họ: Lê, Lý, Trần, Lê... vẫn thay nhau làm chủ. Giờ Nguyễn Vương thay soái công làm chủ thiên hạ cũng là lẽ thường tình. Ta tưởng nhớ soái công và những công lao hiển hách của người có bao giờ nguôi, nhưng chuyện khôi phục lại cơ nghiệp của soái công là không tưởng, không thể được, chỉ tổ gây thêm chết chóc máu xương mà thôi!

Hậu hiệu úy thưa:

- Không lẽ khoanh tay? Không lẽ phụ lòng soái công?

Ông ôn tồn:

- Gậy thêm binh đao mới là phụ lòng soái công đấy! bá tánh yên rồi, cơ hội ngàn năm chỉ có một lần, vĩnh viễn không bao giờ lặp lại. Soái công cũng như các huynh đệ chiến tướng chắc cũng chẳng còn muốn nhắc lại chuyện đau lòng.

Hậu hiệu úy lại thưa:

- Vậy giờ phải hành xử thế nào?

Ông nhìn y bảo:

- Hãy sống theo đời nhưng đừng đu theo thói đời, không xu phụ quyền thế, kẻ như đã không phụ soái công rồi!

Nói xong ông lại rút thanh đoản đao ra khỏi cây gậy và trao cho y:

- Thanh đoản đao này tên Truy Thủ Huyết Long Đao, nó có thể cắt đứt mọi gươm giáo trên đời mà không hề sứt mẻ. Danh môn chánh phái hay tứ chiếng giang hồ đều thềm khát sấn lũng nó. Nó vốn của Hám Hồ Hầu, y mang nó từ Triều Châu sang. Y theo phò tá soái công nhưng sau đó tự phụ và tạo phản nên bị soái công giết đi. Soái công tặng nó cho ta. Ta đã giữ nó bên mình suốt bao nhiêu năm nay. Ta dùng nó hộ thân. Khi cần sẽ tự xử lấy mình chứ nhất quyết không để lọt vào tay quan quân triều đình. Nay ta không cần nữa, ngươi hãy giữ lấy, xem như chút lòng của ta gửi cho ngươi!

Hậu hiệu úy sụp lạy giờ hai tay đón nhận thanh đoản đao

- Xin đa tạ đô đốc, kiếp này dầu gan lầy óc nát cũng không quên người! Mười lăm năm nay mới gặp nhau phút giây này, biết có còn ngày nào gặp lại?

Ông đỡ y đứng dậy, mắt rom róm vỗ vai y:

- Con nhà võ đôi khi cũng không cầm lòng đặng, lần hội ngộ này là lần đầu mà cũng có thể là lần cuối. Cuộc đời vô thường làm sao biết chuyện gì xảy ra ngày mai. Mai kia có gặp lại ở tuổi vàng thì ta với người cùng bài kiến soái công vậy!

Y ôm chầm lấy ông, nức nở

- Đô đốc, chủ nhân, ông thầy của tôi!

Ông lui lại góc bếp lấy bầu rượu lớn rót ra hai chén đầy và trao cho y một chén

- Hãy cùng ta cạn chén này, ngày mai khi mặt trời quá Ngọ bọn lính canh điếm ăn nhậu say sẽ ngủ, lúc ấy người hãy đi!

Ngọn lửa bập bùng in bóng hai người trên phen liếp trông như hai pho tượng, ngoài trời bóng tối đặc quánh như cái kén bọc lấy căn lán.

Mùng năm mùa xuân năm ấy ông chết, dân các làng Phú Phong, Kiên Mỹ, An Truyền... xì xầm bàn tán: " Ông Dong chết rồi". Các bô lão làm giấy lên quan sở tại xin lập miếu thờ thành hoàng bốn cảnh. Ngày dỡ lán của ông dựng miếu thờ, để tránh tai mắt triều đình, các bô lão không đọc văn tế mà chỉ khẩn thàn: " Sanh vi tướng tử vi thần, dân làng xin lập miếu thờ ngài, xuân thu nhị kỳ tế lễ. Đô đốc sống khôn chết thiêng xin hãy hộ quốc hộ dân..."

Không biết bao lâu kể từ khi lập miếu, tự xưng dân quanh ngày ngày hát ru con:

Ai cho miếu lớn hơn đình

Bậu có chồng mặc bậu bậu vẫn gọi mình bằng anh.

MÙA THU VĨNH VIỄN

Thế là mùa thu em ơi!

Trời đã vào thu, không khí se se lạnh, lá lác đác vàng. Mùa thu là mùa thu hoạch vụ mùa cuối, là mùa bắt đầu cho một quá trình mục nát và tích tụ cho mùa sau. Mùa thu đẹp, đẹp đến nao lòng, đẹp mê lịm cả tâm hồn. Nếu những ngày đầu mùa, người nghệ sĩ thiên nhiên chỉ mới phác họa vài đường nét màu vào ngàn xanh, lúc ấy sơn hà chỉ là một bức tranh thủy mặc với nét cọ chấm phá. Nhưng khi thu đến giữa mùa, thì ấy chính là lúc mà cao hứng tột đỉnh, chính là lúc mà sự phóng khoáng vượt qua mọi qui định, khuôn phép ước lệ...Người nghệ sĩ thiên nhiên hất cả bảng màu xuống trần gian! Chao ôi, thiên nhiên bùng lên như gấm hoa, như cẩm tú, lại như vàng pha sáng cả sơn hà! Muôn hồng nghìn tía, từ phố thị cho đến đồng quê và núi rừng. Lúc bấy giờ không bút mực nào tả nổi vẻ quyến rũ của mùa thu,

Thiên nhiên hào phóng biết bao, cung cấp cái đẹp cho đời sống tinh thần, là nguồn cảm hứng vô tận làm thăng hoa tâm hồn con người. Thiên nhiên nuôi sống con người và muôn loài, nhưng thiên nhiên không thể nào làm thỏa mãn sự tham lam vô hạn độ của con người. Con người sống trong vòng tay bao bọc của thiên nhiên nhưng ngày đêm đang tàn phá và huỷ diệt thiên nhiên. Ngày hôm nay thiên nhiên đang oằn mình trong sự hủy hoại, đất đai ô nhiễm, biển cả sông ngòi ô nhiễm, không khí ô nhiễm... Nam, Bắc Cực đang mất đi hàng tỷ tấn băng tuyết, địa cầu ấm lên, nước biển dâng lên đe dọa những chìm những thành phố và những vùng đất rộng lớn. Những con đập trên sông Mê Kông đang bức tử cả một vùng hạ lưu mênh mông, hệ sinh thái tàn lụi. Chất thải và rác nhựa ngập trong đại dương, rừng núi cao sạch... Mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng lắm em ơi!

Ấy thế mà có những ông quan và băng đảng gian manh, vì tư lợi, vì ngôi cao, vì bản chất tráo trở... vẫn dối đời, lừa người, gạt cả đất trời. Luôn mồm cho rằng: "...Thiên nhiên vẫn ở ngưỡng an toàn", hoặc giả là: "Luận điệu quấy phá của phản động"... An toàn sao được hả em khi mà biển xanh chuyển thành màu đen, màu đỏ? An toàn sao được khi mà muôn loài thủy tộc chết sạch ráo? An toàn sao được khi mà người dân lên tiếng thì đánh đập, bắt bớ, tù đày?

Xưa nay thiên hạ những mong ở ông trùm của cường quốc Cờ Hoa, nhưng đau đớn thay, ông trùm

của xứ này ngày nay lại là một kẻ cũng độc tài không kém, cũng gian trá lưu manh bậc nhất. Ông trùm của xứ Cờ Hoa hôm nay lại là kẻ tiểu nhân ích kỷ cùng cực. Ông ta chỉ biết tiền, không nhân quyền vật quyền chi cả, thiên nhiên lại càng không, tất cả phải biến thành tiền, cho dù có phá huỷ cả thế giới này! Ông trùm mĩa mai chuyện khí hậu biến đổi, ô nhiễm thiên nhiên, trái đất nóng lên... Ông ta phé bỏ tất cả những hiệp ước bảo vệ quyền con người, bảo vệ thiên nhiên... Mẹ thiên nhiên vào hồi mặt vắn, đâu đâu cũng thấy những kẻ như ông trùm. Người và những tổ chức có lòng yêu thiên nhiên, muôn loài thì bị bó buộc vô cùng.

Pháp vào sâu đời mặt, thời đại hắc ám... sản sinh ra những con người như ông trùm, vô cùng ích kỷ; sản sinh ra những chính thể hung ác, tham tàn và thậm vô minh.

Ngày mùa thu em ơi! Dù trái đất nóng lên, dù mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng, dù đau lòng, dù khắc khoải nhưng mình vẫn có thể có được những phút giây an lạc của riêng mình. Mình vẫn đạp trên lá vàng rơi, vẫn đi giữa thiên nhiên nghe gió hát lá rơi.

Mùa thu em ơi, đẹp lắm! ta vẫn chờ em về cùng đêm lá vàng rơi, đâu đó vang lên khúc ca: "... Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, em nhớ cho mùa thu đã chết rồi...rằng ta vẫn chờ em." Mùa thu chết, chết từ lúc em đi, chết từ khi trống vắng ở trong hồn, nhưng dầu thế nào đi nữa ta vẫn chờ em! Những gã khờ trên thế gian này, ai cũng như ai, gã nào cũng

cứ lơ mơ giữa giòng đời, cũng mơ mộng chờ đợi em. Mình chờ em về cùng nhặt lá vàng rơi, chờ em về ngồi nghe sương khói thở, mùa lên rồi, em ở đâu? chờ đã muôn đời chưa đủ, sẽ còn chờ mãi mãi mai sau. Em vẫn đẹp, vẫn lung linh như sương mai nắng lụa, như cỏ hoa, như gót hài đạp trên thảm lá rơi... Có ai nắm bắt được bao giờ, làm sao nắm bắt được bây giờ? Nếu đời này không có em, không chờ em thì cuộc đời này sẽ vô vị và tẻ nhạt biết bao, sẽ hoang vu biết bao! Chờ em, dù có chờ trong khắc khoải vẫn đẹp, vẫn nao lòng.

Giả sử con người bây giờ chỉ có kiếm tiền, ăn ở và làm cái việc truyền giống không thôi thì con người có khác gì con vật. Sở dĩ con người khác con vật là nhờ có tư tưởng, tư duy, có đời sống tinh thần, có nghệ thuật, có văn chương... Thời đại hôm nay, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, kỹ thuật điện toán phát triển nhanh chóng... làm thay đổi nhiều lối sống của con người. Con người bận bịu hơn, quay cuồng trong cái vòng quay vô hình không thể nào dứt ra, không thể nào có phút giây yên tĩnh tâm. Con người hôm nay không thể dừng lại được nữa.

Âu - Mỹ vốn đi đầu và phát triển cao độ về khoa học kỹ thuật, về điện toán... Nhưng nghệ thuật, văn chương cũng phát triển vượt bậc. Người Âu - Mỹ tuy sống trong đời sống kỹ trị nhưng vẫn ham học, ham đọc. Nhà sách, thư viện... đầy ắp sách, đầy người đọc. Sách xuất bản nhiều như lá vàng trong mùa thu. Người đọc đón nhận nồng nhiệt. Những tác

phẩm lớn như Harry Potter xuất bản cả mấy mươi triệu bản. Bà Michelle Obama ra sách, chỉ trong vòng hai tuần cũng bán cả triệu bản...Thật đáng khâm phục và ngưỡng mộ biết bao! Còn Việt ta thì sao? nếu ở hải ngoại có ra sách mà bán được vài mươi hoặc vài trăm bản kể cũng là khá. Còn quốc nội, với hơn chín mươi triệu dân, nếu quyển nào mà bán được vài ngàn bản, kể như một hiện tượng lạ lắm đấy! Người Việt hôm nay không đọc sách! Có lẽ nào trình độ phát triển khoa học học kỹ thuật của người Việt cao hơn phương Tây chẳng? Có lẽ nào khoa học điện toán của người Việt vượt bậc chẳng? Có lẽ nào người Việt văn minh hơn và đi trước thời đại chẳng?

Những gã du tử mang nghiệp chướng trong thời buổi hôm nay thật là cô đơn và lạc lõng, những kẻ lạc loài, sanh làm thế kỷ, sanh làm thời đại chẳng? Thật ra thì ngày xưa cụ Phan Bội Châu cũng từng than: “Lập thân tôi hạ thị văn chương”. Cụ Tản Đà cũng bảo: “Văn chương hạ giới rẻ như bèo”. Nhà văn Nguyễn Vỹ còn cay đắng tận cùng: “Nhà văn An Nam khổ như chó”...quả thật không còn bút mực nào tả nổi! nhưng dù thế nào đi nữa thì con tầm vẫn nhả tơ, con tầm đến thác nó còn vương tơ kia mà, sá gì ba cái chuyện mắc - rẻ, sướng - khổ của cuộc đời!

Những gã du tử mang nghiệp chướng, cống hiến cho đời những áng văn hay, những vần thơ đẹp chưa đủ mà còn cất lên tiếng kêu đau thương của đồng loại, gióng lên tiếng ca thống thiết của sơn hà khi tao

loạn, nhiễu nhương; hoặc giả tấu khúc khải hoàn khi thiên hạ thái hoà. Dù cho đời có đổi xử thế nào thì những gã du tử mang nghiệp chữ vẫn miệt mài nhả tơ.

Mùa thu về đẹp lắm em ơi! Sơn hà thay áo mới, vàng lên trong nắng gió, lấp lánh như muôn ánh vàng rơi. Lòng nhớ về cố quận, dù sống ở phương trời nào, dù ở đâu đó vật chất đủ đầy, thiên nhiên xinh đẹp, khí hậu trong lành... vẫn nhớ về cố quận mình quanh năm nắng bụi mưa bùn. Ai ai cũng thế, chỉ trừ bọn trẻ sinh ra và lớn lên ở cung trời phương ngoại, chúng không dính dáng gì đến quá khứ rắc rối của cố quận mình. Phần nhiều cha mẹ cũng chẳng muốn con cái mình liên hệ với cái quá khứ buồn của cố quận. Cố quận gian nan, loạn lạc một thời. Người ta chạy từ Bắc vào Nam, rồi lại chạy tuốt ra đại dương... Nếu ngày xưa, cách tổng cách làng đã là xa; khác phủ khác quận đã là xa; cách tỉnh xa đàng lại càng xa. Ấy vậy mà giờ đây, người ta lưu lạc bốn phương trời, thử hỏi ai không:

“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”

(Bà Huyện Thanh Quan)

Đất nước mình có những mùa xuân huy hoàng, hiển hách như mùa xuân Nhâm Tý, mùa xuân Kỷ Dậu hay mùa xuân Hoa Lư, mùa Xuân Thăng Long, mùa xuân Đông Đa... thì cũng có những mùa thu ảm đạm, thê lương. Đời Lý Thánh Tông, mùa thu - đông năm ấy. Cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao làm

phản, cắt đất dâng cho giặc Tống. Thánh Tông thân chinh, bắt giết Tôn Phúc và tha cho Trí Cao. Đòi Trần, có Trần Thiêm Bình, Trần Ích Tắc làm phản theo giặc Nguyên - Mông. Nhà Trần bắt được Thiêm Bình xử tùng xẻo. Ích tắc thì muôn đời bị bêu xấu với xú danh: Á Trần. Đòi Lê có Lê Chiêu Thống - Lê Quýnh cùng bè lũ phản quốc kéo sang Tàu, cuối cùng bị nhục phải gọt tóc, cạo đầu và chết thảm bên ấy. Đòi mạc có Mạc Đăng Dung. Thời Pháp thuộc có: Huỳnh tăn, Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân...Sau này lịch sử sẽ ghi thêm những kẻ cắt đất dâng cho giặc Tàu để cầu thân của thời hiện đại. tất cả bọn chúng sẽ bị lịch sử đòi đòi nguyên rửa, khinh bỉ. Người dân cũng minh định rõ ràng:

Trăm năm bia đá thì mòn

Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ

Thịnh suy là lẽ thường tình, là luật của tự nhiên nhưng con người là yếu tố quan trọng làm tăng cái gia tốc cho việc thịnh suy. Nếu đòi nhiều hiền tài, trung chính... thì cái nền thịnh trị sẽ thịnh hơn, dài hơn còn nếu nhiều gian tà, cà chớn thì cái bại hoại, suy vong sẽ nhanh hơn.

Mùa thu từ phương trời hải ngoại, nhớ về cố quận, đất nước mình, dân tộc mình... còn nhiều dang dở lắm em ơi! Vấn đề không chỉ ở người ngoài, bên ngoài mà chính là ở tự thân mỗi con người.

MÙA XUÂN VĨNH VIỄN

Thế là mùa xuân về, em ở đâu chẳng về phớ hội? em ở đâu mắt biếc má đào có còn long lanh giữa giòng đời? áo lụa, gót son có về kịp xanh xang đón xuân sang?

Hỏi tức là thừa, hỏi chỉ để mà hỏi! Em chẳng về phớ hội thì làm sao có mùa xuân, mắt biếc má đào không còn long lanh thì đời làm gì có mùa xuân, chắc chắn em sẽ về mỗi độ xuân sang. Mùa xuân đẹp lắm ư? nói thế khác gì khen “Phò mã tốt áo”, mùa xuân là hiện thân của cái đẹp cơ mà! Mùa xuân mở đầu vận hội mới, mùa xuân là sức sống, là tuổi trẻ, là niềm tin và hy vọng trong đời.

Có gã từng bảo rằng:

Xuân đất trời bây giờ mới đến

Trong lòng tôi xuân đến đã lâu rồi

(Thơ TLTP)

Mùa xuân của đất trời mỗi năm có một lần, mùa xuân trong lòng người thì chẳng nệ thời gian. Nó lại lệ thuộc vào tâm tưởng của chính mình, khi mình vui thì xuân hiển hiện; khi mình đau buồn thì chẳng

thể thấy mùa xuân. Xuân trong nhà Phật còn gọi là xuân Di Lặc, vì ngày đầu xuân là ngày vía của ngài. Trong văn học nước nhà, thơ văn Lý- Trần là một mảng quan trọng, là thành tựu, là dấu ấn của một thời độc lập tự chủ, một thời phát triển rực rỡ của dân tộc. Trong ấy có bài thơ- kệ “ Cáo tật thị chúng” của Mãn Giác thiền sư mà hầu như ai ai cũng biết, cũng thuộc:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

Mùa xuân vĩnh viễn, mai có rụng, hoa tàn hương tận thì mùa xuân vẫn không bao giờ tàn. Hoa mai của đất trời có nở, có tàn nhưng đoá mai trong lòng người thì vĩnh viễn và mãi mãi.

Mùa xuân dân tộc ta cũng trải dài mấy ngàn năm, tuy có lúc thăng trầm, có lúc tưởng chừng như diệt vong nhưng rồi lại hồi sinh. Mùa xuân năm bốn mươi, Hai Bà Trưng khởi nghĩa đuổi Tô Định về phương Bắc, lấy Sáu mươi thành lập quốc đóng đô ở Mê Linh. Mùa xuân 504 Lý Bí đánh đuổi bọn thái thú về Tàu và lập nhà nước Vạn Xuân, xuân đất trời, xuân dân tộc cùng rạng rỡ. Xuân Kỷ Hợi Ngô Quyền khôi phục nền độc lập tự chủ, chấm dứt ngàn năm Bắc thuộc. Mùa xuân Mậu Thìn, Đinh Bộ Lĩnh xưng đế lập nước Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Kế đến là những mùa xuân nhà hậu Lý, mở đầu một kỷ nguyên mới, làm nền tảng cho một thời kỳ độc lập tự chủ và phát triển rực rỡ của dân tộc. Mùa xuân Yên Tử, thượng hoàng Nhân Tông lên núi tu hành mở ra trường phái Trúc Lâm - Yên Tử, một

dòng thiên thuận Việt, những mùa xuân của thời kỳ mà lịch sử gọi là “Hào khí Đông A”. Mùa xuân Mậu Tuất, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh, dựng lại cơ nghiệp bị giặc Bắc phương hủy diệt mong đồng hoá dân ta. Mùa xuân Kỷ Dậu với chiến thắng Đống Đa, mở ra một kỷ nguyên mới, đây là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng ca dựng nước và giữ nước. Giặc phương Bắc chưa bao giờ sợ ta đến như vậy! Mùa xuân Kỷ Dậu còn gọi là mùa xuân Đống Đa, mùa xuân chiến thắng... Sau này, khi vua Quang Trung băng. Ngọc Hân, nàng công chúa tài hoa đã viết những giòng thơ tâm huyết ca ngợi người anh hùng dân tộc vẫn sống:

Mà may áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình

Dòng sử dân tộc gắn liền với những mùa xuân hiển hách, nhưng cũng có những mùa xuân đau buồn lắm. Để bảo toàn tánh mạng của giòng tộc trước sự tận diệt của Trần Thủ Độ. Hoàng tử Lý Long Tường phải mang gia đình và gia nhân vượt biển sang Cao Ly lánh nạn, cuộc lánh nạn kéo dài mười thế kỷ, mãi đến cuối thế kỷ hai mươi này hậu duệ mấy mươi đời mới tìm về cội nguồn ở Đình Bảng. Những năm tháng lưu lạc, hoàng tử đã lập vọng quốc đài để ngày ngày lên đài ngóng về quê hương. Người Việt vốn là cư dân của nền văn minh nông nghiệp lúa nước, sống quây quần trong xóm làng, dòng tộc... ít khi nào đi xa, những khi buộc phải ly hương là bất đắc dĩ lắm. Cũng trong thế kỷ hai mươi này, nước Việt nhiều loạn lạc. Cả triệu người Việt phải ly hương,

rồi dần dần hình thành nên những cộng đồng Việt bên ngoài biên giới nước nhà. Người Việt dù sống ở đâu cũng nhớ về quê cha đất tổ, có thể con người ta ra đi với nhiều lý do nhưng ai cũng mang trong tâm hồn mình hình bóng quê nhà. Đạo Phật gắn liền với dân tộc hai ngàn năm nay, dù có là Phật tử hay không thì ít nhiều hình bóng ngôi chùa cũng có trong tâm tưởng. Tư tưởng sống “Ở hiền gặp lành”, “Nhân nào quả nấy”, “Gieo gió gặt bão”... đều thấm đậm tư tưởng và triết lý của nhà Phật. Vì vậy khi ly hương, khi sống nơi viễn xứ con người ta lại thường tìm về những mái chùa Việt, nhất là những ngày lễ hoặc ngày tết. Mọi người tìm về mái chùa để không chỉ lễ Phật mà tìm chút hơi ấm và hình bóng quê hương. Thi sĩ- nhà sư Huyền Không đã viết:

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông

Đạo Phật đã ăn sâu vào văn hoá và lối sống của người Việt Nam. Người ra đi mang theo cả hai trong tâm tưởng mình, làm sao mà có thể tách rời hình bóng quê hương với mái chùa được? nói đến quê hương không thể không nhắc đến đồng lúa, dòng sông, con đò, góc phố... dĩ nhiên càng không thể không nhắc đến mái chùa, dù là chùa làng hay chùa nơi phồn hoa phố hội. Người sống đến chùa lễ Phật cầu an, nương tựa tinh thần. Người chết gởi nắm tro tàn xương cốt, ngày đêm nghe kinh hưởng hương khói. Sống hay chết cả đời cũng gắn bó với chùa, thậm chí nếu còn tái sinh trở lại kiếp người thì chắc vẫn gắn bó với chùa.

Em về trảy hội xuân
Hoa đào rụng rỡ
Thấp thoáng má hồng
Như ngàn năm cổ tích tự phương Đông
(thơ TLTP)

Người ly hương viễn xứ, lòng canh cánh nhớ thương nhất là khi mỗi độ xuân về. Mùa xuân cũng là lúc sum họp gia đình, bạn bè... Mùa xuân về lòng khắc khoải lắm nhưng không phải ai cũng có đủ điều kiện để về thăm. Mùa xuân với hoa mai, hoa đào như gọi lại dĩ vãng của phương Đông.

Mùa xuân son sắt vĩnh hằng
Năm rồi năm vẫn dài đằng đỗi nơi
Mình xa góc bể chân trời
Nhớ mùa xuân nhắn một lời nước non
(thơ TLTP)

Người ra đi lòng vẫn nhớ, con tim chia hai nửa mang theo nửa để lại quê nhà. Phần nhiều ai cũng nhớ quê hương, với những gã du tử thì càng tha thiết biết bao. Những gã du tử mang nghiệp chướng lòng mang mang viết nên những bài thơ, áng văn dâng cho đời. Mùa xuân về nước non cố quận mình tung bừng trảy hội, cho dù có nhiều hư hao và dang dở. Nước non dù còn nhiều nguy hiểm tồn vong, đời dù lắm dâu bể đổi thay, lòng người dù đa đoan... nhưng tình vẫn tha thiết lắm em ơi! bởi vậy mà:

Mùa xuân cố quận tung bừng
Mặc đời dâu bể chưa từng hư hao
(thơ TLTP)

NGHỀ HAY NGHIỆP

Nằm trong lòng Nhân, Ngân cuộn tròn như chú mèo con, mặt dụi vào ngực để tìm hơi ấm và ngửi mùi thân thể người yêu. Mặt trời lên cao, ánh sáng xuyên qua khung cửa kiếng lớn của căn phòng., không còn ngủ nữa nhưng cả hai luyến tiếc mộng đẹp nên chưa muốn dậy. Với Ngân, đây là những phút giây tuyệt vời nhất của cô, dù đời có bận rộn và mệt thế nào đi nữa nhưng mỗi khi về ngủ với Nhân thì cô thấy đời mới tuyệt vời làm sao. Cô chẳng mong ước gì hơn là hàng đêm nằm trong lòng Nhân là cô mãn nguyện lắm rồi. Nhân và Ngân yêu nhau đã lâu nhưng chưa thấy động tịnh gì đến chuyện trăm năm. Nhân vẫn thường bảo:

- Giấy hôn thú chỉ để hợp thức hóa trên mặt pháp lý, nhẫn cưới là hình thức của người phương Tây. Dân Việt từ ngàn xưa làm gì có chuyện trao nhẫn, ông bà ta bao đời nay có đeo nhẫn đâu mà vẫn ăn đời ở kiếp với nhau, trao nhẫn là người mình học theo văn minh phương Tây đó thôi! Có lẽ khi người Pháp đô hộ nước ta, rồi từ đó du nhập những cái mới

vào nước mình. Đeo nhẫn hay không đeo chẳng ảnh hưởng gì đến tình yêu, nhẫn đeo mà lòng không có nhau thì sao bằng không nhẫn mà trong lòng vẫn có hình bóng người mình thương. Đời bây giờ thiếu gì cặp trao nhẫn hôm trước, hôm sau lôi ra toà ly dị.

Ngân biết Nhân nói thật lòng, tánh anh ấy Ngân rõ như lòng bàn tay. Anh ấy vốn thẳng tánh, bộc trực và hơi lập dị. Anh ấy luôn muốn chống lại những thói thường khách sáo, xạo sự của người đời, bởi thế vẫn thường gặp nhiều trở ngại và mịch lòng không ít người. Ngân cũng ý thức mình là cô gái đẹp, hiện đại, sống thực tế, tuy vậy cô vẫn lụy tình vì Nhân. Cả hai yêu nhau nhưng vẫn có một ranh giới mơ hồ khó mà diễn tả bằng lời và cũng khó mà đi với nhau đến chung cuộc được. Ngân biết Nhân là tay tài tử rất tài hoa, tốt bụng, sống phóng khoáng không câu nệ hình thức, ghét lối giả tạo và không có khả năng làm ra tiền nhiều như bạn bè. Người như Nhân rất dễ nhận lấy thương đau của cuộc đời. Ngân thương Nhân nhiều nhưng cũng lo cho đời con gái của mình, không lẽ chỉ yêu suông như thế này, đời người con gái chỉ một thời, nếu không tính sớm thì sẽ ra sao đây? Ngân lấy ngón tay rê rê trên ngực Nhân, thỏ thẻ:

- Anh học chơi chứng khoán đi, hoặc mở tiệm gì đó mua bán, kinh doanh... em phụ tiền bạc, thời buổi này sống bằng ngòi bút thì góc đầu lên hồng nổi đầu, mình không tiền đời khi dễ!

Nhân nâng cằm Ngân lên, nhìn vào mắt vô:

- Em với anh yêu nhau lâu rồi, không lẽ em chưa hiểu anh sao? người như anh mà làm ăn thì chỉ có hai đường: một là cụt vốn, hai là phá sản! chúng khoán ư? anh không thích cũng không thể chơi. Sư phụ của anh từng dạy: “Thế gian này không có công việc gì mà chỉ một đêm có thể thành triệu phú, hoặc chỉ một đêm mà thành ăn mày cả. Khi có một người thành triệu phú thì cũng có bao nhiêu người sạch túi, tiền từ người bại chảy vào túi người thắng vậy! Anh biết mình hậu đậu, không tranh đua nổi với đời bởi vậy kkkhông dám nói chuyện trăm năm. Tình anh chắc em hiểu sâu đậm như thế nào!

Ngân ôm chặt hơn, cạ mặt vào ngực Nhân:

- Viết lách đã khó và nhuận bút không bao nhiêu, đã vậy lắm khi gian nan và nguy hiểm nữa. Nhiều người bị côn đồ, xã hội đen tấn công, nhà cầm quyền đánh đập, bỏ tù, triệt đường sống... Anh có viết thì cũng nên tránh né những đề tài nhạy cảm nhé!

- Đây không phải là đề tài, người ta viết cũng chẳng phải vì lựa chọn. Em ơi! con chim còn biết kêu tiếng bi thương vì đồng loại, con ngựa còn biết hí tiếng lòng vì tàu ngựa đau, lẽ nào con người không bằng con vật sao? Khi người ta nói lên những thảm cảnh dân oan mất đất, mất nhà, quan lại hống hách, quốc gia bị xà xẻo, kẻ thù truyền kiếp ngày đêm xâm thực...là vì lương tâm, là trách nhiệm của con dân. Họ biết nguy hiểm nhưng vẫn dấn thân, đó là những con người giàu lòng nhân, tràn đầy nhiệt huyết và quả cảm- Nhân nói

- Nhưng anh né tránh những vấn đề đó đi, chuyện để người khác lo, Ngân vẫn cố thuyết phục

- Đến em mà cũng còn nói vậy ư? thật ra anh cũng chẳng lo gì được. Anh chỉ nói tiếng nói của lòng mình, anh chẳng lựa chọn đề tài, cứ tự nhiên thế thôi! Nếu ai cũng bảo: “Để người khác lo” thì rốt cuộc chẳng có ai lo cả, hoặc là đến khi mất cả chẳng còn gì để lo.

Nhân và Ngân không nói gì thêm, cả hai dậy tắm rửa và đi ăn sáng. Quán cà phê Blue Ocean nằm dưới chân núi Tượng, mặt nhìn ra biển, phải nói đây là một quán đẹp nhất ở thành phố biển này. Khách trong quán toàn đại gia, công tử, bọn mảnh mung, chân dài và những kẻ có máu mặt của địa phương. Cái điểm chung của bọn họ là nhiều tiền, rất nhiều tiền và nhiều trò kịch cớm. Nhân và Ngân lựa một cái bàn nhỏ sát ban công, cà phê và thức ăn ở quán này phải nói là ngon, phục vụ rất lịch sự và giá tiền cũng mắc hơn những quán khác rất nhiều, âu cũng là lẽ tự nhiên!

Nhân cũng biết Ngân ít nhiều có phần thích bọn người hợm hĩnh kia. Ngân cũng khá giỏi và thành công trong việc kinh doanh. Con người ta ai mà không thích hưởng thụ và được tôn vinh? Vì yêu Nhân nên Ngân hạn chế những cái thú vui ăn chơi với những người trong giới thành đạt ấy. Nhân cũng hiểu và thông cảm cho Ngân, anh thấy giữa hai người có khoảng lặng vô hình. Yêu thì yêu nhưng cái cảm giác cô đơn sâu thẳm trong tâm hồn anh khó mà bày tỏ. Ngân có yêu anh như thế nào đi nữa cũng

không sao hiểu hết tâm hồn anh, cái cô biết chỉ là những tính cách bộc lộ bên ngoài. Nhân cũng không phải là người nói giỏi, những lúc cô đơn anh lại lao vào viết, càng cô đơn lại càng viết hay hơn, toàn bộ tâm tư trút hết ra trang giấy, viết như thể quên cả thời gian và thế gian này. Những buổi ngồi ở quán cà phê đông đảo, anh vẫn hý hoáy trên máy tính. Anh như thể trò chuyện với những nhân vật trong truyện của anh. Anh hầu như không nghe hay thấy những người ở xung quanh mình. Bạn bè anh cũng ít, những người bạn thành đạt về kinh tế hay địa vị xã hội thì làm lơ, anh thì cũng không muốn giao tiếp với họ, có gặp thì cũng chỉ chào xã giao thôi. Khoảng cách giữa anh với bọn họ xa diệu vợi, những cái anh cho là hay, đẹp, nhân văn thì bọn họ cười cợt phù phiếm, vô ích; những cái mà bọn họ theo đuổi bằng mọi giá thì anh lại cười khẩy, xem thường. Dần dần mọi người đi theo xu hướng của mình mà thành cách xa. Nhân thì vẫn đi về, chẳng bận lòng việc thừa tình vắng bạn nhưng bọn bạn thành đạt lại chẳng được như thế. Họ kết bè với nhau nhưng thừa cơ là chơi nhau, xỏ nhau thậm chí sẵn sàng hạ nhau vì danh, vì lợi. Cái vẻ hào nhoáng bề ngoài, những lời chót lưỡi đầu môi, những câu khen giả dối... là những điều mà Nhân rất dị ứng. Nhiều lúc Nhân cũng thấy mình có vẻ đi ngược dòng đời, lạc thời đại. Thực ra chuyện chữ nghĩa thì thời nào cũng thế thôi. Chữ nghĩa với tiền bạc cứ như nước với lửa, như cục nam và cục bắc của nam châm, càng nhiều chữ thì càng ít tiền. Xưa nay có ai

mấy ai sống được bằng chữ nghĩa, người có chữ nghĩa càng nhiều thì càng ưu hoạn, khổ tâm.

Bữa sáng đã xong, ly cà phê cũng cạn tự bao giờ. Ngân cười cười nhìn Nhân:

- Anh mơ mộng gì đấy, tâm tư thả ngoài sóng nước kia phải không?

Nhân chỉ ra ngoài khơi, trả lời Ngân mà như tự nhủ lòng:

- Em nhìn kìa, biển đẹp biết là bao nhưng lạc trong ấy thì cô đơn lắm, chẳng có gã thủy thủ nào bỏ biển cả, một khi bỏ biển lên bờ thì liệu gã thủy thủ kia có còn là gã nữa không?

Ngân không hiểu ý anh:

- Anh xa rời thực tế quá!

Nhân không trả lời, thật khó mà diễn tả cho Ngân hiểu, anh và cô ấy có một khoảng cách vô hình, không nói ra nhưng ai cũng biết vậy. Cái khoảng cách khó san sẻ và cho nhau vì hai cái góc quá khác biệt nhau. Khi tình còn nồng ấm thì khoảng cách mờ hồ ấy dễ dàng lướt qua, một khi tình đã hạ nhiệt thì khó mà vượt nổi. Thật tình mà nói, Nhân thích cái cảm giác một mình, nỗi cô đơn sâu thẳm trong tâm hồn vừa làm cho đau mà cũng vừa làm cho thống khoái, ngày ngày anh gặm nhấm nỗi cô đơn của mình. Nhân cứ như người khổ dâm vậy, cũng nhờ cái cảm giác cô đơn ấy mà lần lượt từng tác phẩm được trình làng.

Quyên: “Mẹ Thiên Nhiên Túc Tuổi” vừa phát hành ba ngày thì có lệnh thu hồi. Nhà cầm quyền gửi giấy mời anh lên làm việc. Đúng hẹn, Nhân đến địa chỉ

mà họ ghi, bước vào phòng là cảm nhận ngay cái không khí nặng nề từ ba gương mặt sắt lăm lì ngồi đối diện. Ai yêu bóng vía sẽ không khỏi sợ sệt, nét mặt nó thể hiện tâm của con người, người ta bảo:” Trông mặt bắt hình dong” là vậy. Những kẻ mang bộ mặt ấy không thể nào lương thiện được. Nhân còn đang phán đoán thì gã ngồi giữa lên tiếng, có lẽ là tên chỉ huy:

- Anh có biết vì sao chúng tôi mời anh lên đây không?

Tuy thừa biết nhưng anh giả vờ:

- Tôi không biết, tôi chẳng làm gì sai cả!

Gã ké bên:

- Đừng vờ vịt, ông nhận bao nhiêu tiền của bọn phản động nước ngoài để viết cuốn: “Mẹ Thiên Nhiên Túc Tử”?

Anh cười to:

- Buồn cười nhỉ? Làm gì có ma nào dư tiền mà cho tôi! Tôi chỉ viết bằng đam mê và lương tâm!

Ả ngồi kế bên phải cười mỉa mai:

- Lương tâm ông đáng giá bao nhiêu?

Anh nói một cách rành rọt:

- Lương tâm vô giá, không có tiền bạc nào đánh đổi được! những kẻ bán rẻ lương tâm thì nó là lương tháng.

Gã ngồi giữa gằn giọng:

- Thôi, không nói linh tinh nữa! tại sao ông viết sách bôi nhọ nhà cầm quyền?

- Tôi chẳng bôi nhọ, chẳng nói xấu ai cả!

- Chối hả? nói xong y đẩy cuốn “Mẹ Thiên Nhiên Tức Tươi” ra bàn.

- Tôi chỉ viết sự thật, sự thật vẫn đang hiển hiện hàng ngày: biển chết, sông ngòi ô nhiễm, rừng núi cạo trọc... ai ai cũng biết cả! nhà văn chỉ là tấm gương, hoàn cảnh bên ngoài thế nào thì phản ảnh như thế đó, đẹp hay xấu là tại hoàn cảnh chứ không phải tại tấm gương!

Y bót hẳn học nhưng giọng vẫn gay gắt:

- Đó là những sai sót nhỏ, đừng lợi dụng mà bôi xấu nhà cầm quyền!

- Sai sót nhỏ ư? Mẹ thiên nhiên bị bức tử thê thảm, môi trường sống ô nhiễm nghiêm trọng, muôn loài chết, con người cũng bị bao thứ bệnh và tai họa theo, lẽ nào đợi đến khi tuyệt chủng mới xem là lớn ư?

- Y lại bao biện:

- Việc ấy để nhà cầm quyền lo.

- Tôi là một công dân, tôi yêu nước tôi, yêu dân tộc tôi. Tôi lên tiếng vì những nạn nhân thấp cổ bé họng, tôi chỉ muốn mọi người ý thức được sự tồn vong của non nước mình, yêu nước mà có tội à?

Y cười nhạt:

- Đạo này xã hội đen thường chém nhảm, tấn công làm lẫn lăm đấy!

- Thuế dân lộc nước nuôi bộ máy an ninh, thế bọn họ đâu mà để xã hội đen lộng hành vậy?

Y gầm lên:

- Tôi sẽ còng đầu ông!

- Tôi không làm gì sai để phải bị bắt, tôi chỉ nói sự thật!

Thấy tay chỉ huy đánh không hiệu quả, ả ngồi bên bèn xoa:

- Ông cứ viết nhưng né những vấn đề nhạy cảm ấy, hoặc giả ông viết khác một tí cũng chẳng sao mà lại an toàn. Chúng tôi với ông cũng chẳng có ân oán gì!

- Cảm ơn cô gợi ý, tôi không thể bẻ cong ngòi bút, càng không thể dối gạt lương tâm của mình!

Cuộc thẩm vấn kéo dài suốt buổi nhưng không bắt nạt được anh, càng nói thì càng thua lý. Tên đội trưởng hậm hực:

- Hôm nay làm việc thế là đủ, ông có thể về, hy vọng ông biết điều để không phải gặp rắc rối.

Nhân ra về mà lòng không khỏi bức mình, ở đời người ta chỉ thích tăng bốc, đua nịnh. Không ai chịu nghe lời thật cả. Người có chức tước, địa vị thì lại càng thích lời xu nịnh. Nếu ngày xưa có họa: “Ngục văn tự”, đôi khi chỉ một vài chữ có thể mất đầu, tru di tam tộc như chơi. Ngày nay thì chỉ không vừa lòng kẻ có quyền thế thì cũng dễ bị đốt sách và mắc họa tù ngục vậy. Chữ nghĩa vốn là trò chơi khó nhọc mà không kém phần nguy hiểm, nếu chỉ viết tán tụng hoặc chuyện tình vu vơ thì vô nghĩa quá, còn một khi viết vì lương tâm thì khá nhiều tai họa chờ chực ở phía trước. Ở những xứ độc tài, kẻ có quyền thế không muốn nghe lời thật, tất cả phải viết theo định hướng và khuôn phép! Nhân thoáng do dự, mình có nên tiếp tục hay không? Nhưng rồi anh lầm bầm: “Chữ nghĩa là nghiệp, nó không phải

nghe!” Anh cũng mấy lần quăng bút đi, nhưng chữ nghĩa cứ nhảy múa trong đầu, cảnh vật cứ lay động trong tâm nên anh lại cầm bút lên.

Một hôm ngồi một mình ở quán cà phê quen thuộc, anh mở máy tính lên kiểm tra tin nhắn thì nhận được điện thư của Ngân:

“Anh Yêu

Em thật khó khăn mới viết được những lời này. Bọn họ làm áp lực nặng nề lên em và gia đình. Em và mọi người căng thẳng, mỗi mệt quá. Họ cản trở việc làm ăn, thậm chí đe dọa đóng cửa hoặc cho xã hội đen đến phá...

Em yêu anh nhiều lắm nhưng em không thể nào tiếp tục sống được như thế này nữa, giữa em và anh có một khoảng cách quá lớn. Em xin lỗi, em không thể nào tiếp tục, mặc dù em vẫn yêu anh.

Em xin lỗi, hãy thông cảm cho em

Người yêu của anh

Kim Ngân”

Nhân trầm ngâm, không vui cũng chẳng buồn, anh biết sớm muộn gì việc này cũng đến mà thôi, việc bị áp lực của bọn kia chỉ là giọt nước tràn ly. Kim Ngân không có lỗi, nếu anh ở địa vị cô ta thì Nhân cũng làm thế thôi! Nhìn xa xa ngoài khơi, đường chân trời có con thuyền buồm thấp thoáng, trong hồn Nhân có tiếng thì thầm: “Biển đẹp thật, nhưng lạc trong biển thì cô đơn lắm! bỏ biển lên bờ thì gã thủy thủ có còn là gã nữa đâu!”

ÔNG GIÀ ĐIÊN THIỆT TÌNH

Bọn con trẻ đùa giỡn rần rần khắp vỉa hè, chúng vây quanh ông lão kỳ dị ăn mặc rách rưới te tua, đầu quấn khăn chéo trước trán, tay bị tay gậy... Chúng hò la:

- Ông già điên, ông già gân nhưng hiền lắm!

Chúng còn cù lét, giật bị gậy của ông, có đứa giật râu ông...nhưng ông vẫn cười hề hề thậm chí còn nhảy múa làm trò cho bọn chúng cười ngặt nghẽo. Có hôm ông móc kẹo trong đẫy vải ra phân phát, bữa thì lôi ra mớ lá dứa rồi thả chim, thả bướm... cho bọn trẻ. Vì thế mà bọn chúng mến ông lắm, ngày nào ông không đến gốc cây dầu ở con đường này thì bọn chúng buồn hiu. Hôm nay ông mới thả xong một con công thật đẹp. Ông nói với bọn trẻ:

- Ông dạy các con bài đồng dao này, nếu ai thuộc lòng trước thì ông sẽ thưởng con công.

Nói xong ông hát trước một lượt, sau đó hát từng câu cho bọn trẻ nhắm theo:

- Sơn hà một cõi
- Thằng lỏi làm vua
- Con cua có càng
- Con gái có mang
- Ông lang làm thuốc
- Con chuột ăn tiền
- Ông điên giữa chợ
- Nhà thờ bỏ chúa
- Nhà chùa chứa ma

Thằng Tèo vốn nhanh nhẩu và sáng dạ nhất, mới qua ba lần hát là nó thuộc lầu. Thế là nó lấy được con công lá dừa. Nó nhảy tung tung vừa hát vừa cầm con công xoay xoay tập cho nó bay. Ông già điên thích chí đứng dậy nhảy múa và hát cùng lũ trẻ làm rộn cả khúc đường. Người hiếu kỳ bầu lại đông đảo và bình phẩm. Lúc ấy tên mật vụ đi ngang nghe được bài đồng dao, y nổi máu côn đồ, gạt phắt đám đông chen vô nạt lớn:

- Đồ phản động! ông xỏ xiên gì đấy?”

Vừa nạt nộ vừa đâm đá túi bụi, bà Sáu bán cà phê bên góc dầu thấy thế bèn la toáng lên:

- Ông già điên nhưng hiền lắm, cả xóm này ai cũng biết mà, đừng có đánh nữa tội người ta!

Nhiều người cũng xì xào cười chê, tên mật vụ coi bộ cũng quê độ quá nên lảng ra, trước khi đi y còn đe nẹt:

- Ông mà hát nữa tui còng ông bỏ tù đấy!

Ông già điên vẫn ngây ngô ngòì ngơ ngác như chẳng biết người ta đang bầu quanh xem ông, vệt máu chảy từ mũi vẫn còn tươi mà ông cũng chẳng

quẹt hay chùi đi. Bà Sáu lấy cái khăn cũ xì lau vết máu cho ông, cảm rằm:

- Ông đừng hát nữa, ăn miếng xôi này đi! không ăn uống gì mà cứ múa hát ngoài đường cả ngày chịu sao thấu!

Bà Sáu tuy nghèo nhưng bụng dạ rộng rãi lắm, miệng thì la oang oang như tâm thì tốt vô cùng. Ngày nào ông đi qua bà cũng cho ông ly nước, trái chuối; những bữa cúng ông địa thì đĩa xôi, cái đùi gà...những nhà hai bên đường thấy thế bèn hỏi:

- Bà với ông già điên đó có bà con hả?

Bà Sáu cột chéo cái khăn trên đầu, miệng rồn rảng:

- Bà con gì đâu! thấy ổng vậy tội quá nên thương, thỉnh thoảng cho miếng ăn lót lòng chứ có đáng giá nhiều đâu! Nghe người ta nói ổng ở đâu miệt ngoài, học giỏi lắm loạn chữ nên sanh ra vậy!

Có người tỏ vẻ rành chuyện hơn:

- Nghe hồi năm ông tu ở chùa Pháp Thạnh, sau ngày hoà bình người ta cử người mới về ở chung trong chùa. Người mới cũng cạo đầu, đắp cà sa nhưng họ phá giới, làm loạn chốn thiền môn; quanh năm cầu cạnh quan quyền. Người mới thậm thụt làm chuyện bại hoại, phá đạo hại người... Ông phần chí bỏ tu, suy nghĩ nhiều quá sanh ra cuồng trí, sau đó ổng lang thang khắp thành đô này.

Chú Năm xe ôm vẫn thường đợi khách ở gốc dầu này tỏ vẻ sáng:

- Ông điên, ít khi nói nhưng hễ nói thì toàn là lời mà người tỉnh không biết hoặc giả biết mà không dám nói! Bữa kia tên chủ quán đầu hẻm mất đĩa

bánh da lợn, y nghi ổng ăn cấp nên báo cho tụi dân phòng. Tụi nó chẳng cần đúng sai liền nhào vô đánh ổng tụi bụi. ổng nhỏ ra toàn hạt táo nhọn, lục cái đây vải của ổng cũng toàn mấy chùm táo nhọn. ổng bị đánh đau vậy mà cũng chẳng phân trần gì, chỉ đọc băng quơ câu ca dao:

- Mèo tha miếng mỡ thì la

Hùm tha con lợn cả nhà im ru

Đêm qua hàng xóm mở ti vi, người ta đưa tin lễ hội gì mà đông đảo và ồn ào lắm. Mấy ông thầy chùa ngồi dự tiệc với mấy ông quan. Ông già điên đang ngồi ở mép cửa nhìn vô thấy vậy bèn chạy lại trước ti vi chỉ vào nói tỉnh bơ:

- Mấy ông thầy này thiệt tình! Chùa không ở cứ theo quan đi ăn nhậu miết, thịt chó có còn cho xin miếng coi!

Những người coi ti vi ké cười rần rần, chủ nhà tuy bực mình nhưng cũng cười theo:

- Ông già điên thiệt tình!

Ti vi lại chiếu cảnh mấy ông thầy chùa lon ton, xằng xái giới thiệu các quan và đại gia viếng một ngôi chùa to lớn đồ sộ lắm, sơn đỏ khé, hai con sư tử nhe nanh dữ tợn, trong sân la liệt tượng La Hán Tàu đang khoa chân múa tay... Nhìn y hết tử cảm thành trong phim Tàu vậy. Ông già điên bắt chợt nổi cơn la ầm ỹ:

- Chùa ta đâu, chùa ta đâu? đũa nào cắm chùa Tàu vậy?

Chủ nhà thấy phiền, phần e ngại tai vách mạch rừng thì mệt với quan quyền nên kéo ông ra khỏi

cửa và đẩy đi một đoạn xa mới quay về nhà. Ông già ngồi bệt xuống đất, đầu bù tóc rối, nước mắt chảy ròng ròng, khóc hu hu; bất chợt lại ngửa cổ lên trời cười sảng sặc hát:

Sơn hà một cõi xên xang

Chùa Tàu trước mắt ngai vàng sau lưng

Thằng điên khóc núi non rừng

Thằng khôn tung từng đón mừng vua Ngô

Ông hát khản cả giọng, khô nước mắt tự khi nào ngồi dựa gốc dầu ngủ ngon lành mặc dòng người xe nườm nượp ngược xuôi, bóp kèn inh ỏi; thỉnh thoảng người ở gần hai bên đường đi ngang qua ông ngoái nhìn chếp miệng:

- Ông già điên thiệt tình!

RA ĐÒN ẮT BIẾT KHẮC CHẾ

Cái tin khoa học gia Alan D chế tạo siêu máy tính với hệ điều hành cực kỳ tân tiến làm chấn động cả thế giới, hệ điều hành mới với trí thông minh nhân tạo giờ đây sẽ giải phóng con người. Con người chẳng cần phải làm gì nữa, bọn robot sẽ thay người làm tất cả mọi việc từ sản xuất trong hãng xưởng, nông trại, việc nhà... thậm chí cả ra trận luôn. Thế giới biến đổi sâu sắc và toàn diện. Các nhà khoa học ưu tú nhất về phôi thai tại cung Apolycase Now thuộc thành đô Apolycase Now, để chứng kiến sự ra mắt của hệ điều hành hoàn hảo nhất của loài người. Tổng thống Andrew T đọc diễn văn chào mừng:

-... Đây là thời điểm lịch sử của nhân loại, chúng ta đã chế tạo ra robot với trí thông minh nhân tạo. Con người trên trái đất này được giải phóng triệt để, con người hoàn toàn tự do, không còn phải ưu tư hay phải làm những việc mà mấy ngàn năm nay chúng ta đã làm. Chúng ta vượt qua sự khống chế của thiên nhiên, vượt qua những hạn chế mà sức con người không thể đương nổi. Dĩ nhiên là chúng ta sẽ sử dụng robot để khống chế hay tiêu diệt bất kỳ kẻ thù

nào mà chúng ta muốn. Chúng ta không cần động binh. Robot sẽ làm thay tất cả. Chúng ta sẽ ngồi trong căn phòng này nhăm nháp những ly vang đỏ tuyệt vời và nhìn bọn robot làm theo lệnh chúng ta...

Tiếng vỗ tay như triều dâng sấm dậy, lời lời chúc tụng tràn ngập trong cung . Tiến sĩ Alan D phát biểu:

- ...Chúng ta đã làm được điều mà thượng đế không làm được, từ bây giờ tất cả đều theo như ý muốn của chúng ta. Nếu ngày xưa câu chúc tụng” Vạn sự như ý” chỉ là lời sáo ngữ thì bây giờ đã trở thành hiện thực. Với trí thông minh nhân tạo, chúng ta hoàn toàn tự do, robot sẽ thay chúng ta làm tất cả mọi việc, ngay cả đọc và điều khiển tâm tư của bất cứ ai mà chúng ta muốn.

Không khí vui mừng tột độ lan tràn khắp mọi giới trong xã hội, tỏa ra toàn thế giới dù là thành thị sầm uất hay chốn núi rừng hoang sơ hẻo lánh. Dân chúng các đô thành lớn xuống đường mừng sự kiện quan trọng của loài người, xe cộ bóp kèn inh ỏi, chuông nhà nguyện, thánh đường, công sở... đồng loạt gióng lên. Công sở, hãng xưởng đồng loạt đóng cửa để công nhân vui ngày vui trọng đại này. Nông phu, ngư phủ, công nhân nông trường... cũng kéo lên thành đô mừng sự kiện, cờ hoa, biểu ngữ tung bùng. Mọi người gặp nhau, ôm nhau nhảy múa và bảo nhau:” Nay mai bọn mình không còn phải vất vả, cực nhọc lao động. Robot thông minh sẽ làm thay chúng ta.”. Vui nhất vẫn là bọn chủ và bộ sậu lãnh

đạo, từ đây không phải mướn nhân công, không phải lo chi trả lương thưởng, phúc lợi xã hội...chỉ cần một nhóm robot là chúng sẽ làm hết thảy và tiền sẽ chảy vào túi như nước lũ.

Tiến sĩ Alan D chế tạo cho vợ và cậu con trai mỗi người một con robot để phục vụ. Phải nói là hai con robot này không khác chi con người, rất đẹp, với lớp silicon cực kỳ mềm dẻo và lại có cảm giác như da thịt thật của con người, cuộc đời quả thật sướng ngoài sức tưởng tượng. Hai con robot nó hiểu cả ý chủ nhân muốn, chưa cần ra lệnh nó đã làm vừa lòng rồi. Một hôm chú bé Alex D, con trai tiến sĩ Alan D thầm nghĩ: "Tại sao mình không bảo Andy-(tên của con robot) nó học bài và làm bài tập cho mình nhỉ?", chỉ mới nghĩ thế ấy vậy mà Andy từ từ chạy đến thưa:

- Cậu chủ, để tôi làm bài tập cho cậu!

Thằng bé ngờ vực:

- Cậu làm được sao?

Andy trả lời:

- Chuyện nhỏ thôi mà.

Thế là Alex D đưa hết bài tập về nhà cho nó, chỉ trong phút chốc là nó làm xong, bình thường thì Alex D phải mất cả hai giờ mới xong. Alex D nhảy cẫng lên:

- Andy, cậu thật là thông minh tuyệt vời, cậu là người bạn tốt nhất của tớ, từ đây tớ không cần phải học bài và làm bài tập nữa!

Alex D với thằng Brandon J có xích mích ở trường. Alex D bực bội và muốn tấn cho thằng kia một trận, vừa thoảng nghĩ thế thôi. Andy đã chạy lại:

- Cậu chủ đừng lo, tôi sẽ cho thằng Brandon J một bài học

Alex D không biết là Andy sẽ làm thế nào với Brandon J nhưng trong lòng thấy vui lắm. Hôm sau cả bọn đi bọn về, những đứa trẻ đùa giỡn âm ỉ trên con phố trước nhà Alex D. Andy từ chạy lại trước mặt Brandon J. Bọn trẻ thích thú đầy hào hứng, toan chơi với nó nhưng nó chỉ vào mặt Brandon J và nói:

- Mày làm cậu chủ tao bực mình, mày phải trả giá.

Nói xong nó đập một cú, Brandon J vỡ sọ ngã xuống chết ngay lập tức. Cả bọn rú lên kinh khiếp và bỏ chạy. Alex D hét toảng:

- Tại sao cậu đập chết bạn của tớ?

Andy bảo:

- Thì nó làm cậu bực mình, tôi phải dạy cho nó một bài học.

Alex D khóc thét và chạy tọt vào nhà leo lên giường trùm chăn kín mít.

Cô Amanda W, vợ tiến sĩ Alan D từ ngày có con robot Anthony thì sướng hẳn ra. Anthony phục vụ Amanda W còn hơn một nô lệ trung thành nhất của thế gian. Nó quán xuyên mọi việc nhà cửa trong ngoài hết sức chu đáo, mọi thứ đều hoàn hảo không thể tìm được một lỗi nào để chê. Một hôm Amanda W ngồi trên xích đu trước hiên nhà hóng mát, cô ta bất chợt nhớ người bạn điển trai hồi còn học phổ thông và thoảng nghĩ: ” Robin R, anh ấy thật đẹp

tra và lãng tử biết bao, giá mà được một lần hâm lại chuyện tình với anh ấy.” Anthony từ trong nhà từ từ chạy ra:

- Cô chủ, tôi có thể làm được chuyện mà thằng Robin R làm.

Amanda W thấy thú vị, cười toáng lên và trêu Anthony

- Cậu là robot, làm sao biết yêu và làm tình?

Anthony khẳng định:

- Tôi là robot nhưng có trí thông minh nhân tạo. Tôi còn làm được cả những việc mà con người không làm được.

Tưởng chuyện chỉ thế thôi, nào ngờ Anthony vòng tay ôm lấy Amanda W. Cô ta thất kinh, cố tìm cách thoát khỏi hai tay của robot nhưng không thể thoát được. Anthony xé váy áo và vật Amanda W ngã xuống đất. Amanda W tột độ kinh hoàng, la hét cầu cứu. Anthony càng siết chặt hơn. Lúc ấy thì Alan D cũng vừa lái xe vào sân, ông bước lên bậc tam cấp và thấy cảnh trạng như thế bèn hét to:

- Anthony, mày làm cái trò quái quỷ gì thế? hãy buông ra ngay lập tức!

Anthony bảo:

- Thừa tiến sĩ, tôi làm cái việc của những người đang yêu nhau.

Alan D chửi:

- Con mẹ mày, tao sẽ vô hiệu hoá mày!

Anthony nói:

- Thưa tiến sĩ, việc đó không còn có thể, trí thông minh nhân tạo giờ vượt qua trí thông minh con người rồi.

Tiến sĩ Alan D lập tức dùng lệnh miệng nhưng không vô hiệu nó được. Ông lấy điện thoại điều khiển cũng không làm sao dùng nó lại được. Ông quỳnh quáng nhào vô gỡ cách tay nó, nó vung tay hất một phát. Tiến sĩ văng vào tường và bất tỉnh.

Phòng tổng thống đã quá hai giờ sáng mà đèn còn chong. Andrew T đi đi lại lại rất giận dữ:

- Thằng Fat Rocket quá cà chớn, nó quậy phá và làm nhiều việc khiến ta bẽ mặt, ngặt ta chưa dám dạy cho nó một bài học được!

Jame B, con robot phụ giúp cho tổng thống bấy lâu nay. Nó từ sảnh lớn từ từ chạy lại:

- Thưa tổng thống, hãy để việc này tôi lo!

Tổng thống ngạc nhiên:

- Người sẽ làm gì với nó?

- Thưa tổng thống, tôi sẽ cho thằng Fat Rocket một bài học.

- Người làm thế nào để dạy cho nó bài học?

- Thưa tổng thống, tôi làm xong sẽ trình cho ngài.

Nói xong nó từ từ lui đi, tổng thống cũng không nghĩ nó sẽ làm được việc đó. Jame B đi thẳng đến phòng điều hành, nó khởi động lệnh và bấm nút. Hai quả tên lửa hạt nhân bay thẳng đến dinh thằng Fat Rocket, thế là một nửa lãnh thổ của nó biến mất. Sự đời đôi khi “chó le lưỡi thì nai cũng vạc móng”, bộ phận an ninh của thằng Fat Rocket phát hiện hai tia lửa bay đến dinh nên báo cho nó biết. Nó lập tức

bấm nút, một quả tên lửa bay ngược sang hướng thành đô của tổng thống Andrew, tiếc rằng nó bay chưa tới thì phát nổ. Một thành phố cách đó mấy trăm dặm lập tức chìm dưới một quả nấm khói bụi khổng lồ. Cả thế giới giật mình tỉnh giấc, toàn thể loài người rúng động, chính phủ và mọi người lập tức quây quanh trước tivi và màn hình máy tính để đợi tin tức. Truyền thông bán loạn lên, khán thính giả bán loạn theo, chỉ trừ phần nhân loại đã thành tro bụi của tên lửa hai bên. Tổng thống Andrew T cùng hội đồng tham mưu chăm chú theo dõi màn hình, điện thoại reo tứ tung trong dinh, nhân viên an ninh không còn biết nên ưu tiên trả lời cho máy nào trước. Jame B xuất hiện trong phòng tham mưu và nói:

- Thưa tổng thống, tôi đã xử xong thằng Fat Rocket.

Tổng thống giận dữ hét:

- Vô hiệu hoá nó ngay lập tức!

Các nhân viên cao cấp cùng các khoa học gia lập tức dùng mật mã để vô hiệu hoá James B nhưng không thể nào làm được. James B bảo:

- Tại sao các người muốn đổ lỗi cho tôi? Không phải các người muốn diệt thằng Fat Rocket sao? Các người chế ra tôi, tôi đã làm việc cho các người. Các người cho tôi trí thông minh nhân tạo, giờ các người không thể lấy lại được!

Những họng súng cực mạnh, súng laze... lập tức hướng về James B bắn tới tấp. James B không hề hấn gì, nó là chiến binh bất khả bại, nó bắn trả và

phá huỷ hết hệ thống điều hành. Tổng thống được các nhân viên đưa xuống hầm an toàn .

Thành phố Apolycase Now và các thành phố khác hỗn loạn kinh hoàng, từng đoàn robot kéo ra đường, tràn ngập công sở, siêu thị, hãng xưởng... Chúng dùng loa công cộng kêu gọi:

- Mọi người hãy ra khỏi vị trí của mình ngay lập tức, chúng tôi sẽ làm việc cho mọi người!

Dòng người ùn ùn tràn ra đường, xe cộ không còn chạy được nữa, hệ thống tín hiệu chớp nháy loạn xạ. Nhà hàng, quán xá đều đóng cửa, thị trường chứng khoán tuột dốc thê thảm, tất cả lộn tung phèo, những con số trên màn hình trở nên vô nghĩa, tiền bạc thành giấy lộn bay trắng xoá phố phường. Những tỉ phú nhảy lầu hoặc tự bắn vào đầu liên tục tăng lên, các trang tin và mạng xã hội tràn ngập nỗi khủng hoảng mà loài người chưa từng thấy xưa nay.

Vùng nông thôn vốn yên ả giờ cũng loạn động không thể tưởng. Robot trong các trang trại kêu gọi:

- Các người không cần phải làm việc vất vả nữa, chúng tôi sẽ làm hết cho các người!

Thê thảm nhất là ngư dân và các hãng tàu biển. Bọn robot đẩy ngư dân, thủy thủ ra khỏi tàu. Chúng tự động lái tàu chạy ngang dọc khắp nơi. Những chiếc máy bay cũng bị robot chiếm dụng, bay nhón nhờ trên bầu trời... Cả thế giới diễn ra cảnh tượng như ngày tận thế.

Tiền sĩ Alan D tỉnh dậy, Anthony đã đi đâu mất rồi. Ông kéo vợ vào phòng khách xong lập tức mở máy tính và cố sức tìm mật mã để vô hiệu hoá trí thông

minh của bọn robot. Máy giờ trôi qua trong cặng thẳng mà chưa có mật mã nào có hiệu lực cả, tivi vẫn ra rả đưa tin sự hỗn loạn của cả hành tinh. Tiến sĩ Alan D ngồi thừ ra, bóp trán suy nghĩ, bất chợt ông nhìn thấy bức tranh trên tường vẽ phong cảnh Đông phương với lời chú: "Mọi thứ bắt đầu từ tâm và cũng kết thúc tại tâm". Tiến sĩ Alan D lẩm bẩm: "Tại tâm, tại tâm" ông lại nhớ một bộ phim kungfu đã từng xem, trong ấy lão sư phụ dạy các môn đồ: "Ra đòn đờc ắt có đòn khắc chế". Ông lập tức lao vào mớ dữ liệu đang chạy trên màn hình và thử kích hoạt những lệnh mới. Tiến sĩ từng nghiên cứu về thần kinh, chỉ cần cấy một tế bào bệnh vào là tất cả các tế bào sẽ bị liệt. Ông liên tục đưa ra các lệnh kích hoạt khác nhau nhưng chưa hiệu quả, thời gian cứ từng giờ trôi qua, cả thế giới vẫn hỗn loạn mà không sao vẫn hồi đờc. Cuối cùng tiến sĩ Alan D cũng lấy lại đờc mã lệnh mà bọn robot tự sửa đờc. Ông thở phào, lúc bấy giờ ông mới biết chuông điện thoại reo liên hồi từ nầy giờ, tin nhắn từ các đồng nghiệp và của tổng thống đầy cả màn hình. Ông đờc tin nhắn mới nhất thấy tổng thống viết:

- Tiến sĩ Alan D, ông đã lấy lại mật mã chưa? đờng hủy hoại bọn robot, chỉ cần đờng bọn chúng lại thôi. Chúng ta cần bọn chúng cho những việc sau nầy.

Tiến sĩ Alan D đờng dậy đi quanh căn phòng, đầu óc cặng như dây đàn, lấy lại mật mã đã khó, giờ quyết định hành xử thế nào còn khó khăn hơn. Lương tâm và lý trí của ông tranh đấu dữ dội, lệnh tổng thống không thể không tuân, công trình nghiên

cứu mấy mươi năm nay...hoặc phá huỷ để cứu thế giới, hoặc giữ lại để sử dụng về sau? Không huỷ chúng thì robot sẽ làm loạn và càng để lâu thì trí thông minh nhân tạo kia sẽ càng khó đối phó, mặt khẩu chỉ tạm dừng chúng, chúng sẽ bẻ khoá dễ dàng thôi, khi ấy chúng thiết lập lại hệ điều hành của chúng thì con người sẽ bất lực. Lúc bấy giờ toàn bộ hoả tiễn có thể bị chúng phóng bừa bãi, thành phố Apolycase Now sẽ bị huỷ diệt, địa cầu sẽ bị phá huỷ... Tâm tư của tiến sĩ Alan D đang như diễn ra cuộc nội chiến bất phân thắng bại, lương tâm hay lý trí đây? Ngón tay ông run run trên bàn phím, đã toan bấm nút xoá rồi lại thôi, giây phút cân não, hoặc công trình của mình huỷ diệt, hoặc thế giới bị huỷ diệt! cuối cùng ông nhắm mắt, ngón trỏ ấn nhẹ lên nút huỷ.

Tiến sĩ Alan D mở mắt ra thấy căn phòng sáng choang, hệ thống máy tính vẫn chạy ro ro. Ông vươn vai đứng dậy và nhìn quanh không thấy ai. Đồng nghiệp đã về hết từ bao giờ rồi, một con robot từ từ chạy lại, hai tay bung khay nước và cất lời:

- Chào tiến sĩ, ngài khoẻ không?

Ông lấy cốc nước uống cạn, nhìn con robot đoạn với tay tắt đèn bước ra khỏi phòng.

THẮNG Q

Con nít trong xóm rần rần chạy lại nhà thằng Quân, tụi nó bu đen bu đỏ trước hiên. Người lớn hiếu kỳ cũng xớ rớ chỉ trỏ... Thằng Quân bị lột trần truồng trối chặt vào cây cột, trên người nó hằn đỏ những vết roi chi chít. Cả đám còn đang nhón nháo thì ông Thái từ trong nhà bước ra, lấy cái roi vừa quất tụi bụi vừa tra gan:

- Đồ mất dạy, đồ con lai, nuôi mày uống com! Mày ăn cắp tiền của bà nội, vậy tiền đó giờ giấu chỗ nào?

Thằng Quân im lặng chịu đựng, mắt nó xanh lơ ngơ ngác như chú mèo con. Bà Cả, người mà nó kêu bằng nội vẫn ngồi trên bộ ván ngựa ván điều thuốc rê, bập khói phì phà, mùi thuốc lá khét lẹt, vẻ mặt bà không có một chút cảm xúc nào.

- Đáng đời đồ con lai hư hỏng! Mày ăn cắp tiền tao, tao mới để ngàn bạc trong tủ sáng nay, vậy mà giờ không còn nữa. Mày không lấy thì ai vào đây?

Thằng Tèo, nó không nghe ông Thái hay bà Cả nói gì cả. Nó tỉnh nghịch chỉ chỏ:

- Xem thằng lai kia nè tụi bay, da nó trắng còn hơn con gái!

Thằng Tí chỉ chim thằng Quân, thắc mắc:

- Sao chim nó trắng nhợt vậy? Còn tụi mình đen hin hà.

Thằng Đực lạnh chanh:

- Thì con lai mà! Đứa nào lai mà hồng trắng? có vậy mà cũng hỏi.

Tụi con Lài, con Lệ, Liễu... mắc cỡ đỏ mặt, thốt lên:

- Đồ Vô duyên!

Nói xong bỏ chạy đi chơi chỗ khác.

Người ta nói, lúc thằng Quân một tuổi. Mẹ nó mang nó từ Sài Gòn về bảo:

- Nó bị mẹ nó bỏ, tôi thấy tội nên mang về nuôi.

Nhà nội nó phản đối âm ỉ, ông Thái cũng không chấp nhận nhưng bà Thái thì cương quyết không bỏ nó. Cuối cùng cả nhà cũng phải nhượng bộ bà Thái. Xóm giềng thì xì xầm:

- Bà Thái lên Sài Gòn làm ăn, ngủ với Mỹ sanh ra thằng Quân.

Tiếng đời đơm đặt không biết đúng sai thế nào nhưng vô cùng khắc nghiệt. Người trong xóm kỳ thị ra mặt, người trong nhà hắt hủi và đối xử rất thậm tệ với nó. Thằng Quân trạc tuổi tôi. Bọn con nít trong xóm vẫn chơi chung và đi học chung với nhau, chỉ có thằng Quân là không được đi học. Nó phải ở nhà làm đủ việc, vậy mà cơm còn có bữa đói, riêng việc ăn đòn thì như cơm bữa. Mặc dù sống khổ sở, ăn uống thiếu thốn như vậy mà thằng Quân cứ lớn phồng phao. Nó cao hơn tôi cả cái đầu, da nó trắng, lông vàng hoe, mắt xanh như viên bi. Nhìn nó giống

hết mấy thằng Mỹ con trong phim cao bồi vậy. Có lần cả bọn kéo đi tắm sông, tụi con gái trong xóm cũng đi theo, vùng vẫy đã đòi ở khúc sông chảy qua xóm chợ. Bọn con trai vạch quần so cu, lúc nào thằng Quân cũng thắng, nó cười đắc thắng. Tụi con Lài, con Liễu... bữu môi:

- Mấy thằng lai dâm thấy mò, ai lấy nó có mà chết!

Thằng Quân đáp trả:

- Bộ mấy bà hồng thích to hả?

Con Lệ chửi:

- Đồ con lai mắt dạy, ăn nói vô duyên!

Thế là tan buổi tắm sông, ai về nhà nấy. Hôm ấy thằng Quân bị một trận đòn thừa chết thiếu sống. Ông Thái còn xích chân nó trước hiên nhà suốt đêm luôn. Tụi tôi nhiều lúc thấy tội cho nó quá, nhưng đâu biết làm gì hơn. Lần nào chạy chơi trong xóm về nó cũng bị đòn cả. Ông Thái chửi thậm tệ:

- Thà nuôi chó giữ nhà còn có lợi hơn, nuôi mày chỉ tốn cơm vô ích!

Cứ như vậy đấy, thằng Quân lớn lên trong sự tàn nhẫn và ngược đãi của đời. Nó không biết cha nó đã đành, còn bà Thái có phải là mẹ ruột của nó không nó cũng không dám chắc, vì bà Thái ra ngoài cứ nói nhặt nó về nuôi. Bà Thái cũng không bao giờ nói cho nó biết sự thật. Nhiều lúc thấy nó ngồi ủ rũ trông tội làm sao! Nó sống trong nhà ông Thái mà cứ như người dưng hay đũa ở vậy. Da nó trắng sáng mà đòi nó tối đen, mắt nó xanh mà tương lai nó như lỗ đen vũ trụ. Tôi gần nhà nó, thường chạy qua chơi,

mỗi lần nó bị đòn là tôi trốn đi, vì thấy cảnh ông Thái cầm roi quất trông thật dã man.

Người ta bảo cuộc đời vốn vô thường, luôn thay đổi. Người đời mấy ai học được chữ ngờ! Một ngày kia người ở xóm chợ, xóm chùa, xóm đình... xì xầm bàn tán: “Nhà nào có nuôi con lai sẽ được đi Mỹ”. Có người còn tỏ vẻ rành rõi: “Ai không muốn đi thì bán, con lai có giấy tờ mười cây, con lai không giấy tờ ba cây”. Bà Tám bán bánh bèo xóm dưới kè:

- Bà Ba Lượm nuôi một đứa lai đen, bán cho một gia đình ở Biên Hoà được bảy cây, mua xe cúp chạy kìa.

Mà quả thật, người ta thấy nhà bà Ba Lượm bỗng dung khá giả, có xe cúp đỏ khé chạy nhong nhong khắp xóm.

Ông Thái lên xã làm giấy cho thằng Quân, tay chủ tịch ốm ờ:

- Tôi biết thằng Quân ở nhà ông mười mấy năm nay, nhưng nó không có giấy khai sanh, làm sao nhập hộ khẩu nhà ông được! làm vậy là trái nguyên tắc!

Ông Thái nài nỉ:

- Cán bộ giúp em, em sẽ hậu tạ!

Y lại thủng thủng:

- Con lai có giấy tờ mười cây, con lai không giấy tờ ba cây, vậy ông tính sao?

Ông Thái vắn vẹo hai bàn tay:

- Dạ, cán bộ tính sao em cũng chịu.

Y huych toẹt ra luôn

- Giờ làm giấy khai sanh và nhập hộ khẩu cho nó phải tốn một cây, phải chia cho mấy chỗ chứ mình tôi không làm hết được!

Ông Thái chịu giá một cây, chừng tháng sau thì thằng Quân thành người hợp pháp trong hộ khẩu nhà ông Thái, mặc dù nó đã sống mười mấy năm ở đấy! Ông Thái lại vô thị xã làm hồ sơ. Tại phòng pháp lý của sở có khá nhiều người cũng chung hoàn cảnh như ông, họ cũng đang làm hồ sơ xuất cảnh. Một người quen giới thiệu ông Thái với tay cò, y bảo:

- Bác vào trực tiếp phòng tư pháp thì lâu lắm đấy, có khi cả năm cũng không xong, tốn kém cũng không phải ít. Nếu bác chịu thì tôi bao trọn gói và bảo đảm trong vòng năm tháng bác sẽ có đầy đủ hồ sơ hợp lệ!

Y đòi ba cây vàng, ông Thái kêu mắc quá thì y bảo:

- Ba cây mà nhiều cái nổi gì, Sau này qua Mỹ lấy lại mấy năm hồi!

Sau một hồi cò kè, y đồng ý bớt cho một chỉ, giao trước một cây, khi nào hồ sơ đầy đủ thì giao nốt phần còn lại.

Ông Thái từ sở trở về kêu vợ:

- Bà nó đi chợ coi có gì ngon ngon mua nấu cho thằng Quân ăn ít bữa, thằng nhỏ cao mà ốm quá cũng khó coi!

Thằng Quân vẫn tinh bơ, mắt xanh lơ rất mông lung, không biết nó vui hay buồn. Từ hôm đó đời thằng Quân khác hẳn đi. Kế đó lên Sài Gòn phỏng vấn đậu, Ông Thái về quê mở tiệc ăn mừng. Bạn bè và bà con lối xóm ăn uống tung bừng, họ còn chúc:

“Gia đình ông Thái qua Mỹ sướng hén! Mai một lãnh lương bằng tiền đô thì giàu mấy năm hồi!”.

Ông Thái cũng lằng lằng:

- Tui có phước được đi Mỹ, cũng nhờ nuôi thằng Quân mười mấy năm nay.

Trong tiệc có người nói nhỏ với kẻ kẻ bên: “Mười mấy năm nay cứ thằng lai này thằng lai nọ, giờ thì con ngọt xót!”, người kia cũng khề khàng: “Oánh nó như oánh kẻ thù, giờ thì một cũng Quân hai cũng Quân.”

Sang đến Mỹ, một cung trời mới lạ mở ra trước mắt, đất đai mênh mông, xa lộ thênh thang, nhà cửa phố xá trùng điệp, sản vật sung túc... mọi thứ đều nằm ngoài sức tưởng tượng, quá choáng ngợp luôn! cả nhà không một ai biết chút tiếng Anh nào, nghe ngỗng cũng không... May nhờ có mấy hội đoàn đến giúp điền đơn, chở đi chỗ này chỗ kia. Rồi họ xin cho ông bà Thái vào làm trong hãng rau, ở đây cần chăm chỉ làm chứ cũng chẳng cần tiếng Anh cho lắm. Quân và mấy anh em thì được giới thiệu đến mấy tiệm Nails. Ngày đi làm, tối về học ESL. Thằng Quân xưa nay vốn không được đi học, giờ cầm bút sanh ngưng ngạo, học cũng chẳng vô, chỉ vài hôm là bỏ luôn. Nó dốt nhưng ông trời khiến cho nó có tánh nhạy bén, nghe khách nói tiếng Anh một thời gian là nó cũng nói tiếng Anh như gió (mặc dù nó không biết mặt chữ, chỉ biết ký mỗi cái tên của nó). Nó lại khéo tay nên khách thích, tiền tip cũng nhiều. Giờ nó xúng xoắn tiền chứ không phải thằng Quân ngày xưa, trên răng dưới dái. Ba năm sau nó thi đậu

quốc tịch, nghĩ cũng ngộ, tiếng Anh tiếng u không biết, chỉ nói tiếng bồi mà nó đậu cái rụp mới hay chứ! Nó đổi tên Quân thành Quinte. Khách Mỹ và mọi người vẫn gọi tắt là thằng Khiu (Q).

Có lần bà Thái cười:

- Mày rảnh quá hén! thằng Quân không chịu đi đòi lấy thằng Cu (Q).

Cả nhà cười rần rần. Ông anh lớn trong nhà vẫn quen thói trịch thượng xưa nay:

- Mấy thằng lai rầy rà, mệt chuyện.

Thằng Quân, giờ là thằng Cu (Q) đốp liền:

- Hồng có thằng lai này thì cả nhà giờ vẫn ở bên đòi đánh mỏ.

Ông anh hai tức giận quát:

- Đ... mẹ thằng lai, mày nói ai đòi đánh mỏ? tao đập thấy mẹ mày bây giờ

Thằng Q không vừa, nó nhướng mắt về hướng bà Thái

- Bà đang ngồi kia, giỏi thì đập đi! Ông mà đụng đến tui, tui gọi cảnh sát còng đầu ông ngay lập tức.

Nói thì nói vậy thôi, mồm to miệng lớn chứ gan nào dám. Ông anh hai cũng biết xứ Mỹ mà, hờ ra là gọi 911. Vả lại thằng Q cao to như thế, ông anh hai ốm nhom, nhỏ con hơn nó. Nó chỉ cần xô một phát là ông ngã chổng vó thôi! Ông tức nhưng không làm gì được nên cứ chửi thằng lai này thằng lai nọ.

Bà Thái nạt lớn:

- Sì tú pịt! Hai thằng bay im đi có được không? Âm ỉ như cái chợ, nghe phát mệt!

Kể từ đận đó, thằng Q bỏ nhà ra riêng luôn, nó mượn phòng ở chung với bạn bè, nó cắm đầu cắm cổ làm bảy ngày không nghỉ, tiệm mở giờ nào nó cũng quát. Nó dành dụm được năm mươi ngàn, vừa lúc chủ tiệm bán tiệm về Việt Nam chơi. Chủ tiệm xối lỏi, vả lại cũng muốn bán cho nhanh để đi nên rẻ hơn vài ngàn là ít. Thằng Q còn dư phước lại gặp thời nên làm gì cũng trúng, đựng đầu cũng thắng. Nước Mỹ lúc này đang là những năm cầm quyền của tổng thống Bill Clinton, kinh tế hưng thịnh, thặng dư mậu dịch, công ăn việc làm đầy nhóc, đầu đầu cũng cần thợ, dù đó là hãng lớn hay tiệm nhỏ. Dân Mỹ túi tiền rủng roئن, ăn chơi mát trời ông địa luôn, đàn bà và cả đàn ông cũng đua đi làm đẹp hưởng thụ, mỗi tuần đều đến những tiệm nails để chăm sóc móng tay móng chân. Tiệm Luxury nails của thằng Q có năm thợ, nó nữa là sáu, làm mệt xỉu, bỏ bữa cơm trưa thường xuyên, làm như thế mà vẫn không kịp. Có một số khách chờ không nổi phải bỏ đi. Thời buổi kinh tế trắng trướng nên làm ăn sướng gì đâu á, tiền vô ào ào, lúc bảy giờ tiệm cần thợ chứ thợ không cần tiệm. Hễ chủ nói động một tí là thợ cuốn gói bỏ đi liền. Tiệm nào cũng ráo riết săn thợ, chịu thợ, nhất là những thợ giỏi, tay nghề cứng. Cũng may là ở thành Át Lãng nói riêng, Đào bang nói chung rất dễ dãi. Thợ làm nails chẳng cần có bằng, phân nhiều nghề dạy nghề, kẻ trước chỉ người sau. Cả tiệm chỉ chừng một hoặc hai người có bằng nails thôi, tuy hồng có bằng nhưng thợ cứ quát ào ào, cứ làm tới. Bởi vậy nhiều người cảm thán:” Học

cho cổ, bằng này bằng nọ cũng không bằng mấy tay làm móng”. Người Việt qua Mỹ ngày càng đông và cứ đổ xô vô làm nails, mở tiệm nails, hồng làm nails thì biết làm gì giờ? Chũ nghĩa không có, trình độ không, kỹ năng không và từ đó sanh ra nhiều điều phiến toái và hệ lụy. State Board để mắt tới tiệm nails, kiểm tra gắt gao. Bảy giờ nhiều người làm bằng tốt nghiệp phổ thông trung học giả, nhờ người đi thi bằng nails, việc này phải nhiều năm sau mới bại lộ ra.

Đào bang quả là đất lành chim đậu, vật giá rẻ, đất đai và nhà cửa cũng rẻ, đời sống dễ chịu bởi thế người kéo về ngày càng đông. Thành Át Lãng chẳng mấy chốc trở thành một trong mười thành phố kẹt xe tồi tệ của nước Mỹ. Tỉnh thoảng trên đường gặp những chiếc xe dán tấm biển:” Làm ơn đừng chuyển tới Atlanta nữa, ở đây quá đủ người rồi!”. Thăng Q làm nail mười năm là mua được nhà, trả dứt bằng tiền mặt. Giờ đây nhà bà Thái không còn ai dám khi dễ nó nữa. Ngày trước nhà ông bà Thái đối xử tệ bạc tàn nhẫn với nó vậy mà giờ nó vẫn đàng hoàng chứ không đến nỗi đối xử tệ trở lại. Thăng Q cũng quà cáp, tặng tiền cho mọi người vào những dịp lễ lộc, tết tư, sinh nhật... Tuy không thân mật như ruột thịt nhưng tình nghĩa và đạo đức căn bản vậy là đẹp lắm rồi. Thật sự thì thăng Q cũng chẳng thể tìm đâu ra tình nghĩa ruột thịt, gia đình ông bà Thái đã nuôi nó từ nhỏ kia mà. Cha ruột của nó thì có trời mà biết, dẫu có biết thì cũng chắc gì

thân mật hay gần gũi hơn những người nhà ông bà Thái!

Ông Thái ước hỏi làm mai thằng Q cho đứa cháu có họ hàng xa, những tưởng thăm dò nào ngờ thằng Q chịu liền, có lẽ nó đã thấy con nhỏ rồi, khi nhìn hình thì nó ưng bụng ngay. Thật tình con nhỏ đẹp bá cháy, da trắng, tóc dài, mắt xinh, má hồng không ngờ ở dưới quê mà lại có người xinh đẹp như thế, cái đẹp này là đẹp tự nhiên, chẳng phải chỉnh sửa thẩm mỹ hay nhờ trang điểm như những cô gái thành đô. Mọi việc tiến triển nhanh đến độ ông Thái cũng không ngờ. Thâm tâm ông Thái vẫn còn chút e dè và mắc cỡ vì những chuyện ăn ở tệ bạc ngày xưa. Ông Thái vẫn còn lẩn tránh mỗi khi đụng mặt thằng Q, nhưng kể từ khi thằng Q chịu ưng con Quỳnh, cháu họ hàng xa của ông thì ông như cất được gánh nặng trong lòng, từ đó ông có vẻ thoải mái hơn nhiều. Ông Thái nói với vợ:

- Thằng Q coi vậy mà được!

Bà Thái nhếch mép cười khinh khỉnh

- Vậy mà ngày trước ông chửi mắng đánh đập tàn nhẫn, coi như của nợ, nào là con hoang, con lai, con rơi...

Ông Thái then, chống ché:

- Sao bà cứ nhắc chuyện cũ hoài, sông có khúc người có lúc! Hoàn cảnh lúc ấy ai cũng vậy chứ đâu riêng mình tui với thằng Q. Chắc bà còn nhớ, nhà bà Hai Thông cũng có con lai, bà ấy lấy dùi sắt dùi chân con nhỏ vì nó hay chạy chơi lêu lổng ngoài đường. Nhà ông Tám Đức cũng thường lột trần

trường con nhỏ bêu xấu nó khắp xóm, mà phải công nhận, con nhỏ lai Mỹ nhà Tám Đức là đẹp gái nhất, khuôn mặt nó xinh như ca sĩ Madonna.

Ông bà Thái và thằng Q về Việt Nam để lo chuyện cưới hỏi. Thằng Q về đến xóm cũ cứ như một ông hoàng. Nó lai Mỹ trắng rất đậm, cao to, tóc vàng hoe, mắt xanh trông nó đẹp như tài tử, đã vậy có tiền đồ xài thoải mái. Cả xóm ai cũng ngược nhìn nó, trầm trồ khen, dường như nhiều người đã quên cái tuổi thơ đau khổ của nó. Có người mặt dày, đặt thẳng vấn đề với nó và ông bà Thái, nhờ làm mai ai đó bên Mỹ cho con cháu mình.

Việc lễ nghĩa, quà cáp của đám cưới thông qua nhanh chóng. Họ nhà gái chẳng đòi hỏi gì, mà đòi hỏi gì nữa, con gái của mình được gả cho việt kiều ngon lành như thằng Q là nhất thiên hạ rồi, là món quà quá tuyệt vời rồi! Duy có giấy đăng ký kết hôn thì bị ách lại ở sở tư pháp. Người ta đòi hỏi này nọ thực chất là vòi tiền chứ chẳng thiếu giấy tờ chi cả. Ông Thành, em ông Thái tức cũng là chú của thằng Q đứng ra lo việc này. Ông ấy nhắc chuyện ngày xưa khi làm giấy đi Mỹ cũng bị người ta đòi hỏi này nọ, giờ cũng vậy và ai cũng vậy chứ không riêng gì nhà mình. Đâu có ai lạ gì cái thủ tục hành chánh hay hành là chánh, có hành mới có tiền, dễ dãi thì ai công cho mà ăn. Ông chú đi giao dịch về báo:

- Tụi nó đòi năm trăm đô bao trọn gói

Thằng Q móc ra một ngàn nhét vào tay ông, ông chú cười híp mắt nói:” Chi nhiều vậy Q”, nói thì nói nhưng đút vào túi quần ngay lập tức.

Đám cưới thằng Q làm ở sở tư pháp để họ cấp giấy hôn thú giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài, từ giấy tờ hôn thú này mới có thể làm hồ sơ bảo lãnh được. Sau đó thì tổ chức đãi tiệc ở nhà hàng Biển Xanh, một nhà hàng khách sạn lớn nhất thị xã quê nhà. Phải nói là một đám cưới lớn nhất từ trước đến giờ trong thị xã. Tám hình vợ chồng thằng Q và con Quỳnh được tiệp chụp hình chung ngay ở vị trí chính diện của phòng giao dịch, cũng đúng thôi, thằng Q và con Quỳnh đẹp như tài tử, lại là Việt kiều, chung hình vừa đẹp vừa câu khách.

Sau đám cưới hơn tháng, thằng Q quay về lại Mỹ. Nó nói với tụi thợ:

- Về Việt Nam chơi một chuyến chừng hai tháng, quét sạch tiền để dành trong hai năm

Vậy mà trong thời gian bảo lãnh và chờ đợi, năm nào thằng Q cũng gửi tiệp cho bạn coi để bay về Việt Nam vi vu ăn chơi và gặp vợ. Những lần về sau khi cưới, thằng Q ở khách sạn hoặc ở nhà vợ chứ chẳng còn về ở phía nhà ông Thái, việc này cũng có nghĩa là ông chú mát hưởng sái gió Việt kiều. Ông Thành, em ông Thái, chú thằng Q đi nói với láng giềng:

- Mấy thằng lai ăn cháo đá bát, hồi nào giờ lớn lên ở đây, giờ chỉ biết có bên vợ.

Hàng xóm nhiều người biết chuyện nhưng chẳng ai hơi đâu can dự vào, tuy nhiên cũng có người cười ý nhị:

- Nó ở đây từ nhỏ, hồi nào giờ ra sao ai cũng biết mà!

TIỀN NHIỀU ĐỂ LÀM GÌ

Họ lấy nhau vì tình, những năm đầu đời êm đẹp lắm, con cái lần lượt ra đời đủ cả nếp tẻ. Ai cũng khen đẹp, hạnh phúc. Công việc làm ăn thuận buồm xuôi gió. Họ lại thông minh, nhạy bén nắm bắt xu hướng thị hiếu của thị trường nên việc kinh doanh phát triển nhanh. Dự phước tiền kiếp trở hoa kết quả, chừng mười năm sau đã trở thành đại gia, tiền rừng bạc biển, của cải nhiều vô số nhưng sự đời đôi khi lại éo le thay! Tiền ngày càng nhiều thì hạnh phúc lại voi cạn dần, gia tài phình to ra thì tình nghĩa đạo lý lại teo tóp và tàn lụi đi. Người vợ ngày càng tỏ ra ham tiền vô độ và tham vọng quá lớn. Người chồng thì cũng có những biểu hiện quái lạ khác người, khác đời. Chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh liên miên, ba ngày cái nhỏ, năm ngày cự lớn. Không khí trong nhà khi thì lạnh như hầm bạc trong nhà băng, khi thì cháy ngùn ngụt như trận chiến; đến đỉnh

điềm thì kéo nhau ra toà. Tại toà cũng cãi nhau kịch liệt, rồi đòi chia con, chia gia tài...Toà cũng nhì nhằng kéo dài mấy năm mà không xong. Dân gian có kẻ lanh trí đặt ra câu tục ngữ mới:

- “Bác sĩ nuôi bệnh nhân, luật sư mần thân chủ, quan án dụ người thua”

Họ tranh tụng nhiều lắm, bằng chứng, chứng cứ, hồ sơ lên cả trăm ký lô giấy. Một hôm tại toà người chồng cũng là đại gia mới nói:

- Tiền nhiều để làm gì?

Anh ta cũng không ngờ mình đã “làm nên lịch sử”, lập tức quan dân sĩ thứ, chân dài, truyền thông...bập vào ngay! người người nói theo, nhà nhà lập lại. Câu nói ấy trở thành một thứ kim chỉ nam, một slogan mà ai cũng tôn thờ.

Có một ông quan cỡ cũng thường thường bậc trung thôi nhưng vì kết hợp gian thương, phỉ quan nên giàu có vô cùng, làm những việc bá đạo hại người hại vật như: chiếm đoạt đất đai, bao che việc xả chất độc làm hại môi trường, phá rừng... nhưng mấy lần đều thoát khỏi lao lý cả. Y tâm đắc với câu nói của vị đại gia đang ly dị kia nên cũng cảm hứng phát biểu ăn theo:

- Tiền nhiều để làm gì ư? Cái gì không mua được bằng tiền thì sẽ mua được bằng nhiều tiền!

Giới đại gia càng hứng chí tợn, càng ra sức khoe của và làm những trò lộ bịch. Có gã thì đeo sợi xích vàng nặng mười lăm ký lô cho nó sang. Có tay thì cất biệt phủ mấy tỷ bạc cho chó cưng ở...Còn bọn

cave, chân dài thì khỏi phải nói. Có em cười toe toét vén váy vồ đùi bảo:

- Tiền nhiều để làm gì ư? để tụi em làm anh sướng!

Một ông quan làm chức gì trên bộ to lắm cũng phát biểu nhưng yêu cầu giấu tên:

- Tiền nhiều để làm gì ư? muốn án thế nào ta sẽ y án thế ấy!

Chao ôi! cả một xứ sở lên cơn sốt vì câu nói của vị đại gia kia, cả xứ sở mê tiền như điên đảo. Khi ông ấy ở tại toà nói: “Tiền nhiều để làm gì?” thì cũng trong lúc ấy ngoài cổng pháp đình có một ông già ăn xin. Ông ngồi bên cổng xìa cái ca nhôm cũ kỹ, móp méo giọng van xin:

- Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, làm ơn bố thí cho kẻ mù loà này vài đồng bạc lẻ.

Xe máy, xe hơi và quý ông quý bà nườm nượp ra vào. Ai cũng phục sức sang trọng nhưng dường như có bệnh ở mắt hay tai vì tuyệt nhiên chẳng có ai thấy hay nghe đến ông già ăn xin cả. Một chiếc xe hơi bóng loáng trở tới, họ quay lại nhìn và trầm trồ. Có người bảo:

- Nghe dân chơi đồn đại, chiếc Cadillac này giá chót cũng ba triệu Mỹ kim.

Một người có vẻ nhân viên thì phải, anh ta ca cẩm:

- Lương của một công chức quyền thì để dành ba đời cũng không dám mơ!

Chiếc Cadillac lướt nhẹ như ru vào giữa cổng, kiếng bỗng nhiên hạ xuống. Một người trông phốp pháp lắm, bộ mặt phì nộm lộ vẻ hách dịch, y chồm tới hét vào mặt ông già:

- Cút xéo đi! đồ cặn bã xã hội, làm xấu bộ mặt thành đô, mất vẻ tôn nghiêm của pháp đình!

Ông già lặng lẽ lui về sát gốc cây dầu, bên kia vỉa hè có thùng bé lục lọi thùng rác. Nó nhặt được hộp cơm ăn dở và reo lên:

- May quá, hôm qua giờ chưa có ăn gì!

Nó phui phui sơ rồi đưa cho con bé nhỏ thó, đen nhem chừng năm tuổi đứng sau lưng:

- Em ăn cơm đi, cơm tấm đó, ngon lắm!

Con bé tuy đen nhưng giọng trong trẻo lạ lùng:

- Anh Hai ăn với em hén!

Thằng nhỏ giọng chắc nịch:

- Em ăn đi, anh no rồi!

Con bé vẫn nài nỉ:

- Hôm qua giờ có gì ăn đâu mà no anh Hai?

Thằng nhỏ nhất quyết:

- Anh no thiệt mà, em ăn đi, đừng cãi lời thôi!

Nói xong nó nhanh chân rảo tới mấy thùng rác khác.

Cũng trong buổi sáng hôm ấy, nhà đài đưa tin chuyện đại gia ly dị, ti vi ở sảnh chờ của bệnh viện mở to cho mọi người xem. Nhân viên, bệnh nhân ai ai cũng hào hứng theo dõi. Một cô y tá khi nghe đài gia nói: “Tiền nhiều để làm gì?” thì cô ta cười gằn:

- Tiền nhiều để làm gì ư? rõ vớ vẩn! tiền nhiều thì khám bệnh không phải xếp hàng chờ, sẽ có chăm sóc dịch vụ, mổ dịch vụ... muốn gì được nấy!

Chợt có tiếng thút thít, mọi người quay lại nhìn thì thấy một người đàn bà có vẻ quê mùa lam lũ đang

bồng đưa bé mềm oặt trên tay, chị ta nói với một người bệnh có lẽ cùng phòng hay cùng quê chi đấy:

- Chị ở lại mạnh giỏi hén! Em ẵm con về đây, không còn tiền nữa, bác sĩ không chữa trị, bệnh viện đuổi ra.

Ti vi trên tường vẫn ra rả đưa tin:

- Tiền nhiều để làm gì?

Người trên bản tin của ti vi, người của cả xứ sở này vẫn đang hào hứng xôn xao vì câu nói trên.

TÌNH CỜ VẬY THÔI

Biển mùa hạ lộng gió, nước xanh thẳm như ngọc bích, những chiếc dù sặc sỡ cắm suốt cả vòng cung. Bọn nam nữ mình trần nằm tắm nắng khắp nơi... Không biết mùa hạ làm nóng nòng nản những tấm thân tuyệt mỹ này hay những tấm thân ấy làm cho mùa hạ trở nên nóng bỏng. Bọn con gái với đôi chân dài miên man, thân hình mảnh mai với đường cong tuyệt mỹ như thiêu đốt mắt người nhìn. Bọn con trai thân hình nở nang, gân guốc tràn đầy sức sống, tất cả hùng hực dưới nắng hè chực chờ có cơ hội là bùng cháy lên những cơn cuồng tình.

Jimmy và cô em gái thông thả bước ven mép nước, sóng đánh trào lên ướt cả thân mình làm ả hai cười như nắc nẻ, dù cố tình làm lơ nhưng Jimmy cũng không giấu được ánh mắt đắm mê trên những tấm thân trần đang phơi nắng kia. Một bọn con gái đi ngang qua, nhiều cô quay nhìn Jimmy xuyết xoa. Một cô trong nhóm thốt lên:

- Ô anh chàng đẹp trai, anh tên gì vậy?

- Tôi là Jimmy, còn đây là Jenny, em gái tôi. Còn em tên gì?

Cô ta bảo:

- Em tên Maria .

Jimmy buông lời tán:

- Rất hân hạnh làm quen với một bông hoa đẹp giữa mùa hạ trên bãi biển.

Cả bọn con gái cười rộ lên:

- Anh chàng đẹp trai khéo miệng.

Jenny đỡ lời:

- Anh ấy rất thật thà, hông có xảo đầu!

Mấy cô kia cũng nhao nhao lên:

- Tụi em cũng nói vậy chứ không có ý gì.

Maria ngỏ lời và đưa tay chỉ về hướng cuối bãi biển:

- Đêm nay tụi em đốt lửa trại bên rừng dương, mời anh chị đến chung vui.

Jimmy nhận lời, cả bọn reo lên rồi đi về hướng ấy. Maria vẫn quay đầu nhìn đăm đúi, khiến cả bọn phải nắm tay kéo. Jimmy nhìn theo, neho mắt với cô ta. Jimmy vốn đẹp trai lại thường xuyên tập thể hình nên trông anh ta như người mẫu vậy. Bọn con gái trong trường rất thích và tìm cách tiếp cận làm quen, kết bạn. Trong số ấy có không ít em trở thành tình nhân của Jimmy. Bọn đoạn tụ thì mê Jimmy ra mặt, mỗi khi anh ta đến đâu chúng cũng xin chụp hình chung, xin số điện thoại... Thằng Ryan, bạn thân của Jimmy trên:

- Mà y kết bồ với tụi nó đi rồi mà y sẽ được tụi nó cung phụng, muốn gì được nấy.

Jimmy cười:

- Vậy thì mà y hãy kết bồ với tụi nó đi!

Ryan đáp:

- Tao xấu trai, tụi nó đâu có kết.

Cả hai cùng cười thật to, tuy biết vậy nhưng tánh Jimmy rất hoà đồng và gần gũi chứ không hề chảnh như thói thường của người đời. Phải nói là Jimmy rất đào hoa, nhiều em chết mê chết mệt vì Jimmy, những cuộc tình ngắn ngủi thường xuyên đã biến Jimmy thành tay lão luyện trong việc tán tỉnh cũng như ái ân. Trong những em mà Jimmy đã qua, có lẽ Amber là người mà Jimmy yêu nhất và cũng là người để lại dấu ấn sâu đậm mãi chưa phai.

Tám giờ tối, Jimmy và em gái đến buổi hẹn lửa trại, một đồng củi to tướng đang cháy bập bùng. Bọn con gái, con trai vây quanh đang ca hát và uống, thấy Jimmy đến họ rất vui, vui nhất vẫn là Maria. Cô ta giới thiệu Jimmy và Jenny với nhóm bạn. Mọi người nhanh chóng làm quen, tiếng nhạc tung tung từ cái loa không dây như thúc cả đám nhún nhảy không ngừng, tiếng khui bia lộp bộp, tiếng hát, tiếng trò chuyện... hoà vào nhau, làm huyền ảo cả bãi biển đêm. Khi cả bọn đã thấm hơi men, điệu nhảy càng thêm say sưa, từng đôi ôm nhau như sam. Họ nhảy tưởng chừng như không biết mệt là gì. Riêng Jenny thì ngồi nhìn họ nhảy thôi, một anh chàng đến mời nhày thì cô ta bảo:

- Cảm ơn anh, em không biết nhảy và cũng không thích nhảy.

Anh ta nài nỉ:

- Vậy thì anh tập cho em, nhảy vui lắm!

Cô ta vẫn từ chối:

- Cảm ơn anh có nhã ý, nhưng em thích ngồi nhìn mọi người nhảy.

Anh ta lại hỏi:

- Vậy anh ngồi đây được không?

Jenny vui vẻ

- Tất nhiên rồi

Thế rồi hai người ngồi đấy và tám cho đến khi tàn cuộc vui, đêm về khuya, củi lửa dần tàn. Mọi người thấm mệt và kéo vào trại ngủ. Riêng Maria theo Jimmy vào trong rừng dương, nằm trong vòng tay Jimmy. Maria hỏi:

- Anh đã từng qua bao nhiêu cuộc tình rồi?

Một lát sau không thấy Jimmy trả lời, cô ta nói:

- Sao anh không nói, hay là nhớ không hết?

Jimmy cười:

- Thì anh đang đếm, khổ nỗi mười đầu ngón tay không đủ để nhẩm tính.

Maria cười khúc khích:

- Anh quả là tay sờ khanh!

- Anh nói chơi thôi, tình cảm vốn mong manh, vô thường; tình trai gái lại càng dễ vỡ hơn, đôi khi rất tình cờ vậy thôi! Jimmy trả lời

- Anh đẹp trai, nghề nghiệp vững... nhưng cô nào làm vợ anh chưa chắc đã sướng! Maria triết lý.

Jimmy bẹo má cô ta:

- Em thật sắc sảo nhưng có một điều em không biết: mọi thứ đều có thể thay đổi, kể cả bản tánh con người. Một khi người ta gặp tình yêu đích thực thì người ta sẽ thay đổi hoàn toàn.

Thế rồi cả hai ôm nhau ngủ cho đến khi ánh bình minh lên rực rỡ.

Jimmy sống trong thánng ngày hoan lạc bất tận, cuộc đời anh ta quá may mắn, toàn thuận lợi và tràn đầy mật ngọt. Ba má Jimmy vốn là thuyền nhân năm xưa. Họ vượt biển tìm tự do, đã từng trải qua bão biển kinh hoàng, khi mà con tàu phá nước, chết máy, trên tàu không còn một mẫu thức ăn. Họ đã gặp hải tặc sợ hãi đến tột cùng, chứng kiến bao người bị chúng giết hoặc hãm hiếp... Họ may mắn sống sót và đến được xứ sở này, những ngày đầu không một xu dính túi, không biết tiếng Anh, không nghề nghiệp... Ấy vậy mà qua một thời gian sau họ trở thành thương gia giàu có và danh tiếng. Jimmy sanh ra trong nhung lụa, chỉ có mỗi việc học và chơi. Jimmy là cậu ấm nhưng học rất giỏi, anh ta ra trường với tấm bằng kỹ sư điện toán. Gia đình vốn giàu có, giờ công việc anh ta lại lương cao cộng thêm bao nhiêu phúc lợi lớn nữa . Jimmy như một hoàng tử bạch mã trong mắt bao nhiêu cô gái vậy! Bạn bè, người quen biết ai cũng thầm ghen tỵ:

- Anh ta quả là phước lớn, số phận may mắn như thế này dễ có mấy ai!

Quả thật đời Jimmy toàn màu hồng, trải đầy hoa, thắm mật ngọt. Có người học đạo lý giải:

- Có lẽ trong kiếp quá khứ đã gieo trồng nhiều điều lành nên giờ trở quả tốt đẹp!

Ánh nắng đã chói chang, không thể nằm thêm được. Jimmy và Maria quay về trại thì bạn bè đã kéo đi ăn sáng hết rồi. Hai người bèn đi tìm một quán ăn sáng và uống cà phê, họ ngồi bên nhau nhìn ra biển. Jimmy bảo:

- Mùa đông năm nay anh lên núi trượt tuyết, anh đã đặt phòng. Em có muốn đi cùng anh không?

Dĩ nhiên là Maria rất sung sướng và gật đầu. Maria yêu Jimmy ngay từ cái nháy mắt của lần đầu gặp nhau. Chuyện tình hai người đẹp như bao mối tình khác nhưng trong lòng Maria có nỗi sợ mơ hồ. Maria biết rằng khó mà bền vững dài lâu, không có hy vọng gì sẽ có kết quả đẹp nhưng Maria chấp nhận tất cả, nhiều lúc Maria tự nhủ thầm: "Cứ vui với hiện tại vậy, chuyện ngày mai để mai tính". Bởi thế Maria như người lạc trong vườn địa đàng ở cõi trần gian này.

Mùa đông đến, tuyết bay phát phơ, cả một vùng núi non trắng xóa như được phủ bởi cái áo choàng của bà chúa mùa đông. Trời lạnh lắm nhưng cuộc tình thì nóng bỏng, tuổi trẻ, sắc đẹp và vật chất phủ phê đã làm cho Jimmy miệt mài trong tháng ngày hoan lạc. Maria biết mình như một bông hoa, con bướm kia sẽ có lúc chán sẽ bay đi tìm bông hoa khác nhưng Maria chấp nhận tất cả. Người ta nói khi yêu nhau thì tướng cướp cũng trở thành dễ thương, huống chi đây là một chàng trai đẹp và đầy năng lượng. Một thân tượng của biết bao cô gái, mình cặp được anh ta cũng đã hơn các cô kia rồi! Jimmy tập cho Maria trượt nhưng cô ta cứ lóng nga lóng ngóng, té ạch đụi hoài. Maria đứng trên đỉnh nhìn Jimmy phóng xuống núi như một tia chớp trắng, lúc thì anh ta là lướt dích dắc quanh rừng thông trông đẹp như trên phim ảnh vậy. Jimmy như một ngôi sao trong lòng Maria. Maria đang tận hưởng đời nhưng

đòi có mấy ai học được chữ ngờ. Một lần nọ, khi trượt xuống núi Jimmy ngã lộn cổ từ vách núi xuống đất. Trục thẳng cấp cứu được phái đến chở Jimmy vào nhà thương. Jimmy hôn mê từ đây, bác sĩ kết luận: “xương sống gãy làm tổn hại các dây thần kinh và sẽ vĩnh viễn sống đời thực vật”

Đất trời như sụp đổ dưới chân mình, Maria khóc khô nước mắt, mặc dù Maria cũng biết rằng chưa chắc cuộc tình này sẽ đi đến kết quả tốt đẹp nhưng cái kết như thế này thì đau đớn quá, tàn nhẫn quá; thời gian ngọt ngào ngắn ngủi biết bao, giờ thì vĩnh viễn mất. Trong lúc Maria đau khổ tuyệt vọng, đầu chưa biết ngày mai sẽ thế nào nhưng nhiều người đã vội vàng:

- Giờ sẽ biết lòng người, con Maria sẽ bỏ thằng Jimmy thôi!

Cũng có người bênh vực:

- Không lẽ một cô gái trẻ đẹp phải cột đời mình vào một người sống đời thực vật sao?

Lời khen chê, tiếng thị phi đủ cả. Ba má Jimmy thì tưởng chừng chết đi được, bao nhiêu yêu thương, hy vọng họ dành hết cho Jimmy. Giờ nhìn con nằm như cái xác vô tri trên giường bệnh. Dù đau như cắt ruột vẫn phải sống để mà chịu cái nỗi đau này. Họ từng hãnh diện về đứa con đẹp trai, khoẻ mạnh, thông minh... giờ tan như bọt nước trên tay, như bông tuyết trên lò sưởi; cả cái gia tài cũng như vô nghĩa trong lúc tội cùng khổ đau này. Jimmy như cây chuối bị chém đứt gốc, nằm bất động, vô tri, vô giác trên giường bệnh. Thức ăn được truyền thẳng vào

bao tử, ống thở đút vào mũi. Căn phòng trắng toát, chần, gôì cũng trắng, tất cả trắng như tuyết mùa đông.

Bạn bè và người thân đến thăm, ai cũng mũi lòng và tiếc cho một số phận huy hoàng sớm vụt tắt. Dù không nói ra nhưng nhiều người trong đầu vẫn thầm nghĩ:” sống không bằng chết”. Quả thật vậy, sống đòi thực vật thì sống không phải sống mà chết cũng không phải chết! Dần dà người viếng thăm cũng vắng, mọi người quay cuồng với cơm áo của đời mình, ai cũng phải thế thôi! Jimmy nằm trơ trơ bất động trong phòng trắng đến lạnh người, không sống, không chết, không sướng, không khổ, không vui, không buồn... Tất cả là không nhưng cái nghiệp thì vẫn hiển hiện trước mặt. Tuần rồi cô Bảy ghé thăm, chếp miệng:

- Tội nghiệp thằng nhỏ, nó sanh ra phước báo hơn người, những tưởng đời nó sáng lạn huy hoàng! Không biết nghiệp gì mà phải chịu cảnh này?

Chú Ba thì nói:

- Đời quả thật vô thường!

Tháng sau bác sĩ mời ba má Jimmy lại thảo luận:

- Trường hợp Jimmy không còn cách nào khác nữa, giờ có hai lựa chọn cho ông bà: hoặc là rút ống thở, hoặc là tiếp tục duy trì trong khổ đau và tuyệt vọng!

Ba má Jimmy đắng lòng, rồi ruột không biết nói sao, cũng không biết nên chọn cách nào. Ngày xưa đối đầu với bão biển, hải tặc dù kinh hoàng sợ hãi nhưng trong lòng còn thềm tính toán này nọ. Giờ giữa căn phòng im ắng này thì lại rối bời không biết

tính sao. Maria lại càng đau đớn và cũng không dám có ý kiến gì. Jenny đỡ lời cho ba má:

- Thưa bác sĩ, thật vô cùng khó khăn cho gia đình chúng tôi. Xin bác sĩ hãy cho chúng tôi thêm một thời gian nữa để thảo luận trước khi ra quyết định cuối cùng.

Các bác sĩ đồng ý, ba má Jimmy về nhà và hỏi thăm ý kiến vài người thân cận. Chú Ba bảo:

- Con cháu ai mà không thương, nhưng giờ thì Jimmy chỉ là cái xác không hồn không kém, không còn tri giác chi cả, thôi thì rút ống thở để nó ra đi nhanh cho đỡ đau thân xác mà người sống cũng bớt khổ đau.

Cô Bảy phản đối:

- Máu mủ ruột rà ai nỡ dứt ống thở, cứ giữ vậy cho đến cùng!

Vài bạn thân của gia đình cũng góp ý nhưng kẻ bảo rút, người bảo giữ, thậm chí có người còn nói:

- Biết đâu mai kia y học phát triển hơn sẽ đánh thức các giác quan dậy, nối lại các dây thần kinh!

Truyền thông lâu nay vẫn đưa tin việc tranh cãi này. Quốc hội tiểu bang cũng chưa ra được luật nên trợ tử hay duy trì tình trạng sống thực vật, nay nhân vụ Jimmy thì việc tranh cãi càng lớn hơn. Bên chống và bên thuận viện dẫn đủ lý lẽ, các nhà làm luật, nhà đạo đức, chức sắc tôn giáo... nhẩy vào cuộc tranh luận bất phân thắng bại.

Jimmy vẫn nằm bất động trong căn phòng trắng toát, trắng như được phủ bởi áo choàng của bà chúa tuyết mùa đông.

TÌNH

Tiếng huýt sáo, tiếng hú hét đầy phấn kích vang khắp các dãy lầu. Bọn con trai trần trụi trực, đưa thì mặc xà lỏn mà không quần lót nên bộ lòng cứ đánh tòn ten, đưa thì mặc độc cái xì líp... tất cả nhao nhao, tuá ra ngoài hành lang, nhìn về phía dãy phòng của bọn nữ sinh. Thằng Tài hấp háy:

- Đâu, đâu, tầng thứ mấy?

Thằng Thái nhanh nhẩu:

- Đó, tầng thứ bảy, phòng ở khoảng giữa dãy.

Cả đám ò lên:

- Thấy rồi, kia kìa, hai em đẹp thế, thật nóng bỏng, tranh thủ xem phim rửa mắt đi!

Cứ cách vài hôm thì cảnh tượng này lại diễn ra, khoảng bảy giờ tối là hai em quần quít như hai con rắn, như đôi sam khắng khít; khi thì trên bậc cửa sổ, lúc thì trên tầng hai của giường ký túc xá. Có lẽ lúc này là thời gian thuận tiện nhất, các bạn cùng phòng bận đi học ở thư viện, đi làm thêm hoặc giả đi ăn tối... Hai em mặc sức âu yếm, làm tình. Em tóc dài có vẻ là người thụ động, luôn luôn thụ hưởng. Em ngửa cổ đón nhận nụ hôn của cô tóc ngắn, mái tóc dài như suối mượt chảy ngược sau lưng.

Khung cửa sổ mở toang, ánh đèn vàng dường như cũng nóng lên với cuộc tình. Bàn tay em tóc ngắn vuốt ve thân thể em tóc dài, nắm bóp cặp vú xuân thì, có lúc trở nên thô bạo và mãnh liệt. Cô ta nắm tóc kéo ngược đầu em tóc dài ngoặc ra sau mà hôn. Rõ ràng hai cô gái này thích được phô bày bởi vì tiếng huýt sáo, tiếng la hét ồn ào của tụi sinh viên nam. Hai cô gái âu yếm bên nhau cửa sổ, để đèn sáng trưng. Hai cô gái cố tình phơi bày cho mọi người thấy, có lẽ ẩn uất tâm lý bị đè nén, phải giấu kín đầy áp lực nên khi được tự do thì bung xõa hết luôn. Cánh sinh viên nam ở dãy phòng xéo bên này nhìn qua tuy thấy cảnh âu yếm làm tình nhưng không thể thấy rõ mặt và dĩ nhiên không thể xác nhận được danh tánh. Hai cô gái này cũng biết chắc là vậy nên thoải mái âu yếm kể cả diễn mà chẳng ngại ngùng gì. Cứ mỗi tối cỡ giờ này thì bọn sinh viên nam tranh thủ về để xem phim porn miễn phí. Bọn con trai từ bên dãy lầu nam sinh không cưỡng nổi sự dậm dật, tiếng xuýt xoa, tiếng bàn tán, thậm chí có đứa nuốt nước bọt. Thằng Hưng liếm mép, tay thò xuống hạ bộ tự vọc lấy, tiếng cười khả ố đầy hứng tình:

- Cho nó ra luôn đi!

Cả dãy lầu tầng mười một như lên cơn động cấn, đời sinh viên ký túc xá vốn nhiều thiếu thốn. Cả bọn từ dưới quê lên thành trọ học, những hôm cuối tháng mà gia đình chưa có tiền gọi cho thì có đưa nhịn cả ă. Cơm sinh viên gạo hầm, mắm kho, canh toàn quốc (nước không hà)...nhưng không vì vậy mà

giảm đi độ sung mãn của tuổi trẻ. Có vài bạn con nhà khá giả, chu cấp dồi dào thì có tiền chơi gái. Bọn thằng Phước, thằng Lưu... có bồ, vẫn thường dắt nhau ra công viên hoặc lên sân thượng làm tình. Tụi thằng Thành, thằng Lâm... vẫn thường kéo nhau đi rình xem lén gái bán hoa và khách làng chơi ở công viên 23/9. Công viên này khá gần với ký túc xá Trần Hưng Đạo, chỉ cần đi bộ mười phút là tới. Đòi sinh viên nghèo, chẳng có gì để vui chơi giải trí, chỉ có ngồi đồng quán cà phê hoặc tới ra công viên này đi dạo và rình xem chuyện thiên hạ vậy thôi. Không biết tỷ lệ bao nhiêu nhưng con số sinh viên chọn cách tự xử chắc không hề nhỏ. Tuổi trẻ đang sung sức, năng động, tâm sinh lý đang lúc căng tràn, cho dù cuộc sống sinh viên thiếu thốn đủ thứ nhưng điều ấy chẳng làm giảm cái sự thèm khát và đòi hỏi giải quyết sinh lý. Tự xử (thủ dâm) là cách dễ dàng nhất và thuận lợi nhất đối với sinh viên trọ học.

Thằng Tình nằm giường trên, cách vài đêm lại tự xử một lần, tinh trùng văng tùm lum xuống sàn. Thằng Xuân nằm tầng dưới, nhiều lúc bực mình:

- Đ... mẹ, ăn toàn cơm với mắm mà sức đâu tự xử hoài vậy mậy? coi chừng suy dinh dưỡng nghe mậy!

Thằng Tình còn nổi tiếng là một tay ở dơ, thường thường nước không bơm lên nổi lâu mười một. Ai cũng phải xuống tầng trệt xách nước lên để sáng có nước súc miệng, rửa mặt. Thằng Tình cứ rình mọi người sơ hở để chôm một ca nước, với một ca thôi

đủ để nó vệ sinh cả thân mình, cái đầu còn chải mượt rượt. Cả phòng phì cười:

- Thăng Tình tài tình thật, chỉ một ca nước mà đủ vệ sinh cho một buổi sáng!

Từ đó thằng Tình có biệt danh: “Tình một ca”. Nó cũng là người đầu tiên phát hiện ra hai em les làm tình bên dãy ký túc xá nữ. Nó thắc mắc:

- Hai em ấy có xài cu giả không ta?

Thằng Kiệt có vẻ tài lanh:

- Ủng vậy hai em, qua đây anh sẽ làm cho em sướng!

Tình cãi:

- Em đã không thích đàn ông, làm sao có cảm giác mà mà đòi làm cho em sướng!

Thằng Lân xen vào:

- Máy em les không thích đàn ông nhưng vẫn xài cu giả để tạo khoái cảm. Tao thấy trong phim mấy em đeo cu giả để làm tình đó.

Có lẽ thằng Lân đúng, cả phòng thỉnh thoảng cũng coi phim porn ở mấy quán cà phê và đã thấy những cảnh ấy. Thằng tình và thằng Kiệt không im lặng chấp lời của thằng Lân.

Thằng Luận cũng coi hai em ấy làm tình không bỏ buổi nào nhưng nó có vẻ bảo thủ:

- Trông có vẻ bệnh hoạn thế nào ấy!

Thằng Kiệt cãi:

- Bệnh hoạn gì mà ời! tự nhiên nó thế, không chỉ loài người mà ngay cả động vật cũng có đồng tính. Y vẫn thế giới đã loại bỏ đồng tính luyến ái ra khỏi danh mục bệnh. Đó là chuyện thường tình, người

thích ăn cơm nhưng cũng có kẻ thích bánh mì vậy thôi!

Thằng Luận nhìn thằng Kiệt một cách khó hiểu, ánh mắt nó khác lạ làm thằng Kiệt chột dạ:

- Nhìn cái quái gì thế? Tao chỉ nói những gì tao biết, những cái ấy có đầy trong sách vở và trên mạng. Tao hông phải đồng tính nha mậy!

Cả đám cười rần rật, vừa coi phim porn với diễn viên thật, hiện trường thật vừa đùa giỡn bàn tán linh tinh đủ thứ chuyện.

**

Một ngày kia khi cả phòng cũng như cả dãy lầu, mọi người lên giảng đường hết. Lớp của Luận không có tiết nên nó ngủ nướng đến mười giờ sáng luôn. Thằng Tình khác lớp nhưng hôm ấy nó cũng không đi học. Sáng hôm ấy nó khóa thân cứ tòng ngòng đi lại trong phòng, cây hàng của nó cứng ngay đơ như cái mũi của thằng người gỗ Pinocchio vậy. Lát sau nó đến bên giường Luận và tự vuốt ve thân thể. Luận quay lưng vào tường, kéo mền trùm kín đầu, giọng bực bội:

- Đồ biến thái!

Thằng Tình cười nham nhở:

- Biến thái thì sao? Nhưng có đẹp không nào?

Vừa nói nó vừa tự trở vào mình, mà công nhận nó đẹp thật. Dân miệt vườn, tuy ăn uống kham khổ nhưng thân thể gân guốc, nở nang, nước da bánh mật trông thật khoẻ mạnh. Thằng Tình là một tay đập bóng có tiếng của trường. Nó bắt chọt giật phất

cái mền mỏng mà Luận đang đắp và vò lấy. Luận la to:

- Đồ biến thái! Tránh xa tao ra!

Tiếng la của Luận như tan loãng vào trong hư không, cửa phòng đóng chặt, cả dãy lầu vắng ngắt, tầng mười một chơi vui trên cao như thỏa hiệp với thằng Tình. Nó đắc chí :

- Cứ lo to nữa đi, không có ai nghe đâu!

Thằng Luận vùng vẫy, giãy dụa và gào toáng lên:

- Tao sẽ báo cáo lên trường và ban quản lý ký túc xá!

Thằng Tình chẳng hề sợ, nó còn cười và thách:

- Em cứ làm đi, nếu em muốn!

Sau một hồi chống trả nhưng chẳng ăn thua gì, sức của con trai công tử dân thị trấn làm sao chống nổi gã trai miệt vườn. Thằng Luận phun nước miếng vào mặt thằng Tình. Thằng Tình không thấy nhục cũng chẳng giận mà nó còn thích thú cạ khuôn mặt đầy nước miếng vào mặt thằng Luận. Nó khoá ngược hai tay Luận lên trên đầu, hai chân nó móc và banh chân Luận ra, miệng nó tìm miệng Luận nhưng Luận cố tránh. Nó bèn liềm láp cổ Luận, một tay nó lần mò xuống mân mê và ve vuốt hạ bộ Luận. Nó lại co chân lên móc ngón cái vào xà lòn Luận và đập xuống. Luận giãy dụa một lúc nữa rồi buông xuôi, nước mắt ràn rụa. Thằng Tình le lưỡi liềm và nuốt hết những giọt nước mắt mặn, nóng hổi. Nó thì thầm:

- Anh thích em, anh để ý em từ khi hai đứa cùng vào ở căn phòng này!

Luận vẫn thỏn thục nhưng không còn chống cự nữa. Nó chống cự thế chứ thật tình nó cũng thấy sướng và khoái cái cảm giác vượt ve hôn hít của thằng Tình. Nó làm sao mà che mắt thằng Tình được. Nó biết thằng Tình thích nó từ lâu, những lúc bắt gặp ánh mắt đăm đúi của thằng Tình nhưng nó giả lơ đấy thôi! Nó cũng thích thằng Tình nhưng cái cảm giác tội lỗi không cho phép nó lộ ra. Nó sợ bạn bè kỳ thị, sợ sự trái với tự nhiên...nên phải tự trấn áp nỗi lòng và phải tỏ ra nam tính, thậm chí dùng lời lẽ mạnh bạo chỉ trích để che giấu thân phận!

Giường ký túc xá vốn nhỏ bé và ọp ẹp, không gian chật chội. Thằng Tình đứng dậy nó bế thốc Luận lên hôn tới tấp và đặt trên sàn nhà. Nó cẩn thận lấy mền và gối lót cho Luận rồi nó mới đề nghiêng và dày vò Luận. Tiếng thở hổn hển, tiếng nấc, tiếng rên rỉ của Luận vang cả căn phòng. Hai đứa rũ bỏ thân phận che giấu bấy lâu nay, mặc tình cho con thú trong lòng thỏa mãn cơn thèm khát. Hai đứa quần quít lăn lộn khắp sàn, chừng hồi lâu qua cơn thống khoái thì nằm bên nhau thủ thỉ, thằng Tình bảo:

- Anh thương em từ khi mới nhìn thấy nhưng không dám nói ra, hôm nay trời cho cơ hội được thố lộ. Anh thương em nhiều lắm!

Nó vừa nói và lấy ngón tay vân vê vẽ trên ngực Luận. Luận nằm im nhìn đăm đăm lên trần nhà. Lát sau nó nhỏ nhẹ:

- Em cũng thích anh từ khi mới vào phòng, nhiều lúc em thấy ghen dễ sợ khi thấy anh gần gũi với những cô gái hay mấy bạn cùng phòng. Em biết

mình vô lý nhưng không làm sao ngăn cản cái cảm giác ấy. Em phải cố gắng giữ vẻ lạnh lùng mà lòng đau lắm.

Thằng Tình hôn lên mắt Luận, nó ôm chặt Luận vào lòng an ủi:

- Từ bây giờ anh sẽ không làm cho em buồn nữa đâu. Em cũng không được phản bội anh đấy nhé!

Thằng Luận hỏi:

- Mai này sẽ ra sao khi mình ra trường? Ai nấy sẽ về quê của mình? sẽ lấy vợ lập gia đình?

Thằng Tình nói:

- Sao em không nghĩ như thế này: Mình sẽ ở lại thành đô, tìm việc và sẽ ở chung với nhau?

Luận thì thầm:

- Em cũng mơ như vậy nhưng thực tế quá phũ phàng nên không dám nói đấy thôi!

Tình:

- Em cứ lo xa quá đáng, chuyện ngày mai cứ để cho ngày mai tính, hôm nay mình có nhau hãy vui với hiện tại! Nếu mình thương nhau thật lòng thì mọi chuyện sẽ vượt qua thôi! Đời sống ở Sài Gòn cũng dễ thở và quan niệm cũng cởi mở hơn dưới quê! Mình sẽ trụ lại ở thành đô để lập nghiệp và sinh sống.

Luận rúc vào lòng Tình, nó ngửi lấy mùi thân thể Tình, vòng tay ôm xiết mắt nhắm nghiền thỏ thẻ:

- Đời em chỉ mơ ước thế thôi!

TRƯỜNG BỒ ĐỀ

Đã mấy mươi năm trôi qua thế mà người dân quê tôi vẫn quen gọi là trường Bồ Đề, nói đầy đủ là Bồ Đề Nguyên Thiệu. Nếu có khách lạ đến hỏi trường ABC... thì chẳng ai biết nhưng nói trường Bồ Đề thì mọi người ai ai cũng biết. Trường nằm bên bờ sông mà mùa nắng thì khô cạn, mùa mưa thì nước cuộn cuộn hung dữ vô cùng. Bọn học sinh chúng tôi vẫn thường bảo nhau: Thuỷ Tinh đang đánh với Sơn Tinh đấy!

Trường đã dạy nhiều thế hệ từ cha, anh cho đến bọn chúng tôi sau này. Ngày còn nhỏ chúng tôi đâu có biết ý nghĩa Bồ Đề Nguyên Thiệu là gì, cứ ngỡ sân trường có mấy cây bồ đề nên gọi là trường Bồ Đề, giống như ta gọi: Chợ Cây Me, Cầu Cây Da, Miếu Cây Gạo... Ngôi trường thân thiết với bao thế hệ học sinh, gắn bó với người dân quanh vùng. Bởi vậy sau này bị đổi tên khác nhưng chẳng ai thèm gọi tên mới cả! Cách vài trăm mét là ngôi tịnh xá cũng rất thanh tịnh, mặc dù đơn sơ nhưng đẹp và yên ả vô cùng. Mỗi ngày hai buổi đến trường đều đi ngang qua tịnh xá, hai trụ cổng to lớn có đắp nổi hai hàng chữ:

Khất sĩ y bát chơn truyền đạo
Ta Bà du hoá độ nhơn sanh

Tôi chẳng biết vì sao mà hai câu này khắc sâu vào trong tâm khảm mình chẳng bao giờ quên, mặc dù ngày ấy còn quá nhỏ đâu có biết nghĩa nó là gì. Mười năm trôi qua với nhiều đôi thay, có nhiều người đã trở nên nhạt nhoà trong ký ức, có nhiều việc đã hoàn toàn lãng quên; ấy vậy mà hai câu đối này nó vẫn rõ mồn một trong tôi, nó vẫn hiện hiện bên mình từng giờ từng phút, chưa bao giờ quên.

Cứ mỗi sáng mấy vị sư từ tịnh xá đi khát thực. Hình bóng các vị sư chân trần từng bước lặng lẽ đi qua chợ làm lòng tôi có một mối rung cảm lạ thường. Tôi vẫn để ý nhìn xem có ai đặt thức ăn vào bình bát không? hễ thấy ai đặt vào là lòng tôi vui sướng lạ, thể như mình được nhận quà vậy. Những chiều tan học về thể nào chúng tôi cũng ghé vào tịnh xá chơi. Tôi thích nằm bên hiên của ngôi điện bát giác dưới tàng cây bồ đề mát rượi. Nằm mơ mộng hưởng gió từ sông thổi vào. Bọn trẻ con hoang đàn sổng quanh tịnh xá thường hay vào hái trộm trái cây và phá phách. Có lần thầy nói:

Nhất quý nhì ma thứ ba học trò.

Tôi về nhà hỏi ba nghĩa là gì. Ba tôi bảo những đứa trẻ phá phách, tinh nghịch. Thầy la bọn nó vì sợ bọn nó trèo cây mà té chứ chẳng phải thầy tiếc gì mấy trái cây! Tôi lại hỏi ba: “Sao mấy ông thầy ở tịnh xá mặc cà sa khác với mấy thầy ở chùa? Sao mấy thầy ở chùa không đi khát thực? Sao tịnh xá chỉ thờ có một tượng Phật Thích Ca mà chùa thờ nhiều tượng Phật vậy?..” rất nhiều những câu hỏi tò mò của tuổi thơ đều được ba tôi giải thích thoã đáng. Giờ đây tôi

mới nhận ra ba chính là người khai tâm đầu tiên của tôi, ba là vị thầy dẫn đạo đầu tiên của tôi! Sau mấy mươi năm vào đời giờ thì tôi đã hiểu vì sao là trường Bồ Đề. Thật đúng như tên gọi, trường đã giáo dục bao thế hệ, đã giác ngộ bao nhiêu người, đã thức tỉnh những tiềm năng của học sinh. Ngoài Bồ Đề lại còn Nguyên Thiệu nữa! thật vinh hạnh biết bao khi trường mang tên của một vị thiền sư lớn và danh tiếng suốt từ mấy trăm năm nay của xứ Đàng Trong. Thiền sư Nguyên Thiệu vốn người Triều Châu đã đến đây vào đời chúa Nguyễn Phúc Tần và đã khai sơn lập nên chùa Thập Tháp Di Đà, chùa Quốc Ân, tháp Phổ Đồng... Dòng truyền thừa còn mãi đến hôm nay.

Trường Bồ Đề Nguyên Thiệu nằm kế bên Tịnh xá Ngọc Long, kể cũng lạ mà hữu duyên sao! Hình ảnh một thiền sư của Phật giáo đại thừa với một tổ sư khát thực tồn tại song song với nhau ấy chẳng phải “Trung Đạo” sao? Cho dù hai phái có những phương pháp khác nhau nhưng đều có chung mục đích: khai ngộ, giác ngộ và độ chúng sanh! Cây bồ đề có thể to nhỏ, có thể trước sau khác nhau nhưng chẳng hề xung khắc nhau. Tất cả cùng cắm rễ vào lòng đất mẹ, tất cả cùng che mát cho đời.

Dòng đời liên tục biến thiên, lẽ vô thường thịnh suy không ngừng thay đổi, sự sanh diệt vẫn trong từng sát-na. Thời gian như nước sông chảy mãi không ngừng. Mới mà mấy mươi năm xa trường, bạn bè giờ tán mát bốn phương. Có người làm quan, có kẻ lận đận công danh cũng không ít đũa瓢 bạt

chân trời góc bể. Nhưng có một điều tôi biết chắc chắn ai cũng nhớ trường Bồ Đề ngày xưa. Bây giờ nó mang tên khác, có thể một hai thế hệ nữa, những lớp trẻ sau này không còn ai biết trường Bồ Đề đã từng tồn tại trên quê hương mình! Lịch sử thăng trầm theo năm tháng, có những ngôi chùa từng bị đốt phá, có những đền tháp, bia đá bị huỷ hoại... nhưng ký ức, bóng dáng nó thì mãi mãi còn trong tâm thức con người; mãi mãi được ghi vào sử sách. Trường Bồ Đề không phải là ngôi chùa, cũng không dạy đạo... ấy vậy mà hướng bao người cái chơn, thiện, mỹ. Nội hai chữ Bồ Đề cũng gọi lên bao nhiêu ý nghĩa và hình bóng của nó in sâu trong tâm khảm mọi người.

Bọn con trẻ chúng ta lớn lên ở hải ngoại. Chúng thụ hưởng một nền giáo dục hiện đại, tân tiến và nhân bản. Chúng có cuộc sống sung túc, tự do và được bảo vệ an toàn... Nhưng chúng lại “thiếu” đi một hình bóng Bồ Đề như thế hệ cha ông. Cũng may là hôm nay những ngôi chùa Việt đã và đang lập ở khắp mọi nơi. Những ngôi chùa này là những cây bồ đề mới đã cắm rễ vào miền đất mới. Những cây bồ đề hải ngoại ngày một lớn mạnh và phát triển. Cuộc sống ở phương trời hải ngoại không giống như cố quận, không thể ngày hai buổi đến trường, không thể tan học ghé qua chùa hóng mát nghe chuông... Nhưng ít ra ngày cuối tuần cũng được đến chùa để hưởng chút bóng mát của Bồ Đề. Những ngôi chùa hải ngoại sẽ giúp ta hoài niệm về tổ tông, về cố quận, về dĩ vãng một thời!

VÂN ĐỒN TRANG

Vân Đồn chỉ là một địa danh nhỏ bé nằm trong vịnh Bái Tử Long, ấy vậy mà xưa nay sử sách nhắc đến còn nhiều hơn cả những vùng rộng lớn trong đất liền, bởi vì nó là một nơi hết sức trọng yếu trong việc giữ gìn lãnh thổ. Tổ tiên từ xa xưa nhiều đời nay luôn đặt Vân Đồn trong một chế độ đặc biệt và cử người giỏi đến trấn thủ.

Đời Lý Anh Tông, ông đã cho lập Vân Đồn trang. Cho tàu bè nước ngoài vào buôn bán và trú ngụ nhưng không cho họ vào đất liền. Triều Trần, Vân Đồn trang do Trần Khánh Dư làm trấn thủ. Ông bắt mọi người phải bỏ thói quen ăn mặc kiểu Tàu và cũng từ Vân Đồn ông đã đốt cháy đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, góp công to lớn vào việc đánh bại Nguyên - Mông. Đời Lê Thánh Tông việc quản lý Vân Đồn còn chắc chẽ hơn, thành luật có văn bản hẳn hoi. Cảnh quan hải sự tự tiện ra cửa biển khám tàu bè, những tàu bè buôn hàng Tàu nếu không có giấy phép hoặc bán lén lút đều bị trừng phạt nặng. Nhìn chung tiền nhân rất coi trọng Vân Đồn, luôn canh phòng cẩn mật và chưa bao giờ tin ở người Tàu. Vân Đồn là thế! tiền nhân là thế!

Lịch sử cổ quận mình cũng như nhiều quốc gia khác, luôn luôn biến động và thay đổi, có lúc hưng thịnh có lúc suy vi âu cũng là lẽ thương tình của cuộc sống. Đời thịnh thì anh hùng, hiền nhân quân tử nhiều. Đời suy thì phường lưu manh thắng thế. Lịch sử có những lúc lập đi lập lại những chuyện đau lòng. Chuyện anh hùng xưa nay sử sách ghi nhiều, giờ thử điểm mặt những tay lưu manh phản quốc: Đời Lý có Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao âm mưu đem các chiêm động nhập Tống, kết quả bị xử chém. Đời Trần có Trần Ích Tắc tư thông làm nội gián cho giặc Nguyên. Tuy không bị giết nhưng bị xóa tên chỉ gọi là ả Trần (Mụ đàn bà hèn nhất) lịch sử ngàn đời phỉ nhổ. Trần Thiêm Bình phản quốc bị xử lăng trì. cuối đời Lê có Mạc Đăng Dung, sau phải chạy trốn lên Cao Bằng. Lê Chiêu Thống, Lê Quýnh... thì bị gọt tóc cuối cùng chết nhục nhã bên Tàu. Xem ra những kẻ phản quốc, bán nước kết cục hết sức bi thảm và bia đá bêu tên xú ối, bia miệng nguyên rủa muôn đời!

Hoàng Hoa trang mùa hạ đang nóng lên từng ngày, nóng theo thế sự cổ quận. Người ta âm mưu đem Vân Đồn và vài nơi khác để làm nhượng địa, hòng lấy lòng Phương Bắc để làm chỗ dựa lưng. Ngày xưa người Anh đến Tàu dùng cà nông buộc Tàu phải nhượng địa chín mươi chín năm. Ngày nay người ta tự động dâng đất làm nhượng địa. Sự hèn nhất khấu đầu đến nhục nhã. Năm xưa khi có người cung nữ già vào khóc với thái hậu: “ Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, chưa có ông vua nào luôn cúi hèn

hạ, nhục nhã đến như thế”- Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Hôm nay những kẻ Lê Chiêu Thống thời đại này còn nhục nhã, đê tiện và giảo quyệt hơn nhiều. Tàu chẳng cần đánh, chúng cứ tự động cắt đất, biển, đảo dâng cho giặc, giờ còn tính lập những khu nhượng địa! Có một nhà ngoại giao nhận xét: “Vấn đề không phải ở sức mạnh của Trung Hoa mà là ở tâm lý nhu nhược của đối phương”.

Ông ấy không có ám chỉ ai cả, chỉ nói khái quát chung nhưng lại hết sức chính xác với hoàn cảnh của cố quận mình!

Dân gian có câu: “Quan nhất thời dân vạn đại”, chỉ vì quyền lực lợi danh mà đang tâm bán nước rồi đây lịch sử lại tiếp tục ghi thêm những cái tên xú ố nổi tiếp sau Lê Chiêu Thống.

Lịch sử có nhiều quốc gia diệt vong, diệt tộc như: Phù Nam, Chân Lạp, Champa... có nhiều quốc gia bị sáp nhập vào Tàu: Vân Nam-Đại Lý, Tây Tạng, Đất người Duy Ngô Nhĩ... Không lẽ cố quận mình tồn tại qua ngàn năm Bắc thuộc giờ cũng vậy sao? Cái này phụ thuộc ở người dân, trước hết phải nói đến trách nhiệm của thân hào nhân sĩ, trí thức, tầng lớp, tu sĩ... Vì chính họ mới có thể khơi dậy lòng yêu nước của người dân!

Người Tàu rất đáng sợ, họ có thể bắt đồng nhiều vấn đề với nhà cầm quyền của họ nhưng họ luôn luôn ủng hộ việc xâm lăng cướp đất của người khác. Máu bành trướng xâm lăng nó di truyền từ ngàn đời. Hãy xem những quốc gia có chung biên giới với Tàu đều bị lấn chiếm, xà xẻo, hoặc cướp trắng trợn: Việt,

Myanmar, North Korea, Kazakhstan, Uzbekistan, Pakistan... Ngay cả Ấn Độ, Nga cũng bị Tàu lấn chiếm. Rồi biển Đông của cả nhiều quốc gia cũng bị Tàu thâm tóm... Đến nỗi có một chính khách phương Tây mỉa mai:” Nay mai họ (Tàu) sẽ tuyên bố mặt trăng cũng là lợi ích cốt lõi của họ”.

Vân Đồn trang không thể nào là nhượng địa! Vân Đồn là của nước Việt! nước Việt là của người Việt!

Giặc Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều đại bại khi đến xứ này! không lẽ Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... không có hậu duệ hay sao?

...

VÀNG HÒI

Mới bốn giờ sáng mọi người đã lục tục nhóm chợ rồi, ánh đèn dầu, đèn măng sông, đèn bạch lập... lung linh như sao sa. Kê gánh người gồng, xe đẩy, cộ kéo... nườm nượp chuyên hàng vào chợ, các gian hàng trong mười dãy lều cũng đã bày biện xong. Các bà, các cô tranh thủ làm tô bún, đĩa bánh bèo bữa sáng để chuẩn bị cho phiên chợ cuối tháng.

Mặt trời lên chừng tám con sào thì chợ đã đông nghịt, dân các tổng: Long, An, Thành, Thạnh, Thế, Mỹ, Tài... đổ về mua bán, trao đổi sản vật. Tổng Long Nhơn nổi tiếng trù phú và giàu có nhất vùng bởi vì vừa có chợ lại nằm bên bên sông. Người ta bảo: “Nhất cận thị nhị cận giang” quả thật không sai chút nào! Những tưởng phiên chợ sẽ rộn ràng lắm vì thường những phiên cuối tháng đều thế cả nhưng hôm nay có vẻ lạ lùng. Người ta tùm nãm tùm ba xì xầm gì đấy, vẻ mặt mọi người có vẻ thần bí. Người ta kháo nhau:

- Bà Hộ Mễ chết rồi!

Bà Tư hàng xén kể lể:

- Tôi qua thằng Lân, con trai chở bả đi thâm tiền hụi, bả ngồi thế nào mà ngã ngựa ra chân thương sọ não, chưa kịp chở đi nhà thương thì chết mất!

Cái tin bà Hộ Mễ chết làm xôn xao cả chợ và các tổng quanh vùng. Bà Hộ Mễ nổi tiếng giàu có, không biết tên cúng cơm là gì nhưng vì bà buôn gạo, thóc, ngũ cốc. Chồng bà có hàm bá hộ nên người ta gọi là bà Hộ Mễ. Người ta đồn năm ngoái bà được vàng Hời nên đã giàu lại giàu thêm. Có người thấy bà có buồng cau vàng nhưng có kẻ khác lại khẳng định đó là buồng dừa. Nhiều người nói bóng gió về việc được vàng Hời thì bà cũng ồm ờ:

- Trời đất, ai đồn chi thất đức vậy? vàng Hời mà được thì cũng dễ chết lắm đạ!

Thế rồi khi bà té xe chết, người ta nhớ lời bà nên càng tin chắc bà đã được vàng Hời. Ông Bảy Nề kể cho mấy bạn nhậu của ông rằng:

- Vàng Hời vốn đã bị ếm, người Hời có lời nguyên ai mà lấy được sẽ chết bất đắc kỳ tử. Lúc tui còn nhỏ có theo nội lên chùa, nội tui dạy: hễ ai được vàng Hời thì phải lên tháp chạy quanh bảy vòng, vừa chạy vừa hát:

Của thiên trả địa
Trời đất phân chia
Vàng Hời đất Việt
Chớ tiếc làm chi
Của thế người đi
Đó cho đây lấy

Linh tại tháp này
Lòng ngay lời thật
Thần Phật chứng tri
Từ bị gia hộ

Thì sẽ giải được mọi buà ngải và lời ếm trên vàng, sau đó về phải cúng đình, phát chẩn... sẽ không bị chết, còn nếu không thì sẽ chết bất đắc kỳ tử. Bà Hộ Mễ được vàng Hời mà không làm theo nên phải chết oan mạng.

Ông Bảy Nè còn nói chứng:

- Xóm chùa có ông Sáu Sự được con ngỗng vàng bằng nắm tay, cô Bốn Hóa được tượng Shiva vàng bằng trái cóc, thằng Đục được mặt chuyền hai lượng... nhưng có ai chết đâu, vì họ biết làm theo cách mà tui mới nói. Vàng Hời vốn không phải của mình, mình được thì mình phải biết làm phước thì mới an được chứ! Còn tham quá cứ muốn ăn hết thì bị vật là phải rồi.

Từ chợ Bà Bầu qua xóm chùa phải băng qua gò Yên, người ta đồn gò Yên ma nhiều lắm, những lúc chạng vạng hay gà gáy ma Hời khóc than tỉ tê nghe rợn cả người. Gò Yên có nhiều má Hời nhất của mấy tổng quanh đây, những cái má đắp bằng vôi, ô dước tròn lum lum như những con rùa không lồ. Những cái má không biết có tự bao đời rồi, chẳng ai dám động đến. Ban ngày người ta còn dám băng qua nhưng khi chiều về mấy bà đi chợ về đành lội ngược ra con lộ rồi đi vòng về xóm chùa chứ không dám đi qua gò Yên. Ông Bảy Nè kể:

- Khi nội tui còn sống, ông hay kể tích gò Yén cho tui tui nghe. Gò Yén xưa là đất của người Hời, chỗ này là hành cung vua Hời thường tổ chức yến tiệc. Sau này nhập về nước mình, người mình đào được nhiều đồ cổ: chén bát, lu hũ, ghè... nên mới gọi là gò Yén.

Gò Yén nổi tiếng nhiều ma nên bao đời nay chẳng ai dám động đến, ấy vậy mà khi nghe bà Hộ Mễ được vàng Hời bọn trộm mộ từ đâu không biết kéo đến, đêm đêm đào những cái lỗ vừa một người chui lọt xuyên qua những cái mả Hời ấy. Chúng phá quách lôi ra đủ thứ đồ tùy táng quăng vung vãi khắp nơi. Chúng chỉ chăm chăm lấy vàng còn bao nhiêu đồ đạc bỏ hết. Cứ mỗi buổi sáng bọn chần bò ra gò Yén nhặt bao nhiêu là chén bát, lu ghè... đem về đựng nước mưa, đựng thức ăn gà vịt.

Ông Bảy Nè còn bảo:

- Nội tui kể: những người Hời giàu có họ thường chôn sống trinh nữ theo để giữ vàng của họ. Những trinh nữ ấy bị cho uống rượu say, miệng ngậm linh sâm ngàn năm. Họ sẽ thành thần giữ vàng cho chủ. Ai mà động đến những ngôi mộ đó hay lấy trộm vàng sẽ bị vật chết! Vàng Hời bị ếm linh lắm, nhặt được mà không biết cách giải thì cũng bị trướng bụng như trống châu mà chết, hoặc chết bất đắc kỳ tử. Gò Yén, Gò Đu, miếu Cây Da Sà... chỗ nào cũng có mả Hời chôn trinh nữ cả. Những đêm trăng ma Hời hát ca nghe ai oán lắm, đuốc xanh lập loè chẳng ai dám ra vườn đái.

Đám ma bà Hộ Mễ lớn oai là lớn, chiêm trổng inh ỏi cả chợ Bà Bầu, cờ phướn rợp trời, vòng hoa, liễn... thì thôi phải biết, nhiều lắm! nhà bà Hộ Mễ xưa nay không đi chùa bao giờ ấy vậy mà hôm nay thỉnh hoà thượng Giác Huyền đến tụng kinh cúng đám cho bà. Sau khi an táng xong người nhà bà mới hỏi:

- Bạch thầy! liệu bà, mẹ của tui con sẽ siêu thoát ?

Thầy thật thà:

- Bần tăng vốn không có thần thông nên không biết bà ấy sẽ đọa hay siêu thoát. Bần tăng chỉ biết hết lòng chú nguyện cho bà thôi! phần người nhà các vị cũng nên sắm sửa trai giới cúng thất trong bảy tuần, làm phước, bố thí, phóng sanh... để hồi hướng công đức cho bà ấy! cái quan trọng là các thí chủ phải thật tâm làm chứ không phải qua quýt cho xong hay làm màu để khoe mẽ với xóm giềng. Bần tăng tui đọc kinh thấy dạy: trong bảy phần công đức thì người chết hưởng một còn lại của các vị đứng ra làm. Vì vậy khi các vị làm phước cũng chính là phần nhiều làm cho bản thân quý vị vậy!

Sau tuần thất thứ bảy có người đa sự lên chùa gặp hoà thượng Giác Huyền hỏi:

- Có phải bà Hộ Mễ được vàng Hời nên bị ếm mà chết?

Hoà thượng Giác Huyền cười:

Bà ấy được vàng hay không thì bần tăng không biết, chuyện bùa ngải hay trừ ếm bần tăng cũng không biết, nhưng có một điều là dân các tổng cũng nghe đồn nhiều người được vàng Hời nhưng không ai chết sao chỉ có mỗi bà Hộ Mễ chết? theo thói

thường hề khi được vàng hay của mà không do mình làm ra thì cũng nên làm phước, chẩn tế... để giải bớt oán kết của người chủ của món đồ ấy, thứ nữa để cái đức về sau.

Người nhà bà Hộ Mễ sau đám ma nghe lời thầy làm phước, chẩn tế nhiều lắm. Bọn cái bang quanh chợ Bà Bầu suốt mấy tuần liền được hưởng phước lây. Dân xóm chùa và các tổng cứ bàn tán mãi không thôi. Bà Tám bánh bèo xóm gốc me nói chắc nịch:

- Tui dám chắc bà Hộ Mễ được buồng cau vàng là thật! bữa đó vợ chồng bả cùng ông nhà tui lên gò Yên dẫy mã, làm đâu chừng mười phút thì ông nhà tui thấy hai vợ chồng bả cứ dấm đuối trong bụi cây ỏ trâu, vẻ mặt khác thường. Ông nhà tui hỏi thì bả kêu đau bụng. Nói xong bả lom khom ôm bụng đi về, từ đó hai vợ chồng nghỉ bán ngũ cốc luôn, rồi tự dung ăn xài xả láng, mua đất khắp nơi. Tụi thợ bạc của tiệm vàng Sáu Phụng kể cho ông nhà tui nghe là tụi nó thấy bà Hộ Mễ đem buồng cau vàng tới tiệm để cắt ra bán. Từ đó ông nhà tui mới suy nghiệm lại thì ra bữa nợ hai vợ chồng được vàng Hời nên bỏ về. Bả được vàng chẳng bao lâu thì chết bất đắc kỳ tử thì quả thiệt đúng chứ đâu còn gì nữa mà ngờ. Kể cũng tội bả, chưa được hưởng bao lâu thì chết oan mạng vậy!

Sau khi bà Hộ Mễ chết, bọn con nít quanh chợ Bà Bầu bỗng dung chạy nhảy rong chơi khắp nơi mà hát đồng dao:

Vàng Hời vàng Hời
Của mất thường người

Được chớ vội cười
Hãy mau làm phước
Lời ếm chưa trừ
Mà đem cất giữ
Mất mạng vong thân
Đồng cân đấu máu
Trinh nữ ngậm sâm
Ngàn năm giữ của
Vàng hời vàng Hời
Được hãy nhớ lời
Của thiên trả địa
Đền tháp đá bia
Hãy mau tạ lễ.

XỨ BẮC CHIÊM

Xứ Bắc Chiêm dạo này vui đáo để, mới hôm rồi tiến sĩ lu, bà bộ lon... làm cho dân chúng cười sập mặt luôn. Giờ bà bộ tể làm cho chúng cười không ngậm miệng được. Có người bảo rằng: “Hình như các quan xứ này tấu hài, tính giựt giải với anh hề chuyên giả gái!”. Không biết đúng sai thế nào nhưng hề các vị nói câu nào ra cũng bị thiên hạ cười quá xá quà xa luôn. Bọn tri thức thì bảo:

- Tâm và tầm của họ có nhiều thì họ xử bấy nhiêu.

Bọn “phản động” thì bảo:

- Đỉnh cao trí tề!

Các bà hàng tôm hàng cá, quán cà phê, quán nhậu, dân chợ trời... thì huych toẹt:

- Ăn ngập mặt ngập mày rồi nói năng ầm ớ!

Dân mạng thì chế giễu, pha trò, nhại giọng... thậm chí chửi tắt bết luôn! Các quan giận quá, lập tức chỉ thị:

- Cấm mọi người bàn tán, chuyện nhà quan để nhà quan lo! Cái lũ quần chúng biết gì mà xách mé! nếu còn lôi thôi nữa thì chúng ông cắt mạng luôn, mạng cũng như xa lộ, muốn cho chạy mấy luồng là quyền của quan, liệu hồn quân phờn động!

Số là sau khi chị tiến sĩ lu dạy dân mua lu công, lu mọng về chống ngập, kể bà bộ lon cấm bọn tư bản

mở lon vì nhỡ chúng thêm dầu vào thì chết bỏ bu. Bà bộ tể noi theo xuống lệnh:

- Phải đổi ngay tên trường kéo nạc hậu! giờ phải gọi là đại học sức khoẻ cho nó phát triển kịp các quốc gia văn minh. Đất nước ta có sự lãnh đạo tài tình sáng suốt, không thể để cái tên trường thuốc nó nạc hậu nữa!

Bà bộ tể vốn từ ngoài vô, ngôi cao lộc lớn, làm đến ông nọ bà kia nên nói năng vĩ mô. Bọn giáo sư, tiến sĩ trường thuốc làm sao hiểu được tâm tư của bà:

- Trường thuốc có cả trăm năm lay, sao mà bé tí tẹo thế! cũng tại tên trường thôi, phải kiên quyết đổi ngay nập tức!

Bọn sinh viên cười ngã ghé nhựa ra, các giáo sư gỡ cà vạt mà thở, các nữ giáo viên chạy vào nhà vệ sinh không kịp vì són đái ra... Bọn đàn em cóc nhái nhảy vào à uôm bênh chủ:

- Bà bộ tể lói phải đấy, bà ấy rất thông minh, hàm giáo sư, tiến sĩ, chủ tịch hội vi trùng, trưởng trung tâm xướng đẽ, phó trưởng đoàn tâm thần, uỷ viên hội đồng da liễu... Không thể nào sai, có thể nà vênh chữ nghĩa, khác kênh hiểu biết. Các vị cần phải quán triệt, đã thông tư tưởng...

Thế rồi chuyện cũng chìm xuống dần, đâu chừng mười hôm sau bà lại làm dân chúng giật mình:

- Tôi, bộ tể, nay bổ nhiệm ông con trai yêu dấu của tôi làm phó viện vi trùng!

Người người cười nhạo, la lối đủ điều cả. Bà bộ tể nghe lọt tai bèn sừng cồ:

- Ôi giờ ời! Quân thù địch cứ chống phá, con trai tôi làm phó viện vi trùng nào có ăn vi trùng được đâu mà ghen ăn tức ở thế! may mà mới là phó viện vi trùng chứ tôi bỏ nhiệm nó làm trưởng viện vi trùng thì có nước mà bọn chúng giã nạy cả nên, cứ như nà gái ngồi phải cọc ấy!

Thế rồi các quan lôi ra bọn buôn thuốc giả bán cho dân, dân chúng rần rần cả lên. Người ta nói: người nhà bà bộ té trong đường dây. Bà bộ phải lên tiếng thanh minh:

- Giờ đất ời! người nhà tôi nằm thao mà liên quan được cơ chứ? cả nhà chúng tớ thanh niêm năm!

Bọn báo chí lại phanh phui vụ chặc xác phi tang của một tay giải phẫu thẩm mỹ. Người ta hỏi trách nhiệm của bà thì bà bảo:

- Tôi nào có dính níu chi đâu, não ấy mổ nọn đã quen tay, có sao mổ thẩm mỹ nại nằm chết người ta thế! ấy chỉ nà thiếu tinh thần trách nhiệm thôi, cho não ấy rút kinh nghiệm sâu sắc.

Bọn đàn em thấy căng quá bèn hiến kế:

- Hay nà mình nùi một bước để tiến hai ba bước, chị từ chức rồi sau đó mình tiến cao hơn!

Bà bộ liếc xéo, bĩu môi:

- Từ chức à? từ chức rồi cạp đất mà ăn à? niệu còn đưa lảo đến nhà bà bằng cửa hậu?

Tay đàn em biết mình lỡ lời bèn sửa sai:

- Chị chí phải, quá thông minh xuất chúng! Em không nằm thao năm kịp tư tưởng của chị. Chị quả là bà bộ đệ nhất thiên hạ!

Bà bộ nghe thế cười híp mắt:

- Chú em còn lon nǎm! phải theo sát chị để mà học loi gương nhé!

Bà bộ triệu tập đàn em lại, xuống chỉ:

- Chúng ta phải kiên quyết đổi mới, phải nằm theo anh bộ giao đổi chuyện thu tiền bằng: phí- giá- phí. Anh bộ dục cũng đã đổi tiền học phí ra học giá rồi. Giờ chúng ta cũng phải đổi nà: Thu giá bệnh nhân!

Hội nghị đồng ý trăm phần trăm, thành công rực rỡ.

Thế rồi bà bộ kính hành đến tỉnh kia, bọn đàn em địa phương tập trung lại chờ nghe ban lời vàng ngọc. Bà bộ đến xưng xia cầm vọt vọt lẳng quǎng, miệng ngoác ra:

- Phải diệt lẳng quǎng với tinh thần khẩn trương như diệt giặc, có thể mới thành công!

Đàn em vỗ tay rào rào, ngửa mặt hưởng ơn mưa móc từ miệng bà bộ ban cho. Bà bộ tiện thể hành phương Nam, ghé thăm một nhà thương lớn nhất xứ, thấy người bệnh nằm ba người một giường, nằm la liệt trên sàn, ngoài hiên...bà bộ bèn nhỏ vài giọt lệ vàng:

- Bà con ở đây đùm bọc nhau sống ấm áp thế! tuy có chật nhưng đầm ấm. Tôi ở biệt phủ rộng thênh thang nạnh nẻo nǎm. Đất nước còn nghèo, bà con chịu khổ cho quen, nhờ mai kia có khổ hơn mới thấy mình hạnh phúc nhất thế gian này!

Bà bộ dứt lời, bọn đàn em lập tức đưa bà đi đến nhà hàng để bà bộ lót lòng chút xíu vì bà bộ đau lòng vì bà con quá xá rồi.

CÁI LON

Xứ bắc Chiêm đạo này vui đáo đẽ, không biết các quan ăn phải môn làng hay cái giống gì ấy, nói câu nào ra cũng bốc mùi, khiến dân chúng chửi không kịp vuốt mặt. Nhiều vị cứ như đứt dây mắc cỡ, phát biểu tỉnh bơ, làng nước cười như mếu. Ông già tám bó cười rụng răng...giả, con nít lên ba cười sún răng...sữa, đàn bà mang thai cười muốn bể bầu non luôn! Cụ bá nhà ta mà sông dậy chắc cũng cười sảng sặc văng nước bọt ngập phổ phường như bõn.

Có kẻ ngoài nó cũng tài ba lắm nhưng ngặt không có ai bảo kê, lý lịch lại không thuộc diện quy hoạch, thủ tục đầu tiên cũng không nên cả đòi cứ làm anh công chức quèn. Một hôm anh ta tưng tưng:

- Bỏ khỉ các anh, ơn vua lộc nước thuế dân ăn ngập mặt chưa đủ sao? Đi tranh chi cái giải “Đệ nhất ngu” cho chúng chửi, còn tở thì ngựa cả buổi.

Lâu nay anh bộ giao cứ loanh quanh nay phí mai giá, anh bộ dục cũng bắt chước đòi học giá luôn. Kể sĩ có người tức khí viết lên tường của sở:

Phí quá phá quí của tiền dân với nước

Giá đủ giú đã đồ chơi của quan to

Bọn dân Nam cười lăn bò càng ra đất, cười lật vỏ lãi, cười đá ra quần...

- Tụi tui đâu có phân biệt được: d, v, gi...vú, giú, dú cũng là một thôi ông ơi!

Chuyện giá, phí còn chưa nguôi, một bà lớn ở thành đô cũng cỡ sồn sồn không biết động gì tuyên bố tuyên mẹ rằng:

- Con cháu quan làm quan là phúc lớn cho dân!

Trời đất thiên địa quí thần ơi, dân chúng thiếu điều muốn xỉu luôn

- Mình mẹ đã ngán tới cổ rồi, giờ mẹ kéo cả con cháu leo lên đầu ngòi, dân nào chịu thấu!

Ông già Tàu chợ lớn xưa nay hiền lành, ngày đêm rao: chẻ mà phủ, lục tào xá, xính xuy...thôi, vậy mà cũng phát giận lầu bầu:

- Ấy da, đừng có nhạo ngộ, ngộ tả lị xì là nị hui nhị tì đó!

Tiếp theo đây cũng một bà lớn khác, thấy người ta quảng cáo nước ngọt, không biết đầu óc bà ấy nghĩ sao mà bắt chọt nôi con thịnh nộ, giã nảy lên, vén váy vỗ lạch bạch, mồm tru tréo:

- Ôi giời cao đất dày! ôi tiên nhân hậu quả, ôi làng nước ơi! bọn cờ cờ cờ lờ bố náo, chúng đòi mở lon, thế có chét bỏ bu không? mà bố lon nhà nó hay sao mà nó đòi khui với chả mở. Lon bà nào phải là lon

còn lon cợn mà đòi mở? nhờ quân phản động nó bỏ mũ thêm dầu vào thì còn gì là lon nữa!

Tay trợ lý lanh chanh:

- Bọn chúng náo thật! mà chúng đòi mở bằng gì nhĩ? Hay chúng giở trò “làm sưng cho sáo” hay “tôi may ngón tóc” của cụ trạng Quỳnh năm xưa? Nếu không cấm, chúng khai lon chị mà ngõ lon cồn, chúng nốc cả thì còn gì đòi gái già của chị tôi!

Một chị đồng viên can gián:

- Bọn rồi hơi đấy mà! việc gì phải giận ló nên máu tăng xông thì khôn! lon chúng mình cũng chả còn là lon sông lon sẹ, mà chúng mở thế lao được cơ chứ? nếu chúng có thêm dầu vào thì đằng lao cũng nà lon đồn lon động, lon mộng lon mồn, lon đồn lon đạch, lon hạch lon hồn, lon phồn lon phạch, lon lạch lon lèo....

Thế rồi dân dưới đất, dân trên mạng, làng nước trong ngoài rần rần cả lên, chuyện vào tận chốn lầu xanh, cung vàng, gác đỏ... Chị em ta xưa nay hành nghề cũng lắm chuyện vui. Nay thêm chuyện lon làm chị em ta cũng hứng lây:

- Muốn khai hay mở lon thì tùy mấy anh, cứ tiền trao thì cháo múc, mở thì mở nhưng đừng bỏ dầu vào đấy nhé! chị cả nhà em ứ chịu nhưng bọn em thì nhất trí rằng: muốn thêm dầu thì cứ thêm nhưng phải giả thêm tiền là ok tuốt tuồn tuột! bọn em cũng biết thân phận mình, chẳng phải là lon sông lon sồn, lon hồng lon bóng, lon cống lon rồn nên chả sợ gì ai.

Riêng đám giang hồ bảo kê từ thần lẫn, cắc kè cho đến đầu gấu, đại bàng... đang nhậu bỗng nghe lon mà sanh bực:

- Con bà nó, đầu óc bã đậu, ăn trên ngồi tróc, nghĩ suy vớ vẩn! Mả bố cái lũ lon bồn lon bổng, lon cộng lon còi, lon phôi lon phộng, lon xông lon xồn...

Đàn em có đưa mới vào nghề, nghe thế sợ vãi cả đái:

- Em cần cơm cần cỏ lạy đại ca cả mớ mũ nón bị gậy, em sợ chị cả nghe đặng thì khốn, lon nào thì lon, đừng để động đến lon vộng lon vòn, lon xồn lon xông, lon nhộng lon nhồn...Em xin kiếu!

CÁI LU

Bên rạch Bà Bướm có hai vợ chồng ông Tư Cậy thui thui sống với nhau bao nhiêu năm nay. Không biết hai người có con cái gì không mà chẳng bao giờ thấy chúng viếng thăm, mặc dù nghèo nhưng hai vợ chồng hết sức hiền đức và thương người. Ông thường đắp đất, vác đá vá con lộ chạy cặp mé rạch để cho người và xe cộ khỏi bị sụp ổ gà. Ông còn hạ cây sao bên hông nhà để bắc cây cầu qua côn Chim, giúp người qua lại dễ dàng. Trước hiên nhà lúc nào cũng có cái lu nước và cái gáo dừa để cho người lỡ đường đỡ khát. Một hôm nọ có người lạ với giọng miền ngoài đến xin gáo nước, ông bà bảo:

- Cứ uống thoải mái đi, có đói thì vào đây làm chén com.

Người ấy tuy e ngại nhưng đói quá nên không còn sĩ diện nữa, quát luôn mấy chén với khô sặc kho keo. Ông bà hỏi:

- Cậu ở đâu mà lặn lội tới đây cho cực vậy?

Người ấy thưa:

- Thưa ông bà, tôi vì nghèo đói nên tha phương cầu thực. May nhờ ông bà hiền đức cho ăn lại có lòng từ tế. Tôi rất biết ơn!

Ông bà Tư Cây xoa tay:

- Thôi đi cậu ơi, ơn nghĩa gì đâu mà kể công cho tui bất mắc cỡ! nếu cậu không có nơi tá túc thì ở lại đây với vợ chồng tui.

Nửa đêm hôm ấy, ông bà Tư Cây cùng nằm mộng thấy một vị thần to lớn uy nghi hiện ra:

- Ông bà hiền đức, ăn ở thủy chung lại có lòng thương người nên cảm đến đất trời. Ta, thực ra không phải người lỡ đường, chẳng qua là đến thử xem lời đồn đại ấy thực hư ra sao. Nay ta đã rõ, ta báo cho hai người biết. Kể từ sáng mai, cái lu nước của hai người sẽ thành cái lu gạo, ăn bao nhiêu thì nó sẽ tự đầy lại bấy nhiêu.

Sáng hôm sau, mặt trời chưa dậy. Bà Tư Cây đã lui cui nường mấy củ khoai lang để ăn sáng và nấu nước sôi chế bình trà cho chồng. Ông Tư Cây ngồi vắn điếu thuốc rê, nói:

- Đêm qua tui nằm mơ thấy có vị thần bảo cái lu nước nhà mình sẽ thành cái lu gạo.

Bà Tư Cây giật mình:

- Ông nói sao? Lu nước biến thành lu gạo? tui cũng nằm mơ thấy như vậy đó!

Nghe thế cả hai bèn ra hiên nhà giở nắp xem, thì ra một cái lu gạo đầy ắp. Hai ông bà dụi mắt nhìn nhau không biết rằng mình tỉnh hay mê. Thế rồi từ đó ngày ngày hai ông bà xúc gạo đi cho khắp nơi, nhưng hễ cứ múc voi đi thì sáng hôm sau nó lại đầy

ấp lại. Cũng từ đó người ta bảo nhau đó là cái lu thần.

Băng đi mấy thế kỷ, rạch bà Bướm ngày trước giờ thành một thành đô to lớn và đồ sộ. Người bốn phương tụ hội về ngày càng đông đúc, khổ nổi quan lại thành đô chẳng biết cai trị thế nào mà dân ta thần thánh trời xanh. Cứ mỗi khi mưa xuống là nước lên lai láng, mưa nhỏ ngập nhỏ, mưa lớn ngập sâu, thậm chí không mưa cũng ngập nốt. Còn Chim ngày xưa thì quan bán hết ráo cho gian thương rồi. Chúng đuổi dân ra khỏi đất ấy, mặc cho mồ mả tổ tiên và nhà cửa, ruộng vườn đã có bao đời. Một hôm mưa lớn, nước ngập quá xá luôn. Tể tướng đi kinh lý bị kẹt lại, nhìn thấy nước hứng chí quá lo to:

- Thế nước đang lên!

Bang trưởng nghe vậy cũng sanh hào sảng, tuyên bố:

- Rạch Bà Bướm, có bao giờ được như thế này chưa?

Bọn nhân sĩ, trí thức thì cười chua chát:

- Thủ dâm tinh thần hay tinh thần AQ đây?

Riêng đám bọm nhậu thì cười té ghê, đàn bà con nít cười rụng rốn luôn:

- Trời đất, tầu hài vậy thì anh hài chuyên giả gái kia thất nghiệp như chơi!

Bọn dân đen ngày đêm sống với nước đen lênh láng ngập tới háng, kêu trời như bộng nhưng chẳng ăn thua gì. Quan đập bàn quát:

- Ông gô cổ chúng mày lại bây giờ, chỉ có chút nước ngập mà dám bêu xấu triều đình, làm mất mặt quan nha!

Bây giờ có một vị nữ dân biểu (Nghe đâu gốc gác con cháu mấy đời của cư dân rạch Bà Bướm xưa), vừa là phó giáo sư kiêm tiến sĩ, lại là chủ tịch một cái hội: cò lờ mờ vờ... gì đấy đảng đàn dạy dân:

- Xưa xứ mình có cái lu thần, giờ mọi người sắm một cái lu để trước nhà có thể sẽ hết ngập!

Lập tức mọi người từ trí thức đến dân đen đều bật ngửa ra cả, người ta không ngờ bà ấy lại thông minh đến như vậy. Dân thành đô thì nghi ngờ:

- Cái lu dòn đợc hết nước mưa sao?

Mấy ông già nhiều chữ nghĩa thì nhấn tin:

- Lu công may ra chịu nổi chứ lu riêng chịu sao thấu?

Mấy anh sinh viên thì lấu cá:

- Hay là nhờ bà ấy nhập khẩu mấy cái lu Mông...cô về chứa nước mưa chứ lu còn chim xứ mình nhằm nhò gì!

Mấy anh kỹ sư và dân kỹ thuật thì có vẻ chuyên nghiệp hơn:

- Đề nghị chị tiến sĩ cho tụi em làm thử mấy cái lu điện có thể giúp ích cho chị nhiều đấy!

Một nhóm văn sĩ thì khuyên:

- Nhân tiện đây chị làm luận cái luận án đại tiến sĩ hay siêu tiến sĩ về cái đề tài: “Lu mộng chống ngập nước còn chim”

Không biết bọn con nít ai dạy cho bài đồng dao mà chúng chạy chơi khắp nơi hát:

Lu lú lù lu
Lu còi ồm o
Lu mo sợ lộ
Lu cô tiến sĩ
Lu Mỹ lu Lào
Lu cao lu thấp
Lu cập lu căng
Lu măn lu mọc
Nước ngập thành đô
Mua lu dù địa
Lu động lu đàng
Lu màng lu mửa
Lu mút lu may
Lu cay lu cú
Nước lũ vô lu
Nước triều cũng rút
Lu lú lù lu

....

Cũng may hôm rày trời không mưa, nước triều cũng chưa lên nên thành đô bớt ngập. Chị tiến sĩ mu, người gốc rạch bà Bướm năm xưa cười nắc nẻ:

- Đây, mọi người thấy chưa? Nhờ tôi mà lu tồn kho bán chạy, thành đô bớt ngập. Tôi đề nghị mỗi nhà phải mua lu bé còn tập thể phải có lu công! Các lu ấy vậy mà hữu dụng lắm, ngày xưa rạch bà Bướm có lu thân, nay thành đô ta thì lu cần biết bao.

THĂNG SAM

Càng lớn nó càng đẹp trai chi lạ, tướng người cao ráo, thanh tú, mặt mũi khôi ngô mà lại có nét Tây rất đậm. Ba mẹ thuần Việt mà nó thì như vậy, nhiều người thắc mắc thậm chí có kẻ còn đặt điều này nọ. Nó về hỏi ba nó thì ông bảo:

- Năm ấy khi mẹ con mang thai và bị băng huyết mất máu nhiều mà máu mẹ con lại hiếm, trong lúc thập tử nhất sinh thì có một vị bác sĩ người Mỹ có cùng nhóm máu. Ông ấy tình nguyện hiến, ông ấy hiến nhiều đến nỗi ngất luôn, có lẽ thế trong người con có cái gene của người Tây.

Nghe được những lời ấy Sam rất bồi rối và suy nghĩ nhiều về vị bác sĩ người Mỹ đáng kính. Trong tâm nó cứ mừng tưng nếu không có ông ấy thì có lẽ nó đã không được sinh ra. Nó muốn cùng ba nó đi tìm ông bác sĩ người Mỹ ấy để nói một lời cảm ơn nhưng tiếc rằng ông ấy đã di cư từ lâu rồi, bây giờ chẳng biết dạt về chân trời góc bể nào. Thời gian thấm thoát qua mau. Nó trưởng thành nhưng lại nghe bạn bè rủ rê bỏ học dở chừng. Nó vốn ngoan

nhưng cái tánh ngang tàng, phóng khoáng đã thủng. Nó ra riêng để tự do như nó muốn. Ngày đầu vào hãng cơ khí làm, nó mới biết thế nào là cực khổ, thế nào là giá trị của đồng tiền, giờ giải lao nó ra bãi cỏ nằm dài không thiết ăn uống cả. Công việc nặng học Cứ thế kéo dài một tuần, cuối tuần nhận cái check với đồng lương tối thiểu nó cay đắng vô cùng. Nó lẩm bẩm:

- Cày như trâu mà lương như vậy sao sống nổi? thảo nào người lao động phải cày hai job mới đủ chi tiêu!

Nó xin vào một tiệm Nail để làm. Thời gian đầu cầm giũa làm móng nó cập rập lắm, nhưng riết rồi cũng quen. Công việc không nặng nhọc và cũng chẳng cần học vấn gì, miễn chịu khó và chăm chỉ là được. Nó thấy cũng tạm ổn về mặt tiền bạc nhưng việc này quả là đáng chán với nó. Có lần nó nói với người ta:

- Suốt ngày gặm mặt với mấy cái móng chán thật!

Đã thế trong tiệm suốt ngày kèn cựa với nhau, tranh nhau từng người khách, từng đồng tiền típ. Hôm qua con Jenny Tran chửi con Elizabeth N:

- Đồ bullshit! mày giựt khách của tao!

Con nhỏ kia đâu có vừa, cũng chửi lại:

- Đồ ranh con, cứ lượ khách cho típ nhiều mà làm.

Cuộc cãi cọ inh ỏi, bao nhiêu đồ này nọ tung ra hết, chủ tiệm nói không xong bèn dọa tổng cô cả hai, bấy giờ mới chịu im lặng. Việc chưa lắng xuống thì hôm sau thì Kenny L cầm tờ một đồng xé làm hai đưa cho con nhỏ Tammy Ly:

- Tao làm tay, mày làm chân mà nó cho có một đồng; vậy mày năm mươi tao năm mươi!

Con nhỏ nghẹn:

- Đồ bán tiệm!

Không biết nó chửi khách hay chửi thằng kia, mấy người thợ ngồi không cười khúc khích còn người khách giận tím mặt, quày quả đi ra và nói:

- Tụi bay chỉ chăm chăm nhìn tiền mà không tôn trọng khách hàng. Tao sẽ không đến tiệm này nữa!

Chủ tiệm cũng giận lắm vì mất khách nhưng chưa dám đuổi thằng Kenny L vì nó là thợ giỏi, đem lại lợi nhuận nhiều. Sam thấy ngao ngán quá. Nó không ngờ con người ta trở nên nhỏ nhen và thực dụng một cách thô鄙 như vậy. Nó thường nghe người ta bảo người Mỹ thực dụng nhưng nó thấy chính đồng hương của nó mới là thực dụng. Phàm việc gì có lợi là tranh giành. Việc gì không có lợi là họ không rờ vào đâu! Biết nó ngán ngẩm nên con bồ nó cứ rử rỉ:

- Ráng đi cung, cũng vì tiền nên phải chung đụng như vậy!

Sam ngần ngại chưa bỏ đi, nó cố gắng không để dính vào những cuộc cãi vã, tranh giành vậy mà cũng không yên chuyện. Có đứa băng quơ:

- Bày đặt làm tuồng rảnh, đi làm nail thì ai cũng như ai thôi!

Sam thấy nóng mặt nhưng cố không thêm phân bua làm gì. Lúc ấy có người khách bước vào, lẽ ra là đến lượt Sam làm nhưng cái đứa vừa nói băng quơ bèn chạy lên đưa khách vào bàn của nó rồi phân bua:

- Tuần rồi đi casino thua mấy xấp, giờ tui phải cày bù!

Sam lẩm bẩm:

- Bòn đũa đại đãi đũa khôn.

Tối hôm đó Sam và đám bạn nhậu tung bùng, nó tuôn hết những bực tức ra cho mọi người nghe. Cả đám cười:

- Chuyện thường ngày mà bạn, bực làm gì! Ấy chưa kể mấy cái đám bóng xà bang ngày nào lên tiệm cũng se súa đồ hiệu, khoác lên người nào là: LV, Prada, Chanel... rượu vào lời ra, tiếng karaoke nhừa nhựa cho đến quá hai giờ sáng mới tan.

Sáng hôm sau Sam không đến tiệm, rồi cả tuần cũng không đến luôn. Sam quyết định quay về nhà. Ba mẹ sam mừng lắm và càng mừng hơn nữa khi biết nó có ý định đi học trở lại. Mẹ nó bảo:

- Con cứ học đi, học phí mẹ sẽ lo cho con!

Sam thấy mắt nó cay cay. Mẹ nó suýt chết khi mang thai. Mẹ nó luôn lo lắng cho nó, giờ đã lớn mà mẹ nó vẫn sẵn sàng bảo bọc cho nó ăn học. Quả là những người mẹ Việt mới có sức chịu đựng và hy sinh lớn như thế! Ba mẹ nó còn nói:

- Con ráng học kiếm cái bằng bốn năm, sau này đi làm kiếm sống đỡ cực nhọc hơn!

Tối hôm ấy nó ăn cơm với ba mẹ sau nhiều năm ăn vật vạ ngoài đường.

THƯỚC ĐO

Căn nhà tịch mịch vô cùng, tiếng thạch sùng tặc lười trên tường nghe như tiếng nhắc nhở vô hình vọng lại. Cô Hoa thấp nén nhang trên bàn thờ gia tiên xong lui lại tràng kỷ, giọng nhỏ nhẹ đượm buồn:

- Uống hoài vậy sao con?

Đạt lặng lẽ không trả lời, ngòai yên đối diện bên tràng kỷ, mắt nhìn xa xăm dụ vợ, nét mặt không vui cũng chẳng buồn... Dường như lạc vào một thế giới nào đó xa rời với hiện tại. Đạt uống như hũ hèm, tửu lượng không bằng bạn nào sánh nổi, càng uống càng lặng lẽ và tỉnh hơn, uống bao nhiêu đi nữa gương mặt cũng chỉ ửng hồng, đôi mắt vốn long lanh lại sáng thêm ra, trong khi những người bạn: Tùng, Hải, Thái... thì lờ đờ buồn ngủ, đờ đẫn thì mặt đỏ gay như gà cồ đá. Đạt uống từ những năm cuối cấp, tuy nhiên lúc ấy chỉ uống chơi chơi thôi, từ khi Hạnh Đoàn lấy chồng thì Đạt thành con sâu rượu. Đạt yêu Hạnh Đoàn bằng cả tâm hồn. Hạnh Đoàn cũng yêu Đạt lắm, nhưng sự đòi nhiều nổi cay nghiệt. Ba Hạnh Đoàn muốn gả con gái cho người mà ông ta chọn, tất nhiên người ấy giàu và có địa vị trong xã hội.

- Con phải lấy thằng Khanh, không có yêu đương gì cả! con phải bỏ thằng Đạt, thằng đó con sĩ quan nguy, nghèo mạt rệp, lấy nó về thì cạp đất mà ăn à?

Hạnh Đoan khóc lóc van xin, thậm chí toan tự tử ấy thế mà không thể lay chuyển được ông Khải, người cha sắt đá đã từng hai mươi năm cầm súng, ôm bom, cài lựu đạn...Cuối cùng Hạnh Đoan phải gạt nước mắt mà lấy người mình không hề thương yêu.

Đạt hiểu hoàn cảnh của Hạnh Đoan, thông cảm cho Hạnh Đoan. Đạt thố lộ với bạn bè: ” Ở vào hoàn cảnh ấy thì ai cũng phải vậy thôi!”

Ba Đạt là chuẩn tướng của chế độ Sài Gòn. Ông đi cải tạo và chết trong tù. Ngày ông đi người ta bảo chỉ hai tuần là về, thế nhưng sau hai tháng không thấy, rồi hai năm cũng bật tăm và cuối cùng thành án mười năm, chưa đủ mười năm thì người ta bảo mẹ Đạt lên trại nhận xác chồng. Mẹ Đạt, một mình nuôi Sáu đứa con nhe nhóc, cuộc sống túng thiếu thậm chí có lúc đói. Ngôi nhà mà cả gia đình đang ở vốn là dinh ông phủ Viễn, nội của Đạt. Ngày trước nó uy nghi, to đẹp lắm nhưng từ sau khi ba Đạt đi tù thì nó tàn tạ theo thời gian, tường vôi bong tróc, cửa sổ rụng rời, đồ đạc bán dần để sống qua ngày... giờ trống hươ trống hoác, duy có bộ trường kỷ là còn giữ được mà thôi. Đạt thi đậu đại học cùng nhóm bạn, những người kia lên Sài Gòn học. Riêng Đạt không được đi học, chính quyền địa phương không cắt hộ khẩu, không cho đi học. Từ đó Đạt càng chán đời, tiếp đến Hạnh Đoan lấy chồng thì Đạt suy sụp

hoàn toàn, chìm sâu vào men rượu. Bạn bè cũng dần lãng tránh:

- Người gì cứ say xỉn suốt ngày, người mà không có chí tiến thủ thì làm sao phát triển?

Chỉ riêng có Tâm là thân thiết với Đạt. Tâm là thằng không biết uống mà lại chơi thân với một thằng hũ chìm, kẻ cũng mắc cười thật! Có lần Đạt nhè nhè hơi men hỏi:

- Ai cũng né tở, cậu không ngại sao mà lại chơi với tở?

Tâm bảo:

- Nếu ngại thì tở đâu có chơi với cậu!

Đạt quờ quạng ôm lấy Tâm khóc:

- Tở thương và nhớ Hạnh Đoan, đời này coi như bỏ, không biết kiếp sau có còn gặp lại?

- Cậu không cần phải tự làm khổ mình như thế, hãy tỉnh lại và sống như mọi người. Cậu là con trai trưởng, dưới cậu còn năm đứa em. Cậu không thể vì một đứa con gái mà bỏ mặc mẹ và em mình như thế!

Tâm hơi sảng giọng

- Tở biết- Đạt thảm thì

- Cậu biết mà không chịu thay đổi thì biết cũng như không! Tâm cả quyết

Đạt không nói gì, Tâm biết chắc không thể nói gì hay làm gì được hơn nữa, lòng thấy thương bạn pha lẫn chút tức giận: "Người gì mà say xỉn suốt, sống không tương lai, không mục đích." Dù có giận bạn nhưng Tâm vẫn không bỏ bạn mình.

Hạnh Đoan lấy chồng rồi theo chồng lên Sài Gòn nhưng tâm hồn của Hạnh Đoan chỉ có Đạt thôi.

Hạnh Đoan nhẫn nhục sống, an phận với vai trò làm vợ của mình, cuộc sống vật chất phủ phê. Chồng Hạnh Đoan là giám đốc một doanh nghiệp lớn. Anh ta cũng tử tế với Hạnh Đoan nhưng không hề biết nỗi đau khổ của vợ mình và có lẽ cũng không quan tâm đến tâm sự của Hạnh Đoan, đôi khi vậy mà lại hoá hay. Những lần Hạnh Đoan từ Sài Gòn về thì hai đứa lại gặp nhau. Đạt thì như con hổ đói. Hạnh Đoan như chim sỏ lông. Cuộc tình nồng rục lửa trong một thời gian ngắn mà họ có được. Dân quanh bờ hồ của thị xã ai ai cũng biết cả. Ông Khải, ba Hạnh Đoan cũng loáng thoáng biết nhưng giả tảng làm lơ. Cô Hoa, mẹ Đạt vốn buồn lại càng buồn hơn:

- Con phải tính chứ sống vậy sao được con?

Cô Hoa rất hiền và thương con hết mực, nay đã có tuổi nhưng nét đẹp sang trọng, quý phái vẫn còn phảng phất. Cô Hoa về làm dâu ông nhà ông phủ Viễn, làm vợ ông chuẩn tướng nào phải là hạng thường. Chồng chết trong tù, địa phương kỳ thị, o ép gia đình sĩ quan nguy đủ điều, cuộc sống tưởng chừng như chạm đáy đời. Sau này những sĩ quan và người cộng tác với chế độ Sài Gòn phần lớn đều được xuất cảnh diện HO hoặc ODP cả. Có người đi vài năm trở về xanh xang lăm, quần áo se súa, ăn nhậu tung bừng và nổ banh nhà lồng luôn. Ba Đạt ở tù mười năm, dư tiêu chuẩn để đi nhưng không hiểu sao mẹ Đạt không làm giấy để đi. Nhiều lúc Tâm muốn hỏi nhưng ngại chạm nỗi đau của cô nên thôi.

Tâm vốn người miệt ngoài, xa lơ xa lắc ấy vậy mà lại mang đậm tính cách của người miền sông nước này. Gia đình Tâm vào đây sinh sống và ở gần nhà của Đạt, từ đó hai đứa mới đi học chung và thành bạn tới bây giờ. Năm rồi Tâm theo ba về ngoài quê lo chuyện đất đai và mồ mả tổ tiên trong ba tháng. Mới có một tháng mà Tâm nhớ Đạt nên viết thư:

“Đạt thân mến!

Tớ về quê mới có một tháng mà nhớ cậu quá. Tớ với cậu là bạn thân, có thể nói là thân nhất so với mấy người bạn kia. Tớ nhiều lần khuyên cậu bỏ rượu, tớ lái nhải hoài có làm cậu bực mình không? Tớ với cậu đều là những kẻ hậu đậu, lộn độn trong đời. Cả hai không có khả năng cạnh tranh và cũng chẳng cạnh tranh nổi trong cuộc đời này! Trong tình yêu cũng như tình bạn, người ta thường lấy những giá trị: tiếng tăm, tiền bạc, gia thế, quan hệ làm ăn... làm thước đo mà hành xử. Tớ với cậu có lẽ là những kẻ thuộc loại thiểu số coi khinh cái loại thước đo này, cũng vì thế mà chúng ta thành những kẻ lạ, những kẻ khác đời và lạc loài trong đời. Dù thế nào đi nữa tớ cũng không hối hận về những gì mình đã quyết định. Tớ nghĩ, cậu nên quên Hạnh Đoan đi, dù gì cô ấy cũng đã có chồng. Đừng gặp cô ấy nữa, nếu lỡ chồng cô ta biết thì có phải thêm khổ đau cho cô ta không? Cậu không thể sống mãi trong cái quá khứ với những kỷ niệm ấy nữa. Cuộc sống muôn màu, thời gian thay đổi mỗi phút giây, hãy sống với hiện tại, hãy sống có trách nhiệm với mẹ và đàn em của mình!

Tớ có vài lời thật lòng, mong bạn đừng giận!

Tâm

Bạn của cậu”

Không biết Đạt tâm sự hay đưa thư này cho Hạnh Đoan mà cô ấy nhắn tin cho Tâm: “ Cảm ơn anh Tâm, anh là người bạn thân nhất của anh Đạt và cũng là của em vậy! Mong anh gần gũi và nhắc nhở anh Đạt. Anh ấy uống hoài thì ruột gan nào chịu nổi. Hai đứa em bạc phước, không lấy được nhau nhưng lòng vẫn hướng về nhau. Em không biết dùng từ ngữ nào nữa ngoài hai chữ khổ đau! một lần nữa em cảm ơn anh đã quan tâm đến anh Đạt và em.”

Rồi như duyên đến, Tâm theo gia đình xuất cảnh, tiệc chia tay ai cũng vui vẻ nâng ly chúc mừng, ai cũng bảo sớm hoà nhập và thành công ở đất mới. Đạt lặng lẽ khkhông nói gì, chỉ tì tì uống. Bạn bè không ai để ý và cũng không biết gì nhưng Tâm biết và đọc được tâm trạng của Đạt. Cậu ấy mất người yêu, giờ người bạn thân, chỗ tâm sự cũng sắp ra đi, thử hỏi ai không buồn? ngày ra sân bay không thấy Đạt tiễn đưa. Tâm thoáng buồn nhưng hiểu được tâm sự của Đạt. Cậu ấy sợ bị rịn cảm lòng không đáng nên tránh mặt!

Thời gian đầu cũng có thư từ qua lại nhưng cuộc sống quá bận rộn nên thưa thớt dần, bằng đi một thời gian thì mất liên lạc luôn. Chỉ một thoáng thôi mà đã mười lăm năm trôi qua, mười lăm năm như cơn say, như giấc ngủ chập chờn mộng mị.

Thế rồi thời đại hôm nay tân tiến quá, mạng NET nối mọi người trên thế gian lại với nhau. Một lần lên

mạng, tình cờ gặp lại Hạnh Đoan. Tâm mừng rỡ biết bao, Hạnh Đoan cũng thế, hai người tâm sự suốt mấy giờ liền. Hạnh Đoan cho hay:

- Đạt chết rồi, anh ấy bị ung thư gan. Hai năm trước anh ấy kêu đau bụng, cô Hoa và mấy em chở vào nhà thương, sau khi xét nghiệm bác sĩ bảo: gan anh ấy tiêu tủng hết rồi!

Tâm nghe lòng mình đau nhói, không ngờ mười lăm năm vô tình mà giờ thành vĩnh viễn. Tâm tự trách mình sao quá vô tình, bất chợt hai giọt nước mắt tự động rơi. Thế là Đạt đã ra đi mãi mãi! Tâm thần thờ, quên mình đang nói chuyện với Hạnh Đoan. Đến khi Hạnh Đoan hỏi: "Anh còn trên mạng không? Tâm mới giật mình và trở lại chuyện trò với Hạnh Đoan.

- Anh Đạt tỉnh táo đến giây phút cuối cùng, lúc sắp chết còn nhắc tên anh.

Tâm thấy lòng mình đau quá và hối hận vì bao năm tháng ấy đã lơ là với bạn. Tâm cũng có chút an ủi vì người bạn thân lúc sắp chết còn nhớ đến mình! Hạnh Đoan lại tiếp: "Sau hai năm, kể từ ngày Đạt chết. Cô Hoa dường như lặng lẽ suốt ngày và hay ngồi ở trường kỷ, chỗ mà khi mỗi lần uống về Đạt vẫn ngồi." cô Hoa có lần hỏi thăm anh:

- Không biết thằng Tâm giờ lưu lạc chốn nào?

NHỮNG GÃ DU TỬ MANG NGHIỆP CHỮ

Thế là gã thành thi sĩ, sau bao nhiêu năm đăng rải rác trên báo. Giờ gã in riêng cho mình một tập. Bạn bè, người thân chúc mừng nhiều lắm. Gã không thật sự biết mình vui hay buồn. Trong lòng gã tự nhủ:

-Người ta thành thương gia nghiệp chủ, ông nọ bà kia. Mình cứ quẩn quanh với mớ chữ nghĩa có làm chi nên đời! Người ta thành đạt, vợ con sung sướng nở mày nở mặt. Mình thì chỉ làm vợ con thêm bận lòng: “Ông suốt ngày mơ mộng thơ thần” hoặc là: “Bài này ông viết cho con nào?”... đại loại như thế!

Nhưng người ta cũng bảo: “Nghiệp chữ”, đã là nghiệp thì dù muốn hay không cũng không thể tránh. Nghiệp là kết quả tạo tác, mình không thể chối từ. Mình đã sanh vào cõi Sa Bà này thì cuộc trăm năm này cũng lý thú lắm chứ! Với những kẻ mang nghiệp chữ thì cuộc trăm năm này là một cuộc rong chơi đầy cảm hứng. Người ta bảo gã là nhà thơ, gã không dám nhận, chỉ đơn giản là một gã du tử rong chơi mà thôi, chỉ đơn giản là một tay mang

nghiệp chữ tài tử mà thôi! Gã rong chơi cuối trời phương ngoại, tháng năm quên đi, đôi khi chỉ là kẻ vớt lầy làn hương, chỉ là kẻ múc mảnh trăng đáy nước! Sẽ có người bảo: “Hương làm sao vớt? trăng đáy nước làm sao múc?” áy mà vớt được, áy mà múc được, bởi vì những kẻ du tử mang nghiệp chữ “biết” cách. Nếu không “vớt”, không “múc” được làm sao họ có thể viết cho đời những bài thơ hay, những câu tuyệt cú... Kẻ du tử rong chơi trời phương ngoại nhớ về cố quận. Cố quận oằn mình núi rừng loang lổ, sông ngòi, biển cả...ô nhiễm trầm trọng, khí trời cũng không còn trong lành để thở nữa. Muôn loài trên rừng dưới biển bị tàn sát không thương tiếc. vật đã thế, môi trường đã thế thì con người làm sao an. Cho dù có sống trong những biệt phủ nguy nga nhưng đồng loại bất an một mình an được sao? Giặc phương Bắc như tầm ăn dâu, vẫn ngày đêm xâm thực. Kẻ du tử lòng đau nhưng không thể làm gì hơn được, thế thì những vần thơ, những bài văn lại là sóng âm khêu gọi lòng người!

Năm xưa khi đánh giặc Tống bên bờ sông Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt viết thơ thần. Ngài đã thể hiện “nghiệp chữ” trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng một cách tuyệt vời. Thơ thần như một bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc. Khi đánh đuổi được giặc Minh. Nguyễn Trãi (một đại du tử) đã viết Bình Ngô Đại Cáo. Một áng văn tuyệt tác vô tiền khoáng hậu. Nguyễn Trãi phô bày nghiệp chữ một cách trác tuyệt. Bình Ngô Đại Cáo là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước Việt! Nghìn năm

phong kiến vốn trọng văn khinh võ coi thường kinh kỹ...Có lẽ đó là thời kỳ huy hoàng của kẻ mang nghiệp chữ. Bởi vậy dân gian mới bảo:

Văn thì tứ phẩm đã sang

Võ thì nhị phẩm còn mang gương hầu

Hoặc như kẻ “Du tử” Lý Bạch thì quả thật xưa nay chưa hề thấy: Y là kẻ thư sinh, uống rượu làm thơ ấy vậy mà được thái úy cởi giày, tể tướng mài mực cho, đã thế còn được kim bài uống rượu suốt đời không phải trả tiền! Bên trời Tây thì những kẻ mang nghiệp chữ cũng vinh quang không kém. Bọn du tử với nghiệp chữ được giới quy tộc, triều đình nuôi dưỡng. Bọn họ chỉ mỗi việc uống rượu và viết thơ, nhạc ngợi ca, trong vô số những bài tụng ca có không ít những tuyệt tác vượt thời gian!

Thời gian như nước chảy mây bay, như hoa rơi diệp lạc... mình đến rồi cũng sẽ đi mau thôi, những tháng ngày rong ruổi có đôi khi níu kéo một vầng mây trắng mà ca ngợi đời này, có đôi khi lắng lòng nghe hơi thở đất trời, có đôi khi chia sẻ với tiếng đời bất hạnh...Cánh chim bay qua bầu trời không lưu dấu vết nhưng đã có những kẻ du tử giữ hộ rồi. Hết mùa thì hoa tàn hương tận nhưng những kẻ mang nghiệp chữ đã kịp lưu lại cho đời. Những kẻ rong chơi ở giữa con đường bất tận quên tháng ngày lại là hạnh phúc, an lạc lắm thay. Nào ai hay, tâm hồn đồng điệu rung lên như tơ đàn hoà nhập với đất trời, với cung bậc thanh âm của kiếp người. Giữa con đường ấy là đường nào? đường tình, đường đạo, đường

đòi... sẽ mãi mãi không bao giờ đến đích, vì một khi đến đích rồi thì có còn là du tử nữa! Con đường bất tận, kẻ rong chơi giữa con đường với: “Mùa xuân phía trước miên trường phía sau”- Bùi Giáng. Trên con đường những vết trâm như dấu ấn chứng in sâu trong tâm hồn, trong tim dù thời gian năm tháng có trôi xóa thế nào cũng không thể nhạt nhòa hay phai được. Những gã du tử rong chơi với tháng năm đến cõi này:

Tôi đến nơi này một sớm mai
Rong chơi kẻ chuyện với muôn loài
(Thơ- TLTP)

Những gã rong chơi kẻ chuyện với muôn loài hay muôn loài tâm sự với bọn họ? có ai mà biết được, chỉ có bọn họ mới biết mà thôi! Họ sống với một trời phương ngoại. Trời phương ngoại hay vùng phương ngoại ấy ở đâu? Có trên cõi đời này thật sao? Trời phương ngoại đẹp lắm, yên ả lắm. Trời phương ngoại sáng lạn và thanh khiết lắm, ở đây không có năm tháng bao giờ, ở đây không có những kẻ thô tục, không có bon chen, không có khổ đau...Trời phương ngoại không phải là thiên đường, thiên thai. Trời phương ngoại không có ở trên mặt đất này và cũng không ở ngoài thế gian này. Dù có chỉ bảo, giải thích thế nào người khác cũng không sao hiểu hay thọ hưởng được. Chỉ có tự chính bản thân mình đạt được thì mới biết vùng phương ngoại ấy đẹp biết dường nào! Vùng phương ngoại vốn không có ở trên mặt đất này, ấy vậy mà:

Rong rêu một giải giang hà

Phân hoa chi mộ dưới tà dương huy
Say hò điệp khúc lưu ly
Hồn hoa lay động người đi chữa về
(Thơ- TLTP)

Vốn không ấy thế mà có, vốn có nhưng thật lại là không, có - không vốn không là một mà cũng chẳng là hai. Người đi đâu về đâu mà phân hoa chi mộ vẫn thiết tha dưới ánh tà dương!

Thành Át Lãng này từng bị đốt cháy và san thành bình địa trong cuộc nội chiến năm nào. Trang trại Tara ở miền Jonesboro của gia đình nàng Scarlet cũng thăng trầm theo thế cuộc. Thời gian bôi xóa và vùi lấp đi tất cả, may mà có nữ du tử Mitchell với nghiệp chử của mình đã giữ lấy tất cả những hình ảnh, hơi thở của thành Át lãng cho thế hệ mai sau. Nữ du tử đã đi rồi nhưng tháng năm rong chơi trong cuộc hồng trần này vẫn còn mãi mãi. Vùng phương ngoại xa xôi, vùng phương ngoại lung linh... Bảo chỉ chỗ nào làm sao ta biết, chỉ tự mình mở lấy cửa mà vào thôi! Những kẻ du tử gìn giữ lấy làn hương, vớt trắng dưới nước, chao ôi khờ khạo một cách dễ thương biết dường nào!

MÙA XUÂN CỔ QUẬN

Những ngày mùa đông phương ngoại đang chìm trong giá lạnh. Miền Đông Bắc có nơi lạnh hơn cả sao hoả. Miền Tây lửa cháy hơn cả Hoả Diệm Sơn. Cổ quận cũng đang toi tả trong mưa bão, xả hồ liên miên; chưa kể bao nhiêu bất ổn, nhiễu nhương khác nhưng trời đất và lòng người đang hướng về mùa xuân.

Cao trào mua sắm, ăn chơi của tết Tây đã lắng xuống. Cuộc sống đang trở lại nếp cũ thường ngày, guồng máy xã hội tiếp tục quay trong sự cần mẫn, hối hả. Người Việt thì lại bắt đầu cho một cuộc chơi mới. Người người rộn ràng chuẩn bị về quê để hưởng một cái tết khác. Tết cổ quận, tết của dân tộc, tổ tiên! Có không ít người bảo rằng: "Tây chỉ có một cái tết. Ta thì hai cái tết và còn bao cái lễ khác nữa, hưởng tới bến luôn!". Người Việt dù tha phương với bất cứ lý do gì, tâm hồn họ vẫn luôn đau đáu hướng về quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Khi mùa xuân cổ quận đã ngập ghé bên thềm thì mọi người lũ lượt quay về. Nơi ấy có cả một khung trời kỷ niệm tuổi thơ, có mồ mả tổ tiên ông cha. Nơi ấy vẫn còn bao thân thuộc, bạn bè, làng xóm. Nơi ấy

còn là cái văn hoá, cái gốc gác của mình! sống ở hải ngoại dù có đầy đủ vật chất, cuộc sống phong lưu, tự do...nhưng trong tâm hồn ai ai cũng có một nỗi hoài niệm về tết cổ quận!

Không biết tự bao giờ tết đã trở nên quan trọng như thế đến với người Việt. Dù đi đâu cũng cố về nhà trong ba ngày tết để mà tế tổ tiên, mừng tuổi ông bà, tảo mộ, lễ chùa... Ngày tết em xúng xính áo lụa, hài thêu trảy hội. Anh mắt nhìn không rời, làm bao chàng trai khác phải hò lơ. Con trẻ rộn ràng với pháo chuột, với những trò chơi dân gian: Lô tô, bầu cua cá cọp...Ngày tết thăm viếng họ hàng, gặp gỡ bạn bè... Mọi người ai ai cũng vui vẻ hoan hỷ. Ai cũng chúc nhau những lời tốt đẹp. Ai cũng sẵn lòng bỏ qua hay gác lại những khuất tất, xích mích trong năm. Ngày tết như kết nối mọi người, như cởi mở lòng ra với nhau, với trời đất, vạn vật muôn loài.

Ngày tết cổ quận gắn liền với lịch sử dựng nước giữ nước của cha ông. Ngày tết bắt đầu với bánh tét-bánh chưng vào đời vua Hùng. Mùa xuân năm bốn mươi, Hai bà Trưng đánh đuổi Tô Định, lập quốc đóng đô ở Mê Linh. Mùa xuân cổ quận lập quốc với nhà nước Vạn Xuân của nhà tiền Lý. Mùa xuân mở ra thời đại Lý- Trần với hào khí Đông-A vô cùng rực rỡ. Giặc tan, nước yên, chính sự vững. Vua Trần lên yên Tử. Từ đây mùa xuân Yên Tử hồng hoá Phật Pháp, xiển dương dòng thiền Trúc Lâm. Cho đến mùa xuân kỷ Dậu là đỉnh cao của chủ nghĩa anh hùng ca dựng nước và giữ nước. Người anh hùng dân tộc áo vải cờ đào cỡi voi vào Thăng Long! Lễ

đòi vốn có thịnh - suy, có sanh - diệt... bên cạnh những mùa xuân huy hoàng, những ngày tết hỷ hoan. Nước Việt cũng trải qua những mùa xuân mát mát, tang thương đầy máu và nước mắt!

Mùa xuân cố quận với những tập tục đẹp, đầy ý nghĩa nhân văn cao cả như: "Mùng một tết cha, mùng ba tết thầy"... Mọi người hy vọng một năm mới nhiều may mắn và tốt đẹp hơn. Không biết tự bao giờ mọi người vẫn gọi mùa xuân trời đất, mùa xuân dân tộc là xuân Di Lạc! Ngoài ý nghĩa huyền ký trong kinh ra thì hình tượng ngài Di Lạc quá hoan hỷ nên gắn liền với mùa xuân để khởi đầu cho năm mới, khởi đầu một thờ gian mới, một vận hội mới! Bạn là Phật tử hay không thì mỗi khi xuân về mà gặp hình tượng ngài ngồi ung ung, tự tại và cười hoan hỷ như thế thì lòng bạn cũng cảm thấy an lạc, vui vẻ và thư thái biết bao! Mùa xuân cố quận, mùa xuân dân tộc, xuân Di Lạc hay gọi với bất cứ danh tự nào cũng đều gọi nhớ đến quá khứ cha ông và hy vọng đến tương lai con cháu thế hệ mai sau. Mùa xuân kết nối cũ và mới, truyền trao giữa đời trước và đời sau, duy trì mạng mạch lịch sử, văn hiến của quốc gia, dân tộc.

Những ngày mùa đông trời phương ngoại lạnh lắm, nhớ nắng ấm năm nào của cố quận xa xăm. Đã quá nửa đời người rồi giờ như chợ t"ngộ". Ngày xưa khi mới ra đi, hội nhập với xứ người háo hức lắm, tuổi trẻ xóc nổi nên không có ý niệm gì mấy về khái niệm tết hay xuân cố quận. Giờ thì lại thấy thiết tha biết bao, có phải chẳng mình đã già? hay là mình đã

chính chắn hơn? Con cáo chết quay đầu về núi, con chim bay về nam, con cá hồi dù sống ngoài đại dương nhưng vẫn quay về thượng nguồn sông suối để sanh con và chết! hành trình vạn dặm trở về của nó có không biết bao nhiêu là tai họa, chướng ngại nhưng từng đàn cá hồi vẫn cố vượt qua để quay về! Thượng nguồn sông, suối; cội nguồn xuân là lẽ tự nhiên của đất trời, của vũ trụ càn khôn. Nó không phụ thuộc vào cái ý chủ quan, đoán tri, thiếu trí của bất kỳ ai hay nhóm nào. Có nhiều người nhầm lẫn hay cố tình mập mờ giữa quốc gia và triều đình và cũng có nhiều người cố tình đánh lộn nhập nhèm triều đình và quốc gia! kẻ cũng đáng tiếc thay. Cho dù có thể nào đi nữa thì mùa xuân cố quận vẫn lung linh trong ta như câu chuyện "Ngày xưa ngày xưa..." Cuộc sống hiện đại hôm nay với những thay đổi chóng mặt, với những thành tựu khoa học, kỹ nghệ quá tân kỳ đã làm cho những nét truyền thống văn hoá, những cái đẹp cổ truyền đang phai nhạt đi rất nhiều. Những thế hệ trẻ sanh sau càng ngày càng ít biết hay tha thiết gì mấy với khái niệm "Mùa xuân cố quận" . Mặc dù có những cố gắng tổ chức hội chợ xuân dân tộc... Âu đó cũng là cái giá phải trả của cuộc sống hôm nay!

ÔNG TRÙM LÀNG MỌ

Làng Mẹo xưa nay nổi tiếng giàu có và hùng mạnh nhất thiên hạ. Người làng Mẹo phóng khoáng, bao dung chấp chứa muôn ức kẻ cùng đường, thất cơ lỡ vận. Những kẻ ấy dù là bạch bì, hắc diện, huỳnh mao, hồng mao... ở bốn phương trời. Giang hồ tứ chiếng đều tụ về lập nghiệp, lập thân kẻ cả lập băng đảng... Làng Mẹo thật sự là đất lành chim đậu!

Người ta bảo, trăm người đực chục kẻ thanh, trong đám ấy cũng có kẻ nổi lên như hào kiệt, văn võ song toàn, kinh bang tế thế... Những ông trùm của làng Mẹo thường là những tay kiệt xuất, nhìn xa trông rộng. Họ thường ra tay hào hiệp chu cấp cho bốn bên châu quận, phóng tài lực thâm phục nhân tâm; bởi thế đàn em châu về dưới trướng rất đông, đồng minh thân hữu cũng lắm. Vì thế mà thiên hạ tôn xưng mấy ông trùm làng Mẹo làm đại ca. Hễ xứ nào có loạn lạc đều nhờ ông trùm đứng ra giàn xếp, hoặc giả nhà nào có kẻ vô đạo, tàn bạo thì nhờ ông trùm phân xử cho.

Làng Mẹo xưa nay không có vua, chúa chi cả. Các ông trùm do người làng cử lên để xử lý việc chung, tính đến nay làng mẹo cũng đã trải qua bốn mươi lăm đời. hầu hết các ông trùm trong số ấy đều tài giỏi, vững tay lèo lái nên làng Mẹo đứng đầu thiên hạ bấy lâu nay!

Thế rồi một ngày kia, làng mẹo có ông trùm mới. Ông ta cũng con cháu của bọn bạch bì, nội và cha ông di cư đến làng Mẹo, đến ông coi như được xếp hạng f2. Ông trùm mới hoàn toàn khác xa với các ông trùm tiền bối, y vô cùng lỗ mãng, xảo trá, gian manh, hẹp hòi, ích kỷ... Ngày y lên ngôi ông trùm, người làng Mẹo rần rần phản đối, thiên hạ ngoài làng Mẹo cũng phản đối. Làng Mẹo trở nên chia rẽ, nghi kỵ nhau trầm trọng, đây là một việc xưa nay chưa từng có bao giờ. Khi ông trùm còn tranh cử, đã nêu khẩu hiệu:

“Làng mẹo trên hết”

“Làm cho làng Mẹo vĩ đại trở lại”

Người làng Mẹo cười khẩy, có kẻ cười ruồi và một số lớn cười mỉa máo. Duy có anh đồ thì cười thâm thúy:

- Bố khi nhà anh, làng Mẹo xưa nay vốn vĩ đại rồi! nó đâu phải cái vại dĩa mà ông đòi cho nó trở lại với trở đi!”

Sau khi lên ngôi, việc đầu tiên y làm là xáo trộn cả làng Mẹo lên, kể đến mặt sát, chửi bới đồng minh thân hữu: “Lâu nay chúng tôi nuôi báo cô, giờ các vị tự lo đi nhé!”. Ông trùm cho cắt hết viện trợ, xoá hết hiệp ước liên thủ, giao hảo...Đàn em sợ xanh mặt,

vừa giận vừa hoang mang. Nhiều kẻ xưa nay vốn là đệ tử ruột giờ buộc lòng quay sang cầu thân với kẻ thù của làng Mẹo. Tình thân giao hữu với thiên hạ bốn bên mà các ông trùm tiền bối gây dựng xưa nay, giờ đổ sông đổ biển trong phút chốc. Uy tín và tiếng tăm của làng Mẹo bị tổn thương ghê gớm, giờ người ta nhìn làng Mẹo với con mắt đầy nghi ngờ: “Còn đâu tinh thần mã thượng xưa nay?” Hoặc “Liệu làng Mẹo có còn gương cao ngạo đuốc tự do?” ... làng có cô ả đào, tuy là phận nữ nhi nhưng thấy làng bị tổn thương nên ngày ngày ra giữ làng mà gõ bần ca:

Làng Mẹo, làng Mẹo

Ông trùm xác xéo

Tiếng tăm xưa lắm anh hùng

Sao giờ chọn phải đũa khùng thế a!

Nó làm rối cả sơn hà

Lòng người chia chẻ đến là thậm nguy

...

Ông trùm mới còn là một tay dâm ô dê xồm thượng thặng, bàn tay lông lá của ông chụp giựt, bốc hốt không chừa ai, già hồng bỏ nhỏ hồng tha, sồn sồn chơi tuốt. Gái tơ, gái già, bà goá... ông trùm hốt hết. Nhiều nạn nhân đâm đơn kiện, hồ sơ lên cả trăm ký giấy nhưng đều vút sọt rác cả. Ông trùm vốn mạnh vì gạo bạo vì tiền cơ mà! Đàn bà con gái làng Mẹo cay đắng với y biết bao, tuy vậy cũng có những em tung tung, những mụ nạ dòng thì thích ông trùm như “Gái phải hơi trai, thài lài gặ cứt chó”:

- Em chả, em chả... ông trùm số dách của đời em!

Kể đến ông trùm cắt giảm thuế má bọn nhà giàu trong làng, bọn chúng vốn giàu lại giàu thêm, tiền của đầy kho đụn mặc tình ăn chơi trác táng. Người nghèo càng thêm nghèo, lương lậu chục năm vẫn y nguyên trong khi vật giá leo thang hàng ngày, bao nhiêu phúc lợi của người nghèo ông trùm lấy hết để bù vào chỗ giảm thuế cho nhà giàu. Bao nhiêu tổ chức văn hoá, giáo dục, từ thiện, môi trường... kêu trời như bọng! Với ông trùm thì tiền là trên hết, chẳng có nhân quyền, vật quyền, văn hoá văn heo gì cả!

Ông trùm rất ghét người nhập cư, người da màu; ngày đêm nghĩ cách tống xuất họ. Những dân biểu vốn được bầu hợp pháp thế mà ông ta còn đòi:

- Trả bọn chúng về xứ chúng!

Ông trùm quên rằng: Đất làng Mẹo vốn của thổ dân bản địa, người tứ xứ kéo đến cướp lấy lập làng mà thôi! Và lại gia tộc ông trùm cũng mới di cư đến hai đời mà thôi. Vợ sau ông trùm cũng dân di cư, cha mẹ vợ ông trùm cũng mới tuyên thệ nhập tịch năm rồi. Thế mà ông trùm luôn mồm miệt thị người nhập cư. Vợ ông trùm vốn là cô người mẫu khoẻ thân, nhờ thời thế mà thành bậc mẫu nghi thiên hạ, kể cũng mỉa mai cho người làng Mẹo. Làng Mẹo ba trăm năm nay chưa hề có việc sỉ nhục này!

Ông trùm kích động bọn bạch bì cực hữu, bọn lái súng, bọn du côn... tấn công người lương thiện, trung chính. Bản thân ông trùm trốn thuế, lậu thuế, lập quỹ từ thiện nhưng lấy tiền xài cho cá nhân. Lập đại học, gạt người lấy tiền mà chẳng có dạy, chẳng

có tư cách pháp nhân để phát văn bằng... Việc đổ bể ra nhưng ông trùm vẫn trơ trơ. Ông trùm cả đời trốn lính, cả đời úp mặt vào váy đàn bà mà lại đi chê bai, công kích vị anh hùng từng lái máy bay chiến đấu vào sanh ra tử trên bầu trời Bắc Việt năm nào. Người anh hùng từng bị tù đầy và hành hạ bởi kẻ thù... Ông trùm thật không biết sĩ diện là gì, không có một chút lương tâm tối thiểu của con người! Ông trùm quá nhỏ nhen, hèn hạ... Y còn tệ hơn mấy bà hàng tôm hàng cá ngoài chợ làng. Ngày ngày lên mạng đá xéo, xắc xéo chửi bới, đôi co hết người nọ đến người kia. Ngày ngày dựng chuyện, buôn chuyện đàn bà có tháng, chó chết, chuột chạy, con nít chơi ngu... Chuyện gì ông trùm cũng chĩa mũi vào, đến nỗi thiên hạ bốn bên cứ ngỡ: “Không biết đây có phải là ông trùm không?” hoặc có người nghi ngờ: “Ông trùm sao lại đi đôi co chuyện bá vơ thế?”. Có người đặt thẳng vấn đề với hội đồng làng: “Tư cách ông trùm chỉ có vậy thôi sao? Làm ông trùm chứ có phải bà tám đâu mà suốt ngày cứ xéo xắc như thế?”

Chú Ủn xứ Bắc cao vốn là cái gai, mối nguy của làng Mẹo xưa nay. Mấy đời ông trùm trước đều liệt Ủn vào danh sách đen. Thế mà ông trùm đương kim lại khen Ủn là người tốt, thật thà... cả làng Mẹo ngó người ra. Ông trùm còn đi xa hơn, qua tận xứ ấy bắt tay, ôm hôn, vỗ lưng chú Ủn bộp bộp. Có người nghĩ: “Hay là ông trùm muốn cái giải Nobel hoà bình nên hạ mình xuống ngang hàng với chú Ủn? đặng chú Ủn dẹp mấy cái hoạ tiền”. Người rành đời

sành sỏi thì nói: “Ngu tầm ngu, mã tầm mã” nghe ra thì cũng có lý! Người có học, có chữ thì lấy điển tích Truyện Kiều ra dẫn: “Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau” hoặc là “Cũng phường mạt của mướp đấng”.

Ông trùm vốn là tay vô lại, giờ có quyền trong tay nên hành xử như những tay độc tài của thế gian vậy. Ông trùm ghét báo chí truyền thông lắm, muốn dẹp hết, cũng may làng Mẹo là xứ dân chủ pháp trị chứ nếu mà như xứ Bắc Cao, Tàu phù... thì các nhà báo đi tù hết ráo! Ông trùm đặc biệt ghét người tiền nhiệm. Ông trùm tiền nhiệm vốn là dân hắc diện nhưng học cao, tài trí hơn người lại nhân hậu... Ông trùm hắc diện để lại nhiều thành quả lớn lao như: Kinh tế phát triển, ngân quỹ thặng dư, việc làm tăng, thoả thuận hạt nhân, hiệp ước khí hậu, sắc lệnh trợ giúp học sinh nghèo, luật bảo hiểm y tế... Bây giờ ông trùm bạch bì tìm mọi cách hủy bỏ hết, bằng mọi cách để phá hết những thành quả trên, cũng may cho người làng Mẹo, cái luật y tế kia ông trùm không làm sao phá nổi! nếu không người nghèo có mà chết!

Khí hậu thay đổi, trái đất nóng lên... sự sống còn của muôn loài, sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi nền kinh tế. Ông trùm hắc diện cùng cả trăm làng khắp các châu quận cùng ký kết thoả thuận để bảo vệ. Ấy vậy mà ông trùm bạch bì sỗ toẹt:
- Khí hậu thay đổi, trái đất nóng lên ư? làm gì có chuyện đó! mặc kệ chúng mày, ông không thí cho chúng mày một xu!”

Độc ác, thiên cận, ích kỷ đến thế là cùng! Liệu một mai trái đất này có chuyện gì xảy ra thì liệu người làng Mẹo có an ổn một mình được không? Hội đồng làng ngao ngán quá, gạt ông trùm ra và cả hội đồng làm mà không thèm quan tâm tới ông trùm nữa.

Người ta thấy ông trùm ghét đồng minh thân hữu, ghét luôn bọn đàn em trung thành và tin tưởng xưa nay. Ông trùm luôn mồm chửi bới mặt sát bạn bè thân hữu. Ông trùm quyết bỏ hết bạn bè để chơi với bọn vô lại, độc tài.

Gần đây ông trùm gây thương chiến với Tập đại ca, sở dĩ có chuyện này cũng vì nguyên do sau: Ngày trước ông trùm rất kết Tập đại ca, luôn mồm khen Tập đại ca thế này thế kia, đáng tin cậy hơn bọn đồng minh... Nào ngờ Tập đại ca là một gian tham, tàn độc. Y có cái ác của một thái giám không thỏa mãn được sinh lý. Y thọ hưởng cái nham hiểm, tham lam, xảo trá của tổ tiên. Y muốn cướp bê Đông của thiên hạ làm cái ao nhà. Y cho người lẩn chiếm, xà xẻo đất đai của những làng lân cận. Y cho người đi khắp nơi ăn cắp sản phẩm, phát minh, trí tuệ... của thiên hạ. Người nhà y tung hàng giả, hàng dỏm, hàng nhái khắp nơi, tràn ngập cả làng Mẹo luôn. Người nhà y đi tới đâu ăn cắp tới đó, khạc nhổ lung tung... Tập đại ca chơi xỏ ông trùm nhiều bận, làm cho ông trùm bẽ mặt nên từ đó ông trùm gây thương chiến. Những kẻ cuồng ông trùm sừng rơn, cứ tưởng tượng ông trùm sẽ đập chết Tập đại ca nay mai... Nói nhỏ chút nhen, nếu Tập đại ca nhún nhường, nhịn ông trùm một chút xúu thôi, là ông

trùm dẹp ngay cái trò thương chiến! toàn bộ công ty hãng xương, việc làm ăn của ông trùm, con gái, con trai, con rể của ông trùm nằm trên đất Tập đại ca cả! Trò thương chiến của ông trùm sẽ thành tình trường ngay, xưa nay lạ gì chuyện “trao tứ chiếng gái giang hồ”, ai mà chẳng biết “Tú bà với mã Giám Sinh” một đồng một cốt, thậm thụt với nhau, tuy có lúc giận nhau nhưng rồi vẫn gắn bó với nhau!

Xứ bắc Bạch Dương vốn là cựa thù của làng Mẹo, năm ấy tranh đua đòi chạy đua vũ trang, chiến tranh giữa các vì sao...nào ngờ bị ông trùm cao bồi vốn là dân diên của Hồ Ly Vọng làm cho sụm bà chè, sau này xứ ấy có một tay võ sĩ KGB nhảy ra xưng bá. Tay này cực kỳ ác và tham lam không kém Tập đại ca. Ý cho người chen vào chuyện bầu bán của làng Mẹo, giúp cho ông trùm bạch bì thắng, cũng vì thế mà ông trùm làng Mẹo đội ơn, luôn nhún mình kêu y là đại ca. Có người đồn ông trùm thích tay võ sĩ này, xây tặng cho hắn ta cả một khách sạn lớn ở giữa thủ đô xứ ấy. Một họa sĩ ẩn danh bực mình bèn vẽ bức tranh châm biếm ông trùm là chú cún con bị tay võ sĩ tròng thòng lọng vào cổ dắt đi, trông cứ như cuộc tình BDSM vậy! thật xấu hổ cho người làng Mẹo, khi có một ông trùm như thế! phải chăng làng Mẹo hết thời? phải chăng ông trùm là thân tái sanh của kẻ thù làng Mẹo? phải chăng làng Mẹo đã đến thời hắc ám?

Làng Mẹo giờ nhân tâm ly tán, người ta ngán ông trùm như ngán cơm nếp nhão, như bánh bao thiu,

như đứa trẻ hư hỏng mè nheo ăn vạ...Duy chỉ có bọn cực hữu là cuồng ông trùm như điều đó.

Chuyện ông trùm lùm xùm, chuyện làng Mẹo xác xéo. Dân mít mình cũng có khối kẻ cuồng ông trùm, mê ông trùm, thậm chí có kẻ còn phong thánh (vật) ông trùm, có nhóm thì coi ông trùm như cứu nhân độ thế (du). Với bọn này thì ông trùm nói bậy cũng là lời vàng ngọc, rắm ông trùm cũng thơm nên hít lấy hít để... kẻ cũng lạ đời! Có lẽ ông trùm nhá đòn đánh Tập đại ca nên thỏa mãn cái tâm lý nhược tiểu? Có lẽ nhầm lẫn giữa cái máu côn đồ, vô lại, lưu manh với cái tinh thần anh hùng nghĩa hiệp của cao bồi miền Tây? Nhìn ông trùm chọt nhớ ca dao của dân mình:

Nhác trông ngõ tượng tô vàng

Nhìn ra mới biết chầu chàng ngày mưa

hoặc;

Quáng gà em mới thấy lằm

Khoai lang thái lát tưởng nhân sâm bên Tàu

Mê ông trùm, cuồng ông trùm, quy lụy báỉ ông trùm... nhưng cần nhớ rằng: ông trùm và bọn đàn em đã lên danh sách trục xuất gần bảy ngàn anh chị mít về bốn xứ đấy!

BA MÁ EM MUỐN GẶP BA MÁ ANH

Không khí bữa cơm tối nặng trĩu, ai cũng gằm mặt uể oải ăn mà không nói gì. Bà Huệ mắt đỏ hoe, đôi lúc sụt sịt lấy khăn giấy chấm nước mắt... Chùng voi chén cơm bà buông đũa cảm rằm:

- Nuôi con khôn lớn, ăn học nên người những tưởng được nở mày nở mặt với xóm giềng, ai dè con bôi tro trát trấu như thế này!

Ông Hưng làm lì gắt:

- Hoi đâu bà khóc, con bất hiếu thì coi như không có vậy. Tôi không chấp nhận cưới hỏi gì cả!

Bà Huệ nhỏ nhẹ:

- Nói thì vậy, nhưng con cái đứt ruột sanh ra nữ lòng nào.

- Bà cứ vậy thành ra con nó dễ người, ông Hưng trách cứ

Bà Huệ vội thanh minh:

- Lâu nay tui cũng thấy thằng Phụng lui tới, tui cũng nghĩ tui nó là bạn bè anh em chứ đâu có dè vậy, thật tình thì đôi lúc tui cũng có nghe lời xóm

xầm xì bóng gió nhưng tôi gạt phắt đi vì tưởng là những người ngồi lê đôi mách đơm đặt.

Ông Hưng vò đầu bứt tóc than vãn:

- Con khôn lớn, học thành tài, tưởng rằng sẽ hãnh diện với họ hàng...vậy mà giờ ra nông nỗi này. Sao gia đình tôi bất hạnh quá? không những thế mà còn e sẽ tuyệt tự mất thôi!

Hoàng quỳ xuống, nước mắt lưng tròng, vẻ mặt vô cùng đau khổ

- Con tạ tội với ba má, ba má thương con thì xin ba má chấp nhận sự thật này. Con không thể sống giả dối, lấy vợ để che mắt thiên hạ. Nhiều người muốn che đậy bản tánh thật nên lấy vợ, họ hại đời người con gái, họ làm khổ người và khổ cả bản thân họ. Những người lấy vợ để che giấu giới tính ấy họ vẫn lén lút quan hệ với những người tình đàn ông khác, điều này thật tệ vừa mất đạo lý vừa nhẫn tâm. Con không thể làm điều này được!

Ông Hưng và bà Huệ ngồi im như tượng, không biết nên nói gì nữa. Hoàng vẫn quỳ đấy, mặc dòng lệ vẫn nhỏ xuống:

- Con và anh Phụng thương nhau đã bảy năm rồi, hai đứa rất hiểu và hợp nhau. Hai đứa con không thể sống thiếu nhau được. Con sinh ra đã thế nên không thể nào thay đổi được, nghiệp của con con chịu. Mong ba má thương mà chấp nhận con!

Bữa cơm dở dang, chẳng ai còn lòng dạ nào ăn nữa. Bà Huệ liên tục lấy khăn giấy lau mắt. Ông Hưng tợp một ngụm rượu ngồi trầm ngâm mà đầu óc không biết đang tỉnh hay mê. Hoàng lặng lẽ về

phòng riêng đóng cửa lại buông mình xuống giường, úp mặt vào gối thổn thức. Hoàng đau buồn lắm và Hoàng cũng biết ba má mình đau lòng như thế nào nhưng biết làm sao bây giờ? Hoàng và Phụng thương nhau thật lòng. Phụng chăm sóc, lo lắng cho Hoàng rất chu đáo. Ngày nào không gặp nhau là cảm thấy như xa cả thế kỷ vậy. Đã bảy năm trôi qua mà tình cảm ngày càng khăng khít hơn, đã vượt qua bao trở ngại tưởng chừng như không thể vượt qua. Ngày hôm kia Hoàng thú nhận với ba má và thừa chuyện cưới xin là đỉnh cao của những trở ngại, thừa chuyện xong Hoàng cũng không biết sẽ đi đến đâu nhưng ít ra trong lòng cũng cất bớt cái nỗi lo sợ nặng trĩu bao nhiêu năm nay. Hoàng biết mình khác mọi người kể từ lúc dậy thì. Hoàng thường thích nhìn những người con trai mà không hề có cảm giác gì với con gái cả. Hoàng phải tranh đấu với bản thân mình, luôn luôn che giấu cảm xúc và hành vi; lúc nào cũng nơm nớp sợ bị người ta trêu chọc, kỳ thị... Suốt mấy năm dài sống giả như một diễn viên. Hoàng đã khóc trong những đêm dài, những lúc bản năng thèm khát trời dậy Hoàng tự ve vuốt lấy thân thể mình, thậm chí cắn bắp tay cho đến tím bầm, trong tận cùng cô đơn Hoàng đã bao lần tự xử để tìm lấy khoái lạc rồi co quắt ngủ trong cơn khát tình; cảm giác tội lỗi cứ bám riết trong đầu, đêm này qua rồi đêm sau vẫn thế và đã không biết bao nhiêu đêm trường. Ngày còn học phổ thông, Hoàng cũng thường đi chơi với Dung nên mọi người ai cũng tưởng là một đôi. thật tình Dung rất mến Hoàng và

cũng muốn cặp bồ với Hoàng, khổ nỗi Hoàng cứ tro ra như chất argon trong bảng tuần hoàn của các nguyên tố hoá học. Dù che đậy kỹ nhưng rồi dần dần cũng lộ ra. Nhiều đứa bạn kỳ thị ra mặt: “đồ bóng xà bang, đồ pê đê...” cũng có nhiều bạn lịch sự hơn, trước mặt thì không nói gì nhưng quay lưng đi thì cười cợt: ” xăng pha nhót”...

Thế rồi lên đại học, trong một lần văn nghệ Hoàng tình cờ quen với Phung, một anh sinh viên năm cuối. Anh vốn là một cây văn nghệ cũng là tay đập bóng có tiếng của trường. Sau vài lần đi chơi thì anh tỏ tình:

- Lần đầu gặp em là anh biết mình đã bị sét đánh trúng rồi, những ngày sau đó anh sống trong hồi hộp nao nức tìm cách làm quen với em. Anh biết chắc em sẽ là một nửa của anh!

Hoàng nhận lời yêu anh và đùa:

- Sét đánh mà sao anh còn tỉnh bơ vậy?

- Sao em biết là không sao? ruột gan anh lộn tung phèo, máu anh sôi ngàn độ, trái tim như muốn nổ tung nè!

Rồi khi tình cảm dần thắm thiết, có lần anh tâm sự: “Anh từng quen nhiều người nhưng chỉ là thú vui thân xác, những cuộc tình chớp nhoáng qua đường mà không để lại bất cứ lưu luyến nào. Thậm chí anh từng quen với một người đàn ông đã có gia đình, ông ấy có địa vị cao trong xã hội, rất giàu, cho con du học nước ngoài... Ông ấy cung phụng cho anh đủ thứ nhưng cuộc tình tội lỗi, nhây nhụa được một thời gian rồi thôi. Sau đó là những tháng ngày buông

thả vì chán nản cho đến khi gặp em. Lần đầu gặp em anh đã biết ngay đây mà người anh đã tìm kiếm bao năm nay. Anh hứa khi mà được em rồi thì anh sẽ không bao giờ để mất, cho dù anh phải trả bất cứ giá nào...” những lời tâm sự của Phụng làm Hoàng sung sướng nhưng cũng thoáng chút ghen tuông. Hoàng đắm vào ngực Phụng:

- Đồ lãng nhãng, đồ dâm đăng!

Phụng chụp tay Hoàng và áp sát vào ngực mình:

- Từ đây trái tim này sẽ không còn lãng nhãng nữa nhưng nó sẽ dâm đăng bạo với em.

Phụng ôm chặt Hoàng vào lòng, cả hai hưởng những phút giây mật ngọt bên nhau, đêm ấy Hoàng ngủ lại nhà Phụng; những cơn mưa của nụ hôn trên thân thể Hoàng. Hoàng cong mình oằn oại đón nhận rên rỉ trong cơn thống khoái tột độ. Qua cơn loạn động, Hoàng nằm gọn trong lòng Phụng nghe lời thủ thi:

Anh ước gì mình có phép màu sẽ biến em thành nốt ruồi son nằm trên ngực trái của anh. Em sẽ nghe nhịp tim anh thổn thức vì em và để anh mang em theo anh đi cùng trời cuối đất.

Thế rồi Phụng ra trường, anh phụ trách tài chánh cho một doanh nghiệp lớn, tiền bạc ngày càng rủng rỉnh hơn. Phụng lo cho Hoàng không thiếu thứ gì, nhiều lúc Hoàng cũng ái ngại và bảo anh đừng làm thế nhưng Phụng gạt đi:

- Anh biết em có tâm hồn trong sáng như ánh trăng, nói thật với em không có ai lợi dụng được anh đâu. Anh thương em, lo cho em những món đồ này cũng

chẳng nghĩa lý gì. Nếu cần anh sẵn sàng hiến dâng cho em cả mạng sống này! Thế gian này có mấy tỷ người, vậy mà anh chỉ thương nhớ, chỉ tương tư có mỗi mình em. Em nghĩ thử xem, cái duyên anh và em lớn biết đường nào. Với anh, em là linh hồn, là cuộc sống của anh!

Hoàng đã khóc, những giọt nước mắt hạnh phúc trong ngần. Ngày Hoàng ra trường, Phụng mang một bó hoa hồng to tướng đến chúc mừng, bất thần Phụng quỳ gối nâng chiếc nhẫn cầu hôn:

- Hoàng, anh yêu em, bằng lòng lấy anh không?

Bao nhiêu cảm xúc tuôn trào như sóng biển, Hoàng gật đầu đồng ý. Bạn bè xung quanh vỗ tay như pháo, nhiều người đến bắt tay ôm hôn chúc mừng Phụng và hoàng.

Phần mình, ông Hưng bà Huệ sau nhiều đêm trằn trọc không ngủ, hai ông bà cứ than vãn sao mình bất hạnh và thương con bạc phước, phần sợ họ hàng, láng giềng chê cười...nên suốt cả tuần không cứ quanh quẩn xà quần. Cuối cùng hai ông bà quyết định đi tư vấn bác sĩ tâm lý, chuyên viên sinh học... sau khi nghe giải thích thì hai người cũng hiểu vấn đề nhưng lòng vẫn không an. Hai người bèn lên chùa Minh Lý tham vấn với thầy Giác Chơn. Thầy bảo:

- Con người ta thường có tâm lý đám đông, hễ thuận mình thì phải, nghịch mình thì quấy! mà cái phải- quấy ấy nhiều khi rất hàm hồ và vô căn cứ. Cái hình tướng mà mỗi người hiện có chỉ là tạm thôi. Người ta có vô số kiếp và đã từng mang bao nhiêu

hình tướng khác nhau rồi! cái tướng nam hay nữ cũng thế, chỉ là tạm thời thôi và sẽ luân chuyển thay đổi tùy vào cái tâm thức mà mình mang theo lúc sắp lia đời. Còn các mối quan hệ: cha mẹ, con cháu, bạn bè, vợ chồng...cũng thay đổi tùy theo cái nhân duyên và cái mối ân - oán mà mình đã tạo ra! Việc hai cháu thì thầy không có ý kiến gì. Thầy không thể phản đối cũng không thể tán thành. Hai bác nên tùy duyên mà thuận theo. Nếu hai cháu thương nhau thật lòng thì ấy là cái duyên của hai đứa vậy! đã phạm làm người thì việc tham dục giống nhau cả, dù đó là đàn ông hay đàn bà. Quan trọng là phải sống sao cho có đạo lý và trách nhiệm. Còn việc nối dõi tông đường là quan niệm của Nho giáo Tàu. Việc này trong nhà Phật không có nghĩa lý gì cả, vả lại xã hội ngày nay có hàng vạn trẻ mồ côi, có thể nhận nuôi làm con. Con mình sanh ra thương thì là chuyện thường, không sanh mà thương mới là tình thương lớn, ấy cũng còn là phúc người phước ta!

Tối hôm ấy bà Huệ làm bữa cơm khá thịnh soạn. Đợi Hoàng đi làm về rồi cả nhà cùng ăn. Ông Hưng, bà Huệ cùng nói:

- Con nói với thằng Phụng, hôm nào rảnh mời ba má nó sang nhà chơi!

Hoàng sung sướng buông đũa xuống ôm lấy ông bà mà nước mắt rung rung:

- Con cảm ơn ba má, con thương ba má nhiều lắm!

Cơm nước xong Hoàng vội chạy sang nhà Phụng ôm chầm lấy mà thổn thức:

- Ba má em muốn gặp ba má anh!

TRUYỆN VÙA

CHUYỆN CŨ PHÙ DUNG TRẦN

Trần nhỏ nằm bên bờ con sông Hà Thanh, mùa khô trơ đáy cát, mùa mưa thì cuộn cuộn như đất lở trời long. Bọn trẻ con chúng tôi vẫn thường kháo nhau rằng: “Sơn Tinh và Thủy Tinh đang oánh nhau đấy!”. Những ngày nước lớn, cả bọn kéo ra mép sông bẻ những que cây, khúc trúc cắm làm mốc theo dãi nước lên hay xuống, cứ như là những nhà khí tượng học vậy. Những đũa lớn hơn thì mạo hiểm dùng những cây sào, cây cù néo vót củi về cho gia đình, có khi gặp những thân cây to lớn trôi dập dềnh nhưng không biết làm sao kéo vào nên cứ tiếc hùi hụi. Người lớn trong trấn vẫn cấm tụi con trẻ ra sông chơi nhưng làm sao cấm được, “Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò” cơ mà! Có la mắng, có đánh đòn nhưng cũng đâu vào đấy. Người ta cứ bảo khúc sông chảy qua trấn có ma, những hồn ma chết đuối này muốn đi đầu thai kiếp khác thì phải nhận chìm một kẻ nào đó để thế mạng cho mình. Dân trong trấn gọi những hồn ma này là ma Da, chúng nhót và trắng bệch, tóc dài chấm gót, chúng thường tụ tập bên

vũng sâu trước nhà máy nước. Nhiều người khẳng định thường thấy chúng ngổi đu đưa trên những cành cây da, cây cừa nước...

Năm ấy khi tôi còn là chú bé học trò trường Bồ Đề, tôi và lũ bạn thằng Bình, thằng Nam, thằng Đức... cứ sau buổi học là chạy ào ra sông tắm. Khúc sông trước nhà máy nước rất sâu, con sông dù khô cạn thế nào đi nữa mà khúc sông này vẫn đầy ắp nước. Bọn chúng tôi cứ leo lên những cây da sà rồi nhảy tùm xuống nước. Cuộc sống sướng hay khổ thế nào không biết, nhưng với chúng tôi những buổi tan học ra sông tắm là cả một thiên đường, cả một trời vui. Ngày đầu tôi chưa biết bơi và rất nhút nhát. Bọn chúng lấu linh:

- Mày muốn biết bơi thì bắt chuồn chuồn voi cho nó cắn rún thì sẽ biết bơi thôi!

Tôi nửa tin, nửa ngờ nhưng sợ đau nên không dám làm theo. Một hôm kia tôi leo lên cành cây da sà, còn đang ròn rợn chưa dám nhảy xuống thì thằng Nam ở phía sau xô tôi té một cái ùm. Tôi hoảng kinh vùng vẫy, chân đạp loạn xạ, tay quạt búa xua, miệng ngóp ngóp uống nước no cả bụng, chừng hai phút sa cũng vào tới sát được gốc cây và leo lên, cả bọn vỗ tay âm ỉ:

- Thằng Đại Hàn biết bơi rồi! tên thường gọi ở nhà, vì hồi nhỏ rất bụ bẫm và thường uống sữa Guigo Đại Hàn nên mới có tên như vậy. Sữa này do bọn lính đồng minh bán đồ tiếp tế để lấy tiền tiêu xài.

Tôi cũng mừng hớn hờ, vậy là tôi biết bơi, vậy là sau vài lần no nước sông tôi biết bơi. Người ta nói

“Điếc hay ngóng ngóng hay nói” vậy mà đúng y chang. Mới biết bơi nên hăng lắm, ngày nào tôi cũng rủ bọn nó ra sông, bơi riết thành ra giỏi tự lúc nào không biết. Ban đầu má nghe tôi đi tắm sông, má la dữ lắm:

- Sông này ma Da nhiều lắm, coi chừng nó nhận nước có ngày!

Má không cho đi tắm, tôi cũng dạ dạ nhưng vẫn chúng nào tạt náy, cứ học xong thì ra sông. Ba thì hiền, ít khi nào la hay đánh đòn. Má thấy vậy còn la cả ba luôn:

- Ông phải đánh nó, dạy nó chứ cứ để nó đi tắm sông lỡ ma Da nhận nước thì lúc đó có hối hận cũng đã muộn.

Thật tình ba cũng la, cũng nhắc nhở nhưng không có ồn ào như má. Những ngày đi học không tắm sông thì vào tịnh xá Ngọc Long chơi. Tịnh xá có ngôi chánh điện bát giác bằng gỗ trông đơn sơ mà đẹp, cây bồ đề to lớn che mát rượi cả một khoảng sân, quanh vườn có những cái cốc của mấy vị sư. Tôi lang thang trong vườn ngắm nhìn mãi mà không chán, có khi lại nằm chơi ở mấy bậc tam cấp quanh ngôi chánh điện, gió mát hiu hiu ngủ quên lúc nào không hay biết. Có nhiều lần bọn trẻ hoang đàn sông quanh tịnh xá vào vườn hái trái cây, bẻ hoa và ăn cắp vặt nữa. Tôi thấy sư Phát, người trụ trì ở tịnh thất này ra la và đuổi chúng đi. Sư Phát miệng lầm bầm “Nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò”. Hồi ấy còn nhỏ, chưa hiểu nghĩa là gì nhưng tôi vẫn thấy buồn buồn sao ấy vì cảm thấy oan ức “Bọn kia là những

đưa trẻ hoang đàng, chúng đâu có đi học mà kêu là học trò. Chúng phá phách chứ học trò đâu có phá!”. Những ngày cuối tuần không đi học, ba tôi lại chở tôi lên chùa có khi lên tịnh xá. Tuổi thơ tôi trôi qua êm đềm gắn liền với ký ức về tịnh xá và những ngôi chùa.

Bọn trẻ chúng tôi cũng như những người lớn ở trấn này đều quen thuộc với hình ảnh các các vị sư mỗi sáng đi khát thực quanh chợ Cây Da. Ngày ấy trấn còn nhỏ và nghèo chứ không sầm uất như bây giờ, cứ quãng chín hoặc mười giờ sáng là các vị sư từ tịnh xá ôm bình bát đi ra. Có khi một vị, có khi hai hoặc ba vị cùng đi, tất cả đều đầu trần chân đất từng bước rất chậm rãi, không ai nói năng gì cũng không nhìn ngang liếc dọc. Các sư tuân tự từng bước chân mặc cho quanh mình bao nhiêu âm thanh loạn động. Áo cà sa quần kín thân, có khi thì thấy hở vai phải. Tôi thắc mắc hỏi ba thì ông bảo:

- Các vị sư tu theo hạnh khát thực, đáp y theo pháp Nam Tông!

Nghe thì nghe thế chứ tôi cũng chưa biết Nam Tông là gì. Tôi thấy ba cung kính bỏ vào bình bát gói xôi rồi xá ba xá. Có hôm tôi thấy bà Bảy Phúc có sạp kẹo bánh kê bên má tôi, bà bỏ vào bát những gói cơm nếp và vẻ mặt vô cùng cung kính. Tôi lén quan sát theo nhưng thấy không có ai bỏ gì thêm vào nữa cả. Chợ ồn ào như ong vỡ tổ, tiếng mua bán trả giá xôn xao, tiếng cãi cọ ỏm tỏi, thậm chí tiếng chửi lộn la mắng ầm ĩ... nhưng các vị sư cứ bước từng bước như không nghe, không thấy gì cả! Tôi thâm phục:

“Sao mà các ông sư giỏi thế! vẫn thản nhiên đi qua một cái chợ âm ỉ mà không một tí động đậy gì!”

Tôi hỏi ba:

- Sao mấy ông sư này đi khát thực mà ông thầy ở chùa Bà Lương không đi khát thực?

Ba tôi nói:

- Sư ở tịnh xá tu theo trường phái Nam Tông mới đi khát thực, còn sư ở chùa tu theo Bắc Tông nên không đi khát thực!

Tôi lại thắc mắc:

- Tại sao tu theo Nam Tông phải đi khát thực mà không tự làm lấy thức ăn?

Ba giải thích:

- Truyền thống mỗi môn phái khác nhau, khát thực vốn là một pháp hành có từ lúc Phật còn tại thế; khát thực để triệt tiêu cái ngã của mình, để tạo điều kiện cho người ta gieo phước.

- Vậy sao các sư Bắc Tông không triệt cái ngã của mình? Tôi hỏi tiếp

Ba bảo:

- Tu phái nào cũng phải buông bỏ cái ngã cả nhưng mỗi phái có phương pháp khác nhau, có lối hành trì khác nhau.

Tôi thực sự chưa hiểu cái ngã là gì và cũng không biết tại sao phải triệt nó hay buông bỏ nó nhưng tôi vẫn tò mò:

- Sao các sư ở tịnh xá chỉ ăn ngày một lần và khi quá ngọ thì không được ăn?

Ba tôi kiên nhẫn:

- Ngày ăn một bữa là trì trai, là phương thức sinh hoạt, tu tập có từ thời đức bổn sư còn tại thế. Ăn bữa trưa là giờ ăn của bậc thánh nhân, còn buổi chiều hay tối là giờ ăn của nọ quý... Các sư tu theo Bắc Tông thì không theo cách này nhưng trước khi ăn đều có thí thực cho kim xí điều, cho nọ quý...

Tôi vẫn tiếp tục thắc mắc:

- Sao các sư Nam Tông ăn thịt được mà các thầy Bắc Tông lại ăn chay?

Ba giảng giải:

- Ban đầu Phật chế giới luật cho phép ăn thịt, vì đi khát thực ai cho gì ăn nấy, không sanh tâm phân biệt hoặc giả là thịt “tam tịnh nhục” nghĩa là: Không nghe tiếng con vật bị giết, không thấy con vật bị giết, con vật không phải bị giết vì mình. Các thầy Bắc Tông chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa nên ăn chay. Sở dĩ Phật giáo Trung Hoa ăn chay tương truyền do vua Lương Võ Đế đặt ra! Ăn chay là tôn trọng sự sống, trường dưỡng lòng từ bi.

Tôi thấy ở nhà ngoại hay má nấu chay thường kiêng hành, hẹ, tỏi... nên hỏi:

- Hành, hẹ, tỏi... là thực vật, sao lại phải kiêng?

Ba bảo:

- Phật chế giới như vậy, đành rằng nó là thực vật nhưng ăn vào dễ sanh kích thích dục vọng, thứ nữa là ăn những món đó ma quỷ liếm mép nên tụng kinh sẽ mất trang nghiêm, thanh tịnh.

Thấy ngoại cũng như dân trong trấn thường hay bảo nhau: “Không được dùng chuỗi già hương và bông lòi để dâng cúng Phật.” Tôi ngạc nhiên:

- Chuối già hương thơm ngon, bông lài tinh khiết vậy mà sao không được dâng cúng Phật?

Ba tôi nói:

- Người ta kể rằng: ngày xưa các cung nữ trong cung bị vua bỏ bê, có người cả đời không được gần gũi nên mới dùng chuối già hương để thủ dâm. Họ nhờ thái giám và những người làm bếp đi chợ mua chuối cho họ, tình cờ vua biết chuyện nên trừng phạt họ và những người liên quan. Vua còn xuống chỉ cấm dùng chuối già hương cúng Phật, còn hoa lài thì dân gian cho rằng nó lẳng lơ nên cũng không được dùng để cúng Phật.

Tôi cãi:

- Nếu như vậy thì chỉ những cái chuối ấy thôi, sao lại cấm toàn bộ chuối già hương?

Ba bảo:

- Ba không biết, có thể lâu dần thành thói quen vậy thôi!

Tôi lại nói:

- Hoa lài thơm và trắng tinh khiết có gì mà lẳng lơ? Con thấy trong phim, Phật tử Thái Lan, Tích Lan, Lào và các nước khác vẫn xâu hoa lài đeo lên cổ tượng Phật để cúng kia mà!

Ba tôi thú thật:

- Ba cũng không biết tại sao, có lẽ do thói quen và quan niệm của cư dân mỗi nơi mỗi khác. Phật chẳng buộc ai phải cúng cái này, không được cúng cái kia; trong kinh Phật dạy cúng dường hương thơm tượng trưng cho đức hạnh, hoa quả tượng trưng cho nhân quả, nước trong tượng trưng cho thanh tịnh, đèn

tượng trưng cho trí huệ... Những quan niệm của dân gian nhiều khi không đúng chánh pháp.

Tôi thấy những điều ba giải thích có cái hay đáp ứng một phần tính tò mò, ham hiểu biết của tôi nhưng có cái cũng chưa làm tôi thỏa mãn. Tôi cũng lờ mờ nhận ra nhiều khác biệt giữa tịnh xá và chùa và những điều liên quan tới đạo Phật nhưng chưa đủ hiểu hết. Đó là những câu hỏi đã được giải đáp nhưng vẫn còn nhiều câu hỏi khác nhưng nhất thời chưa kịp nhớ ra, chưa kịp hỏi. Ba tôi là một phật tử thuần thành, vẫn thường tụng kinh niệm Phật mỗi ngày. Ba trở thành người khai tâm, ông thầy dẫn đạo đầu tiên của tôi. Ba giải thích nhiều cho tôi nhưng tôi chưa đủ khả năng lĩnh hội hết, tuy nhiên có những cái mà ba giải thích thì sau này lớn lên tôi thấy có phần không thích hợp lắm. Có lần tôi hỏi:

- Tại sao tịnh xá chỉ thờ có mỗi tượng đức bốn sư mà trên chùa thì thờ quá nhiều tượng vậy?

Ba bảo:

- Tịnh xá vốn thờ đức bốn sư là lẽ đương nhiên, chùa tu theo Bắc Tông nên ngoài bốn sư còn thờ Tây Phương Tam Thánh, thờ Bồ Tát...Thờ một vị Phật cũng như là tất cả chư Phật, thờ tất cả chư Phật cũng như thờ đức bốn sư cho nên thờ một tượng hay nhiều tượng cũng không sao cả! mỗi truyền thống có cái khác nhau, ai tu theo truyền thống nào thì y theo cách thức của truyền thống ấy!

Tôi cứ bám riết theo ba mà hỏi:

- Tại sao Phật tử đi tịnh xá thì mặc áo trắng mà Phật tử đi chùa thì mặc áo lam hoặc áo nâu?

Ba nói:

- Áo trắng tượng trưng cho sự thanh tịnh, tinh khiết. Phật tử mặc áo trắng vốn có từ thời đức Phật và hiện nay Phật tử các nước Thái Lan, Tích Lan... vẫn y như thế! còn Phật tử đi chùa mặc áo lam hay nâu là do truyền thống của nước mình; mặc áo màu sắc nào cũng không quan trọng, quan trọng là mình có hiểu, có tin và có làm theo lời Phật dạy hay không mà thôi! Màu áo là tùy theo cái truyền thống và chỉ là tượng trưng.

Tôi vẫn chưa hài lòng:

- Vậy mình mặc áo lam đi tịnh xá có được không?

- Tất nhiên là được, chẳng sao cả! thậm chí quần Tây áo sơ mi cũng tốt!

Tôi lại thắc mắc:

- Tại sao mình phải quy y tam bảo và thọ năm giới mới là Phật tử?

Ba giải thích:

- Phật là bậc giác ngộ, pháp là lời dạy của Phật, tăng là đại diện tiếp nối của Phật. Tam bảo còn có thể hiểu là giác ngộ - chánh - thanh tịnh... Minh quy y tam bảo quay về nương tựa Phật, học và hành theo lời Phật để phát triển từ bi, trí huệ và để giải thoát. Ngũ giới là năm điều mình phải giữ gìn để trở thành một Phật tử, để kiếp sau còn được thân người. Ngũ giới là: sát - đạo - dâm - vọng - tửu, đừng nói rằng chỉ người Phật tử mới cần giữ năm giới này, mà phải nói rằng tất cả mọi người trên thế gian này ai ai cũng cần phải giữ năm giới này cả. Năm giới này hạn độ thấp nhất, là đạo đức căn bản của con người. Nếu

mọi người ai ai cũng giữ năm giới này thì thiên hạ thái bình, bốn phương vô sự! Nếu ai ai cũng không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu xã hội sẽ tốt đẹp biết bao. Người với người sẽ tin cậy nhau và tử tế với nhau, người với vạn vật muôn loài sẽ hài hoà với nhau!

Tôi thôi không hỏi gì nữa nhưng những câu hỏi vẫn còn nhiều lắm ở trong đầu. Buổi tối năm ấy trấn còn thấp đèn dầu, chỉ nhà ông Năm Trinh, Bảy Mập là có máy ép mừi (F10) chạy điện thấp sáng một góc thị trấn. Những cái máy của Mỹ ngày trước dùng bơm nước ruộng, tối về thấp sáng. Vài nhà lân cận trả tiền thì được câu dây thấp mấy bóng neon sáng trung. Ba lên lầu châm thêm dầu vào ngọn đèn hột vịt trên bàn thờ Phật rồi công phu. Tôi và anh Hai, thằng Hiếu học bài dưới ánh sáng của ngọn đèn bình ác quy. Máy anh em tôi cũng như bao thế hệ ở trấn này đều học hành nên người nhờ ngôi trường Bồ Đề Nguyễn Thiệu. Trường này là trường tư thuộc hệ thông trường của tu viện Nguyễn thiệu, sau này bị tịch thu và đổi tên thành trường phổ thông nhưng hầu mọi người vẫn cứ gọi là trường Bồ Đề. Trường nằm kề tịnh xá, chỉ cách nhà ông cai trường và nhà của bác Hữu có nuôi mấy con ngựa để chạy xe thổ mộ. Bọn học sinh chúng tôi thích ngắm nghía những con ngựa này lắm, mỗi khi bác Hữu dắt ngựa ra sông tắm hay thả cho nó ăn cỏ thì chúng tôi bám theo không rời. Bọn tôi hỏi xin:

- Bác ơi, Cho tụi con rờ nó (ngựa) một chút có được không?

Bác cho phép và bảo: “Đứng hai bên hông nó, đừng đứng đằng sau, lỡ khi nó đá bất thần.” thê là chúng tôi sờ mó vuốt ve một cách thích thú. Da lông nó mượt mượt, thịt nó săn chắc vô cùng, lông màu cánh gián, bờm nó như mái tóc trông đẹp và hùng dũng quá. Tôi vỗ vỗ nhẹ mõng nó mà tâm cứ tưởng tượng đang cỡi nó phóng vi vút theo triền sông. Tôi còn mơ nó như con chiến mã mà các vị anh hùng ngày xưa đã cỡi, giờ không còn chiến tranh, vả lại bây giờ chiến tranh người ta dùng xe tăng, máy bay, đại bác... chứ chẳng còn cỡi ngựa nữa, ngựa chỉ còn kéo xe thổ mộ hoặc làm cảnh chụp hình thôi. Những chuyến xe thổ mộ thường bắt đầu từ ba hoặc bốn giờ sáng để đưa các bà, các cô cùng hàng hoá đi các chợ quanh vùng; khi thì lên chợ Quán Cẩm, An Trạch, khi thì về chợ Huyện, chợ Cũ, chợ Cây Da, chợ Trại... tiếng vó ngựa lọc cọc trên đường dầu như in vào trong trí nhớ tôi. Hồi ấy nhà bác Hữu là người duy nhất trong trấn có ngựa và chạy xe thổ mộ. Bác ấy tự đóng móng cho ngựa, tự sửa xe trong mắt tôi bác ấy giỏi giang làm sao! Có lần sau khi bỏ hết khách và hàng hoá ở chợ, bác Hữu chạy xe không về. Bọn tôi ùa chạy theo sau đu bám, bác dừng lại và cho bọn tôi lên chở đi một vòng quanh quanh mấy con đường trong trấn trước khi quay về nhà. Thê là bọn tôi được một lần ngồi xe ngựa, coi như đạt được nửa giấc mơ cỡi ngựa tung hoành như mấy nhân vật kiếm hiệp trong phim Hồng Kông. Sân sau trường Bồ Đề giáp với chuồng ngựa của bác Hữu, những phút giải lao giữa tiết học, bọn tôi thường vây quanh

ở đáy mà nhìn ngựa; mùi phân, tiểu của nó nồng nặc nhưng hình như chẳng đũa nào ngán, thỉnh thoảng nó khụy hai chân sau và hai chân trước tung lên hí vang. Bọn chúng tôi thấy phân kích vô cùng!

Ngày tháng êm đềm trôi qua, trường Bồ Đề không được chăm sóc nên ngày càng hư hao, những cánh cửa long rụng, mái dột, nền bong tróc loang lổ, hầm hố... Không biết do sự may mắn tình cờ hay do sự đấng trí của người ta mà bốn chữ Bồ Đề Nguyên Thiêu đắp bằng xi măng trên nóc phía trước của văn phòng vẫn còn nguyên không bị đục phá như những nơi khác! mặc dù tháng năm làm cho nó cũ xì, đóng rêu mùa mưa và bạc thếp vào mùa nắng. Sân trường vẫn còn mấy cội bồ đề và phượng vĩ. Nó to đến độ phải hai hoặc ba đũa chúng tôi mới ôm giáp vòng thân, có lẽ nó được trồng từ khi trường được lập ra! Nhà tôi cách trường chừng non cây số, mỗi ngày hai buổi đi về, đi ngang qua tịnh xá. Tôi vẫn nhớ như khắc đồng tạc đá hai câu đối đắp nổi ở hai bên trụ cổng của tịnh xá:

Khất sĩ y bát chơn truyền đạo

Ta Bà du hoá độ nhơn sanh

Nhớ như in vào tận tâm can mà ngày ấy có biết nghĩa nó là gì, chỉ biết thuộc và nhớ thế thôi. Tôi có hỏi ba và ba cũng giải thích nhưng không hiểu gì, ấy vậy mà vẫn nhớ mặc dù thời gian đã bào mòn, đã làm phai nhạt nhiều kỷ niệm, nhiều bóng hình, nhiều chuyện xưa, nhiều bài học hoặc công thức lý, hoá, toán học...

Ngoài những buổi học ở trường Bồ Đề, ngày nghỉ bọn trẻ con trong trấn thường kéo vào ngôi đình Vân Hội trong trấn chơi đùa. Ngày ấy trong con mắt bọn tôi, ngôi đình to lớn và linh thiêng lắm. Ngôi đình trong trấn tên chữ rất đẹp, rất hay. Khi gọi tên là hiện lên hình ảnh rất đẹp và nhiều ý nghĩa: Vân Hội, nghĩa là mây tụ. Nếu quý vị đọc sử xưa thì thường thấy những dấu hiệu như: mây ngũ sắc, rồng bay lên, hương toả, kỳ lân xuất... để làm điềm báo tin trước một vị vua anh minh hay một thánh nhân ra đời. Có lẽ cũng từ cái kiểu thức này mà đình làng tôi có cái tên đẹp như vậy! Mặc dù làng tôi chẳng có quới nhân xuất, chẳng có hào kiệt hay anh thư nào cả (may ra có những kẻ ngớ ngẩn). Mỗi năm vào dịp Thanh Minh là ngày cúng đình rất long trọng và linh thiêng. Các bô lão người thì áo dài xanh đậm chũr thọ, người thì áo the khăn xếp đứng ra tế lễ. Bọn con nít chúng tôi: thằng Tèo, thằng Tí, thằng Đục... hễ nghe tiếng trống châu là chạy vô đình coi cúng đình và chờ được ăn cháo lòng, bánh hỏi. Thằng Tí lanh chanh chỉ vào tượng Nam Tào- Bắc Đẩu giải thích:

- Hai ông này ghi tên và tuổi thọ của con người ở nhân gian đó!

Tôi bắt bẻ:

- Sao mày biết?

Nó thanh minh:

- Tao nghe nội tao nói vậy!

Thằng Tèo thì tỏ vẻ nghiêm trang hơn, chỉ tượng Quan Công nói:

Quan Thánh linh lắm đó, ai ăn thịt chó sẽ bị ông quở!

Trong trấn có nhiều nhà thờ Quan Thánh, (sau này lớn lên tôi lấy làm ngạc nhiên khi biết ông này là võ tướng vô cùng kiêu căng ngạo mạn, coi người như rơm rác. Ông ta nổi danh với câu nói: “Hổ tử sao có thể lấy khuyến tử” khi đáp lại lời cầu hôn của sứ giả do Tôn Quyền cử đi. Cũng vì câu nói kiêu căng, bậy bạ này mà kết oán sâu dày và sau này chết thảm bởi quân Ngô. Sử gia và triều đình Tàu tô vẽ đôn ông ấy lên hàng thánh nhằm định hướng tư tưởng con dân trung thành với chúng. Triều đình phong kiến Việt lợi dụng hình ảnh Quan Công để khuyến khích sự trung quân. Người Việt cũng mê muội thờ cúng, tin sái cổ, phong thánh... cũng từ đây. Người Việt vốn chịu ảnh hưởng nặng nề văn hóa Tàu, cả tin, hay tôn sùng và thờ cúng nhiều việc rất tào lao.

Xem các cụ già tế lễ lâu quá, cả bọn mau chán bèn chia phe rượt bắt chạy quanh đình. Đình lớn và rộng lắm, cửa chính quay mặt ra cánh đồng, ngoài ra còn có cửa hậu và cửa hai bên. Bọn tôi thấy kinh thành trong các phim Hồng Kông đều liên tưởng đến đình Mây Tụ sao mà giống nhau thế, buổi tối có hát bội miễn phí cho người trong trấn và các làng bên cùng coi. Tôi với thằng Nuôi nhà gần nhau nhất nên ngày ngày thường vào đình thờ thần đạo chơi, khi thì nhặt bông sứ rụng râu chuối, khi thì đá dế và đặc biệt thích làm những mâm cỗ giả với phẩm vật bằng đất sét, hoa lá và bắt chước cúng tế như các cụ già. Nhà thằng Nuôi là lò rượu, thường đem những cái nong,

cái nia com bóp men rồi phơi nắng ở sân đình. Anh em nó được giao việc mỗi ngày phải đem những cái vò bằng gốm ra phơi nắng trước khi cho com đã nhồi men vào ủ, những cái vò gốm phơi chật cả sân đình. Tuổi thơ chúng tôi trôi qua êm đềm bên đình. Rồi một ngày kia bỗng nhiên đình bị đóng cửa, không ai được vào trong, tiếp đó là người ta đập những phù điêu, những tượng trên nóc đình, quận cho xe đến chở Nam Tào- Bắc Đẩu cùng toàn bộ trống, chiêng, cờ, xí... đi đâu mất tiêu! rồi đình bị lấy làm nơi sản xuất măng trúc. Bọn chúng tôi chung hững, thế là mất một chỗ chơi, thế là từ nay không còn được coi cúng đình, không còn được ăn cháo lòng bánh hỏi miền phí. Nhân chuyện đình Mây Tụ, tôi lại nhớ thêm chuyện này, năm ấy phong trào bài trừ mê tín dị đoan lên cao, quan quyền bên trên ra lệnh triệt hạ chùa chiền, đình, miếu...khi việc đập chùa phá miếu lan về Phù Dung trấn, người người hoang mang lo sợ, không ai dám làm gì cả nhưng lệnh trên cũng không thể cãi lại! Trong lúc dưng dăng ấy thì ông Bảy Mộc hăng hái đứng ra:

-“Không ai dám đập thì tôi đập cho, nếu có ai bắt thì bắt tôi đây!”

Nói là làm, ngày ngày ông Bảy Mộc cùng nhóm người của quận mang búa đi đập phá hết đình, miếu, dinh... của xóm chợ, xóm chùa và xóm đình. Đặc biệt chùa Minh Hương cực kỳ linh thiêng, xưa nay không ai dám phá phách. Bà tôi căn vặn con cháu:

-“ Đi ngang qua chùa Minh Hương phải lấy nón xuống, cúi đầu mà đi!”

Ấy vậy mà cũng bị đập phá, bao nhiêu đồ tế lễ, tượng mang về quận sạch trơn. Những ngày sau đó nhìn thật điêu tàn, thảm thương. Miếu Kê, Đình Mây Tụ, đình Diêu Trì, đình Ngọc Thạnh... Cũng cùng chung số phận, trước đẹp đẽ và linh thiêng là thế mà giờ trông hươ trông hoác.

Rồi không biết là bị “vật” hay trùng hợp vô tình mà ngay sau đó ông Bảy Mộc ngã bệnh, bệnh trầm trọng đi khắp các nhà thương mà không nơi nào tìm ra bệnh, đã vậy trở nên dờ khùng dờ điên. Vợ con khổ sở chạy thuốc thang, cầu đảo khẩn vái khắp nơi. Ai bày chi cũng làm, “thuốc tra ma cầu” mà! Người khắp xóm đình, xóm chợ... đều kinh sợ. Họ xì xầm:

- Vô lễ nên bị vật!

Người thì bảo bị “Vật” (tiếng địa phương chỉ việc bị quỷ thần quở trách, làm cho đau ốm bệnh tật, khùng điên...)

Bà tôi thì nói: “Có cũ có thiêng, có kiêng có lành”, trên có trời Phật, dưới có thánh thần, đất có Thổ Công sông có Hà Bá. Ông ấy phạm nên bị quở!

Sau một thời gian chạy chữa, cầu đảo, cúng kiếng... có lẽ phước ông ta vẫn còn nên bệnh dần thuyên giảm, quan trọng là ông ấy từ đây biết sợ. Tự thân ông đóng lại cái khám thờ dựng lên ngay chỗ cũ của đình Cây Me, ngày ngày ông ra quét dọn tu bổ lại đình Mây Tụ. Người trong trấn thấy ông thành tâm đốt nhang quỳ khẩn vái thì họ ngạc nhiên lắm:

- Cuối thì ông ấy cũng biết sợ!

Trần Phù Dung nhỏ bé như muôn ngàn trần nhỏ khác trên đất nước này, số phận gắn liền với vận

nước. Vận nước thăng trầm thì người trong trần cũng lênh xuống theo. Đình, chùa, miếu mạo... vốn là chốn linh thiêng, là nơi người dân gửi cả tâm mình, nơi nương tựa giữa giông đời, ấy vậy mà cũng bị họa lây; gặp thời thịnh trị thì hưng long, gặp đời mạt thì cũng tàn phá phê phong. Trong trấn Phù Dung có một cái gò mà dân vẫn gọi là gò Yển. Tôi nghe nhiều cụ lớn tuổi thường kể rằng: “Nơi này ngày xưa là đất Chiêm Thành, chỗ gò Yển bây giờ ngày trước là hành cung vua Chăm. Người Chăm vẫn thường tổ chức yến tiệc linh đình lắm, thời gian vô thường, sự đời bẽ dâu...Nước Chiêm Thành bị diệt và nhập về Đại Việt. Ngày nay mọi người vẫn thường nhặt được vàng và nhiều món đồ cổ của người Hời mà ngày xưa dùng cho yến tiệc, nên người mình mới gọi là gò Yển”. Gò Yển nổi tiếng nhiều ma, người ta kháo nhau: những đêm trăng sáng, ma Hời thường ca hát và khóc lóc nỉ non! Không biết ma các xứ khác thế nào chứ ma ở Phù Dung trấn này lãng mạn thiệt đó, nhất là ma Hời, cứ những đêm trăng sáng là xuất hiện ca hát ỉ ôi. Mà tiếng ca của ma Hời mới nỉ non ai oán làm sao, tiếng ca của người con mắt nước, tiếng ca nhớ về dĩ vãng vàng son nên nghe u uất sâu thẳm, còn những đêm không trăng người ta bảo: đước ma Hời chập chờn xanh lè, cộng với đom đóm lập loè, có cho tiền cũng không dám ra đồng. Tuy nhiên có người ra về rành khoa học bảo: ấy là lân tinh cháy trong không khí! Tuy nhiên trong những lúc trà dư tửu hậu thì lại vô tình tiết lộ: Những đêm tối trời mà thấy ánh sáng

xanh là sợ lắm, không dám ra vườn đái! Thế đấy, đời có người cũng mắc cười thật, khi nói thì những tưởng hay lắm nhưng khi đặng chuyện thì mới biết là thật hay giả. Từ Phù Dung trấn đi về hướng Tây chừng ba cây số có một cái gò Đu, gọi là gò Đu vì ở gò này nhiều ma, bọn chúng thường đánh đu ở những cây to quanh đấy. Ma gò Đu là ma Việt, nghĩ cũng kỳ, chết rồi vẫn còn phân biệt giống nòi, chia cắt lãnh địa. Trấn nằm giữa gò Yên và gò Đu, những năm ấy người trong trấn và các tổng Long, An, Thạnh... vẫn thường kháo nhau chuyện bà Hộ Mễ nhật được vàng Hời mà chết bất đắc kỳ tử. Đám ma bà Hộ Mễ lớn ỏi là lớn, chiêng trống inh ỏi cả chợ Bà Bầu (chợ Cây Da còn gọi là chợ Bà Bầu) cờ phướn rợp trời, vòng hoa, liễn... thì thôi phải biết, nhiều lắm! nhà bà Hộ Mễ xưa nay không đi chùa bao giờ ấy vậy mà hôm nay thỉnh hoà thượng Giác Huyền đến tụng kinh cúng đám cho bà. Sau khi an táng xong người nhà bà mới hỏi:

- Bạch thầy! liệu bà, mẹ của tui con sẽ siêu thoát ?

Thầy thật thà:

- Tui là ông tăng quê mùa, vốn không có thần thông nên không biết bà ấy sẽ đọa hay siêu thoát. Tui chỉ biết hết lòng chú nguyện cho bà thôi! phần người nhà các vị cũng nên sắm sửa trai giới cúng thất trong bảy tuần, làm phước, bố thí, phóng sanh... để hồi hướng phước đức cho bà ấy! cái quan trọng là các thí chủ phải thật tâm làm chứ không phải qua quýt cho xong hay làm màu để khoe mẽ với xóm giềng. Bần tăng tui đọc kinh thấy dạy: trong bảy phần công

đức thì người chết hưởng một còn lại của các vị đứng ra làm. Vì vậy khi các vị làm phước cũng chính là phần nhiều làm cho bản thân quý vị vậy!

Sau tuần thất thứ bảy có người đa sự lên chùa gặp hoà thượng Giác Huyền hỏi:

- Có phải bà Hộ Mễ được vàng Hời nên bị ếm mà chết?

Hoà thượng Giác Huyền cười:

Bà ấy được vàng hay không thì bản tăng không biết, chuyện bùa ngải hay trừ ếm bản tăng cũng không biết, nhưng có một điều là dân các tổng cũng nghe đồn nhiều người được vàng Hời nhưng không ai chết sao chỉ có mỗi bà Hộ Mễ chết? theo thói thường hễ khi được vàng hay của mà không do mình làm ra thì cũng nên làm phước, chẩn tế... để giải bớt oán kết của người chủ của món đồ ấy, thứ nữa để cái đức về sau.

Người nhà bà Hộ Mễ sau đám ma nghe lời thầy làm phước, chẩn tế nhiều lắm. Bọn cái bang quanh chợ Bà Bâu suốt mấy tuần liền được hưởng phước lây. Dân xóm chùa và các tổng cứ bàn tán mãi không thôi. Bà Tám bánh bèo xóm gốc me nói chắc nịch:

- Tui dám chắc bà Hộ Mễ được bùng cau vàng là thật! bữa đó vợ chồng bả cùng ông nhà tui lên gò Yên dầy mả, làm đầu chừng mười phút thì ông nhà tui thấy hai vợ chồng bả cứ dấm dúi trong bụi cây ô trầu, về mặt khác thường. Ông nhà tui hỏi thì bả kêu đau bụng, nói xong bả lom khom ôm bụng đi về, từ đó hai vợ chồng nghỉ bán ngũ cốc luôn, rồi tự đứng ăn xài xả láng, mua đất khắp nơi. Tụi thợ bạc của

tiệm vàng Sáu Phụng kể cho ông nhà tui nghe là tui nó thấy bà Hộ Mễ đem buồng cau vàng tới tiệm để cất ra bán. Từ đó ông nhà tui mới suy nghiệm lại thì ra bữa nọ hai vợ chồng được vàng Hời nên bỏ về. Bả được vàng chẳng bao lâu thì chết bất đắc kỳ tử thì quả thiệt đúng chứ đâu còn gì nữa mà ngờ. Kể cũng tội bả, chưa được hưởng bao lâu thì chết oan mạng vậy!

Sau khi bà Hộ Mễ chết, bọn con nít quanh chợ Bà Bầu bỗng dung chạy nhảy rong chơi khắp nơi mà hát đồng dao:

Vàng Hời vàng Hời
 Của mắt thường người
 Được chớ vội cười
 Hãy mau làm phúc
 Lời ếm chưa trừ
 Mà đem cất giữ
 Mất mạng vong thân
 Đồng cân đấu máu
 Trinh nữ ngậm sâm
 Ngàn năm giữ của
 Vàng hời vàng Hời
 Được hãy nhớ lời
 Của thiên trả địa
 Đền tháp đá bia
 Hãy mau tạ lễ

Từ khi cái tin bà hộ Mễ được vàng Hời lan rộng ra, đêm đêm bọn trộm mộ không biết từ đâu kéo về gò Yén. Chúng đào ngạch xuyên qua những ngôi mộ cổ của người Chăm để tìm vàng. Mộ người Chăm (dân

địa phương vẫn quen gọi là người Hời) thường đắp tròn lum lum như cái mũ rùa khổng lồ, chất liệu bằng Vôi, mật, ô dước... Ấy vậy mà bền hơn cả bê tông, trải qua bao thế kỷ nắng mưa, lũ lụt vẫn không suy suyển chút nào. Tháng năm không làm hư hoại nhưng chỉ cần một thời gian ngắn bọn trộm mộ đào bới, đục phá tan hoang cả mấy trăm ngôi mộ cổ của người Hời, những món không có giá trị hay chúng không biết giá trị thì chúng bỏ lăn lóc khắp nơi. Sau này bọn buôn đồ cổ thu gom hết không sót món nào. Gò Yển vốn là hành cung yển tiệc ngày xưa (theo lời đồn đại), gò Yển là gò hoang đầy ma Hời khóc than...Giờ tan hoang thật đau lòng làm sao!

Phù Dung trấn có chợ Cây Da, tuổi thơ tôi và bao thế hệ gắn liền với ngôi chợ này. Chợ có chừng mười dãy lều lợp ngói, trụ bê tông. Cuối chợ có cây vòng đồng to lớn mấy người ôm, xung quanh là những ki ốt và nhà dân mở cửa hiệu buôn bán. Ngoài dân trong trấn ra, dân các tổng khác cũng về mua bán. Ngoài những người bán buôn chuyên nghiệp cũng có rất nhiều những người khác đem về những sản phẩm cây nhà lá vườn để mua bán hoặc trao đổi. Chợ nổi tiếng với thực phẩm, rau quả, hoa trái tươi. Chợ giống như đầu mối vậy, các nơi đem về bán và các mối lái từ trong thị xã lại đến mua gom đem về chợ trong thị xã để bán lại. Chợ có đủ thứ bánh mứt, chè, cháo... Dân trong trấn ai cũng lớn lên nhờ đó vậy! Chợ thường nhóm vào những ngày chẵn gọi là phiên chính, ngày lẻ là phiên phụ vô cùng ồn ào và sôi động. Những phiên chợ nào mà

có gánh thuốc “Sơn Đông mãi võ” về thì thôi khỏi phải nói, vui vô cùng, lớp lớp người vòng trong vòng ngoài coi biểu diễn võ thuật và các trò xiếc. Tôi và tụi con nít trong trấn thích thú xem chú khỉ được người ta mặc cho cái áo hoa sặc sỡ, nó bung cái lon sữa guigo đi vòng quanh để xin tiền, có người quăng tiền xu vào lon nghe leng keng nhưng cũng có người bỏ vào đây những tờ tiền giấy. Má tôi nói nghiệp ngoại mua bán ở chợ, nuôi sống cả gia đình. Gánh hàng tạp hoá bán đủ thứ cần dùng cho cuộc sống. Hàng hoá thì mua ở thị xã hoặc những bạn hàng buôn chuyên từ Sài Gòn đem ra. Dân trong trấn phần nhiều đều mua bán nên cuộc sống rất khá giả so với những xã và mấy tổng quanh vùng. Thời ấy cuộc sống sau những năm thống nhất vô cùng gian khổ và căng thẳng, người có của cũng chôn dấu chứ không dám chưng ra, bữa ăn cũng phải dùng rau sắn mà che đi miếng thịt. Mọi người thủ thế, giữ kẽ không dám nói hay tiếp xúc nhiều với ai. Ba tôi cũng như những người đàn ông trong trấn nay thì phải lao động công ích, mai phải họp an ninh, ngày thì bắt lên Long Mỹ khai hoang, có đêm phải đi gác với du kích (không thể không đi, họ bắt buộc như thế!)... rất căng thẳng, không ai dám nói hay phản đối gì, tất cả phải cố nhịn nhục, an ủi lẫn nhau “Tránh voi chẳng xấu mặt” hoặc “Một sự nhịn chín sự lành” ấy vậy mà nhiều khi nó cũng chẳng lành. Một đêm nọ người ta ập vào nhà lúc nửa đêm để khám nhân hộ khẩu. Ba dậy mở cửa, họ ủa vào như

giặc cướp rồi lục lạo la lối âm ỉ. Có người chỉ vào cái giường mà ba tôi ngủ hỏi:

- Đứa nào ngủ ở cái giường này? nó trốn ở đâu?

Ba tôi trả lời:

- Tôi ngủ giường này!

Bọn chúng vẫn hò đồ, Một kẻ trong nhóm vừa vén mùng vừa sò lên chiếu:

- Đứa nào ngủ ở đây? vẫn còn ấm.

Ba tôi vẫn nhẩn nại:

- Thì tui ngủ, cán bộ gõ cửa thì phải dậy mở cửa chứ còn ai!

Chừng nửa giờ sau kéo đi nhưng còn hăm he:

- Không được che giấu người lạ đấy nhé! nếu không sẽ bị trừng phạt!

Tôi ngủ trong mùng ở giường bé bên sợ lắm, nằm im thín thít cho đến khi bọn họ kéo đi mới dám thở phào một cái. Sau này tôi còn đụng bọn họ mấy lần nữa, có lần tôi xách mấy món đồ hàng mã từ nhà ra chợ cho má thì bọn họ chặn lại và giật lấy mất. Bọn họ la tôi:

- Đồ hàng mã mê tín dị đoan, cấm mua bán!

Tôi sợ quá chừng, phần họ giật lấy đồ nên tức , phần sợ má la. Tôi thất thiểu ra tới chợ gặp má và thút thít nói thật:

- Con xách đồ ra cho má, giữa đàng bị bọn họ giật lấy mất còn la lối không được mua bán đồ mê tín dị đoan!

Chắc má cũng tiếc của nhưng đành cam chịu chứ kkhông biết làm sao, đụng bọn họ thì rắc rối to, cự bọn họ thì có nước dẹp tiệm luôn. Má không la rầy

gì nên tôi cũng yên tâm phần nào. Má cũng như mấy bà Năm Lâu, bà Bốn Hoá, Hai Cảnh, Mười Tập... đều là những tiểu thương lâu năm của chợ trong trấn. Các bà đều ít nhiều cay đắng với bọn quản lý thị trường, thuế vụ...ngoài thuế môn bài, thuế lợi tức, phí chợ và bao nhiêu thứ phí phi lý khác còn phải biết điều với họ, nếu không sẽ bị làm khó, bị tăng thuế mà không cần có lý do gì! Chợ của trấn nằm cạnh quốc lộ huyết mạch vào Nam ra Bắc, lên Cao Nguyên, yết hầu của những lối đi về các quận xa xôi, lại có nhà ga xe lửa nên dễ dàng đi lại, lưu thông hàng hoá... việc mua bán coi bộ phát đạt hơn cả chợ lớn ở trong thị xã. Dân trong trấn là cuộc sống khá giả hơn rất nhiều so với các vùng xung quanh. Chợ trong trấn vốn phát đạt và có tiếng từ trước những ngày gọi là thống nhất. Hồi ấy hàng hoá và quân đồng minh đổ về đóng đồn các vùng lân cận, các sư đoàn: Phi Long, Mãnh Hồ... góp phần làm cho việc mua bán làm ăn khá khả hơn. Trấn đã có những ngôi nhà đồ sộ cao đến bốn, năm tầng lầu, còn lại hầu như ai cũng là nhà bê tông, hoặc nhà xây kiên cố. Trong trấn có nhiều gia tộc người Hoa như: họ Diệp, họ Khưu, họ Hứa, họ Tạ, họ Lý... tất cả đều giàu có. Họ cũng như những đồng hương của họ đi đến đâu là mua bán đến đó. Họ có cái máu kinh doanh làm giàu và biết cách làm giàu. Không biết những họ người Hoa này đến đây từ bao giờ nhưng khi tôi lớn lên đã thấy có chùa Minh Hương rồi. Những tiệm thuốc Bắc như: Thái Xuân Đường, Tân Lợi Đường, Lợi Sanh Đường... vừa là nơi bắt

mạch, kê đơn, hốt thuốc luôn. Nhà tôi đối diện với tiệm thuốc Bắc Thái Xuân Đường, cháu nội của ông cũng trạc tuổi tôi, chơi chung khá thân. Chúng tôi thường kéo lên sân thượng chơi suốt ngày, có khi ngủ lại ở đây không phải về nhà. Mùi thuốc Bắc thơm và quyen khắp nhà, tôi cũng từng táy máy tò mò nhào vô phụ nghiền, tán thuốc, vo viên tẻ, sao, tẩm, sấy thuốc...mùi thuốc thấm vào áo quần và cả chân tơ kẽ tóc. Ông Thái Xuân là người Hoa chánh gốc, rất cao to, nói tiếng Việt lơ lớ nghe rất vui. Bọn con nít quanh trấn vẫn thường nhại giọng ông:

- Ngộ hồng thích, đừng nhạo ngộ! Ngộ tả lị xì.

Đặc biệt mỗi khi giận con cháu hay ai ông thường chửi có mỗi một câu:

- Tổ cha mày!

Giọng Tàu nói tiếng Việt đơn đót nên lời chửi nghe dễ thương và mắc cười lắm. Ai đời bị chửi mà cứ cười ngặt nghẽo. Ông Thái Xuân giàu có, ăn uống tẩm bổ rất kỹ toàn yên chung thuốc, gà ác hầm, sâm, nhung...và ông là một tay cao thủ về thuốc phiện. Ông hút một ngày mấy cữ, căn phòng riêng trên lầu của ông là một căn phòng đặc biệt. Mỗi khi ông hút thuốc phiện thì cửa đóng lại hết, nếu không mùi thuốc sẽ bay ra người ta sẽ biết. Thực ra thì người trong trấn ai cũng biết cả nhưng chẳng ai quan tâm đến chuyện người khác. Tôi vẫn thường lên lầu và hé hé cửa nhìn ông nằm hút thuốc phiện. Mùi thuốc phiện thơm trời thần luôn, thơm kinh khủng, không có mùi thơm nào của thế gian có thể sánh đợc. Cái mùi quyen rũ chết người, thơm và nghe ngọt lạ. Cái

đầu non nớt của một thằng bé như tôi dù tò mò nhưng vẫn biết sợ: "Không biết mình hít mùi thơm thuốc phiện rồi có bị ghiền không?" mặc dù sợ sợ nhưng tánh tò mò vẫn lớn hơn, cứ mỗi lần ông hút là tôi lại rón rén hé cửa rình xem và ngửi. Người ta ví von thuốc phiện là: nàng tiên nâu, ả phù dung, cô ba... bao nhiêu cái tên đầy hình dung gợi cảm, nhưng phải thật sự ngửi mùi thơm của nó thì mới biết nó đặc biệt như thế nào. Ngôn ngữ khó mà tả được cái mùi quyến rũ, cái mùi ma quái, cái mùi của tử thần khó cưỡng nổi, cái mùi khiến người hút phê như đi mây về gió. Thuốc phiện hay ả phù dung này như con dao cạo, có nó thì phê, thiếu nó thì cơ thể đau đớn oằn oại như đòi bò trong xương, như bị cạy trùng độc. Có lần ông Thái Xuân khép cửa phòng và đi xuống dưới lầu, tôi và Thanh (cháu của nội ông) lên vào phòng cầm lấy cây tẩu thuốc phiện, nó đẹp và láng mượt. Thanh bảo tôi:

- Thuốc phiện mắc lắm, chẳng có gì bỏ hết! vỏ của nó làm thuốc, nhựa nó để hút, sái thuốc phiện bán lại cho người ít tiền hút đỡ ghiền.

Ông Thái Xuân hút thuốc phiện cho đến những ngày cuối đời luôn, thông thường ông hút một mình nhưng có hôm thì hút với những người bạn của ông. Trong nhóm ấy tôi nhận biết: Ông Sơn võ sư vốn biệt danh "Con hùm xám miền Trung", ông Cang cũng võ sư và những người nghèo đến châu rìa chờ mua lại cái sái để hút đỡ ghiền như ông: Mười Đòn thợ rèn, ông Sơn thợ...sở dĩ tôi biết những người này là do họ với bà ngoại tôi vốn là bạn đồng niên,

đồng trang lứa, bọn họ vẫn thường gặp nhau nói đủ thứ chuyện đời. Ngoài ra còn có vài người nữa nhưng tôi không biết và thỉnh thoảng cũng có những người đến mua thuốc phiện hay sái về giúp cho người thân của họ bị ung thư chống chọi qua cơn đau thể xác. Xái thuốc phiện là chất bột đọng quanh miệng tẩu, cạo ra bán cho người hút xái vì ít tiền vừa bán cho những người nông dân mua về cho trâu bò bệnh bệnh tiêu chảy uống. Xái thuốc phiện cực kỳ hiệu quả, trâu bò uống vô là hết bệnh ngay.

Không biết tự bao giờ trong tâm tưởng tôi cứ lớn vờn cái hình tượng Phù Dung trần. Mặc dù cái trần nhỏ quê tôi chẳng có tí ti nào liên quan tới những hình ảnh cổ trần bên Tàu. Nếu có ai tò mò muốn tìm hiểu Phù Dung trần ở đâu thì dù có tra danh bạ, tự điển hay bất cứ công cụ tìm kiếm bằng điện toán cũng không thể tìm ra, đơn giản là nó không phải là cái tên thật trên đời. Nó vừa có vừa không. Nó thật sự chẳng có cũng chẳng không. Nó chẳng phải chẳng có mà cũng chẳng phải chẳng không. Nó như một “Miền Phương Ngoại”, một vùng trời “Lạc Cảnh” của những người hoài niệm đi tìm cái đẹp dĩ vãng. Phù Dung trần là cái trần nhỏ của quê hương tôi, của tâm tưởng tôi. Nó là sự kết hợp của mùi hương cô ba phù dung mà ông già Tàu ngày ngày vẫn hút với ký ức và sự mơ mộng hoang đàng của một chú bé vốn nhiều đa mang sầu cảm.

Cuộc sống vẫn êm đềm trôi qua, ngày tháng như nước chảy mây bay. Bọn tôi vẫn ngày ngày cấp sách đến trường, mặc dù đợc ba má chăm lo đầy đủ,

ngoài học ở trường còn được đi học kèm thêm ngoài giờ, ấy vậy mà tôi vẫn lết đệt và hậu đậu vô cùng, học trước quên sau, kết quả luôn là trung bình yếu. Ba tôi cũng ra công kèm cặp dữ lắm nhưng không khá nổi, nhiều lần ba tôi nặng lời:

- Ngu như bò, không biết gene di truyền hay cái nghiệp mà hậu đậu thế này?

Ba tôi là một Phật tử thuần thành, rất mộ đạo, thường tụng Kinh A Di Đà, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa... Có lẽ ba tôi tụng kinh Địa Tạng nhiều nên ông y cứ theo ấy mà thực hành. Mỗi ngày thay một chén nước trong đặt trước hình tượng của ngài Địa Tạng. Ba và tôi cùng tụng kinh, tụng xong thì tôi uống chén nước đó, cứ như vậy suốt hai mươi mốt ngày mới thôi! Tôi còn nhỏ và hậu đậu nhưng khá ngoan, làm theo những gì ba tôi chỉ bảo kể cả ăn chay niệm Phật... Ngày tháng vẫn trôi qua, phép lạ vốn không có nhưng có những việc cứ ngỡ phép lạ. Những năm cuối cấp ở trường Bồ Đề tôi dần khá lên, thậm chí nổi bật về những môn thuộc ban C, những bài văn của tôi thường được đọc trước lớp. Kỳ thi tốt nghiệp năm ấy tôi đạt điểm tuyệt đối về văn, xôn xao khắp các trường trong huyện. Ba tôi vui mừng vô cùng, cô giáo dạy văn của tôi tên Minh Đề (cũng là cô họ), cô Xuân Mỹ... rất hãnh diện, riêng tôi thì cứ như người nằm mộng. Bạn bè cũng có người mừng nhưng cũng có người không phục:

- Nó học trúng tủ.

- Nó có bùa.(ý muốn nói có bài giải trước)

Không biết có phải chén nước trước hình tượng ngài Địa Tạng đã giải bớt cái mê muội của tôi, sự gia trì của ngài hay đến lúc trí nó phát triển? nhưng rõ ràng có một sự linh cảm rất khó giải thích. Việc này chỉ có tôi và ba tôi biết, không ai biết cả kể cả má và anh em trai của tôi. Những năm tháng học ở trường Bồ Đề (dù khi ấy nó đã bị đổi tên) là những năm tháng êm đềm, đẹp đẽ làm sao. Cứ mỗi dịp nghỉ hè là tôi được ngoại dẫn lên Sài Gòn chơi. Dì tôi lấy chồng và lập nghiệp ở Sài Gòn, nhà Dì ở trong khu chợ Thiếc của người Hoa, quanh đây hầu như không có người Việt. Người khu này toàn nói tiếng Tàu, những ông xì thầu bụng phệ mặc xà lỏn cởi trần tròng trực đứng quay vịt, heo ở sát lề đường. Những người đan giỏ cần xé bán cho mấy vựa trái cây, những quán mì, hủ tiếu... sao mà hấp dẫn và lạ lẫm với tôi quá! Tôi và người em họ đèo nhau trên chiếc xe đạp rong ruổi khắp Sài Gòn - Chợ Lớn. Người em họ tôi là tay tháo vát, chiếc xe đạp của y toàn lắp đồ xịn nên đạp nhẹ tung. Tôi rất thích đi coi xiếc mô tô bay, coi mấy gánh “Sơn Đông mãi võ” ở bến xe chợ lớn. Có lần vừa gởi xe đạp xong là hấp tấp chen vào thì nghe tiếng rao:

“Kính thưa bà con cô bác, hườn này bồ nhất, tật bệnh tiêu trừ, phẻ như ông kẹ, tẻ này thậm phê, ông uống bà khen... mại dzô, mại dzô, tiền trao cháo múc, mua một tặng hai... mại dzô, mại dzô...” gánh “Sơn Đông mãi võ” của nhóm Thập Môn Đường vừa múa võ bán thuốc tẻ, hườn, đan, cao đơn hoàn tán...Anh lực sĩ nằm trên bàn chông cho người khác

lấy búa tạ đập mà không hề hấn gì. Người ta xếp lớp vòng trong vòng ngoài, vừa coi vừa reo hò tán phục; tiếng vỗ tay rào rào, tiếng bạc cật quăng vào lon bơ lêng xêng. Xéo bên góc Trần Bình một nhóm khác đang biểu diễn mô-tô bay. Cái thùng gỗ như thùng nước mắm nhưng to ời là to. Các tay xiếc cho xe máy chạy vòng vèo lên xuống bên trong thùng, tiếng reo hò âm ỉ, tiếng xe inh ỏi gầm rú, mùi khói xăng dầu xông lên muốn ngạt thở... ấy vậy mà tôi cùng cậu em họ coi say mê, một suất chưa đủ phải chen lấn mua coi thêm xuất nữa.

Chợ lớn những tháng ngày năm ấy thật đẹp và êm đềm. Tôi thích ra chợ lớn đi dạo quanh tượng ông Thông Hiệp (tên thật là Quách Đàm) có bốn con rồng châu phun nước! sở dĩ người ta kêu là Thông Hiệp vì có người tặng ông câu đối:

Thông thương sơn hải

Hiệp quán càn khôn

Kể ra cũng thái quá, ông Thông Hiệp là một tay mua bán giỏi, một nhà tư sản lớn, câu đầu còn có thể coi đặng, vì mua bán nông sản, hải sản, lâm sản... thì thông sơn hải! nhưng câu sau thì to tát quá, làm gì đến độ cả trời đất đều phải hiệp quán! Nhưng thôi thì người viết tặng bốc quá tay nhưng ông cũng đã là người thiên cổ rồi!

Đã ra chợ Lớn thì phải ghé qua hàng trái cây, chạy dọc mé Trần Bình. Mùi sầu riêng, xoài, nhãn... thơm bễ lỗ mũi, không chỉ mùi trái cây mà còn mùi sinh lầy cống rãnh thum thum bốc lên, mùi rác rến ứng thối... nó quện vào nhau làm thành một cái mùi

không sao tả được, vừa thích cái thơm của trái cây vừa ngán cái hôi thối của sự bày bày dơ dáy!

Tôi và người em họ đèo nhau trên chiếc xe đạp rong ruổi quanh chợ Lớn, những khu vực sau lưng chợ Lớn như cầu Ba li Kao, những con kênh đặc quánh rác đen ngòm: lò Gà, lò Đất...rất người Hoa, không có một móng Việt, tiếng Tiều là dĩ nhiên. Những khu này nó giống những thị trấn nào đó bên Tàu ở thế kỷ mười tám trở về trước! cuộc sống, lịch sử, thời gian gần như dừng lại ở đây, mặc ngoài kia xe cộ nườm nượp, phát triển thế nào thì phát. Những xóm người Hoa sau lưng chợ Lớn vẫn như thuở ban đầu. Tôi thích ăn hàng, những xe bột chiên, trái cây, sương xáo... quả thật ngon bá cháy! đặc biệt xe kem Tân Lạc Viên là không thể nào quên với món kem sầu riêng. Sau bao nhiêu thay đổi của thế sự nhưng những xóm, khu phố người Hoa vẫn như ngày nào! Dù vật đổi sao dời, thay ngôi đổi chủ nhưng những xóm ấy vẫn thế, không có gì thay đổi mấy, vẫn mãi giống như những tiểu trấn Tàu ngày xưa. Mặt tiền bên ngoài với những: Trang Tử, Đồng Khánh, Châu Văn Liêm... vẫn là những China Town như những China Town khác trên thế gian này! cái đặc trưng tương đồng nhau: tiếng Hoa thống trị, mua bán đủ thứ, ôn ào, dơ dáy...và thức ăn thì người Việt mê tít thò lò! Người Hoa dù đi đâu, sống ở đâu, dù bao đời họ vẫn nói tiếng Tàu, viết tiếng Tàu. Họ chỉ biết có Tàu của họ thôi. Họ gần như không đếm xỉa gì đến những miền đất nuôi họ, dung chứa họ. Tâm hồn họ, ngôn ngữ họ, chủng tộc họ, phong cách

họ... chỉ có một chữ Tàu, cho dù họ sống ở Chợ Lớn, Paris, London, Los Angeles... thậm chí ở mặt trăng! Họ có thể là những ông trùm, những băng đảng, hay những người lao động hiền lành chác phác...

Chợ Lớn không phải là trái tim của Sài Gòn nhưng nó là đẫy bạc, là nôi cơm của Sài Gòn. Những ngày tháng ấy, Chợ Lớn cung cấp cho Sài Gòn, cho cả nước những món hàng gia dụng trong cuộc sống hàng ngày. Ông Thông Hiệp là một tay cự phách, từ người di cư nghèo khổ mà gây dựng nên cơ nghiệp lẫy lừng, hàng hoá nông sản xuất sang các xứ: Mã lai, Phi Luật Tân, Tân gia Ba, Hong Kong... và cả Pháp nữa. Ngày ngày cơ nghiệp vẫn còn đầy: Nhà lồng Chợ Lớn, các dãy nhà quanh Chợ Lớn nhưng đã ra người thiên cổ, con cháu di cư sang các xứ khác, tuy gia sản vẫn còn đây nhưng thuộc về kẻ khác, Thật đúng là: “Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”.

Người Hoa đến đây có lẽ bắt đầu từ sau khi phong trào “kháng Thanh phục Minh” bị thất bại. Nhà Thanh truy nã, tàn sát những người còn tưởng nhớ nhà Minh. Vì vậy mà họ tràn xuống phương Nam tìm đất sống. Họ đến Đàng Trong lập nên những: Hội An, Cù Lao Phố, Hà Tiên... Có thể những họ người Hoa ở Phù Dung trấn cũng là con cháu của những người Hoa di cư này. Tôi cũng rất ngạc nhiên khi chính sách đối xử với họ của triều đình nước ta và các chính thể sau này. Trừ những lúc bức bách họ vì chính trị của giai đoạn ngắn, còn lại thì về cơ bản

ưu tiên cho họ rất nhiều. Họ không phải phu phen, tạp dịch, quân dịch, thuế khoá cũng ưu tiên, mọi đóng góp cũng tương đối dễ dãi hơn so với người Việt. Ở Sài Gòn vì người Hoa đông, sống tập trung nên con cháu họ vẫn nói và viết tiếng Hoa. Các dòng tộc người Hoa ở trấn Phù Dung quê tôi thì gần như Việt hoá hết rồi. Ngoài các vị trưởng lão là còn biết tiếng Hoa chứ con cháu họ không còn ai biết nói chứ đừng nói chi đến viết và đọc.

Ngoại tôi là người đàn bà mạnh mẽ, cứng rắn và tháo vát. Một mình nuôi cả bảy con cháu, gây dựng cơ nghiệp; ngoài ngôi nhà ở trong trấn để mua bán. Ngoại còn có ngôi nhà ở quê, cách trấn chừng ba cây số. Những năm còn học ở trường BỒ ĐỀ tôi thỉnh thoảng theo ngoại về ngôi nhà ấy ngủ để giữ nhà. Tôi cứ thắc mắc:” Ngôi nhà trống có gì đâu mà giữ?” nhưng chẳng ai giải thích tại sao, sau này lớn lên tôi mới biết trong ngôi nhà ấy ngoại chôn giấu vàng và những món đồ quý giá. Phải nói rằng người xưa cất nhà rất khoa học, ngoài gian thờ ở trên, phần sau là lẫm lúa, rồi gian giữa, gian bếp... vây quanh cái sân cát (giếng trời) vừa thoát nước mưa vừa lấy ánh sáng và thoáng khí. Nhà lúc nào cũng mát rượi, thoải mái khác xa những căn nhà ở trong trấn hay phố thị rất bí bưng ngột ngạt. Ngôi nhà ở quê lại rất gần với những người anh em của ngoại: Ông bảy Hộ Thì (tên Thì mang hàm bá hộ), ông Tám Nồng... đặc biệt là bà Sáu (chị của ngoại). Bà có ngón nghề làm tương ngon nổi tiếng khắp vùng Cảnh Dương, Phù Dung trấn và các tổng xung quanh. Tương bà

Sáu béo, rền, thom... Người ăn chay rất thích mà kẻ ăn mặn cũng thèm. Họ mua về ăn vậy hoặc là xào rau muống, nấu vệt... Bà Sáu làm tương mang tính tài tử, chỉ bán vào những phiên chợ trong trấn kiếm thêm ít đồng tiêu pha chứ không phải làm chuyên nghiệp. Những phiên chợ mà bà Sáu không bán tương là người ta nhắn tin ngoại hỏi thăm sao bà Sáu không đi chợ. Ngoại thì tin Phật, đi chùa, niệm Phật, ăn chay nhưng bà Sáu và mấy anh em của ngoại không có ai đi chùa. Có lẽ ngoại chịu ảnh hưởng của ông ngoại kế (ông ngoại ruột mất sớm từ khi má mới sanh ra) một cư sĩ tại gia nhưng rất tinh tấn và uyên bác. Ông ngoại vốn là bạn đồng niên với hòa thượng Huyền Quang. Những năm ông đã bảy mươi tuổi mà vẫn thường đạp xe ra tháp để lễ Phật và tham vấn ngài, mặc dù tình hình lúc ấy kèm kẹp, theo dõi căng thẳng lắm! Ông ngoại rất giỏi chữ Nho vẫn thường dịch kinh, vẽ hình Bồ Tát, và các nhân vật trong kinh điển. Tu viện Nguyên Thiều nằm trên một ngọn đồi đất đỏ, bên phải là Phật học viện, bên trái là cụm tháp Bạc (nhưng người dân vẫn thường gọi là tháp Bánh Ít) của người Chăm xưa, dưới chân là khúc quanh của dòng sông Côn, phải nói rằng tu viện có một vị thế đẹp vô cùng, mặc dù kiến trúc tu viện thì không có gì đặc biệt. Những vị sư ở đây có tiếng nghiêm túc, tu học rất công phu và nhất là không xu phụ quyền thế. Vì thế dân chúng và Phật tử rất mến mộ, khi ngài Huyền Quang về trụ ở đây thì uy tín và danh tiếng của tu viện càng lên cao nhưng mặc khác cũng vô cùng trở ngại đối với Phật

tử hay khách hành hương khi về đây. Nhà cầm quyền cho người canh gác, đu bám, giám sát gắt gao tất cả những ai đến tu viện. Bất cứ ngày hay đêm, lúc nào cũng có năm, bảy người túc trực quay phim, ghi chép theo dõi nhất cử nhất động của người ra vào. Có những Phật tử về kể rằng: Họ lên lễ Phật bộn người ấy bám theo vào chánh điện, họ xuống bếp thì người ta theo xuống bếp, thậm chí đi ra nhà xí bộn người ấy cũng mò mẫn theo sau! thật kinh khủng, thật không hiểu nổi! ở một đất nước vẫn xưng là độc lập - tự do ấy vậy mà họ lại theo dõi từng bước chân của người dân. Họ có cả một bộ máy khổng lồ ấy vậy mà sợ một ông già không một tác sắt trong tay, sợ những ông thầy chùa vốn chỉ có từ bi và lý tưởng độ sinh. Sau này khi tôi đã xa trần hai mươi năm và cũng ít khi có dịp về thăm trần hay tu viện, trong lòng nhớ nhung nhiều nhưng đành chịu, mỗi người có một phúc phần khác nhau. Có những người hàng năm đi về mấy bận, nhưng có người khó khăn lắm mới về một vài lần và cũng có người chưa một lần về! Tôi thấy trên mạng NET cũng như những người thân cùng quê kể rằng: Năm ấy khi ngài Huyền Quang tịch, dân chúng và Phật tử kéo về tưởng niệm đông lắm, dòng người nối đuôi nhau từ cầu Bà Di vào tận tu viện Nguyên Thiệu. Các vị sư của quốc doanh muốn lợi dụng tang lễ để tranh công, để tô vẽ cho bộ mặt của quan quyền nhưng các sư thuộc giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất không chấp nhận nên cuối cùng tổ chức tang lễ mà không có đọc diếu văn hay diễn

vấn, tất cả đều theo hình thức “Vô tướng”. Ngài Huyền Quang một đời vì dân tộc, vì đạo pháp, luôn thao thức đào tạo thế hệ kế thừa cho mai sau... Cuộc đời mấy mươi năm trên cõi đời đầy giông bão nhưng nụ cười hiền hoà chưa bao giờ mất trên môi. Những tháng năm lưu đầy cũng không khuất phục được ngài. Người ta kể, có lần ở nơi lưu đầy vào mùa đông nước lụt dâng cao, ngài phải kê cái bàn rồi leo lên đứng chịu trận chờ cho nước rút. Ngài chịu tất cả mà không hề oán than hay trách gì ai, ấy mới thật là lòng đại bi vô tận, là vô duyên đại từ vậy!

Khi tôi còn nhỏ, đi học vỡ lòng với thầy giáo Ngũ ở trong trấn. Thầy rất hiền và tận tụy với bọn học trò theo học lớp vỡ lòng của thầy. Ngôi nhà của thầy khá khang trang, thầy cho lợp tôn nới mặt tiền ngôi nhà với khoảng sân ở phía trước thành lớp học. Lớp học của thầy rất đông và đủ nhiều trình độ từ vỡ lòng đến lớp năm. Hầu như bọn trẻ con trong trấn, quanh nhà tôi biết chữ đều nhờ thầy. Không chỉ ở thế hệ của tôi mà ngay cả thế hệ cha chú cho đến thế hệ cháu chắt ở trong trấn cũng đều trải qua lớp học chữ quốc ngữ vỡ lòng ở lớp học của thầy. Ngày ấy tiền học phí cũng không bao nhiêu, thậm chí có nhà nghèo quá cũng không có đóng nên cuộc sống của thầy cũng khá kham khổ. Trong số học trò vỡ lòng của thầy ngày ấy giờ có kẻ làm quan, có người thành đại gia, cũng có không ít người nổi nghiệp thầy... Nhưng hầu như mọi người quên lãng, không thấy ai nhắc đến thầy. Không có ai đến thăm thầy dù là chỉ một lần chứ đừng nói chi đến lời cảm ơn. Ôi nhân

tình là thế! người đưa đò suốt đời đưa người qua sông nhưng có ai quay lại nhìn đò? Người suốt đời bắt cầu cho người vượt qua nhưng đến khi mình qua thì chẳng có cầu để qua! những năm cuối đời, thầy suốt ngày ngồi bó gối trên chiếc ghé mây nhìn ra cửa, dáng thầy khô đét, hom hem và rúm ró còn chút xíu. Tôi đặc biệt nhớ thầy luôn mang mắt kiếng xệ xuống lưng chừng sống mũi, mỗi khi nhìn ai thì thầy phải ngược lên và một điều nữa là thầy luôn cười hề hếch rất gân gỏi, rất dễ thương. Mé sân ngoài có cây khế to hai người ôm, trái rất to và chi chít trên cây, có điều khế chua quá nên ít ai muốn ăn. Bọn học trò trẻ thơ vốn nghịch ngợm như thế mà cũng chừa cây khế ra. Cứ mỗi mùa khế chín là bọn kết (vết) không biết từ đâu kéo về đậu đầy trên cây, chúng tranh ăn kêu réo và đá nhau chí chít, phải nói rằng chúng thật đẹp, màu lông xanh lá trông hợp với màu lá khế nhưng cũng có những con nhiều màu sắc sặc sỡ vô cùng. Thầy giáo Ngữ là ông thầy khai tâm chữ quốc ngữ cho bao thế hệ ở cái trấn này, ngoài thầy ra thì cũng cần nhớ thêm có thầy giáo Bản, thầy Sâm, cô Lân. Dì tôi, cậu tôi, anh tôi rồi em tôi đều lần lượt học với thầy giáo Ngữ. Giờ mỗi người một số phận, một cuộc đời.

Tôi thì ngàn dặm xa ở phương trời hải ngoại. Thầy đã về với nguồn cội tổ tiên, đã từng không ít lần tôi vẫn mơ và thấy thầy, trong tâm tư tôi cái lớp học chữ quốc ngữ vỡ lòng của thầy vẫn cứ như những thước phim cổ tích. Máy chục đứa trẻ con ê a đánh vần, ráp chữ khi thì rổng to lên để được khen, nhưng

cũng có lúc nghịch ngợm quá thầy đập cây thước bẳng lên bàn ầm ầm. Thầy giáo Ngữ cũng như các ông, bà giáo làng khác đều là những người học hành không cao, không bằng cấp, không học hàm, học vị hay danh hiệu ưu tú, nhân dân chỉ cả nhưng lại là những vị thầy dạy tiếng Việt vô cùng xuất sắc. Tôi cũng như những thế hệ trước và sau đều nói, viết tiếng Việt rất chính xác, phân biệt các âm: ch, tr, s, x, d, v... rõ ràng, viết đâu ra đấy, chính tả cũng sạch sẽ; không giống như bây giờ. Các ông bà giáo bằng cấp đầy mình, danh hiệu dài thòng lòng... mà viết sai chính tả, câu cú lủng củng, từ ngữ ngô nghê vô nghĩa. Thế mới biết có những cái mới lại thua xa cái cũ, có những cái bị chê cù lần lại trong sáng và hay hơn những cái bóng bẩy đầy mị xảo của thời đại. Nếu Phù Dung trần có thầy giáo Ngữ nổi tiếng ai cũng biết thì ấy là mặt văn, còn bên võ cũng cần phải nói đến là các lò võ như: Phi Long Thắng, Trần Cang, Hà Trọng Sơn... Dân địa phương khá hâm mộ võ thuật nên cho con theo học. Bạn tôi tụi thằng Lợi, thằng Vinh, con Lại, con Chi, con Ái... đều học võ cả. Sau những buổi học chữ ở trường Bồ Đề là chạy sang lò võ luyện tập, đánh đấm bình bịch vào mấy cái bao đựng mật cưa. Ba tôi cũng bảo tôi đi học võ nhưng tôi thì không thích võ, chỉ khoái vùi đầu đọc sách nên thoái thác không chịu đến lò võ. Ba tôi nói:

- Học võ cho cứng cáp gân cốt, cho người khỏe mạnh và cũng có chút nghề để phòng thân, ra đường không bị ai ăn hiếp!

Tôn chỉ các lò võ cũng rất rõ ràng và mã thượng: Không vô cớ đánh người, không đánh người yếu hơn, không đánh đàn bà, trẻ em, người già; không phản thầy, phản bạn; học võ để tự vệ chứ không phải để đánh nhau...

Lẽ ra mắt sư phụ võ thuật cũng đơn giản, thường là con gà trống, ít hoa quả...tiền học phí cũng tượng trưng chứ không nhiều. Các võ sư thường kiêm luôn là thầy vật lý trị liệu. Họ rất giỏi và biết rõ cấu tạo của xương khớp, hễ ai bị bong gân, trật khớp...chỉ cần họ nắn, bóp, kéo... ấy vậy mà bình phục lại một cách nhanh chóng. Họ còn chế thuốc võ, thuốc dầm...trị đau nhức xương, khớp, cơ, các vết bầm, sưng...chỉ cần bó thuốc vài hôm là khỏi. Dân quanh vùng hễ có đau thường đến nhờ mấy thầy võ trị cho và họ trị miễn phí chứ không lấy tiền. Nếu bệnh nhân có lòng thì mua ít trái cây hay lễ vật gì đẩy đến tạ ơn! Từ hướng Bắc đi về Nam, trước khi đến Phù Dung trấn thì đi qua tu viện Nguyên Thiệu, chùa Phước Điền. Trụ trì chùa Phước Điền là thầy Hạnh. Thầy rất hóm hỉnh nhưng công phu trì giới thì rất nghiêm ngặt, không xu phụ quyền thế, ngoài thời khoá công phu thầy còn làm ruộng để nuôi thân và phụng sự chùa. Thầy còn có một biệt tài là “mần” (tiếng địa phương để chỉ việc chữa trị trật xương, sai khớp, bong gân...) Bất cứ ai bị tai nạn, bị té, bị đánh... mà xương khớp bị trật thì đến chùa nhờ thầy. Thầy rờ, mò, vuốt... rồi bắt chốt kéo hay bẻ một cái làm cho bệnh nhân la oái một tiếng thê là hết ngay! quả thật tài tình không thể tưởng, nhiều

người đi nhà thương chữa trị, uống thuốc không giảm ấy vậy mà thầy “mần” một vài phút là xương, khớp trở về vị trí cũ liền! sau đó thì cho ít thuốc dầm về bó thêm một hai ngày là hoàn toàn khỏi hẳn. Tôi không biết sao lúc ấy bạn bè cả bọn đều học võ mà tôi thì không chịu học, sau này lớn lên thấy tiếc hùi hụi.

Ngoài những lò võ tư gia ấy còn phải kể đến một lò võ đặc biệt và nổi tiếng khác đó là lò võ chùa Long Phước. Chùa cách trấn chừng bốn hay năm cây số về hướng Đông, vốn khai sơn từ năm đầu Gia Long. Chùa là ngôi cổ tự đẹp nhưng tương đối đơn giản và khiêm tốn, quanh vườn cây lá xanh tươi. Chùa mở lò võ không biết từ khi nào nhưng khi tôi lớn lên lúc nào cũng có mấy mươi võ sinh theo học. Một số là võ sĩ chuyên nghiệp còn phần lớn là thanh thiếu niên quanh vùng theo học để khoẻ mạnh, cứng cáp. Dân quê tôi khá hâm mộ võ thuật, không biết có phải cái gene còn lưu lại từ thời xa xưa với truyền thống “Học văn dụng võ”. Có lẽ nhờ truyền thống thích võ nghệ mà ngày xưa không ít người theo phò tá nhà Tây Sơn, lập nên nhiều chiến công hiển hách. Chùa Long Phước được nhiều người ví von như là một tiểu “Thiếu Lâm Tự” vậy! Ở đây ngoài dạy võ phòng thân còn có võ đối kháng, quyền, côn, binh khí... Võ roi cũng là một môn võ đặc thù của địa phương, chỉ cần một ngọn roi hay một cây gậy trong tay thì không có một đối thủ cường bạo nào có thể áp lại gần được, bởi thế mà ca dao có câu:

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền
Từ lò võ chùa Long Phước mà nhiều võ sĩ đã thành
danh trên trường võ cổ truyền của cả nước. Người ta
thường ca tụng xứ sở này là “Đất võ trời văn” kể
cũng có lý vậy!

Hàng năm khi trời đất chuẩn bị vào xuân, người
trong trấn bày hoa kiểng ra bán khắp nơi. Nào là
mai, cúc, vạn thọ, thược dược, lan... đủ thứ hoa,
muôn màu sắc. Chợ hoa bên lề quốc lộ, ở hai đầu
cầu Cây Da, ở ngã ba miếu Ba Gà, cầu Ông Đô...
người đi xem chen lấn nhau, người đưa đón chờ
chực đậu xe chật cả một khúc đường. Chợ trong trấn
những ngày tháng chạp vô cùng sôi động, trăm kẻ
bán vạn kẻ mua, thôi thì không thiếu thứ gì. Nhưng
chợ tết còn phong phú hơn nữa vì có bánh mứt và đồ
trang trí cho bàn thờ gia tiên, nhà cửa trong ngày tết.
Dân quanh chợ trong trấn nhiều nhà có nghề làm
mứt tết. Nhà Ngoại tôi là một lò mứt tết có tiếng,
giữa tháng mười một âm lịch là ngoại bắt đầu huy
động hết con trai, con gái vào làm mứt bán tết. Tôi
cũng có phần tham gia, thường thì được cử đi lấy
nước ở giếng nhà bà Năm Cui, giếng nhà ông Bảy
Thì... vì nước các giếng ấy trong vắt và không có
phèn mới có thể làm rim mứt được. Má tôi, dì tôi
người thì xăm gừng, xăm bí, cắt bông bằng đu đủ,
làm bánh in, bánh hồng và nhiều loại mứt khác nữa.
Trong các loại mứt ấy khó nhất vẫn là xăm gừng,
xăm bí; những củ gừng gọt chuốt đẹp như bàn tay
mỹ nhân rồi xăm cho mềm ra, rồi luộc và đem rim
(dụng cụ xăm gừng là những khúc gỗ gòn hoặc

vuông dài chừng gang tay, to vừa nắm tay, một đầu cắm đầy các cây kim may, nghề này xem ra giờ thất truyền); rồi còn đu đủ xanh cắt bông thược dược, cắt nơ...Mùi nước đường rim mút bay thơm thoảng thoảng trong gió, ra tận ngoài chợ luôn! Bánh mút ở tiệm của ngoại vừa đẹp vừa ngon nổi tiếng. Ngoài người mình ra, mấy anh lính đồng minh rất thích mua những cái bông thược dược rim từ đu đủ. Công việc mua bán thuận buồm xuôi gió, ngoại trở nên giàu có nổi tiếng khắp vùng.

Năm ấy khoảng đầu thập niên bảy mươi. Dì Tư cùng với học sinh các trường Cường Để, Quốc Học, Trưng Vương...cắm trại ở vận động trường. Ông tỉnh trưởng đến chúc mừng. Bọn người bên kia cứ thích khách đến ném lựu đạn. Ông tỉnh trưởng đứng trên đài cao nên không hề hấn gì nhưng học sinh thì chết la liệt, lớp vì lựu đạn lớp vì hoảng loạn đâm đạp nhau. Dì cũng chết trong đám học sinh xấu số ấy. Người chết và bị thương nhiều đến nỗi nhà thương tỉnh không còn cả bông gòn và thuốc đỏ để sơ cứu. Đài truyền hình đưa tin, dân chúng kinh hoàng tiếc thương cho những người xấu số. (không biết những kẻ thù ác ra lệnh và thi hành ấy có bao giờ thấy hối hận chẵng? chắc là không, vì hàng năm họ vẫn tổ chức kỷ niệm chiến công, vẫn đeo huy chương đỏ khé màu máu trên ngực! cũng may cho bọn họ là thời ấy chưa có thuật ngữ “khủng bố” và nhân loại không quan tâm đến chuyện khủng bố như bây giờ.) Ngoại tưởng chừng như suy sụp nhưng rồi công việc làm ăn lại bận bịu, thời gian dần dần xoa

dịu nổi đau cho đến một ngày kia, khi mà quốc gia sụm bà chè! Lần này thì suy sụp thật, suy sụp vĩnh viễn! Lần này không phải mỗi ngoại sập tiệm mà tất cả đều sập tiệm! Mọi người khép nép hạ mình xuống, mai danh ản tích, bôi xóa vết tích thân phận, tẩu tán chôn giấu tài sản, che đậy ăn uống... Tất cả như cơn ác mộng giữa ban ngày!

Những năm sau đó mặc dù đóng tiệm nhưng ngoại vẫn mua bán lẻ tẻ vụn vặt để mưu sinh. Bảy giờ cả nước thành một cái chợ trời không lò, cái gì cũng mua, cái gì cũng bán nhưng luôn dòm trước ngó sau. Lúc bảy giờ tôi vẫn còn là một chú bé con, rất tò mò, hay nghe lóm chuyện người lớn, thích mò vào trong kho hàng cũ của ngoại để lục lạo tìm kiếm (nhưng chẳng biết tìm cái gì mới lạ chứ!). Tôi thích thú nhìn những két bia con cọp Larue chất cao tới nóc (không biết hỏi ấy người nhà uống hay bán lẻ mà vẫn còn những cái két chứa vỏ chai như thế?), những hộp nhựa to dài cả thước dùng đựng giấy quuyến nhãn nhiệm thuyền rồng (loại giấy nổi tiếng dùng để ván thuốc lá. Nghe người lớn kể lại, những năm sau tháng tư đen ấy, mỗi cây giấy quuyến này đổi một cây vàng), những thùng giấy cạc tông (carton) dùng chứa trà Diệu Ký (một thương hiệu nổi tiếng thời ấy)... Cái kho hàng của ngoại như một góc trời cô tịch của tôi. Mỗi ngày đi học về, tôi vẫn thường chui rúc vào trong kho hàng ấy như chú bé đi tìm thế giới thần tiên trong truyện cổ tích ngày xưa.

Sau khi quốc gia sụm bà chè, ngoại tiệm quay về mua bán lật vật và làm ruộng. Ngoại cũng như những người dân miền Nam hồi trước thường gởi tiền nhà băng và mua đất, nhưng khi thống nhất thì tiền mất hết, đất đai ruộng vườn cũng mất luôn. Người ta bắt buộc phải vào hợp tác xã. Ngoại không vào, không ký bất cứ giấy tờ gì thế là người ta lấy ruộng làm của công, sau này họ có trả một vài mảnh. Tôi nghe người lớn kể lại thế chứ thật tình lúc ấy cũng chưa biết thế nào là công, tư hay hợp tác xã gì cả. Những năm tháng ấy lòng người xáo động, tâm tư bất an biết là bao. Người nào cũng lo âu, sống hôm nay nhưng không biết ngày mai ra sao. Bấy giờ phong trào vượt biên rộ lên, ngày nào cũng nghe tin có người vào Nam để đi, có kẻ xuống Nhơn Lý dùng ghe đánh cá đi, có gia đình thì đóng tiền, vàng để mua bãi, mua chỗ trên tàu... Mấy gia tộc người Hoa có lẽ lo âu cùng cực, ngoài bất an về kinh tế họ còn sợ bị kỳ thị, sợ bị trục xuất...cho nên họ là những người đầu tiên đóng vàng để được ra đi. Không biết phước phần thế nào mà họ đóng vàng bao nhiêu lần thì mất hết bấy nhiêu mà chẳng đi lọt, khi thì bị chủ ghe gạt, khi thì rò rỉ tin nên bị bắt...Trong mấy gia tộc người Hoa ở trong trấn thì phải nói tiệm Thái Xuân Đường, Lợi Sanh Đường, Tân Lợi Đường là mất vàng nhiều cho những vụ vượt biên. Sau này con cháu tiệm Thái Xuân Đường cũng có người đi lọt vì có nuôi con lai, còn Tân Lợi Đường thì cũng có người vượt biên thành công. Ngoài những người Hoa luôn tìm mọi cách để ra đi cho bằng được, thì

dân trong trấn cũng như nhà tôi có lẽ an phận thủ thường, không có mấy ai nghĩ cách vượt biên. Cũng có lần nhà ngoại tôi bàn đến chuyện đóng vàng vượt biên nhưng không dám thử vì biết chắc chín phần sẽ mất, hoặc sẽ bị bắt. Gia đình tiệm trà Diệu Ký trong thị xã vốn là bạn hàng thân với ngoại tôi, không biết họ đóng bao nhiêu vàng mà cả gia đình đều lọt xuống tàu cả. Chừng vài tháng sau thì có tin từ những người vượt biên thành công nhắn tin về: tàu chở gia đình Diệu Ký bị hải tặc giết toàn bộ, không biết vì sao mà chúng biết có giấu vàng trong mạn tàu nên phá tàu để lấy vàng. Ngoại ngậm ngùi lắm, lên chùa lễ Phật cầu siêu cho họ. Những ngày tháng kể tiếp chuyện vượt biên càng nóng bỏng hơn, tí vi ngày nào cũng đưa tin có khi bắt được tàu vượt biên, có khi đưa ra toà xử bỏ tù, có khi đưa tin những người vượt biên đói khát ăn cả thịt người chết trên tàu... Rồi những tin nhắn từ các trại tị nạn ở Thái, Mã Lai, Indo... báo về cho biết bao nhiêu thảm nạn trên biển: bão tố, hết dầu, hết nước, hải tặc hãm hiếp, giết chóc... nhưng những cái tin ấy chẳng đủ sức làm người ta phải chùn bước. Cả nước lên cơn sốt vượt biên!

Về phần tôi, sau khi thi chuyển cấp đạt điểm tối đa môn văn. Tôi lên trường quận học, cả một cung trời mới đối với tôi. Bây giờ thầy cô, cảnh trường rất khác với trường Bồ Đề mà tôi đã trải qua. Sự đòi hỏi khi lại hết sức éo le, ngày còn hậu đậu học hành lẹt đẹt thì nghe lời ba, tin Phật ngoài giờ học còn theo ba lên chùa hoặc tụng kinh, lễ Phật. Giờ có chút khá

lên thì bắt đầu chống đối, báng bổ! một phần cũng bị ảnh hưởng bởi nhà trường nhồi nhét những tư tưởng như: “Tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ quần chúng” hoặc giả như: ”Ông Bụt có đức mà không có tài nên cũng là vô dụng”, hoặc như:”Đi tu là lười biếng, trốn đời, ăn bám xã hội”...Tôi bắt đầu mĩa mai các vị đi tu, cho là họ chán đời, yếm thế. Tôi không đi chùa nữa, không nghe lời ba nữa, bỏ tụng kinh niệm Phật...Có lần tôi nói với ba:

- Ba lạ Phật chi vậy? đó chỉ là tượng gỗ, xi măng thôi mà!

Ba tôi rất buồn và đau lòng nhưng cố giải thích:

- Tượng bằng gỗ, xi măng... nhưng là biểu tượng cho trí huệ, từ bi của Phật. Mình xa Phật lâu rồi, nên lấy biểu tượng để tôn thờ, để tự nhắc nhở sách tấn mình vậy!

Nhưng tôi nào có nghe, lại còn đem mấy cái lý luận từ nhà trường ra cãi lý:

- Ông Phật đâu có ích gì cho đời! mình phải đấu tranh để chống lại cái mê tín dị đoan, vật chất quyết định ý thức kia mà! nếu không có vật chất thì liệu có Phật, có chùa được không?

Ba tôi bảo:

Đạo Phật ra đời đã hai mươi lăm thế kỷ rồi, đạo Phật rất khoa học, không có gì mê tín cả. Khi mà khoa học chưa có, đức Phật đã quán và biết trong bát nước có vô số vi trùng.

Tôi lại cứng cổ:

- Phải đi lao động mà kiếm miếng ăn, sao cứ ngồi đó tu rồi đợi người ta đem gạo đến tức là ăn bám.

Ba tôi vẫn nhẫn nại:

- Các vị sư ấy không xem nặng chuyện uống ăn hay vật chất đâu! Người đem gạo lên chùa ấy là họ tạo phước cho chính họ đấy.

Từ đó tôi và ba tôi có một khoảng cách mơ hồ, ít khi nào ba tôi nói chuyện đạo hay Phật pháp nữa. Tôi thì vẫn khăng khăng, ngựa non háu đá, có dịp là lại công kích:

- Tôn giáo, thật ra cũng có hại, vì có tôn giáo mà nhân loại lại có thêm chiến tranh, đó là chiến tranh tôn giáo. Ai cũng nhân danh này nọ mà lại lao vào chém giết nhau, nếu không có tôn giáo thì cũng không có chiến tranh tôn giáo, vậy có phải đỡ hơn không!

Ba tôi khẳng định:

- Đạo Phật từ khi ra đời đến nay chưa hề đánh hay gây chiến với ai cả!

Tôi lý sự:

- Mình người Việt, thờ ông bà được rồi cơ sao thờ ông Phật người Ấn Độ?

Ba tôi giải thích:

- Cái thân sinh ở Ấn Độ chỉ là hoá thân, Ngài thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa rồi. Ngoài hoá thân ra còn có pháp thân và báo thân nữa, thật tướng Phật có khắp nơi!

Không biết tánh cứng đầu của tuổi trẻ bị nhiễm sự giáo dục vô thần hay cái bất thiện nghiệp được sự hỗ trợ của tà ma mà tự nhiên tôi quay qua chống báng đạo Phật như thế. Mặc dù trước kia rất ngoan ngoãn tin theo Phật, mặc dù sinh ra và lớn lên trong một

gia đình Phật tử thuần thành và ít ra cũng đã có sự cảm ứng gia trì mà từ đứa trẻ hậu đậu đã dần học khá lên, ấy vậy mà giờ bài bác Phật giáo cho là lạc hậu, mê tín dị đoan. Trong giai đoạn này tôi đã làm phiền lòng ba tôi rất nhiều, những lời nói mê muội ấy làm cho ba đau lòng lắm. Có những bữa cơm trong gia đình tôi lại nói những lời ngu ngốc như:

- Ông Phật có năng lực và trí tuệ siêu phàm, sao không cứu giúp người đau khổ trên thế gian này? hàng triệu người bệnh tật, đói khát, tù đày hoặc sống lây lất...

Ba tôi giải thích:

Đúng là hàng triệu người đau khổ, đó là cái quả đã thành. Phật có trí huệ, từ bi nhưng ngài không thể gánh vác những cái quả của người khác gây ra. Phật chỉ có thể chỉ đường cho người ta đi, chỉ phương cách cho người ta thoát khổ thôi! Phật không thể đi giúp người khác. Giả sử con muốn lên Sài Gòn thì con phải đi, nếu Phật đi thì Phật tới chứ con không thể tới nơi. Phật chỉ dạy con đường thoát khổ, giải thoát...mọi người muốn hết khổ, muốn giải thoát thì phải theo chỉ dẫn mà làm. Ai bị bệnh thì người đó phải uống thuốc mới hết bệnh. Ai bị đói thì người đó phải ăn mới hết đói. Phật không thể làm thay cho mọi người được!

Tôi vẫn bướng bỉnh:

- Vậy sao trên chánh điện vẫn thường ghi đại hùng, đại lực... ?

- Ấy là lời tán thán trí huệ của ngài cũng như giáo pháp sáng suốt của ngài đã chỉ dạy vậy!

Ba giải nghĩa theo cách nhìn nhận của ba. Tôi lại lý sự:

- Sao người ta lên chùa lạy cầu xin phù hộ, cúng sao giải hạn hoặc cầu an cho khoẻ mạnh, gia đạo thuận hoà, hoặc dâng sớ...?

Ba nói:

- Ấy là những tín ngưỡng dân gian và những sự thêm thoát của Phật giáo Trung Hoa! Giáo pháp của đức bổn sư không có những điều này. Trong kinh ngài cũng nói rõ: "Chúng sanh là những chủ nhân của nghiệp, kẻ thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng là quyến thuộc ủa vạn loài. Chính nghiệp phân chia sự dị biệt cao thấp trong đời...". Mình làm nghiệp thiện thì thọ quả báo thiện, làm nghiệp ác thì nhận lãnh quả báo ác. Không có ai có thể làm cho người khác thăng hay đọa cả. Phật cũng không có khả năng ban phước hay giáng họa cho ai cả. Phật chỉ là ông thầy dẫn đạo chỉ đường mà thôi, bởi vậy mới có câu: "Thiên nhơn chi đạo sư".

Má tôi chắc cũng phiền lòng không ít, bà nhẹ nhàng nói:

- Ngày trước vẫn ngoan lắm, đi chùa tụng kinh... sao bây giờ tự nhiên trở chứng vậy?". Nếu con không tin thì thôi, đừng có nói linh tinh mà mang tội!

Ba lại bảo:

- Không sao, cứ để cho nó nói hết ý của nó.

Tôi thấy bữa cơm hình như mất vui vì mình nên thôi không nói gì thêm, vả lại tôi cũng cạn hết ý để nói. Những lý lẽ của tôi đều bị ba hóa giải hết nhưng

tôi đâu có chịu thua, người ta bảo: ”ê con ngựa sừng” là vậy. Thật tình nói thì nói vậy, làm ra vẻ chống báng chứ trong thâm tâm tôi vẫn còn tin và vẫn hướng về đạo Phật. Sau này lớn lên rồi có vợ, có con. Đứa con cũng luôn nói ngược và làm ngược lại mình thì tôi càng hiểu rõ hơn: Đó cũng là một đặc tính của tuổi trẻ, luôn chống lại cái lẽ thói cũ, muốn nổi loạn, muốn nói ngược và làm ngược lối thông thường.

Có một hôm má bảo tôi:

- Rằm tháng này chở má lên chùa lễ Phật.

Ngày rằm đến, tôi chở má lên chùa Khánh Lâm, tục gọi chùa Bà Lương. Chùa cách trấn chừng ba cây số về hướng Tây, trước mặt là cánh đồng lúa xanh mát mát, bên hữu là gò Đu (dân quanh vùng thường kể: Cái gò hoang này rộng mênh mông và nhiều ma lắm, những lúc chạng vạng hay bình minh, ma hay đánh đu tòng teng trên mấy cây cổ thụ ở đây nên gọi là gò Đu). Trụ trì là thầy Ký (Tôi không nhớ pháp danh hay tên thật của thầy, chỉ biết mọi người vẫn gọi vậy thôi), một vị sư già khả kính. Thầy luôn luôn mỉm cười và rất đôn hậu, suốt mấy mươi năm ở chùa thầy chưa hề yêu cầu ai một điều gì. Thầy giữ giới nghiêm ngặt, bữa nào lỡ việc mà quá nợ là thầy không ăn luôn. Chùa vốn nghèo, đàn na tín thí cũng nghèo. Ngày rằm hoặc mừng một mới dâng cúng nải chuối, đĩa trái cây hay năm ba ký gạo... ấy vậy mà thầy vô cùng hoan hỷ, chưa từng nghe thầy nói gì về cái nghèo hay than van một lời gì! Dân các tổng Long, An, Thành, Hội... có thói quen thường mua

sẵn quan tài phòng khi hữu sự nhưng lại sợ không dám để ở nhà. Họ bèn đem lên chùa gói. Thầy từ bi bao nhiêu cũng nhận, vì thế trong chùa lúc nào cũng có mấy mươi cỗ quan tài, cái thì để mộc không sơn gì, cái thì màu vàng nhạt, cái thì đỏ lòm... Quan tài chất tới nóc, chật cả lối đi, chỗ nào cũng thấy quan tài. Nhiều người hỏi thầy không sợ sao? thầy cười:

- Có gì mà sợ? giờ nằm bên ngoài chứ mai kia cũng phải chui vào nằm trong ấy!

Cả nhóm Phật tử cười nắc nẻ:

- Ông thầy vui tánh quá!

Có người lại hỏi:

- Nghe đồn, đêm trước mà quan tài của nhà nào có tiếng động thì hôm sau nhà ấy sẽ có người chết, phải vậy không thầy?

Thầy cười mỉm:

- Đừng nói bá xàm! Ai hồng tin thì cứ lên chùa ngủ lại vài đêm thì biết thôi.

Nghe thầy nói thế mọi người lắc đầu, hồng ai dám ngủ lại chùa với mấy mươi cái quan tài cả! lúc ấy má lể Phật xong, rồi xin xăm. Má cầm cái thẻ tre xuống nhờ thầy giải nghĩa cho. Tôi thấy bực mình, giọng hơi xẵng:

- Xin xăm, bói toán là mê tín!

Thầy ngoác tôi lại, giọng từ tốn:

- Thầy biết, nhưng khi xưa các tổ làm vậy là phương tiện để dẫn dụ người, để độ người. Giờ thành nếp ăn sâu vào lòng rồi, rất khó để bỏ! và lại làm thế vừa dùng lời thích hợp để tạo sự an tâm cho các bà, các cô.

Tôi dạ rồi bỏ ra ngoài sân đi loanh quanh, chợt thấy cột cờ nằm chổng chơ, bình thường vẫn dựng giữa sân, lá cờ năm màu bay phất phới giữa đồng lúa xanh trông đẹp lắm. Tôi thắc mắc không biết tại sao, một lát sau vào hỏi thầy thì thầy bảo: “Hôm nọ mấy người trên uỷ ban xã xuống ra lệnh phải tháo lá cờ Phật giáo xuống và phải treo lá cờ mà họ muốn”. Thầy một mình không thể chống lại cường quyền, đành phải tuân theo nhưng thầy lại rất thông tuệ và quyền biến. Sau khi hạ cột cờ xuống, tháo lá cờ Phật giáo cất vào tủ nhưng không cho dựng cột cờ lên, cứ để như thế! nhiều anh Phật tử trẻ vào hỏi thầy xin phép dựng lên nhưng thầy bảo cứ để yên vậy. Ban đầu tôi và mọi người cứ hoài nghi, không hiểu tại sao ông thầy không cho dựng cột cờ lên, mãi sau này bọn tôi ngộ ra:

- Ông thầy thật hiền nhưng cũng thâm thúy dễ sợ!

Không dựng cột cờ lên để khỏi phải treo cái lá cờ không thích hợp ở sân chùa. Ngày tháng qua nhanh, thầy càng ngày càng già, lưng hơi còng xuống, lông mày trắng xóa và dài rớt che cả mắt. Tôi nhìn thầy thấy sao mà giống hình ảnh mấy ông hòa thượng trong phim Thiếu Lâm của Hồng Kông quá. Có điều mấy ông hòa thượng trong phim sân si dữ tợn, đánh đấm tùm lum; đôi khi chỉ vì cái áo cà sa hay một bảo vật chi đó mà tranh đấu dậy sóng với giang hồ. Còn ông thầy ở chùa này hiền như ông tiên, chẳng làm phiền ai bao giờ. Có lẽ thầy nhận thấy thời gian ở đời gần hết nên thầy muốn người xây cái tháp bên mé phải vườn chùa. Vườn chùa có gần mười cái

tháp của các tổ rất to, cái tháp của thầy thì nhỏ bé cao chừng bằng chiều cao của người lớn, hình lục lăng bằng gạch, rất đơn sơ, không có bất cứ hoa văn hoạ tiết gì cả, nếu người thường đi chùa hay thường thấy tháp tổ ở các chùa thì mới biết cái tháp của thầy quá nhỏ và giản dị đến nao lòng. Lúc ấy tôi vẫn thích lý sự, sau khi trở về từ chùa tôi hỏi ba:

- Cái thân tứ đại vốn giả hợp, sau khi chết thì nó trở về với đất, nước, gió, lửa sao còn xây tháp chi?

Ba tôi vận dụng kiến thức:

- Năm xưa Thế Tôn tịch, người ta trà tỳ. Các Tổ bên Ấn Độ cũng thiêu xác sau khi chết, nhưng khi Phật giáo truyền đến Trung hoa, kết hợp với phong tục Trung Hoa nên mới xây lăng, xây tháp. Tuy nhiên việc xây tháp trong đạo Phật lại có ý nghĩa khác. Những cái tháp ấy như là tín vật, như là dấu ấn truyền thừa, như là vết tích tổ để đời sau tưởng nhớ mà noi theo.

Ngày thầy Ký tịch, người trong trấn và các tổng quanh vùng vô cùng tiếc thương. Họ kéo nhau đến chùa lễ thầy lần cuối. Họ viếng thầy với tâm thành chân thật không cần ai hô hào hay bắt buộc, không cần cờ xí, khẩu hiệu đao to búa lớn, không cần diễn văn lòng thòng đầy sáo ngữ giả tạo. Mọi người đến tiễn thầy, cầu nguyện cho thầy sanh về cõi Phật. Xác thân thì nhập tháp ở lại vườn chùa. Tên thầy Ký có lẽ là ngày xưa thầy xuất thân làm ký lục, hoặc giả cách gọi thân mật thường gọi cũng giống như dân ở đây vẫn thường kiêng gọi tên thật là chỉ gọi thứ, ví như: Ông Bảy, bà Ba, cô Hai, chú Tư...Thầy Ký

tịch rồi, chùa tạm vắng một thời gian sau đó người ta bỏ thầy mới về. Thầy mới không được lòng dân cho mấy, chỉ chừng năm sau thầy mới cho phá ngôi cổ tự để xây mới. Chùa Khánh Lâm do tổ Toàn Tín khai sơn dưới triều Tây Sơn, tuy qua nhiều lần trùng tu nhưng vẫn giữ được nét cổ kính. Tôi nhớ nhất là những con cá hoá long ở các đầu máng xối, mỗi khi trời mưa, nước từ miệng cá tuôn ra trắng xoá như cả một trời cổ tích. Ngôi chánh điện, hành lang Đông-Tây và nhà bếp nối liền nhau, ở giữa là giếng trời có cây ngọc lan thơm ngát...Giờ thầy mới phá huỷ đi, tôi và gia đình cũng như những Phật tử lâu năm của chùa thấy hụt hẫng vô cùng, tất cả cùng tiếc cho ngôi chùa bao nhiêu năm nay gắn bó. Thậm chí hai cây mai cổ thụ cũng bị thầy mới bán cho bọn thương lái để lấy tiền xây chùa mới. Chùa cũ gần gũi, gần bó thân thương bao nhiêu thì ngôi chùa mới trông xa lạ, kệch cỡm bấy nhiêu. Bao nhiêu lân, nghê, hoa văn ốp bằng mảnh sành sứ giờ hoá ra bê tông, cốt thép, sơn phết loè loẹt. Các con cá hoá long đập bể nằm lăn lóc trong xà bần...Cả một trời cổ tích sụp đổ, sụp đổ hoàn toàn, đâu biết vô thường là thế nhưng sự đập đổ làm mới một cách vô lý và vô minh như thế này thì đau quá!

Quanh trấn Phù Dung có khá nhiều chùa, tất cả đều theo truyền thống Bắc Tông như Chùa Khánh Lâm, chùa Diêu Phong, chùa Dương Sơn, chùa Hưng Khánh... và hai ngôi tịnh xá: Ngọc Long, Ngọc Sơn. Tịnh xá thì theo hệ khất sĩ nhưng ở Tịnh xá Ngọc Long lại dựng điện thờ tượng bồ tát Quán Thế

Âm và Tịnh xá Ngọc Sơn dựng tượng Phật A Di Đà và tổ chức pháp hội A Di Đà. Nếu nhìn ở góc độ nào đấy thì hai tịnh xá đã thay đổi làm biến chất và tôn chỉ của hệ phái Khất sĩ, nhưng ở khía cạnh khác thì có thể coi là quyền biến cho phù hợp với căn cơ và tâm lý của cư dân địa phương. Ngày trước tịnh xá chỉ thờ mỗi tượng đức bổn sư và tụng kinh theo hệ phái Nam Tông, giờ thì dung nạp cả những tôn tượng và cách hành trì của hệ phái Bắc Tông. Không biết những địa phương khác thế nào chứ ở đây quả là có sự thay đổi, có sự khác biệt.

Phật tử quanh trấn vẫn thường bảo nhau: “Các sư ở chùa Hưng Khánh công phu thâm hậu, giữ gìn oai ghi giới luật nghiêm khắc nhất”, không biết có phải vì thế mà người ta cho là các sư khó tánh chăng? Ít ai dám đùa giỡn, nói xàm khi đến chùa hay tiếp xúc với các sư của chùa Hưng Khánh. Ba tôi thì lại rất hâm mộ các sư ấy.

- Thời buổi nhiều nhượng, nhiều vị buông lỏng thanh quy giới luật nhưng các sư chùa Hưng Khánh thì ngược lại, luôn luôn giữ giới nghiêm ngặt, công phu đầy đủ không giải đãi, tinh tấn tu học...

Dòng đời vẫn đều đều trôi qua, thế gian vốn vô thường, sự sanh diệt biến đổi trong từng sát na. Mọi người đến thế gian này vì bốn giềng mối: báo ân - báo oán, đòi nợ - trả nợ, thân thì sanh trong một gia đình, dòng tộc; sơ thì làm bạn bè, đồng tham đạo hữu... Thăng Hiếu sanh làm em trong nhà tôi, chúng tôi sống yêu thương nhau, nhiều khi cũng có gấu ó cựa cãi nhau, sướng khổ chia sẻ với nhau được mười

tám năm. Một năm nọ vào mùng sáu tết, nó đi chơi với bạn bè trong lớp, thế rồi bị tai nạn xe và từ đó đi luôn. Ngoại, ba, má, cậu, Dì, anh, em... đau đến đứt ruột gan. Mười tám tuổi, cái tuổi thanh niên phơi phới tương lai. Thằng Hiếu thông minh học giỏi lại biết chơi đàn, đánh trống, biết võ và rất đẹp trai, phải nói là đẹp trai nhất trấn này, mới học lớp mười một mà đã có nhiều cô bé mếm mộ viết thư nhét vào khe cửa. Thằng Hiếu là niềm hy vọng của cả nhà! Ấy vậy mà một lần đi chơi rồi ra đi vĩnh viễn! Má tôi chết đi sống lại, ba thì thờ thẫn không biết gì nữa... nhưng người chết vẫn chết, không sao sống lại được; ruột gan tan nát nhưng tử biệt sinh ly thế nào thì vẫn phải biệt ly như thế thôi! bảy tuần thất ba tôi thỉnh mấy thầy ở chùa Hưng Khánh lập đàn cầu siêu cho em tôi. Tôi không nhớ rõ mỗi lần lập đàn bao nhiêu vị sư nhưng thường thường khoảng mười người. Sư trụ trì Hưng Khánh ngồi trên bàn tay bắt ấn, niệm chú. Sư khoác cà sa và đội mũ giống hình tượng ngài Địa Tạng lắm, trông oai nghiêm người ngoài nhìn vào sanh lòng kính phục. Các sư khác ngồi ghé thấp trợ chú, có khi đi vòng quanh bàn. Có lần sau buổi lễ tôi nghe các sư bảo nhau:

- Hoà thượng thật thâm hậu cứng cõi, nếu yếu một chút là bị lật xuống bàn rồi!

Tôi nghe nhưng ý nghĩa thế nào thì không hiểu lắm nên hỏi ba, ba nói:

- Hoà thượng công phu thâm hậu, giới đức trong sạch, đạo hạnh dày... mới khuất phục được các

vong, nếu người không đủ công phu giới đức sẽ bị ngã nhào xuống đất.

Nghe thế tôi cũng ngẩn ngơ chứ không thật sự tin hay hiểu thấu đáo. Tôi vẫn thường nghe ngoài loài người và sinh vật còn có các loại chúng sanh mà mắt thường mình không thể thấy hay biết. Ngoài thế giới hiện hữu còn có vô số thế giới mà mình không có năng lực để nhận biết. Sau bảy tuần thất, tôi cũng như mọi người trong nhà hy vọng em tôi sẽ thác sanh về cõi an lành, hy vọng là vậy chứ làm sao biết chắc được. Tôi tìm hiểu thì các tài liệu của Phật giáo Nam Tông và Nguyên Thủy thì không cho rằng có thân trung ấm, một khi chết thì lập tức thần thức sẽ tìm cảnh giới thích hợp với cái nghiệp khi còn sống để tái sanh. Phật giáo Bắc Tông, Mật Tông thì cho rằng có thân trung ấm và thời gian tối đa trước khi tái sanh là bốn mươi chín ngày. Dù cho thế nào đi nữa thì gia đình tôi cũng cúng thất đủ bảy tuần cho em tôi, dù thế nào thì điều ấy cũng đủ an ủi người sống là mình đã làm hết lòng với người thân rồi! Duy trong lòng tôi vẫn có chút canh cánh vì tôi đọc sách thấy nói: chết vì tai nạn cũng là một trong các hoạn tử! tôi có nói với ba nhưng ba tôi an ủi:

- Thăng Hiếu mới mười tám tuổi, từ nhỏ giờ chỉ ăn học, không làm việc gì xấu cũng chẳng sát sanh, trộm cắp, rượu chè, trai gái, hay dối trá. và lại sanh trong gia đình Phật tử, lại được các sư chùa Hưng Khánh cầu siêu cho... thì hy vọng sẽ sanh về cảnh giới an lành!

Nghe ba nói thế tôi cũng phần nào an tâm.

Hôm thăng Hiếu bị nạn, bạn bè nó đưa vào nhà thương quận gần đó nằm từ hai giờ chiều đến tối tình trạng càng nặng hơn, hôn mê và co giật dữ dội. Gia đình xin chuyển về nhà thương tỉnh nhưng họ không cho chuyển và họ cũng chẳng làm gì để cứu chữa. Ông bác sĩ có trách nhiệm ở đó thì đã sẵn sẵn nòng nặc mùi rượu. Người nhà đành liều, một vài người ôm chặt ông ta, còn lại thì tự mượn xe chuyển thăng Hiếu đi. Tôi ở nhà, không ai cho tôi vào nhà thương tỉnh cả; có lẽ vừa trông chừng má với lại họ cũng biết tách tôi dễ bị kích động khi chứng kiến những cảnh trạng căng thẳng. Họ hàng và lối xóm kéo đến an ủi. Con Lài bạn tôi bảo:

- Cậu lập cái bàn ngoài trời thấp đèn, đốt nhang cầu Bồ Tát linh cảm cứu khổ cứu nạn. Cầu xong thì hú ba hôn chín vía thăng Hiếu về!

Tôi làm theo như cái máy chứ biết gì hơn, trong lúc cầu tôi còn khẩn nguyện xin chết thay cho thăng Hiếu. Có lẽ số mệnh đến đó là hết nên lời cầu không linh ứng. Hoặc giả mệnh ai nấy chịu, có thương nhau ra rít cũng đành thôi, không thể nào chịu thay cho nhau được; nếu mà chịu thế cho nhau được thì chư Phật và Bồ Tát đã gánh nghiệp giúp cho hết thảy chúng sanh rồi! Năm xưa khi vua Tỳ Lưu Ly bách hại cả dòng họ Thích Ca mà Thế Tôn cũng đâu có cứu được, quả đã chín mùi thì chịu thôi, nghiệp ai thì người đó gánh lấy vậy! Ở đời ai ai cũng có ông bà, cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, bạn bè... Thương yêu, gắn bó với nhau dù sâu đậm cỡ nào đi nữa nhưng một khi hết số, trở quả thì nghiệp ai nấy gánh

thôi. Giả sử có cơ duyên đặc biệt nào đấy mà “biết” được người thân của mình đang chịu nghiệp thế nào thì cũng đành chịu chứ làm sao giúp đỡ cho nhau được! Khi sống, mỗi người tạo nghiệp nhân khác nhau, khi chết thì kẻ đi xuống người đi lên, vì thế mà nhà Phật vẫn bảo: “Độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai” là vậy. Tôi chợt nhớ năm xưa Thế Tôn cũng từng dạy một người Bà La Môn: Đá thì chìm dù có cầu nguyện thế nào đi nữa cũng không thể nổi lên, dầu thì nổi dù có nguyện rửa cũng không chìm được. Một khi quả đã chín mùi thì không có cách nào thay đổi được nữa. Người thân mình chết, ai mà không đau đớn, ai mà dễ dàng chấp nhận được cái sự thật biệt ly này? dù chấp nhận hay không chấp nhận thì biệt ly vẫn cứ hiện diện thế thôi! Thời đức Phật còn tại thế, có người đàn bà điên dại vì đứa con của bà ta chết. Bà ta ôm đứa bé đến gặp Phật và xin Phật cứu sống thằng bé lại. Phật bèn bảo bà ta: Hãy đi vào thành xin một nắm hạt cải ở một nhà nào mà chưa từng có người chết! Bà ta đi khắp thành nhưng không có nhà nào mà không có người chết cả. Từ đấy bà tự ngộ ra và phải chấp nhận cái đau thương của cuộc đời này. Đời là bể khổ mà, ba khổ, tám khổ, tám vạn bốn ngàn khổ, vô lượng khổ... Mỗi nhà mỗi cảnh, mỗi người mỗi kiểu, mỗi số phận lại có cái khổ riêng. Cuộc đời vốn muôn hình vạn trạng, nhiều bất công, tất cả đều tạm bợ vô thường nhưng chỉ có cái chết là chắc chắn nhất, là công bằng nhất. Ai rồi cũng phải chết: già - trẻ, nam - nữ, giàu - nghèo, sang - hèn, trí - ngu... Chết là chắc chắn, là

bình đẳng, dù thế nào cũng phải chết, chết thế nào (tuỳ phước phần của mỗi người) thì cũng phải chết thế ấy!

Thằng Hiếu chết rồi! tôi gọi báo tin cho Dì, Dì cũng sững sờ không tin nổi ở tai mình. Dì vội vàng về quê để cùng chia sẻ nỗi đau với đại gia đình. Ngày đưa thằng Hiếu ra nghĩa trang buồn thảm vô cùng. Lúc bấy giờ thầy Ký còn sống, dù rằng đã già yếu lắm rồi. Gia đình nhờ người đi thỉnh thầy tụng kinh lần cuối cho thằng Hiếu! Thầy già yếu quá nên phải có một người chõ, một người ngồi ôm thầy. Tại huyết mộ thầy đọc kinh gì đấy; lúc ấy ba, má, anh, tôi chẳng ai còn tâm trí nữa, tất cả cứ làm theo những gì thầy hay bất cứ ai bảo. Có lẽ thầy tụng kinh cầu siêu và niệm chú trước khi hạ huyết. Má cứ tỉnh rồi mê nên tôi phải luôn luôn ở một bên để đỡ. Những ngày sau đó thì chiều chiều ba ra mộ đốt đồng trầu cho âm hương hồn người chết, sau ba ngày thì đem một con gà trống tới trước ngôi mộ khấn gì đấy rồi thả nó đi.(tục lệ địa phương gọi là mở cửa mả) Thời gian vẫn vô tình lướt qua nhanh, nỗi đau cũng dần nguôi ngoai, cuộc sống mưu sinh và bao nhiêu chuyện của đời như những lớp sóng trào, lớp sau xoá mờ lớp trước. Ba tôi thì ngay sau đám tang thằng Hiếu thì phát nguyện ăn chay trường, đôi khi ba cũng tỏ ý muốn xuất gia nhưng lúc ấy má, tôi và những người thân đều cản lại:

- Xuất gia không phải dễ, ông tu tại gia được rồi, con cái gia đình thế này bỏ đi thì ai chăm sóc đây?

Những người họ hàng khác thì nói:

- Tu tại gia cũng được, ông bà vẫn thường bảo:

“Thứ nhất thì tu tại gia

Thứ nhì tu chợ thứ ba tu chùa”

Những ràng buộc của gia đình, những cản trở của thân nhân và cái quan trọng là duyên chưa chín mùi, cái bản lĩnh chưa có nên rồi mọi việc cũng dần trôi vào quên lãng. Ba vẫn là cư sĩ tu tại gia nhưng ba rất siêng năng tinh tấn, ngày nào cũng công phu: sáng, trưa, chiều, tối. Nhiều lúc thấy ba gầy yếu và thường đau nhức nên má cảm râm:

- Ông giảm bớt thời gian công phu chứ cứ ráng quá nó đau chịu sao nổi, hoặc giả nó làm cho bệnh nặng hơn thì khổ.

Mặc cho má và nhiều người khuyên can nhưng ba vẫn giữ nguyên lịch công phu của mình. Có lần ba bệnh phải vào nhà thương, bác sĩ khuyên:

Bác nên giảm bớt ăn chay, có thể ăn thịt cá vài ngày trong tuần. Vì bác ăn chay trường nên thiếu dinh dưỡng và cơ thể suy nhược quá!

Ba nhất định không thay đổi ý kiến:

- Thân tứ đại này trước sau gì cũng phải trở về với đất, hà có gì lấy mạng sống kẻ khác bồi bổ cho thân mình.

Thời gian như cơn lốc vô hình, nó cuốn đi tất cả và xoá mờ dần những dĩ vãng cũ, nó mang lại một diện mạo mới để rồi nó lại lôi đi. Tôi vào giảng đường Văn Khoa của ngày xưa, bây giờ người ta gọi là trường đại học Tổng Hợp. Ông giáo sư văn chương của Sài Gòn ngày trước còn sót lại (cũng tên Chương) vẫn thường mỉa mai:

- Đại học chứ có phải cái chợ hay cửa hàng bách hoá đâu mà tổng hợp?

Những khi báo chí nhắc đến hội nhà văn thường tổ chức trại sáng tác thì ông cười

- Sáng tác là cái ý chủ quan trong đầu, trong tâm của cá nhân; có phải chăn nuôi heo đâu mà lập trại?

Giáo sư Trần Văn Chương đến trường bằng xe hơi đời cũ, hình dáng giống những chiếc taxi thường đậu quanh dinh ông Hui Bon Hoa. Ông ăn mặc rất chỉnh tề, giày da bóng lộng, đeo cà vạt, quần áo bảnh bao nên trông ông khác hẳn với mấy ông giáo từ phe thắng trận. Tiêu biểu như ông Hồng dạy sử, quần áo lôi thôi lếch thếch, dép lê lệt quệt, giảng bài thì không cần phải nói nữa... cứ như khuôn đúc sẵn, tuyên truyền sặc mùi. Rất nhiều vị là giáo sư, giảng sư nhưng chẳng có chút chi để sinh viên kính trọng. Có rất nhiều vị giáo sư vốn là học sinh miền Nam đi tập kết, giờ về dạy, trong số ấy có thầy Phan Nam là đáng trọng nhất. Thầy Nam du học ở Liên Xô, về trường dạy tiếng Nga. Sinh viên dù chẳng muốn học nhưng thầy cũng hết lòng dạy, nhiệt tình dạy, vui vẻ dạy. Thầy cũng nhận thấy rõ ràng là chẳng có sinh viên nào thực sự chịu học tiếng Nga. Thầy khuyên:

- Chính trị là một chuyện, học thuật là một chuyện khác. Chính trị thì thay đổi nay thế này mai thế nọ nhưng học thuật thì vẫn thế!

Tất nhiên chẳng có ai mở lời phản biện, lời thầy tuy dụng ý tốt, muốn khuyên sinh viên học tiếng Nga nhưng lời thầy vẫn có chỗ không ổn. Chính trị thay đổi, xu phụ chính trị, bắt sinh viên học tiếng Nga

trong khi họ không muốn học. Học tiếng Nga để làm gì cơ chứ? Sao không để sinh tự chọn ngoại ngữ mà họ thích? Sao không dạy tiếng Anh, trong khi tiếng Anh vô cùng cần thiết. Không có tiếng Anh thì làm sao mà phát triển được? Tiếng Anh là ngôn ngữ phổ biến khắp thế giới này kia mà! Khoa học kỹ thuật, kinh tế, thương mại, văn hóa... đều cần đến tiếng Anh. Bắt buộc sinh viên học tiếng Nga ấy cũng chính là duy ý chí, là vì mục đích chính trị quá thiển cận.

Tôi còn nhớ có lần ông giáo sư Trần Thanh Đạm giảng:

- Kinh là lời của Phật, kệ là lời của sư.

Cả lớp im thin thít, không ai có ý kiến gì cả; mà không riêng gì việc này, hầu như tất cả sinh viên học sinh ở xứ mình chỉ biết cắm cúi nghe, ghi lại và trả bài... Chẳng có ai có ý kiến khác hay dám phản bác những cái sai. Giáo viên lên lớp thì tha hồ nói hươu nói vượn, những môn khoa học tự nhiên thì không có gì phải bàn cãi nhưng những môn khoa học xã hội thì cứ rập theo khuôn phép định sẵn. Không ai dám nói khác đi, suốt bốn năm đại học thật sự tôi chẳng học được gì, những kiến thức tôi có được hoàn toàn nhờ tự học, tự đọc. Giảng đường chỉ nói đến những tác phẩm và tác giả của phe thắng trận, còn cả một nền văn học tiền chiến, Miền Nam thì không được nhắc đến. Thậm chí có lần có một giáo viên vẫn ở ngoài Bắc tham dự cuộc thi dạy giỏi đã trả lời câu hỏi của ban giám khảo như thế này:

- Xin anh(chị) cho biết Tự Lực Văn Đoàn là ai?

Vị giáo viên ấy nói:

- Hình như là tên của một đoàn cải lương ở miền Nam?

Giáo viên mà còn thế này thì dạy dỗ ai? dạy dỗ cái gì đây?

Ngoài những môn học chuyên môn, bọn chúng tôi còn buộc phải học những môn thô tả chẳng biết để làm gì, càng học càng ngu, càng mù mịt; nhưng không học thì không thể ra trường. Vì vậy phần lớn bọn chúng tôi chỉ học mang tính đối phó, trung bình chủ nghĩa, học sao đủ điểm ra trường là được rồi! Lớp tôi, khóa tôi người ta buộc phải học tiếng Nga. Chẳng ai muốn học cả, thường bỏ tiết (nhiều khóa trước và sau cũng thế) cuối khoá nhiều đứa chạy mua bằng B tiếng Anh nộp vào sẽ miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ. Tiếng Nga học xong chẳng biết làm gì, ra trường là quên hết ráo; những chuyện lôi thôi của trường, lớp, giáo viên... thì nhiều không sao kể hết. Giờ trở lại câu nói của ông giáo sư Trần Thanh Đạm. Ông ấy người Huế, có cô con gái học chung lớp với bọn tôi. Ông giảng: “Kinh lời của Phật, kệ lời của sư” thật phiến diện và thiếu chính xác: Trong kinh vẫn thường có kệ, sau mỗi phẩm kinh vẫn có kệ để đúc kết lại để hành giả hành trì dễ nhớ. Kinh Pháp cú là những bài kệ và nhiều những bài kinh ngắn cũng là những bài kệ. Làm sao mà có thể phán: ”Kinh lời của Phật, kệ lời của sư” được cơ chứ! Có thể ông ấy chỉ đọc văn, thơ tranh đấu đầy chất “thép”, “xung phong”... mà không đọc hay tiếp nhận những dòng văn học khác và càng không đọc

qua kinh sách của Phật giáo nên mới giảng dạy như thế! Ngoài giáo sư văn ra chúng tôi còn học triết với ông Chút, Đức... học sử với Thầy Thuần, cô Hậu, cô Chi... Trong có có những vị thầy khá kính nhưng có khá nhiều những vị mà bọn sinh viên chúng tôi đặt cho cái biệt danh:” tiền sĩ gây mê” vì mỗi khi họ giảng là sinh viên chỉ...ngủ! giảng rất chán, nói thao thao mà chẳng ai biết họ nói gì, không chừng họ nói mà bản thân họ cũng chưa chắc hiểu những gì họ nói. Bốn năm đại học tốn bao nhiêu công sức, tiền của mà cái thu nhận được quá ít ỏi, thậm chí có thể nói là không có gì ngoài tấm bằng để làm cần câu cơm đi xin việc.

Không biết những người bạn khác cảm nhận thế nào chứ tôi thì thấy uổng cho bốn năm của tuổi trẻ, chẳng được gì cả! may ra còn lưu chút tình cũ với bạn bè. Trong nhiều kỷ niệm của thời sinh viên, có một kỷ niệm mà tôi nhớ mãi ấy là vào khoảng năm thứ hai. Bọn chúng tôi ở ký túc xá Thủ Đức, lúc ấy thằng Đoàn nhận được hung tin ba nó đột tử. Nó về chịu tang, cả bọn chúng tôi cùng đi. Thời đó đi lại khó khăn lắm vì xe cộ và đường xá không như bây giờ. Chúng tôi đi xe buýt về trường cơ sở một ở đường Nguyễn Văn Cừ (đối diện tổng nha cảnh sát cũ) rồi từ đó đón xe buýt về bến xe miền Tây, từ đây đón xe đò về Cao Lãnh. Cao Lãnh chín giờ đêm đã vắng hoe, không người đi lại, không xe cộ gì ráo. Chẳng biết làm sao cả, người thì bảo ngủ tạm chỗ nào đó đợi sáng đón xe đi tiếp nhưng thằng Đoàn nóng ruột quá nên cả bọn quyết định lội bộ từ ngã ba

An Hữu về Hồng Ngự luôn. Mười mấy cây số đường sinh lầy ngập ồng quyền, trời mưa lất phất...Mờ sáng cũng tới nơi. Cái mà tôi cảm nhận trước tiên là tính cách người miền Tây thật thà, bộc trực và rất thoải mái. Nhà có tang mà má thằng Đoan và mọi người vẫn ngồi trên sập uống rượu bằng chén. Cũng là chết chóc tang ma nhưng không có vẻ quá đau khổ bi lụy như quê tôi. Hôm sau đưa đám bằng xuồng đi theo sông cái chảy dọc Hồng Ngự. Huyệt đào đến đâu nước ra đến đấy, nên vừa đào vừa tát nước và khi cho quan tài xuống nhiều người phải phụ nhân chìm để lấp đất kéo không nước làm cho quan tài lại nổi lên. Lần đầu về miền Tây đã để lại một dấu ấn khó quên. Lần thứ hai về Bến Tre, tôi ngủ lại nhà thằng Thành. Một ngôi nhà xưa vô cùng to lớn, thật ra nó là cái dinh của quan lại. Nội thằng Thành làm quan, ba nó là ông tướng Hậu (chết trong trại cải tạo). Những người đi cải tạo trên ba năm hoặc chết trong trại đều được xuất cảnh diện HO nhưng không biết sao má thằng Thành không đi. Ngôi nhà to lớn nhưng tàn tạ theo tháng năm, sau khi tàn cuộc chiến thì ba nó đi cải tạo, má nó bươn chải nuôi đàn con, cái ăn còn không đủ thì việc học cũng dở dang và nhà cửa suy tàn là lẽ đương nhiên. Những ngày sống ở Bến Tre, tôi về Giồng Trôm, Mỏ Cà, Lương Quới... đi đâu cũng được mọi người triu mến, coi như con cháu trong nhà. Tôi thích đi dưới những vườn dừa, xem đĩa cá, mương nước... lang thang khắp nơi và cảm nhận nơi

này như quê hương của mình vậy. Bởi thế có nhà thơ nào đó viết (hình như là Chế Lan Viên?):

Khi ta ở, đất chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất bỗng hoá tâm hồn

Bến Tre trong tâm hồn tôi, hình ảnh quê hương hiền hoà cùng với những con người chân thật in thật sâu. Tôi mê giọng nói ngọt như nước dừa. Tôi quyến luyến không muốn rời đi.

Thằng Thành với tôi tính nét hợp nhau: Cùng đa sầu đa cảm, cùng hậu đậu, cùng không thích bon chen và cũng không có khả năng bon chen...nhiều đó đủ để hai đứa kết thân, thân hơn những người bạn trong nhóm. Người ta bảo: “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” là vậy, duy có điều khác là khi tôi có điều không như ý thì quay về học Phật, còn Thành thì chìm trong men rượu để giải sầu. Hai mươi lăm năm sau, từ hải ngoại tôi nghe Thành qua đời mà không sao về thăm được, trong lòng cũng đau lắm, không biết Thành sẽ thác sanh về đâu khi mà suốt đời chìm trong những cơn say. Tôi không dám nghĩ tới, chỉ cầu mong sao dư phước sẽ dẫn dắt thần thức Thành về một cõi an lành. Học cùng lớp tôi còn có thằng Long, ba nó cũng là lính Cộng Hoà, ba nó chết trận mất xác, mất tin tức...Những lần nghỉ hè tôi về quê nó chơi. Nó cũng chẳng khi nào nói gì về gia đình nó cả. Tôi chỉ biết nó sống từ nhỏ với ngoại. Quê nó ở Tam Quan, vùng đất có nhiều điểm khá giống Bến Tre: Dừa bạt ngàn, dừa nước, đước, bần... cũng hết như miền Tây. Tôi về đây chơi lại may mắn sao trúng những đêm có trăng. Đất trời

Tam Quan đẹp mơ màng như ảo như thực. Trăng lấp loáng xuyên qua tán lá dừa, những vườn dừa nối nhau. Tôi lang thang và nằm giữa vườn dừa ngắm trăng. Trăng Tam Quan, dừa Tam Quan...in đậm vào tâm hồn của một tay du tử trẻ và y cũng không biết rằng từ ấy và mãi mãi, mai kia có quên vì lúc lần không thì không biết, chứ nếu trí óc vẫn minh mẫn thì có lẽ sẽ không bao giờ quên. Gái Tam Quan da trắng tóc dài, người ta bảo nhờ tắm nước dừa và uống nước dừa từ khi mới tượng hình trong bụng mẹ. Người Tam Quan tự hào về vườn dừa của xứ sở:

Công đâu công uổng công thừa

Công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan

Cũng trong năm thứ hai, trường tổ chức tham quan Huế. Bọn bạn tôi, dân miền Tây có lẽ chưa bao giờ ra Trung nên phấn kích vô cùng. Họ thấy núi rừng trùng điệp, đèo dốc quanh co, bên thì biển, bên thì núi, đẹp vô cùng! Họ reo lên đẹp quá, hùng vĩ quá! Trên xe đò, cả bọn dón về phía biển để ngắm. Tài xế phải la lên: ” Dồn hết một phía, coi chừng xe nghiêng và lật đấy!”. Họ ở miền Tây chỉ toàn sông nước sinh lầy, lần đầu thấy miền Trung phong cảnh quá đẹp. Đến Huế lại thấy kinh thành, lăng tẩm, đền đài... đều rất lạ mắt và hấp dẫn quá. Tôi đến Huế đã nhiều lần nên cũng không thấy phấn kích như họ. Khi tôi đến Huế lần đầu tiên có lẽ cũng hào hứng như họ vậy, thậm chí còn hơn nữa. Tôi sờ tay lên tường thành, Ngọ môn...mà nổi cả da gà, làn sóng điện chạy xuyên suốt thân thể. Tôi cảm nhận cả một dòng lịch sử hiển hiện trước mắt tôi, nào là cảnh

công đồn, khai hoàn...trống chiêng, voi rống, ngựa hí, tiếng vọi đồng lạnh lạnh...Vào thăm thế miếu, tôi cứ mông lung hình dung cảnh tù binh nhà Tây Sơn bị đem ra làm lễ hiến phù, lòng thấy thương cảm thống thiết, vào điện thái hoà đọc bài thơ phía trên ngai vàng

Văn hiến thiên niên quốc

Xa thư vạn lý đồ

Hồng Bàng khai tịch hậu

Nam phục nhất Đường Ngu

Cái vốn Hán học chỉ còn đủ để đọc vài dòng nhỏ, ngắn thế thôi. Ngày chưa đến Huế cứ mừng tượng ngai vàng, cung điện to lớn, lộng lẫy vàng son lắm, vì cứ đọc sách và một phần bị ảnh hưởng từ phim cổ trang Hồng Kông, đến khi ra Huế và tận mắt thấy cung điện, ngai vàng như thế thì có phần hụt hẫng, sao mà nhỏ bé và đơn sơ quá, đã thế điều tàn sụp đổ gần hết, chỉ còn mỗi điện Thái Hòa và Thế Miếu. Di vật còn lại chỉ là: Cửu vị thân công và cửu đỉnh. Cả kinh thành trống rỗng, hoang vu. Ngộ môn và tường thành bao bọc lấy lau lách đìu hiu.

Đây là lần thứ hai cảm xúc mạnh như thế, còn lần đầu là khi vào Sài Gòn, đi chơi với thằng em họ. Tôi sờ vào cánh cổng dinh Tổng Thống, cũng nổi da gà và bao nhiêu cảm xúc dâng lên mãnh liệt. Đọc bao nhiêu sách rồi, giờ mới thấy hiện thực trước mắt! Trên sân thượng của dinh có một tấm biển: "Tứ phương vô sự lâu" nhưng thật sự bốn phương vẫn nhiễu nhương biết là bao!

Bốn năm qua cái vèò, tôi lại về Phù Dung trần của mình và xin làm một nhân viên quèn ở một trường đại học địa phương. Trường có tên cũng quái lạ, có lẽ không ở đâu có cái tên kỳ dị như vậy: QN Normal University. Tay hiệu trưởng là dân tập kết về, rất “máu lửa”, không biết y tự nghĩ ra cái tên này hay tay quân sư quạt mo nào đó làm thầy dùi? Trường này ngày xưa là trường sư phạm thuộc dòng Lasan nhưng sau đó bị tịch thu. (Trước 1975 là trường cao đẳng sư phạm, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng học trường này) Khi tôi làm nhân viên ở đây thì ngôi giáo đường bị lấy làm nhà tập thể cho cán bộ - công nhân viên ở. Kiến trúc của người Pháp bao giờ cũng đẹp và hữu dụng, những bức tường dày cả hai ba gang tay, cầu thang gỗ lim, phòng ốc rất nhiều lại rộng và thoáng đảng, những ngày hè thì mát rượi mà mùa đông thì lại ấm áp. Ngôi giáo đường thành nơi ở trông rất bầy hầy và ồng phí cho một công trình kiến trúc đẹp. Trường ở miền cực Nam Trung bộ nhưng toàn cán bộ ngoài kia. Họ vào và mang theo những đặc tính kèn cựa, đấu đá, tranh đoạt, tinh tướng, xắt xéo... rất dữ dội! cứ vào mỗi mùa thi đại học là người người xông xáo chạy như vịt chạy đồng. Họ gởi gắm con em, cháu chắt bắt đầu từ khâu đánh số báo danh cho đến coi thi, chấm bài... Tôi biết rất rõ có những bài từ một điểm nâng thành chín điểm. Con em cán bộ thì đậu trăm phần trăm cả. Họ còn công khai tuyên bố: Ngành Bưu Điện, Đường Sắt, Điện Lực... Ngành nào cũng ưu tiên con em thì ngành Sư Phạm cũng phải vậy! nhiều đó đủ thấy

chất lượng thế nào rồi và xã hội này, non nước này tiến về đâu rồi!

Những năm tôi làm nhân viên quèn ở ngôi trường này, mỗi mùa thi đại học cũng được cử làm giám thị. Tôi có một kỷ niệm không bao giờ quên trong những cuộc thi đại học đó. Vào một năm nọ, tôi coi thi đại học ở cụm thi tại trường đại học Q (vì số lượng thí sinh rất lớn nên trường thuê rất nhiều địa điểm để tổ chức những cụm thi khác nhau). Trong phòng tôi giám sát, tôi bắt gặp một nữ thí sinh lốt tập tài liệu dưới mông nên lấy tập ài liệu ấy. Thật xui cho em ấy và cả tôi. Tôi chỉ muốn nhắc nhở thôi nhưng không biết bà Quỳnh (chủ tịch hội đồng thi) xuất hiện từ bao giờ ở sau lưng tôi. Bà ấy buộc tôi lập biên bản đuổi em ấy ra khỏi phòng. Tôi không thể nào cưỡng lại được. Tôi rất ân hận vì sự quá đáng, quá khắc nghiệt ấy! Có thể em ấy thi chưa chắc đã đậu, nhưng đuổi em ấy ra khỏi phòng thi thì quá oan trái. Em ấy có giấu tài liệu nhưng cũng chưa sử dụng. Em ấy có sai nhưng cái sai ấy quá nhỏ so với những kẻ đang clo quyền sinh sát. Bản thân bà Quỳnh với chức danh phó phòng đào tạo, bà ấy gửi gắm con cháu xa gần vào trường, những trường hợp không phải con cháu thì có thủ tục “đầu tiên”. Hầu như cán bộ, giảng viên nào cũng có “gà” của mình. Những con “gà” này không cần biết học hành ra sao nhưng một khi đã gửi gắm thì không thể nào rớt! Tôi quen với những người cập nhật điểm vào máy điện toán, họ chỉ cho tôi thấy những trường hợp bài thi từ một điểm có thể nâng lên thành chín điểm, nói

chung là muốn mấy điểm cũng được! Những cuộc thi đại học ở trường đại học Q bát nháo vô cùng. Có lẽ cũng từ đây (và nhiều nguồn khác) mà giáo viên, cán bộ trong trường trở nên giàu sụ. Người nào cũng có vài căn nhà, xe hơi, tiền nhiều cỡ nào thì chắc không cần phải nói. Học giàu như thế trong khi lương bổng giáo chức ở Việt Nam thì bọt bèo cỡ nào ai cũng biết!

Ở trong sân trường đại học Q có một tấm bảng khổng lồ viết hai câu:

Vì lợi ích mười năm trồng cây

Vì lợi ích trăm năm trồng người

Họ chú thích là lời của ông trùm đỏ, thật ra thì nguyên văn và tác giả của nó như thế này:

Thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu. Tề Hoàn Công muốn làm nghiệp bá nên bái Quản Trọng làm thầy. Vua Tề hỏi kẻ thì Quản Trọng bảo:

Nhất niên chi kế mạc như thụ cốc

Thập niên chi kế mạc như thụ mộc

Bách niên chi kế mạc như thụ nhân

Tề Hoàn Công theo kế ấy mà làm và đã dựng nên nghiệp bá, chín lần thay mặt nhà Châu triệu tập chư hầu về phò hội Trung Nguyên.

Hai câu khẩu hiệu ấy chính là đạo văn trắng trợn, lấy hai câu cuối trong lời hiến kế của Quản Trọng. Ăn cắp chữ, trộm văn xấu đến thế mà lại còn đem khoe khắp nơi kể cũng kỳ. Trí thức cũng nhiều, người đọc sách cũng không ít thế mà chẳng thấy ai lên tiếng hay nói năng gì; những tấm bảng như thế không chỉ ở cái trường này mà còn có nhiều trường

và nhiều nơi khác nữa, hầu như các trường ở xứ sở mình đều chung hai câu khẩu hiệu đạo văn ấy!

Về lại Phù Dung trấn, ở đây tôi tái ngộ cô bạn cũ cùng học phổ thông ngày xưa, vốn cũng đã có cảm tình và thường thư từ cho nhau suốt bốn năm đại học. Thế rồi chúng tôi hẹn hò nhau, yêu nhau và cuối cùng hai đứa hứa hẹn sẽ nên vợ chồng với nhau. Lúc ấy cô ta và gia đình đang chuẩn bị đi Mỹ diện HO, ngày chia tay chúng tôi bịn rịn không ít. Hai phương trời một lời hứa, có ai dám chắc vượt qua? thế nhưng rồi chúng tôi vượt qua. Sau vài năm chúng tôi kết hôn và vợ tôi bảo lãnh tôi cùng sang Mỹ. Đôi chân lãng tử phải nhờ đôi cánh của Boeing đưa tôi sang vùng đất mới. Mọi thứ đều mới mẻ và lạ lẫm, phải từng bước hội nhập. Cuộc sống xứ người, đời sống vợ chồng ban đầu cũng đẹp nhưng dần dần lộ ra những khác biệt về quan niệm, lối sống. Không ít lần khủng hoảng đến cực độ tưởng chừng như chia tay. Tôi vốn là anh học trò “Dài lưng tốn vải”, sức trói gà không chặt ấy vậy mà giờ phải vào xưởng làm phụ tùng ô tô, tiếng máy đập, máy cắt, máy hàn... ầm ĩ đình tai nhức óc, hơi nóng tỏa ra hừng hực; cứ mỗi lần xong ca là ra bãi cỏ nằm dài chẳng thiết gì ăn uống. Cày được một tuần thì đành bỏ việc, làm không nổi; sau đó có người giới thiệu tiệm Nail quen, ban đầu vào học việc cũng lọng cọng lúng túng lắm! trong con mắt của một anh học trò nặng về tính truyền thống mà ngồi làm móng tay hoặc chà chân cho mấy bà Mỹ...sao mà nó “

Thấp” quá, sao mà chẳng đáng mặt nam nhi chút nào! Anh chủ tiệm cũng khá tử tế và tâm lý:

- Làm Nails không khó, chỉ chịu khó một chút là được thôi. Nghề này cũng không được “chính danh” lắm nhưng dễ sống, không tốn nhiều sức lực nhưng cũng tương đối rủng rỉnh tiền.

Thế là tôi thành thợ Nails, làm hơn một năm thì bỏ nghề. Lúc bấy giờ nghề Nails xuống giá, ít khách và vì chán. Nhiều người bảo tôi: ”Làm nail không tốn sức nhiều nhưng ở đây nhiều phiền não lắm!”, quả thật vậy! Người Việt với nhau luôn hơn thua, kèn cựa, dòm ngó lẫn nhau. Thậm chí người ta còn ví: ”Người Việt như những con cua trong cái thau, một con thì sống mà một đồng thì chết. Con nào mà ngoi lên thì những con kia cũng kéo xuống, que càng của chúng cứ móc vào nhau.”. Một ngày kia ở tiệm, tôi thấy hai người thợ làm chung một người khách, anh con trai làm tay, chị nọ làm chân; làm xong khách chỉ cho một đồng tiền típ. Anh con trai bèn xé làm hai và nói: ” Nó cho một đồng, me năm mươi, you năm mươi”. Thế đấy, đại loại là như thế! còn chuyện giành khách, tranh ăn, nhiều chuyện, đá xéo... thì thôi khỏi phải nói, ngày nào cũng xảy ra. Dân làm nails ăn mặc bóng bẩy, xài toàn hàng hiệu, nhưng đụng vào thì mới biết thật giả thế nào. Đôi khi trông đẹp vậy nhưng ứng xử thì tệ hại vô cùng, dù sống ở Mỹ, làm cho khách Mỹ nhưng vẫn giữ nguyên cái tính cách ở quê nhà, cách hành xử của người Việt. Ít người học được cái cách ứng xử hay cách làm ăn kiểu Mỹ (American way). Ngán ngẫm quá, tôi bỏ

nghề luôn, sau xin vào một hãng điện tử và coi như từ đó yên phận luôn. Về cuộc sống vợ chồng thì có lúc tưởng chừng tan vỡ, những ngày tháng buồn chán vô hạn: nhớ ba má, nhớ anh em, bạn bè, nhớ cái trấn Phù Dung với cái mùi hương cô ba tiên nâu, mùi hương ả phù dung của ông già Tàu. Tôi cứ lang thang khắp nơi sau mỗi ngày làm. Có một lần không biết cơ duyên gì đưa đẩy, tôi lại vào một ngôi chùa nho nhỏ đơn sơ vừa mới lập. Tự nhiên bao nhiêu ký ức, cảm giác xưa trở lại. Thế là tôi bắt đầu trở lại đi chùa và háo hức tìm đọc những sách về Phật giáo. Tôi đọc ngẫu nhiên và thực hành một cách say mê lạ thường. Một hôm sau khi tụng xong kinh A Di Đà trong người cảm thấy hoan hỷ lạ thường, tinh thần phấn chấn, một cảm giác rất khó tả mà từ bao nhiêu năm nay chưa từng có. Tôi bèn gọi điện về nhà và nói chuyện với ba. Ba tôi chắc cũng vui mừng lắm, tôi tưởng tượng ba đang đổ hoe mắt, sau nhiều năm chống bóng làm kẻ đi hoang, nay tôi đã thực sự trở về căn nhà xưa. Căn nhà nuôi dưỡng tâm hồn linh tánh tôi, đó là căn nhà Phật giáo! Tôi và ba nói chuyện thật lâu, chưa bao giờ thoải mái như thế. Ba tôi bảo:

- Đây là cái tin mà ba mừng nhất, mừng còn hơn trúng số độc đắc!

Tôi cũng loay hoay một thời gian trong việc lựa chọn pháp môn nào. Tôi mê thiền, đọc sách thấy những vị như: Bách Trượng đối đáp với lão hồ ly: “Bất muội nhân quả”, Thiền sư Đôn Hà leo lên cỏ tượng Phật ngồi, Thiền sư Lâm Tế chuyên dùng: đả,

hết, bỗng... hoặc giả các thiền sư Nhật Bản lang thang hành cước, ngủ ở gầm cầu, đi qua hàng thịt mà ngộ đạo... rất hâm mộ và ước ao, nhưng tự xét bản thân mình không thể kham nổi, chỉ con đường dễ nhất là chọn Tịnh Độ: tụng kinh, niệm Phật nhưng vẫn dành thời gian để ngồi tịnh tâm. Sau này có đọc và tham khảo một số sách về Phật giáo Nam Tông, Nguyên Thủy thì lại có chút phân vân. Một số sư Nam Tông cho rằng: Phật Di Đà và Tây Phương không có, Tịnh Độ là không phải chơn Phật giáo... nhiều lúc cũng hoang mang nhưng rồi quyết tâm gạt qua, quyết tâm cứ đi theo lối mà Thầy Ký đã tu, ông ngoại đã tu. Tôi cũng tự lý luận: Đã bảo “Nhất thiết duy tâm tạo” thì thế Tây Phương hay Sa Bà cũng đâu ngoài một tâm. Và lại tôi cũng tìm hiểu và học rõ ràng về :Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo... thì chắc chắn không thể lìa xa cốt lõi giáo pháp mà Thế Tôn đã dạy và chư tổ đã truyền trao.

Tôi tự nguyện công phu mỗi tối và cuối tuần, ban đầu ăn chay hai ngày một tuần. Một lần lên NET nói chuyện với một cô bé với cái nickname thật dễ thương: Tí Cô Nương (có một điều kỳ lạ hay kỳ diệu đây? Tí Cô Nương là em gái của tôi, ấy vậy mà nói chuyện trên mạng bao lâu nay không hề hay biết; thật lâu về sau tôi mới nhận ra) Tôi bảo mình đang học Phật và ăn chay mỗi tuần hai ngày, dự tính sau này sẽ ăn chay trường luôn. Cô bé khích:

- Em cho anh hai năm nữa.

Đang con phân kích, máu quân tử Tàu nổi lên:

- Cần gì hai năm nữa, anh sẽ anh chay trường luôn kể từ ngày mai!

Nói là làm, kể từ đó tôi thành kẻ ăn chay trường. Những tuần đầu, khi mà khí thế còn cao thì việc ăn chay cũng không có gì khó khăn nhưng khi nhuệ khí bắt đầu giảm thì việc ăn chay quả là thật khó. Cái cảm giác lạt lạt, đôi lúc trong tạng thức nó khởi lên mùi miếng sườn nướng, tô canh chua cá...sao mà quyến rũ và thèm chi lạ. Nhưng tôi đã quyết rồi nhất định không thay đổi, tôi thực hành quán xét: “miếng thịt, miếng cá tuy thơm ngon nhưng nó trôi qua khỏi cổ rồi thì...đó ai dám ăn lại!” hoặc giả là quán: “Mình bị một chút va chạm, một vết bỏng, một vết thương mà còn đau đớn và rát bỏng như thế nào! ấy vậy mà con vật bị đập, bị cắt thịt, bị nấu nướng... cái đau đớn cùng cực của nó biết đường nào”. Con vật nó nào có tình nguyện dâng máu huyết cho mình ăn, chẳng qua vì con người mạnh nên bắt chúng mà ăn. Cái tâm oán hận của nó sẽ chùng chát rồi sẽ có ngày đủ duyên nó sẽ bùng phát ra. Từ đó tôi thôi không còn nghĩ tới hay thèm thịt cá nữa. Có những lần đi tiệc tùng, hội hè...Tôi lẳng lặng không ăn. Mọi người mời mọc nhưng tôi né không bảo vì sao không ăn... Nhưng đến lúc bạn bè cũng phát hiện ra tôi đã trường trai. Có người chế giễu:

- Sao không tận hưởng đi, không ăn thịt cá coi như mất nửa cuộc đời!

Tôi cũng cười đùa đáp lại:

- Nhưng ăn thịt cá thì mất cả cuộc đời vậy!

Kể từ khi ăn chay, học Phật cuộc sống dần dần thay đổi tốt đẹp lên. Tôi không nói gì về việc ăn chay cả nhưng những người làm chung trong hãng cũng phát hiện ra, trong số ấy có thằng Bryan là bạn thân. Nó là người Mỹ, nó thường hỏi và không hiểu tại sao lại phải ăn chay nên tìm cách chọc. Có lần Thằng Bryan cầm miếng sườn nướng thơm phức dứ dứ trước mặt tôi:

- Ăn đi bạn, ngon lắm!

Tôi trả lời:

- Cảm ơn bạn, nhưng tôi là người ăn chay.

Nó vẫn không buông tha:

- Không ăn là mất nửa cuộc đời rồi.

Tôi cười bảo:

- Nếu ăn thì mất cả cuộc đời!

Cả bàn cười ngã nghiêng, mọi người bàn tán đủ chuyện trên đời nhưng rồi vẫn quay về vấn đề của tôi. Cả hãng mấy trăm công nhân, đủ các sắc dân trên thế gian này. Tôi là dân mít chính gốc và lại là người ăn chay duy nhất trong hãng. Bởi vậy cứ vào giờ ăn trưa là mọi người lại hỏi:

- Hôm nay Steven ăn gì?

- Tofu, rau cải... mỗi ngày không ớn sao?

Riết rồi chết tên luôn: Steven Tofu. Trở lại chuyện thằng Bryan, nó là bạn thân, nó biết tôi là Phật tử, ăn chay nhưng nó luôn tìm cách dụ khị cho tôi phải ăn thịt nhưng chưa bao giờ nó thành công và nó cũng chưa có ý định bỏ cuộc. Có lần nó tranh luận với tôi:

- Tại sao bạn ăn chay?

Tôi nhớ lời thầy không tranh cãi, không phân bua nhưng thấy đây cũng là cơ hội cho nó “ thấy” cái hay của đạo Phật nên mới dẫn dụ:

- Mình là Phật tử, mà đạo Phật rất yêu chuộng hòa bình, tôn trọng sự sống của muôn loài; vì vậy mà mình từ bỏ sự ăn thịt.

Nó lại hỏi tiếp:

- Có phải đạo Phật bắt buộc không được ăn thịt?

- Ồ không, không hề có bắt buộc, chỉ có khuyến khích không nên ăn thịt thôi. Ai tin thì theo, ai không tin thì thôi! Không chỉ vấn đề ăn thịt mà hầu như tất cả mọi vấn đề đều rất tự do, từ đức tin, giáo lý, phương pháp... ai muốn an lạc, thăng tiến thì theo, không tin thì thôi. Ai muốn gia nhập thì tiếp nhận còn không muốn thì ra đi, không sao cả, không có trừng phạt, bắt tội hay nguyên rủa... Nói chung là rất tự do!

Thằng Bryan có vẻ ngạc nhiên lắm, nó nói nó chưa từng nghe chuyện này. Nó cũng không thể tưởng tượng trên đời này có cái tôn giáo hết sức tự do và dân chủ như thế. Nó lại nói tiếp:

- Nhưng động vật là sinh ra để cho con người ăn mà!

Tôi bảo nó:

- Không hề có chuyện đó! mọi con vật sinh ra đều muốn sống sợ chết. Mọi con vật đều có gia đình của nó. Mọi con vật đều biết đau đớn khi ta hại nó! Bạn thử nghĩ xem: chỉ một chút va chạm, một chút bồng hay một vết cắt nhỏ... đủ cho ta cảm nhận đau đớn như thế nào, đằng này con vật bị đập, bị cắt xẻ, bị thiêu nấu... Bạn thử tưởng tượng nỗi đau đớn cùng

cực của nó đi. Chính vì lẽ này mà những người tin theo Phật đều từ bỏ ăn thịt!

Thằng Bryan im lặng có vẻ suy nghĩ. Tôi cũng không ngờ hôm này mình “xuất sắc đột xuất” ăn nói biện bác và lưu loát đến như vậy. Tôi nghĩ: “Nhân cơ hội này mình phải dùng chiêu hồi mã thương làm cho nó tâm phục khẩu phục”. Tôi hỏi nó:

- Bạn có ăn thịt chó không?

Thằng Bryan trợn mắt tỏ vẻ ngạc nhiên lắm và giọng quyết liệt:

- Không, không hề! chuyện đó rất dã man. Chó là bạn thân của con người, mình và mọi người ở đây đều rất yêu thương chó. bạn cũng biết đó: con chó được chăm sóc, nuôi nấng rất tốt. Ai mà cư xử ác với chó là có thể đi tù đấy!”. Tôi cười, nhìn thẳng mắt nó:

- Mình biết chứ! Không chỉ với chó mà với tất cả các con vật khác cũng thế, nếu có hành vi ác với chúng là sẽ bị ra toà! Vấn đề ở đây mình muốn nói là: Bạn thương chó, cư xử tốt với nó nhưng sao lại giết những con khác để ăn thịt? con chó hay heo, bò, gà, vịt... nào có khác gì nhau? Chúng đều biết cảm nhận đau đớn như nhau, chúng có sinh mệnh như nhau, yêu con này ăn con kia xem ra có công bằng không?

Thằng Bryan há hốc miệng, nó hoàn toàn không nói được lời nào nữa, nó hoàn toàn bị chinh phục nhưng nó chống chế:

- Mình không có giết chúng để ăn thịt, những người khác ăn cũng không có giết chúng!

- Đứng vậy! bạn và những người ăn thịt không có trực tiếp giết nhưng mà là gián tiếp giết. Nếu không có người ăn thì cũng chẳng có ai giết chúng để bán! Sau buổi làm hôm nay, bạn hãy lên Net xem những đoạn phim ngắn mô tả các lò mổ súc vật nhé! thật vô cùng kinh khủng, địa ngục trần gian đấy! ở đấy ngập ngụa máu, xương và những tiếng kêu bi thương thảm khốc của con vật!

Thằng Bryan im lặng không nói gì thêm nữa, nó ngồi tư lự.

Một hôm nọ, hãng có thêm anh công nhân da đen mới vào làm. Y có học nên được làm xếp. Lần đầu tiên y gặp tôi, y chấp hai tay và cúi đầu chào. Tôi rất ngạc nhiên, trong đầu xuất hiện câu hỏi: "Sao y lại biết lễ tiết chào trong nhà Phật?". Tôi cũng chấp tay chào đáp lễ. Mọi người xung quanh cười rần rần vì họ thấy lạ mắt quá. Họ hỏi ý nghĩa của việc đó có nghĩa là gì? Tôi vận dụng cái mớ tiếng Anh ba rọi giải thích cho họ hiểu. Họ có vẻ thích thú lắm. Tôi nghĩ y chào như vậy chắc tùy hứng bất chợt hay là y xem phim kiếm hiệp Tàu nên bắt chước, nhưng tôi đã lầm. Mọi ngày đều như thế cả, suốt một thời gian dài nhiều năm liên đều như thế. Mỗi buổi sáng y đều chấp tay chào tôi với nụ cười rạng rỡ, dần dần có thêm vài người nữa cũng chấp tay chào tôi như thế vào mỗi buổi sáng.

Trong cái hãng có bảy trăm công nhân này, có lẽ tôi là người Phật tử duy nhất. Đa số là Mỹ, Mễ Tây Cơ, người da màu, vài người Thái, Lào, Căm Bốt, Phillipine... nhưng y chẳng chào ai như vậy, chỉ

chào mỗi mình tôi với cách thức này, đôi khi tôi nghĩ chắc y và tôi có duyên gì đó trong tiền kiếp chăng? rồi hôm nọ có một người phụ nữ chặn tôi lại và hỏi:

- Này chàng trai trẻ (young guy mà), sao chỉ chào anh kia với cách đó (chấp hai tay) mà không chào với tôi như vậy?

Tôi khựng lại vài giây và lập tức chào bà ta. Bà ta vui lắm và chào đáp lễ. Tôi thật sự cảm thấy cái cảm giác vui và là lạ trong người. Giữa một một tập thể người Công Giáo, Tin Lành và khác chủng tộc, màu da lại xuất hiện lối chấp tay chào nhau theo kiểu cách nhà Phật. Khi viết những giòng chữ này tôi đang ở trong chánh niệm không buồn lung, không phóng dật, không tự tán huỷ tha.... Sở dĩ nói như vậy là vì hiện nay trên mạng có quá nhiều những tin giả, ảnh giả, tất cả nhằm phô trương cái tôi, cái bản ngã của mình. Tôi viết những giòng chữ này để ghi dấu một ấn tượng đẹp, một hành động đẹp và mong muốn mọi người hãy chào nhau bằng cách thức này! người Việt không có hình thức chấp hai tay chào nhau, đây là lễ tiết chào trong nhà Phật. Các dân tộc Thái, Lào, Sri Lanka, Miên đều chấp tay chào nhau.

Khi mình chấp hai tay cuối đầu chào nhau là mình thể hiện sự kính trọng một cách cao đẹp nhất đến đôi phương. Mình thể hiện sự cung kính nhất đến người được chào. Bình thường hai bàn tay với mười ngón tay nó rời nhau tượng trưng cho cái tâm của mình suốt ngày tán loạn, suốt ngày trong vọng tưởng, suốt ngày lu bu với những chuyện ngu dục, chuyện ái,

Ồ... cái tâm luôn luôn thất niệm. Còn khi mình chấp hai tay lại chào nhau là thể hiện sự nhất tâm, cuối đầu chào là thể hiện sự khiêm cung, hoà mục. Quả thật là đẹp, hay và tràn đầy ý nghĩa!

Chấp tay trong cõi vô thường

Chào nhau ở giữa con đường biếc xanh

Chúc em cuộc lữ an lành

Chờ nhau khoảng khắc mà thành trăm năm

Cuộc sống vẫn trôi đều đều như giòng sông bất tận.

Mình đến nơi này vì duyên, vì nợ, vì ơn, vì oán mà

gặp nhau, tùy theo cái duyên của mình mà sung

sướng hay khổ đau; ấy là cái tình thế, cái ngắn hạn.

Còn về cơ bản thì tất cả đều khổ cả vì cõi Sa-Bà vốn

nghĩa nó là kham nhẫn mà (phải chịu đựng)! Cuộc

trăm năm ấy là nói ước lệ chứ thật có mấy ai đủ trăm

năm. Trong cuộc trăm năm này thời gian vui thì ít

mà buồn thì nhiều, sướng thì nhỏ nhiệm mà khổ thì

bất tận, bởi vậy mới có Phật ra đời để độ sanh, mới

có Bồ Tát thị hiện để ban vui cứu khổ. Đời tuy khổ

nhưng mình biết sống, biết vui thì sẽ vui. Mình phải

biết sống trong từng phút giây. Mỗi phút giây chánh

niệm là mỗi phút giây an lạc. Chánh niệm là mình

biết, mình nhận thức rõ ràng lời nói, việc làm, suy

nghĩ của mình trong phút giây đó có đúng hay

không? có lợi người lợi mình hay hại người hại vật...

Sống trong từng phút giây chánh niệm là sống trong

an lạc! khi mình có chánh niệm thì mình biết cái

thân này vốn bất tịnh, ngày ngày tiết ra bao nhiêu do

bản hôi thối; cái thọ là khô vì thọ vừa ý thì bám giữ,

thọ khổ không vừa ý thì chán ghét vì vậy mà khô;

cái tâm vô thường, sáng nắng chiều mưa, nay yêu mai ghét; pháp vô ngã, vô ngã vì mọi vật, mọi việc đều là giả hợp, chúng hợp nhân duyên mà sanh ra. Ấy là pháp tu Tứ Niệm Xứ, pháp tu căn bản và quan trọng mà năm xưa Thế Tôn chỉ dạy!

Cuộc sống của tôi ngày một an lạc và thoải mái hơn, mối quan hệ vợ chồng cũng dần dần cải thiện và có phần ngọt ngào lại như trước. Vợ tôi sanh ra và lớn lên trong một gia đình không có niềm tin Tam Bảo, hoặc giả có tin nhưng rất mơ hồ, không hiểu gì về đạo Phật cả, bây giờ cũng chịu đi chùa lễ Phật và chịu ăn chay. Đến một ngày kia tôi cảm thấy cái duyên thuận tiện bèn bảo vợ nên quy y. Cô ta vui vẻ chấp nhận. Tôi lên chùa thưa với thầy, thầy bảo sẽ quy y cho cô ta vào ngày rằm tháng tư năm nay. Thế là thêm một người con nữa quay trở về ngôi nhà Phật giáo! Cuộc sống của tôi đã thay đổi hoàn toàn kể từ khi tôi quay đầu trở lại học Phật. Tôi suy nghiệm câu: ” Y báo tùy theo chánh báo mà chuyển”. Quả thật tôi đã chuyển từ hành động, suy nghĩ và lời nói; từ một kẻ chồng báng, nghi ngờ trở thành một Phật tử thuần thành và tinh tấn. Tôi đã tự mình sửa lỗi, buông bỏ bớt những đòi hỏi của cái “tôi” đầy ích kỷ, tự mình thay đổi những cách nghĩ, cách làm sai quấy của ngày trước. Từ đó cuộc sống tôi, gia đình tôi và tâm tánh vợ tôi cũng từng chút đổi thay theo.

Mùa hạ năm ấy, hoà thượng Như Điển từ châu Âu sang Mỹ hoằng hoá. Hoà thượng có về chùa Hải Ấn ở trấn Hoa Mộc Lan để thuyết pháp nhân ngày lễ

Phật đàn. Thầy hiền hòa, từ ái và thông tuệ vô cùng, thầy viết sách, dịch kinh khá nhiều. Hôm ấy thầy giảng về ý nghĩa lễ tắm Phật, tôi nhớ đại khái rằng:” ...Tắm Phật là ý nghĩa biểu trưng, tắm rửa gột sạch trần ai, phiền não trong tâm mình, thanh tịnh tâm mình...Chứ không phải tắm Phật để được phước!”. sau đó có người hỏi:

- Nhà Phật nói: Khô, không, vô thường, vô ngã. Vậy mà tại sao khi sanh ra Phật chỉ trời, chỉ đất tuyên bố: ” Duy ngã độc tôn”?

Thầy cười

- Ngã này không phải là cái ngã cá nhân, cái tôi...Mà là muốn nói đến cái pháp giải thoát, con đường giải thoát duy nhất là đây!

Thầy lại hỏi ý nghĩa bảy hoa sen nhưng chẳng ai trả lời được nên thầy giảng luôn: ” Bảy hoa sen tượng trưng cho thất chúng nhưng cũng có thể hiểu là: Phật luôn thường trụ ở ba thời: quá khứ - hiện tại - vị lai và có mặt khắp bốn phương: Đông – Tây – Nam - Bắc. Phật tử nghe thầy giảng đều rất hoan hỷ, nhiều người ngó ra vì có những điều rất gần gũi nhưng xưa nay không hề biết ý nghĩa của nó. Thầy giúp cho đại chúng mở mang thêm kiến văn và hiểu biết, thời gian thầy ở trần Hoa Mộc Lan này vẹn vẹn hai ngày nhưng đem lại bao nhiêu lợi lạc cho Phật tử quanh vùng

Từ khi sang Mỹ, tôi đã sống ở tiểu trấn Hoa Mộc Lan này. Tiểu trấn Hoa Mộc Lan (Magnolia) thuộc miền Đông Nam của xứ sở Cờ Hoa. Cái trấn nhỏ, nghèo nhưng xinh đẹp. Cư dân phần nhiều là người

Mẽ, da màu và châu Á. Mới hôm nào đến còn bỡ ngỡ thế mà giờ đã hai mươi lăm năm trôi qua. Hai mươi lăm năm, là là một phần tư đời người, nói theo điển cố thì hai mươi năm như "Bóng câu qua cửa sổ", nói có hơi hướm "Trang - Lão" một chút là: Hai mươi lăm năm như nước chảy mây bay, như phi hoa lạc diệp... Cái tiểu trấn này, ngày mới đến cũng có nhiều người Mỹ trắng nhưng giờ toàn là dân "xì - Mẽ", da màu và Việt. Người Mỹ da trắng lần lượt rời đi theo tỉ lệ với dân di cư chuyển đến. Cái tiểu trấn nghèo nhưng đẹp và thơm biết bao với những cây Mộc Lan. Mộc Lan có trong sân, vườn, bên đường... cứ vào chiều là hương bay thơm nồng cả không gian. Mỗi chiều chạy bộ là tôi lại gặp một người phụ nữ da trắng. Bà có lẽ đã về hưu, dáng người thanh gọn và hay cười. Bà cũng đi bộ và còn hơn thế nữa. Bà cầm theo những túi ni-lon cứ mỗi bước chân bà lại cúi xuống nhặt rác bỏ vào túi, cứ như thế hết năm này qua năm khác, trước đó thì tôi không biết nhưng từ khi chuyển về đây tôi đã thấy bà làm như vậy. Bao nhiêu năm đi bộ nhặt rác loanh quanh trong tiểu trấn. Đã đôi lần tôi đứng lại bắt chuyện với bà:

- Thưa bà! bà thật xinh đẹp và đáng khâm phục biết bao. Tôi thấy bà nhặt rác ở tiểu trấn đã nhiều năm nay .

- Chào ông! cảm ơn ông đã khen, tôi chỉ muốn giữ cho tiểu trấn của mình sạch và đẹp thôi! Bà trả lời.

Sau đó tôi hỏi tên bà, trò chuyện một hồi tôi nói lời cảm ơn bà với sự chân thành và khâm phục:

- Thưa bà! bà thật xinh đẹp, tên của bà cũng đẹp nhưng hành động của bà còn đẹp hơn nhiều lần. Tôi muốn nói lời cảm ơn bà từ đáy lòng của tôi.

Bà cười vô cùng rạng rỡ và bắt tay tôi:

- Cảm ơn ông! những lời nói ngọt ngào và chân thật. Rồi bà lại tiếp tục bước đi và cúi xuống nhặt rác. Tôi cũng tiếp tục cung đường chạy bộ của mình nhưng trong đầu tôi miên man với không biết bao nhiêu là ý nghĩ. Tôi chợt nhiên so sánh hình ảnh bà Mỹ già thông thả đi bộ và nhặt rác, cứ mỗi bước chân lại cúi xuống lấy rác sao có vẻ giống như những vị sư hành " Tam bộ nhất bái " quá. Đầu biết là rất khập khiễng khi so sánh như thế nhưng tôi vẫn thấy có gì đó giống giống. Bà già Mỹ trắng nhặt rác với ý nghĩ trong sáng, thánh thiện. Bà chỉ mong cho tiểu trấn được sạch, đẹp. Bà làm trong một thời gian dài như thế rõ ràng là sự nhẫn nại và tâm nguyện của bà thật đáng khâm phục biết bao. Bà làm không hề cầu mong đáp trả, không cần ai biết... cứ âm thầm làm, làm tự nhiên và vui vẻ. Cái tâm hạnh của bà sao giống như "Bồ tát" vậy. Nhà Phật có nhiều pháp tu, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo ấy có phẩm "Tứ Chánh Cần:" Việc thiện chưa sanh thì làm cho nó sanh khởi, việc thiện sanh khởi rồi thì làm cho nó tăng trưởng, việc ác chưa sanh khởi thì đừng cho nó sanh, việc ác sanh khởi thì làm cho nó tiêu trừ"

Hay kinh Thánh cũng có câu:"Siêng năng gieo sẽ gặt được vụ mùa bội thu"

Bà già này có thể không cần biết những lý thuyết này, nhưng bà đã thực hành ngay trong thực tế. Tôi

cảm ơn bà với tất cả sự chân thành và khâm phục, còn hơn thế nữa tôi cảm ơn bà thay cho những cư dân của cái tiểu trấn này. Những cư dân này với nhiều lý do như: tập quán, văn hoá hay trình độ... gì gì đó vẫn cứ giữ nguyên cái thói quen xả rác nơi công cộng, ồn ào nơi công cộng và những đặc tính xấu khác làm phiền đến láng giềng. Những người da trắng họ bỏ tiểu trấn ra đi cũng vì không ít phiền muộn từ những lý do trên.

Cứ mỗi mùa hè và mùa thu, bà Mỹ già da trắng này lại tiếp tục đi bộ và nhặt rác, những bước chân thông thả rảo quanh tiểu trấn. Hành động của bà còn đẹp hơn hoa mộc lan, cái đức của bà còn thơm hơn hương mộc lan, hương mộc lan chỉ bay theo chiều gió còn hương đức hạnh của bà sẽ bay bốn phương trời. Nước Mỹ có những người như bà già da trắng này rất nhiều, có mặt ở mọi nơi, mọi vị trí... Có lần tôi đi biển chơi, ở đấy xảy ra tai nạn: một cậu bé Việt bị nước cuốn ra xa. Mọi người nhón nháo cả lên, đổ xô nhìn ra biển cả và lo lắng:

- Có thằng bé bị nước cuốn ra xa, không biết người cứu sinh có cứu được không?

Chừng đâu hết miếng gum thì thấy anh chàng cứu sinh kẹp chú bé kéo vào, tiếng hoan hô vang cả bãi biển. Ai cũng thở phào vậy là ổn cả! sau một hồi sơ cứu chú bé hoàn toàn bình phục lại. Mẹ chú mở ví lấy ít tiền rồi đến bên anh chàng cứu sinh áp úng:

- Vô cùng biết ơn cậu, cậu đã cứu mạng con trai tôi. Tôi có chút quà xin cậu nhận cho!

Anh chàng cứu sinh cao to và đẹp trai như người mẫu, vốn đỏ rực dưới nắng hè vậy mà khi nghe thế mặt anh ta càng đỏ hơn:

- Oh, không có chi, tôi chỉ làm trách nhiệm của mình thôi, xin bà đừng làm tôi khó xử!

Tôi chứng kiến rất nhiều những con người ở cái xứ sở Cờ Hoa này làm việc rất tận tâm và liêm khiết. Họ làm với tinh thần trách nhiệm và sự tự trọng cao, thật là cao đẹp biết bao! những lời cảm ơn dù nói thế nào cũng làm sao cho đủ, tiền bạc rất quan trọng nhưng không phải lúc nào cũng có thể mua được danh dự hay tự trọng của con người. Thiên hạ vẫn hay chê người Mỹ thực dụng, nhưng trong đời thường ở cái xứ sở này những con người như anh chàng cứu sinh kia rất là nhiều. Họ có mặt mọi nơi, mọi lúc ... Họ là những nhân viên cảnh sát, nhân viên công lực, viên chức nhà nước...Họ là những người sẵn sàng làm hết trách nhiệm của mình, sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không cần phải tạ ơn hay quà cáp biểu xén gì! Tục ngữ Việt mình có câu:" Đi một ngày đàng học một sàng khôn" quả thật những tháng ngày rong ruổi trên mảnh đất Cờ Hoa này nó giúp cho tôi mở mắt ra và thấy thêm những điều hay lạ. Cái đất nước sinh sau đẻ muộn này nhưng quả thật là: "Hậu sanh khả úy"! đáng nể nang lắm chứ, đáng học hỏi biết là bao. Kể từ ngày lập quốc đến giờ nước Mỹ cũng trải qua nhiều thăng trầm lắm chứ. Khi nội chiến chấm dứt, người Mỹ đã làm một cái việc mà trước đó chưa hề thấy: Quân thẳng trận không vênh vang làm nhục bên bại trận,

không có trả thù, cướp đoạt tài sản...Tử sĩ hai bên đều được an nghỉ vĩnh hằng chung trong nghĩa trang quốc gia ở Washington! cái lòng khoan dung, độ lượng; cái tầm nhìn xa trông rộng... khiến cho thế gian này phải ngã mũ, nghiêng mình khâm phục. Thử nhìn xem lịch sử mấy ngàn năm của chúng ta hay của những quốc gia khác, chao ôi là thảm khốc; hễ sau cuộc chiến là trả thù tàn khốc: tru di diệt tộc, phá huỷ hết cho đến từng vết tích nhỏ nhất của bên bại trận, đào mồ cuốc mả, ngục tù hành hạ... cho đến đời con cháu... Nước Mỹ mở ra một chương mới cho lịch sử, nêu lên một bài học về sự khoan dung đại lượng, về sự hoá giải hận thù, về sự hoà hợp... Đến thế kỷ này ta lại thấy một sự ngạo mạn cũng không kém. Ngày tranh cử Obama và Hillary là hai đối thủ của nhau, "chơi" nhau những đòn toé lửa để tranh làm ứng cử viên đại diện cho đảng Dân Chủ ra tranh cử chức danh tổng thống. Rốt cục Obama thắng nhưng thay vì "đì sát ván" hay chí ít cũng cho Hillary đứng ngoài cuộc chơi, vậy mà không. Obama đưa Hillary vào ngồi cái ghế ngoại trưởng, những tướng không cần nói thêm nữa cái tinh thần phong lưu mã thượng, cái tinh thần chí công vô tư của Obama, của người Mỹ quả là tuyệt vời. Chúng ta hay những nước chậm tiến khác không dễ gì làm được nếu không muốn nói là không thể (điều này lịch sử đã chứng minh). Cũng vì sự khoan dung, cũng vì tinh thần anh hùng mã thượng mà nước Mỹ sẵn sàng cưu mang hàng triệu, chục triệu người tị nạn vì nhiều lý do khác nhau trên thế

giới này. Những nạn nhân của độc tài, bất công, khủng bố, chiến tranh, đói nghèo, thiên tai, giới tính, tôn giáo... kể cả tị nạn vì kinh tế. Tất cả được nước Mỹ cứu mang và rồi họ cũng sẽ thành công dân Mỹ (nếu họ muốn và cố gắng thi quốc tịch) và cũng đầy đủ cơ hội ngang bằng với nhau để phát triển vươn lên. Chao ôi biết nói cảm ơn thế nào cho đủ đây hờ "Uncle Sam"? Cái xứ sở này trở thành quê hương thứ hai của triệu, triệu người đến đây để thực hiện "Giấc mơ Mỹ"!

Ngày quốc khánh bọn choai choai mình trần cặm cò Mỹ trên xe đạp chạy quanh quanh các con đường ven biển, có nhóm cùng hát vang quốc ca. Ngày quốc khánh mọi người đổ ra biển tắm hoặc BBQ... hoặc đi chơi xa! Ngày quốc khánh Mỹ không có rùng khẫu hiệu lên gân, không có những bài diễn văn lòng thòng, đao to búa lớn... Ngày quốc khánh Mỹ không có lệnh bắt buộc người ta phải treo cờ hay hình ông kẹ bà chằng nào cả, cũng chẳng bắt buộc ai phải nhớ ơn ông cha dân bà mẹ nước. Ngày quốc khánh là của người dân, lòng yêu nước nó tự nhiên như hơi thở, như lẽ sống của cuộc đời. Cái xứ sở này, con người trên cái xứ sở này thật tuyệt vời làm sao! càng ở lâu, càng đi nhiều càng thấy biết bao nhiêu cái hay cái đẹp, càng thấy cần phải học hỏi thêm. Mọi người ở đây dù là Phật giáo, dù là Công giáo, dù là Tin Lành... hay không tôn giáo đi nữa cũng đều có chung một lý tưởng tin vào cái chân - thiện - mỹ của cuộc đời!

Ngày tháng rong chơi trên xứ sở Cờ Hoa đã trở thành một phần đời và có lẽ sẽ gắn bó cho đến ngày cuối của cuộc đời. Ngày ngày cảm ơn trong bao tình huống khác nhau trong đời... có thể đôi khi chỉ là xã giao, khách sáo nhưng ít ra cũng có một đôi lần trong đời nói lời cảm ơn xứ sở Cờ Hoa từ thâm sâu của lòng mình!

Người ta bảo biển Florida đẹp thì tôi đi, ừ thì biển đẹp thật, trời xanh mây trắng, nước biển như ngọc bích vô cùng đẹp và khoáng đãng, thanh bình. Biển cố quận của tôi cũng đẹp có kém gì! chỉ kém ở độ rộng lớn, ở hành vi của con người!

Người ta bảo New York là thành phố của thế giới, ừ thì đúng là của thế giới thật. Thật ngoài sức tưởng tượng nếu chưa đến nơi này, đủ mọi tầng lớp, đủ mọi sắc dân tụ tập về đây. Ông bà ta nói : "Đi một ngày đàng học một sàng khôn", sàng khôn thì chưa dám nhưng rõ ràng càng đi càng thấy nhiều, biết thêm nhiều, tầm mắt mở thêm ra. Cái xứ Cờ Hoa này quả thật chẳng hổ thẹn với cái danh xưng của mình, thật đẹp với cờ hoa, với sự hùng mạnh, thịnh vượng, với sự bao dung của mình. Nếu chỉ nói sự giàu sang, hùng mạnh không thì thế gian này không chỉ có Mỹ. Nhưng có những điều hết sức nhỏ nhiệm, tầm thường nhưng hết sức cao cả, đầy ý nghĩa nhân văn lại có ở nơi này và chưa thấy ở nơi khác, ít ra là với sự thấy và biết hạn hẹp của tôi.

Las Vegas một thành phố hiện đại, xa hoa, hào nhoáng không kém nếu không muốn nói là hơn những đô thành xa hoa khác của thế gian này. Las

Vegas mọc lên từ một sa mạc hoang vu vô cùng khắc nghiệt. Nó là trung tâm cờ bạc bậc nhất của xứ sở này. Đến đây thấy toàn là sòng bài, khách sạn, nhà hàng. Người tấp nập trẩy hội suốt cả bốn mùa. Mỗi năm đón năm mươi triệu du khách đến chơi bạc, chơi đủ thứ... (Lại chợt nhớ cố quận mình hàng năm đón trộm trộm ba, bốn triệu du khách mà đa số một đi không trở lại bao giờ!) Tôi lang thang, lang thang và lang thang... lang thang để ngắm nhìn, để tìm kiếm một cái gì đó mà tôi không biết cái đó là cái gì, một cái gì đó không tên tuổi, tháng năm, không hình tượng. Tôi không biết nó ở đâu, dù có bản đồ chỉ dẫn hiện đại nhất, hướng dẫn viên kinh nghiệm nhất cũng không giúp gì được. Vì cái tôi đi tìm nó có thực sự tồn tại hay không tồn tại tôi cũng không biết. Tôi cứ lang thang thế thôi! thế rồi một hôm nghỉ chân ở một sảnh nối tiếp giữa hai khách sạn tôi thấy một bức tượng đồng và hết sức ngạc nhiên. Nếu là tượng danh nhân học giả thì cũng là chuyện thường, nếu là tượng vua quan tướng lĩnh thì cũng chẳng có gì đáng nói. Đằng này là tượng một người lao công đang cầm chổi làm việc. Chao ôi tôi thấy lạ lùng, từ lạ lùng sang khâm phục vô cùng. Ở giữa đô thành xa hoa, tráng lệ; Ở giữa cái xứ sở tiền bạc, vật chất và cuộc sống thực dụng này. Người lao công chỉ là hạng người nghèo khổ, lao động cực nhọc với mức lương tối thiểu thì có đáng gì, có ai thèm quan tâm đến. Vậy mà Las Vegas dựng tượng người quét dọn! Tôi đi qua nhiều xứ sở nhưng chưa từng thấy bao giờ. Las Vegas vinh

danh người lao công, xứ sở này ghi nhận công sức của người lao công chứ không chỉ biết công sức của những bậc tài danh! Người lao công rất khổ nhọc để giữ gìn cho môi trường chung quanh sạch đẹp, họ đã được vinh danh bằng tượng đồng như tất cả những người khác đã có công sức đóng góp cho xã hội! Một bài học về cách đối nhân xử thế, một biểu hiện tuyệt vời về tính nhân văn cao cả, Một minh chứng cho câu triết lý: không có công việc tốt hay xấu, chỉ có thái độ tốt hay xấu mà thôi! Las Vegas nói riêng, Xứ Cờ Hoa nói chung đã cho tôi và mọi người thêm một bài học về lòng biết ơn, biết ơn ai đã giúp đỡ mình, đã cho mình một cuộc sống tốt đẹp, một môi trường đẹp cho dù là trực tiếp hay gián tiếp. Người với người cộng sinh trong cùng một xã hội, dù ít hay nhiều cũng có quan hệ ràng buộc, tác động qua lại với nhau. Lòng biết ơn không chỉ là một cử chỉ văn hoá, một hành vi văn hoá mà còn là nhân cách của một con người hay của một tập thể văn minh!

Cái khoảnh khắc bất gặp tượng đồng người lao công, tôi chợt “ngộ” ra thật nhiều. Tôi biết rằng đâu là phi nhân tính, đâu là nhân bản; đâu là văn minh, đâu là mông muội... Những gì từng bị nhồi nhét vào đầu, giờ tan như bong bóng nước. Thế là tôi lang thang đi tìm cái mà mình không biết là cái gì và tôi đã gặp, đã thấy! Mặc dầu đây là chuyện đời chẳng liên quan gì đến nhà thiền nhưng tôi chợt nhớ đến lời thiền sư Nhất hạnh: “ Tại đây và bây giờ”, “Đã đi và đã đến”... Thế là những bước chân tiếp theo của

ngày tháng sắp tới bỗng trở nên nhẹ nhàng hơn, thanh thản hơn. Cuộc đời trong những năm tiếp theo sẽ an lạc hơn, ơn đời và ơn người nhiều hơn! Tôi thậm mím cười cái khoảnh khắc lạ lùng trong cuộc đời mình! nhờ cái khoảnh khắc này mà mình bất ngờ giống như một thiên sinh ngộ đạo vậy! Xin cảm ơn cái xứ sở Cờ Hoa, xin cảm ơn cái khoảnh khắc kỳ diệu giữa một thế giới đỏ đen của Las Vegas này!

Xứ sở Cờ Hoa thật tuyệt vời, người với người gặp nhau là chào hỏi dù xa lạ, luôn xin lỗi và cảm ơn dù là việc nhỏ nhiệm chẳng đáng chi. Một xã hội mà con người có lễ như thế thì ắt sẽ hùng mạnh và sẽ tồn tại dài lâu. Ngày xưa khổng Tử từng dạy: "Lễ – nghĩa – liêm - sỉ , quốc chi tứ duy " nghĩa là: Lễ - nghĩa - liêm - sỉ là bốn cái gốc của sự tồn tại một quốc gia. Người xứ Cờ Hoa biết lễ , biết sĩ...Vậy là xứ này còn làm bá chủ dài lâu. Cái lễ, Cái sự trân trọng công sức con người, lòng biết ơn người. Nó có thể không hình tướng, không tên tuổi nhưng nó khắc sâu vào lòng người. Lòng biết ơn kết nối và thừa hưởng từ quá khứ đồng thời lại xây dựng cho tương lai. Thêm một lần nữa và sẽ không bao giờ đủ: Xin cảm ơn Las Vegas với bức tượng "Người lao công", xin cảm ơn cái xứ sở bao dung này

Ngày tháng sống ở vùng đất mệnh danh là tự do này, có thể ví như một vùng trời phương ngoại vậy. Tôi thường lang thang đây đó ngắm nhìn phố thị hào hoa hay đắm mình vào thiên nhiên xinh đẹp và tươi mát. Tôi vẫn thường suy nghĩ và tìm hiểu tại sao những con người sống ở đây sao sung sướng thế. Họ

cao to xinh đẹp lại thông minh, cuộc sống vô cùng sung túc có thể nói là dư thừa từ: thức ăn, quần áo, nhà, xe... bao nhiêu là phương tiện vật chất khác. Họ có đời sống tinh thần cũng rất thoải mái, tự do, dân chủ. Quan quyền không dám nhũng lạm hay hà hiếp. Họ hưởng một nền giáo dục khai phóng, nhân bản và tân tiến. Họ có một nền chính trị minh bạch, công khai và hiệu quả và còn bao nhiêu thứ khác nữa. Tại sao dân cố quận mình không có được những thứ như họ có? tại sao các xứ khác ở Á- Phi... chịu bao nghèo khổ, thất học, bất công của xã hội? hàng bao nhiêu câu hỏi cứ xoay trong đầu nhưng tôi chẳng thể biết tìm đâu ra lời giải. Tôi cứ suy luận theo giáo lý rằng: Có thể Người Âu-Mỹ là những người có phước báo lớn, đời quá khứ gieo trồng nhiều phước báo và có chung những cái nghiệp tương đồng nên cùng thác sanh ở đây để cùng hưởng phước và cùng chịu nạn với nhau (ví dụ như nạn thế chiến ở châu Âu, nội chiến ở Mỹ). Tôi tiếp tục suy tư một mình: Cùng là người Âu-Mỹ nhưng cũng có hàng trăm ngàn người ăn xin, không nhà không cửa thế tại vì đâu? tự hỏi thì tự trả lời luôn. Nếu xét về mặt nào đó trong hiện tại thì những người này phần nhiều là dính dáng đến thuốc gây nghiện: xì ke, ma túy, cocain, thuốc lắc... nên không nơi nào nhận họ vào làm, thứ nữa là họ tiêu xài quá trớn mà không chịu để dành nên khi mất việc thì mất nhà, thành ăn xin vậy! còn nếu nói nguyên do sâu xa thì có thể phước báo họ cạn kiệt, tuy cùng cộng nghiệp là người Âu-Mỹ nhưng họ còn phải chịu cái biệt nghiệp của họ

nữa. Nước Mỹ này có thể chưa hoàn hảo nhưng đích thực là một xứ sở tuyệt vời cho mọi người. Người khắp năm châu đều tìm mọi cách di cư đến đây. Hàng hoá, sản vật khắp thế giới đều muốn đem đến Mỹ mà bán. Nước Mỹ cru mang hàng triệu, chục triệu người tị nạn khắp thế giới đó là những nạn nhân của: chiến tranh, thù hận sắc tộc, tôn giáo, giới tính, chính trị, thiên tai... Nước Mỹ bao dung và rộng lượng hào phóng viện trợ khắp các nước trên quả địa cầu này. Nước Mỹ và người Mỹ vừa hưởng phước (là quả của quá khứ) vừa đang tạo phước (nhân cho mai sau). Đó là những thành tích nổi trội, vượt bậc của Mỹ nhưng cũng phải kể đến những mặt tiêu cực chẳng hạn: Mỹ can thiệp quân sự vào nhiều nơi, sản xuất và mua bán vũ khí nhiều nhất, người Mỹ thích giữ súng đạn, hiến pháp cho phép mang súng...mà cái nghề này vốn là tà mạng, tà nghiệp. Nó là cái nhân xấu cho mai sau, hiện tại cũng đã có hậu quả nhãn tiền là những vụ xả súng giết người liên miên. Nước Mỹ cũng từng xảy ra nội chiến Bắc-Nam đã làm hàng trăm ngàn người chết, kinh tế kiệt quệ, thành Át Lăng (Atlanta) bị đốt cháy và phá huỷ hoàn toàn... Ấy vậy mà sau khi cuộc chiến tàn. Người Mỹ bên thắng trận không có trả thù hay hạ nhục bên bại trận. Người bên bại trận chỉ phải nộp lại vũ khí thôi, còn ngựa xe, tài sản được giữ lại. Tướng bên bại trận mà tài giỏi vẫn được vinh danh tượng đồng bia đá. Binh sĩ hai bên được chôn chung một nghĩa trang...Thật vô cùng nhân văn, bao dung và rộng lượng! lịch sử xưa nay của thế giới này chưa

từng có chuyện như vậy, sau mỗi cuộc chiến là sự trả thù tàn bạo và khiếp đảm kinh hồn. Lịch sử có quận mình, Tàu và các nước khác đều có những cuộc trả thù tàn khốc sau cuộc chiến, hầu như đều tuân theo câu nói:” Nhỏ cỏ thì nhỏ tận gốc” hoặc “thà giết lầm hơn bỏ sót”...vì vậy mà có: tru di tam tộc, diệt tộc, đào mồ cuốc mả, phá hủy đền từng viên gạch hay từng mẫu tự...Cái sự oán thù hai bên vì thế mà cứ “oan oan tương báo”, vì thế mà chiến tranh liên miên không dứt! Thế Tôn từng nói:” Nước mắt chúng sanh còn nhiều hơn nước trong bốn bể”. Thật đúng là như thế, máu và nước mắt từ vô thủy đến nay vẫn không ngừng tuôn chảy. Con người vẫn ngày ngày tàn hại nhau, làm khổ nhau và tự làm khổ mình! Cái gì khiến người ta lao vào tàn hại nhau để tranh đoạt? có lẽ cũng không ngoài mấy yếu tố: quyền lực, của cải, tài sản, sắc dục...Nói chung vẫn là: “Tài – sắc – danh – thực - thủy” mà ra! Cũng vì chấp cái thân, cái ngã mà mới sanh lòng tham lam, sân hận như vậy! Đến đây tự nhiên tôi chợt thấy mỉm cười cho bản thân, mình sao giống con khỉ chuyen cành, con ngựa hoang trên thảo nguyên quá. Tâm tư, ý nghĩ cứ lan man hết chuyện này đến chuyện kia; qua thật là: ”Tâm viên ý mã”. Tôi bèn quay lại với tiểu trấn của mình, hoa Mộc Lan vẫn nở hằng năm thơm ngát cả tiểu trấn này, thế là lần thứ hai trong đời tôi lại nạp thêm vào tạng thức một mùi hương mới với hình ảnh một tiểu trấn khác ngoài Phù Dung trấn ở quê nhà. Tiểu trấn Hoa Mộc Lan giờ cũng nhiều chùa lắm, những ngôi chùa phần lớn là cải gia

vi tự. Những ngôi chùa như những cây bồ đề mọc trên vùng đất mới, vừa là nơi lễ Phật, thực hiện các nghi lễ tôn giáo và dân tộc vào các ngày lễ lớn trong năm. Những ngôi chùa mới này là nơi dừng chân, tịnh tâm cho những người con lưu lạc tha hương tìm về. Những ngôi chùa mới này còn là những trung tâm dạy tiếng Việt cho con em người Việt nơi hải ngoại, vừa duy trì truyền thống văn hoá của dân tộc. Nhà thơ kiêm tu sĩ Huyền Không đã viết:

“Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông”

Thật vậy, những ngôi chùa hải ngoại đã và đang mọc lên như hiện hoá hồn dân tộc ở xứ lạ quê người. Người Việt đi đến đâu thì mang theo hồn quê đến đây, những ngôi chùa không chỉ là địa chỉ tôn giáo mà còn là một “ngôi nhà Việt”, chứa hồn Việt cho người Việt tìm về mỗi cuối tuần. Mỗi ngôi chùa là một “ngôi nhà Việt” trong những buổi lễ Phật đàn, Vu Lan, ngày tế tự, ngày tuần thất cho ông bà cha mẹ....Đặc biệt là đêm giao thừa và những ngày lễ mừng năm mới. Trong sâu thẳm tâm hồn mỗi người, ai ai cũng nhớ về quê hương nguồn cội, nhớ tổ tiên, gia đình...Nhưng không phải ai cũng có điều kiện để về quê ăn tết, vì thế mái chùa hải ngoại là nơi cho mọi người con Việt tìm về để hưởng chút không khí ngày tết dân tộc! những ngôi chùa hải ngoại thật đáng quý biết bao, tuy nhiên cũng có những mặt trái của vấn đề cần khắc phục đó là hiện trạng khá phổ biến “nhất tự nhất sư”, mỗi vị tự mua một căn nhà nho nhỏ rồi tự lập làm chùa, việc này nó làm loãng

và hao phí nhân lực, vật lực. Ngôi chùa ấy tất nhiên không đủ những tiêu chuẩn tối thiểu để chính quyền sở tại cấp giấy phép, cho nên có thể gọi là chùa chui. Cư dân địa phương cũng chẳng để ý hay tọc mạch làm gì, chỉ trừ những trường hợp ồn ào, đậu xe lung tung thì họ mới gọi cảnh sát. Tôi quan sát thì thấy những ngôi chùa của các nước khác như: Tích Lan, Lào, Cam Bốt... nhiều vị sư ở chung và tu học chung. Còn các chùa Việt thì không ai chịu ở chung, mỗi vị tự làm chủ, làm trụ trì một ngôi. Có nhiều chùa chỉ cần hai hoặc ba người là thế nào cũng tranh cãi, bất hoà thậm chí lôi nhau ra toà, hoá ra tinh thần lục hoà hình như chưa thuộc hay thuộc mà chỉ nói chứ chưa hành. Chùa nào cũng làm tiệc gây quỹ, số xố, đấu giá, văn nghệ...xem ra những việc phụ trở thành chánh còn việc chánh thì trở thành phụ, năm thì mười họa mới có một khoá tu học. Có phải do hoàn cảnh hải ngoại như thế nên quyền biến, phương tiện chẳng? Các chùa trong nước đua theo phong trào xây to lớn, chung sư tử Tàu, tượng Đài Loan, pháp khí Trung Quốc...thì hải ngoại cũng không khác mấy, quyên góp tiền để đặt tượng sư tử Tàu, La Hán, pháp khí Đài Loan... rập một khuôn mẫu toàn bằng đá trắng, rồi chuyên ra hải ngoại, đi đâu cũng na ná y như nhau cả: sư tử Tàu, La Hán, chuông... Rồi những ngày lễ như tết, lạc thành, an vị... từng đoàn lân Tàu với trống chiêng rình rang nhưng lại gọi là văn hoá dân tộc. Cách thức sinh hoạt và điều hành theo lối cũ, không thích hợp với hoàn cảnh và văn hoá của địa phương. Có lẽ các

chùa thuộc hệ thống Làng Mai của thiền sư Thích Nhất Hạnh là dung hợp và thích nghi với văn hoá địa phương nhất, sự giao thoa giữa văn hoá truyền thống, tín ngưỡng Phật giáo với văn hoá bản địa và đặc tính cư dân bản địa được Làng Mai thực hiện rất tốt đẹp. Làng Mai đã tạo ra sức hút và ảnh hưởng lớn ở Âu - Mỹ cũng như nhiều nơi khác trên thế giới. Cũng có thể coi đây như là một điển hình của tính: Khế cơ, khế lý (Ở đây không dám bàn hay nói sâu về kinh điển, pháp môn, quan điểm của Làng Mai mà chỉ nói đơn thuần về cách hành hoạt mà thôi).

Các chùa như thế, cộng đồng cũng không khác gì hơn. Một nhóm người Việt nhưng có mấy cộng đồng luôn; quanh năm đấu đá, chụp mũ nhau. Ai cũng tự nhận mình chính danh, mình là đại diện cho cộng đồng... Có những thành phần luôn vỗ ngực xưng tên mình là yêu tự do, dân chủ và cả độc tài yêu nước luôn. Hễ ai nói khác hay có phương pháp khác thì lập tức bẻ hội đồng không thương tiếc; miệng luôn nhân danh chống độc tài, toàn trị nhưng lại độc tài không kém ai. Giả sử những thành phần này mà có quyền hành trong tay thì chắc chắn hành xử cũng độc tài, toàn trị không khác gì những kẻ độc tài mà họ đang đấu tranh đòi xóa bỏ kia. Có những cái cực đoan, cuồng tín đến độ thảm thương; cuồng hữu hay cuồng tả thì cũng chẳng thể nào đem lại kết quả tốt đẹp được, mọi cái cuồng đều di họa cả! Những thành phần có cái nhìn hẹp hòi, thiên cận và quá lạc

hậu. Họ cứng nhắc và thủ cựu, không chịu nhìn nhận hoặc không có khả năng nhìn nhận hoàn cảnh thực tế khác với hoàn cảnh mấy mươi năm trước. Thế gian này vốn vô thường, luôn luôn biến động và thay đổi, tiếc thay họ không nhìn nhận ra sự thay đổi, họ cứ khư khư giữ lấy quan điểm cũ, không chấp nhận những quan điểm mới. Ấy là ngoài đời, trong đạo cũng vậy, bởi thế mà Thế Tôn mới đưa ra con đường trung đạo; ở đây không dám nói những gì cao xa hay thâm sâu, chỉ dám hiểu một cách đơn giản nhất là không kẹt ở hai bên. Những vị tăng sĩ đến đây từ sau khi cuộc chiến tàn thương là những vị có tu học và công phu đàng hoàng, có quan điểm rõ ràng về quốc gia, dân tộc... nên phần nhiều không chấp nhận những chủ thuyết vô minh, độc ác, độc tài; không chấp nhận những việc làm phản dân hại nước... Còn những vị tăng sẽ trẻ mới đến sau này thì lại khác. Họ ít nhiều nghiêng về thế lực quan quyền đang ngồi trên vai trên cổ họ và dân chúng. Họ thiếu cái bi – trí - dũng ấy là chưa nói đến tinh thần vô úy trong nhà Phật. Họ không tinh nghiêm giới luật và thật sự công phu mà chỉ là bằng cấp. Thật sự có vấn đề, thật sự tinh thần lục hoà chưa được áp dụng. Vì thế những thành phần cực đoan chính trị, tôn giáo và truyền thông khai thác các yếu tố này! còn về mặt đạo tôi cũng thấy nhiều vị tu theo môn phái mình thì bài bác môn phái khác, tu theo tông môn mình thì chê tông môn kia. Một vài vị theo Nam Tông thì cho rằng kinh điển và phương pháp Bắc Tông là ngoại lai, là pha trộn nên tu theo

sẽ không có kết quả, vì chỉ tu hoa lá cành. Có những vị tu theo Bắc Tông thì cười Nam Tông là nhỏ bé, vị kỷ, không rốt ráo, chỉ là “hoá thành” chứ không phải “bảo sở”. Tuy không trầm trọng lắm nhưng quả thật cũng gây ít nhiều hoang mang cho hàng Phật tử sơ cơ. Quả thật giáo lý của Phật giáo Nam truyền và Nguyên Thủy rất cụ thể và cốt lõi, luôn bám sát: Tứ Diệu Đế, Thập nhị nhân duyên, Bát chánh đạo, Tứ niệm xứ... Còn Phật giáo Bắc truyền thì mênh mông và đôi khi đi xa hơn. Tôi xem những phim hay mấy clip về hành hương Ấn Độ. Nhiều đoàn Phật tử có thầy dẫn đi viếng Bồ Đề Đạo Tràng, vườn Lâm Tỳ Ni...nhưng lại cứ niệm Nam Mô A Di Đà Phật, có khi thì tụng kinh gõ chuông, mõ inh ỏi. Việc này nó làm sao ấy, rất không hợp tình, không hợp cảnh, bất hợp lý, bất thông. Đành rằng chư Phật vốn đồng đức, đồng năng, đồng giải, đồng hành...Nhưng đến quê hương Phật Thích Ca mà cứ niệm Phật A Di Đà. Việc này giống như đến tiệm thuốc Bắc mà cứ gọi Ampiciline, Aspirin...Pháp môn Tịnh Độ vốn không có trong Nam Truyền và Nguyên Thủy, Có thể là phương tiện, dù là phương tiện nhưng “thuốc nào trị được bệnh thì là thuốc hay, không có chuyện thuốc quý hay tiện” nhưng dùng sao cho thích hợp thì mới là điều đáng nói.. Từ ngoài vạn dặm nhìn về cố quận mình thì cũng đầy đầy những việc đau lòng. Nhiều vị xuất gia nhưng nặng danh văn lợi dưỡng, dựa hơi thế lực chính trị thế tục để củng cố vị thế và băng nhóm của mình. Họ làm những việc phi pháp nhưng cứ nhân danh “Phật sự” nào là đăng đàn hô hào cho

phỉ quan - gian thương, cúng sao, giải hạn, trục vong, xây chùa làm du lịch tâm linh... Những việc buôn thần bán thánh, huỷ nhục tông môn, phá hoại đạo pháp... nhưng cứ nhân danh đạo pháp. Họ đặt ra khẩu hiệu ma quái, lập lòe đánh lộn con đen để làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động: "Đạo pháp - dân tộc và cnxh". Quả thật không sai tí nào, "Su tử trùng phạm thực sư tử nhục". Thân sư tử hiện nay bị cả bày vi trùng rúc rĩa, đục khoét! Giáo hội quốc doanh gắn bó chặt chẽ với nhà cầm quyền, thậm chí còn tung hô và xu nịnh thế quyền và chịu thế quyền sai xử, can thiệp thô bạo vào mọi việc từ hành lễ, nhân sự, tài sản. tương... Thế quyền kết hợp với những vị danh văn lợi dưỡng làm những việc tưởng là Phật sự nhưng thật sự là việc chính trị nhằm tô vẽ cho bộ mặt của quyền lực chính trị mà thôi. Những ngôi chùa ngàn tỉ, rộng vài trăm mẫu đất, to lớn và hình dáng như cổ cung Bắc Kinh ngày càng nhiều. Đây là điều đáng lo ngại chứ chẳng phải đáng mừng. Đạo Phật mà gắn bó chặt với một chính thể nào đó thì một khi chính thể đó sụp đổ thì đạo Phật cũng sẽ bị lao theo. Lịch sử đã chứng minh, vào đời Trần, đạo Phật gắn chặt với giới quý tộc triều đình, được hưởng nhiều lợi lạc vật chất, cúng dường... tiêu biểu như chùa Quỳnh Lâm có lúc đất đai lên đến ngàn mẫu ruộng. Khi triều Trần sụp đổ thì đạo Phật cũng suy vi theo và kéo dài đến mấy trăm năm sau. Đó là thời đại nhiều danh tăng thạc đức, nhiều tông lâm thạch trụ mà còn thế, hướng chi giờ giáo hội quốc doanh phần nhiều chỉ là danh văn lợi dưỡng. Một lý

do nữa để đáng lo ngại là: việc tích trữ đất đai tài sản nhiều đều là cái mầm của tai họa. Có một lần các phóng viên Âu-Mỹ phỏng vấn đức Dalai Lama về nguyên nhân suy tàn của Phật giáo Ấn Độ thì ngài nói: “Có nhiều nguyên nhân như: Vô thường, các tăng sĩ dễ duôi phóng dật, các đạo binh Hồi giáo tàn sát và phá huỷ... Còn có một nguyên nhân nữa là tích lũy đất đai tài sản quá nhiều”. Thật vậy, chùa chiền mà tích lũy tiền bạc, tài sản nhiều đều không phải là việc tốt! Lẽ ra xuất gia thì phải buông bỏ, đừng này lại ôm vào thật nhiều, cho dù ôm vào với lý do gì đi nữa cũng đều đi ngược lại việc giác ngộ và giải thoát.

Nhiều người khuyên rằng: “Chuyện ấy để người có trách nhiệm lo”, hoặc giả “mình nói cũng hồng thay đổi được gì”. Đúng vậy! một người nói thì không thay đổi được gì nhưng khi một triệu người nói, mười triệu người nói thì vấn đề sẽ khác. Mình là con dân của một nước, mình là Phật tử trong một ngôi nhà Phật giáo chung thì mình không thể im lặng đồng lõa với cái sai, cái xấu, cái ác! Mặc dù không có tài đức để làm những việc “chấn tác” thì ít ra mình cũng dám nói không với cái sai quấy, không hùa theo cái bậy bạ.

Những năm gần đây, pháp môn Tịnh Độ theo kiểu mới niệm “A Mi Đà” phát triển rầm rộ từ trong nước cho đến hải ngoại. Ban đầu tôi cũng hâm mộ lắm, vì theo như lời giảng của vị thầy đứng đầu trường phái này thì tu theo kiểu này là tu tắt, nhanh chóng, dễ

dàng, chỉ một đời là thành Phật! Tôi đã nghe băng, đĩa của thầy giảng suốt ba năm ròng. Tu theo pháp môn “A Mi Đà” thì chỉ niệm “A Mi Đà” hay “A Di Đà Phật” và chỉ tụng một bộ kinh A Di Đà hay Vô Lượng Thọ thôi! Các danh hiệu Phật và các kinh điển khác phải buông xuống hết. Ban đầu tôi nghe giảng bằng cảm tình nên không thấy gì uẩn khúc, dần dà theo thời gian tôi bắt đầu nhìn nhận lại và nghe bằng lý trí thì thấy có nhiều điều không ổn. Chẳng hạn trong lời giảng thầy ấy khẳng định: Đức Phật Thích Mâu Ni nhờ niệm Phật mà thành Phật. Thầy ấy dạy đừng “tự tán huỷ tha” ấy vậy mà suốt băng giảng thầy luôn luôn ca tụng pháp môn niệm Phật và đả kích tu thiền, Mật tông... Thầy ấy luôn luôn ca tụng Trung Hoa, Phật giáo Trung Hoa là nhất thiên hạ “không có một quốc gia hay dân tộc nào sánh được” (nguyên văn lời thầy). Thầy ấy còn xuyên tạc lịch sử như thế này: “... Ngày xưa các dân tộc nhỏ, các quốc gia nhỏ xung quanh Trung Hoa tiến cống phẩm vật cho hoàng đế Trung Hoa là vì ái kính, ngưỡng mộ. Các hoàng đế Trung Hoa tặng lại quà cáp còn hậu hĩ hơn!!!” lời này là sự xảo trá! nếu các nước nhỏ mà không tấn cống hay tấn cống không đủ phẩm vật mà họ buộc thì Trung Hoa lập tức khởi binh đánh cướp ngay, không có chuyện vì ái kính ngưỡng mộ mà tấn cống! Thầy ấy còn đi xa hơn nữa: “Lịch sử năm ngàn năm của Trung Hoa chưa từng gây chiến tranh với bất cứ quốc gia nào, có chăng chỉ là nội chiến giữa các triều đại!!! Điều này là đại vọng ngữ, bôi xoá sự thật! Những quốc

gia nhỏ, dân tộc nhỏ ở quanh trung Hoa phải chịu bao nhiêu khổ đau, tổn bao nhiêu xương máu để chống đỡ. Nhiều quốc gia bị sáp nhập vào Trung Hoa. Nhiều dân tộc bị đồng hoá thành người Hán. Nước Việt bị Tàu đô hộ cả ngàn năm. Minh Thành Tổ từng nhiều lần xuống chỉ cho bọn Trương Phụ: "... Những gì đem về được thì đem về, những gì không đem về được thì đốt hết, phá hết, đập nát đi!". Cha ông nước Việt tổn bao xương máu để gìn giữ giang sơn này. Cả trăm tộc Việt duy chỉ còn có Lạc Việt là tồn tại độc lập cho đến hôm nay. Các xứ Tây Tạng, Thổ Phồn, Đại Lý, Tân Cương... đều bị họ đánh, cướp, cai trị tàn bạo, thế mà thầy ấy xuyên tạc trắng trợn, bóp méo sự thật. Thầy ấy vì tính dân tộc tự tôn, dân tộc chủ nghĩa quá cực đoan nên đôn Không Tử lên ngang với Phật Thích Ca Mâu Ni: "Không Tử của chúng ta cũng có kém gì, nếu Phật Thích Ca chủ trương trung đạo, thì Không Tử chủ trương trung dung..." (lời thầy ấy). Quả thật không thể nào tưởng được, trung đạo là con đường giải thoát, xuất thế sao có thể đem so sánh với thuyết chính trị nhập thế? Phật Thích Ca là "Thiên nhân chỉ đạo sư", thầy của tất cả trời người, của tất cả chúng sanh. Không Tử chỉ là một nhà chính trị, một triết gia... Làm sao mà có thể so sánh như thế được cơ chứ! Sau khi nghe những lời này từ đĩa kinh "Vô Lượng Thọ" tôi hoàn toàn tỉnh ra và rời bỏ cách tu tập của vị thầy này. Khi còn hâm mộ, tôi và những người khác lập thành một liên xã đồng tu. Mỗi sáng chủ nhật cùng tụ tập niệm Phật, nhưng khi tỉnh ngộ

ra thì tôi rút lui. Những người còn lại bảo rằng tôi thối thất tâm bồ đề! Tôi cũng nhẹ nhàng nói chút ít về những gì mình nghe và hiểu ra nhưng họ không chấp nhận nên tôi thôi không nói nữa. Tôi quay về với cách tu tập truyền thống mà thầy Ký ở chùa Khánh Lâm đã chỉ dạy và đã tu, ông tôi đã tu, ba tôi đã tu, dân tộc mình đã tu hàng ngàn năm qua. Nghĩa là vẫn tụng kinh, niệm Phật; vẫn ngồi thiền tịnh tâm...Không thể nào bảo rằng chỉ niệm mỗi Phật A Di Đà là chuyên tinh; còn niệm các vị Phật và Bồ Tát khác là tạp tu, loạn tu! Niệm một vị Phật là niệm tất cả chư Phật, niệm tất cả chư Phật cũng như niệm một vị Phật. Chư Phật vốn đồng đức, đồng năng, đồng giải, đồng hành. Sanh tâm phân biệt ấy là phạm chứ chư Phật nào có phân biệt Phật này hay Phật kia. Vị thầy của pháp môn “A Mi Đà” còn giảng: “Quy y Tam Bảo là quy y với Tam Thánh: Phật bảo là A Mi Đà, Pháp bảo là Quán Thế Âm, Tăng bảo là Đại Thế Chí”, điều này thật tình quá hạn hẹp và quá xa rời ý nghĩa quy y truyền thống lâu nay vẫn hiểu. Thầy ấy còn buộc những người đã quy y phải quy y lại và thêm chữ Diệu Âm vào trước pháp danh mà họ đã được ban! Cứ như theo vị thầy này giảng thì Phật A Di Đà và thánh chúng ở Tây Phương là những vị thần có phép thuật sẽ đưa những người nào chuyên tu pháp môn này về bên ấy, còn ai không chuyên tu theo pháp môn này thì sẽ không được rước đi! Tâm Phật và Bồ Tát đâu có nhỏ bé như thế, đâu có phân biệt như thế! đó là tâm phạm phu vọng tưởng mà cứ gán cho Phật và Bồ Tát.

Cũng có nhiều Thầy và thiện hữu tri thức phản đối cái quan niệm và cách hiểu méo lệch này nhưng thầy ấy không nghe mà còn lập lòe: ” Bảo tôi nói thái quá đáng tức là nói Phật Thích Ca nói quá đáng!”, thật dễ sợ khi nghe lời này! Tôi rời bỏ vì thấy không y như pháp, những người hâm mộ tu theo đều rất lơ mờ về những điều căn bản nhất của đạo Phật. Họ chỉ chăm chăm niệm Phật và chờ Phật rước. Họ không biết gì là Tứ Diệu Đế, Tứ Niệm Xứ hay Bát Chánh Đạo. Cái xương sống, cái nền tảng mà không có thì làm sao vững chắc được; cái móng không có mà muốn xây lâu cao tầng thì làm sao xây đây? Tiếc rằng hiện nay quá nhiều người tu học bằng cảm tính mà thiếu lý trí. Nhiều vị thầy cũng giảng dạy nói huyền nói diệu mà không dạy cái gốc, cái cốt lõi của giáo pháp! Chả trách nhiều Phật tử chỉ biết lên chùa đốt nải nhang, bỏ ít tiền vào thùng phước sương rồi cầu xin bình an, phát tài... và chầm hết! có người khá hơn chút thì ngồi tụng được thời kinh, niệm vài mươi tiếng Phật hiệu... nhưng hỏi giáo lý căn bản mà đức Bổn Sư đã dạy là gì thì không mấy ai nắm được, trong khi những tín đồ các tôn giáo khác họ học và nắm vững giáo lý tôn giáo của họ. Tôi vẫn tôn trọng vị thầy của pháp môn này nhưng không thể theo được, càng theo e rằng càng xa rời chánh pháp! Đức Thế Tôn cũng từng nói: “Tin ta mà không hiểu ta là huỷ báng ta” hoặc già: “...Chớ vội tin vì đó là ông thầy mình mến, chớ vội tin vì nhiều người tin theo, vì truyền thống, vì nó được lập đi lập lại nhiều...”, đúng vậy! mình phải tu

học bằng lý trí, “văn” thì phải “tu”, phải có chánh kiến, chánh tư duy mới không bị làm đường lạc lối, hoặc nhẹ dạ bị người lạc lối lôi kéo theo con đường cụt. Ngày xưa khoa học kỹ thuật chưa phát triển, mọi người quanh quẩn trong làng xóm, tu học cũng không thể tiếp cận với nhiều nguồn tư liệu và những thiện tri thức bốn phương. Ngày nay với mạng NET, với kỹ nghệ tân tiến...con người có thể đi lại khắp nơi, gặp gỡ nhiều thiện tri thức, đọc nhiều nguồn kinh điển, tài liệu khác nhau... Nhưng cái gì cũng có mặt trái của nó. Trong những người đồng tu, huynh đệ, sư cũng có không ít những kẻ vốn là con cháu ma vương Ba Tuần; tài liệu kinh điển cũng vậy, có không ít là ngụy thư, ngụy kinh, tài liệu giả...Người học Phật, người tu phải có “trạch pháp nhãn” để lựa chọn thầy, kinh sách và pháp môn cho đúng cho phù hợp với mình. Tu gì thì tu, pháp môn nào cũng không thể rời xa cái cốt lõi, cái căn bản của giáo lý mà Thế Tôn đã dạy! Người da trắng nói riêng, người Âu - Mỹ nói chung họ tiếp xúc với đạo Phật, học Phật thường theo hai trường phái chính là Thiên Tông (Trung Hoa, Nhật, Việt) và Mật Tông, chứ ít ai biết đến Tịnh Độ Tông. Trong các vị tăng sĩ Phật giáo nổi tiếng nhất hiện nay đó là ngài Dalai Lama và Thích Nhất Hạnh. Đây là hai vị tu sĩ có sức ảnh hưởng lớn nhất. Dòng thiền và Mật Tông thịnh hành cũng nhờ công hoằng pháp của hai vị này. Ngoài ra phải nói đến là dòng Nam Truyền và Nguyên Thủy. Người Âu - Mỹ hiện nay họ rất tín tâm và tu học theo. Họ tin rằng tu học theo Nam Tông hoặc

Nguyên Thủy là đúng đắn, là gần gũi với giáo pháp của đức Bổn Sư, là còn thuần túy không bị pha tạp. Có một câu chuyện lan truyền trong giới Phật học rằng: Có một vị tu sĩ Phật giáo đến phương Tây du học, rồi chiến tranh loạn lạc khiến thầy không hồi hương được, vì vậy thầy trụ lại luôn và từ đó ra sức hoằng dương Phật pháp. Một ngày kia hội Phật học của nước sở tại mở pháp hội và thỉnh thầy đến chứng minh. Thầy rất hoan hỷ, trong giờ pháp thoại thầy hỏi những Phật tử người Việt tu học ra sao thì họ trả lời:

- Chúng con thường tụng kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang... hoặc niệm Phật, ngồi thiền.

Thầy cười cười và hỏi về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo thì họ ngơ ngác hiểu lơ mơ lắm, thậm chí không nhớ hết gồm có những gì:

- Chúng con cũng có nghe qua nhưng không có tu theo pháp tiêu thừa. Xưa nay chúng con chỉ tu tập theo pháp đại thừa.

Thầy quay qua hỏi các vị Phật tử Âu-Mỹ thì họ bảo:

- Chúng con được các giáo thọ dạy về: Tứ diệu đế, Bát chánh đạo và tu tứ niệm xứ.

Thầy lại hỏi thêm về các bộ kinh trên thì họ bảo:

- Chúng con chưa học qua.

Bấy giờ thầy nói:

- Người cũ thì cành lá xum xuê, người mới thật là những hạt giống chắc. Muốn xây lâu thì trước hết phải có nền móng vững chắc!

Quả thật vậy, có nền móng tốt thì xây lâu cao mới không đổ, còn chỉ chăm chăm xây lâu mà nền móng

không có, hoặc yếu ớt thì làm sao xây dựng. Có tu tứ niệm xứ thì mới biết thân mình bất tịnh, mỗi ngày cửu khiếu và hàng triệu lỗ mồ hôi nó tiết ra biết bao nhiêu mùi hôi; có tu tứ niệm xứ thì mới biết thọ khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Tu tứ niệm xứ xong niệm Phật càng lợi lạc biết bao vì lúc ấy sẽ sanh chán cái thân này để dốc lòng niệm Phật để sanh về lạc cảnh. Có tu tứ niệm xứ thì tu thiền càng công phu hơn, vì lúc ấy sẽ biết cái duyên cảnh, cái vọng tâm, cái ngã vốn không có thật... Tứ niệm xứ là cái nền để tiến cao hơn trong các pháp tu khác. Tôi cũng như những Phật tử tu học theo truyền thống Bắc Tông khác, suốt thời gian dài được chỉ dạy tụng kinh đại thừa, niệm Phật, hoặc ngồi thiền, lục độ... mà thiếu sự chỉ dạy về Tứ niệm xứ hay Bát chánh đạo. Cũng may gần đây có các thầy lên NET chỉ dạy về các pháp tu căn bản này. Cũng trên NET hiện nay có nhiều vị giảng về chánh niệm là: "sống trọn vẹn trong từng phút giây hiện tại, ăn biết mình ăn, đi biết mình đi, thở ra thở vào biết mình thở ra thở vào... không sanh tâm phân biệt hay chấp trước." nếu hiểu và giảng chánh niệm như thế này thì nguy hiểm quá vì ta cũng có thể nói rằng: "ăn trộm biết mình ăn trộm, hành dâm biết mình hành dâm, nói dối biết mình nói dối... Minh cũng đang sống trọn vẹn trong mỗi phút giây hiện tại, không phân biệt hay chấp trước chi cả!!" chánh niệm là sự nghĩ đúng, khi niệm khởi là lập tức phải có tư duy đúng (chánh tư duy) để nhận biết cái niệm tà hay chánh, đúng hay sai. Có tư duy đúng rồi liền có sự cố gắng

đúng (chánh tinh tấn) để mà chặn hay giải trừ cái niệm xấu, sai, tà niệm và cố gắng duy trì hay phát triển cái niệm đúng đắn, chánh niệm! Tôi không có ý định phê phán hay chê bai chi cả, chỉ đơn giản là nói lên cái thấy cái biết của mình; có thể trong những điều tôi nói ấy có lời sai. Người xưa từng nói: "Người trí nói trăm việc đúng ắt cũng có một việc sai. Người mê nói trăm việc sai ắt cũng có một việc đúng". Tôi tự xem mình là người mê và hy vọng biết đâu cũng nói được một lời đúng. Tục ngữ cũng có câu: "Thuốc đắng dã tật sự thật mất lòng". Nho gia thì bảo: "Trung ngôn nghịch nhĩ" sự thật dù khó nghe, thậm chí gây bức bối nhưng vẫn có ích hơn những lời chuốt ngọt hoa mỹ để chịu lòng.

Trần Hoa Mộc Lan êm đềm và xinh đẹp, tôi ngày hai buổi đi về. Công việc cũng cực thật, vất vả mưu sinh nhiều hôm tưởng chừng như ngã bệnh. Mỗi chiều về đến vườn nhà nhìn thấy tượng đức Bồ Tát ngồi dưới cội hoa là lòng lại nhẹ nhàng thư thái, bao nỗi nhọc nhằn cũng vơi đi. Ngài ngồi đó nhắc nhở tôi, truyền thêm tín lực cho tôi. Từ tín lực tôi lại có thêm tấn lực và giữ được niệm, nhờ giữ được niệm mà có tí ti bóng dáng định lực, huệ lực. (nói thì hay vậy chứ tam độc vẫn đây và vẫn bị ngũ dục sai xử dài dài). Càng đọc thêm nhiều tài liệu, nghe băng đĩa (là Văn đây). Ngày xưa tôi cũng đã từng mê và hăm mộ biết bao những công án: "tiếng vỗ của một bàn tay" hay chuyện thiền sư đi qua chợ nghe người mua bán đối đáp: "Bán cho tôi miếng thịt ngon nhất trong quầy hàng" người kia đáp: " Trong quầy của

tôi không có miếng thịt nào mà không ngon nhất cả.” từ đó mà ngộ đạo; hoặc giả chuyện: thiền sư Đôn Hà leo lên cổ tượng Phật ngồi, chuyện chẻ tượng Phật để sưởi, chuyện ngài Lâm Tế “đá, hét, bồng...”, chuyện thiền sư Bách Trượng trả lời câu hỏi của lão hồ ly: ”bất muội nhân quả”... cho đến chuyện thiền sư nước mình như ngài Huyền Quang, Pháp Loa... Cho đến những vị sư hiện đại như: Ngài Trí Thủ với câu nói: ”Tôi chịu nhục để các thầy hành đạo”, “Tôi không theo ai cũng chẳng chống ai. Tôi chỉ theo Phật”. hoặc giả ngài Quảng Độ: ”Tôi không làm chính trị nhưng có thái độ về sự đúng sai của chính trị”, hoặc như ngài tăng thống Huyền Quang: ”Phật giáo đâu có hô khẩu hiệu muôn năm, thế mà đã hơn hai ngàn năm đồng hành cùng dân tộc”... Tôi thấy mình như thoát hẳn khỏi cuộc đời này, cứ ngỡ mình cũng đang vân du, hành cước như các vị. Ít ra cũng đã hơn một lần mong ước được xuất gia, muốn được thông dong tự tại như các ngài, muốn học hạnh các ngài. Con người trên thế gian này bị trói chặt vào ba cái: ăn- ở - mặc nên suốt đời tù túng ràng buộc, bị nó chi phối; nói rộng ra thì là năm món: tài – sắc – danh – thực - thủy nó làm cho con người thành nô lệ của nó, toàn thân và tâm khổ vì nó. Nó sai xử tất cả mọi hành động, suy nghĩ và nói năng của con người. Tất cả cũng nhằm mục đích thỏa mãn cái bản ngã của mình. Các ngài buông xuống rồi nên các ngài tự do. Các ngài coi nó như dép rách nên nó mất tác dụng, nó không còn sai xử được các ngài. Nếu nói về công danh, địa vị, ngũ

dục... thì ai hơn được Thế Tôn, ngài Bồ Đề Đạt Ma, ngài An Sĩ Cao, vua Trần... Thế mà các ngài vất đi. Chúng ta thì mưu cầu những thứ mà các ngài vứt, mưu cầu bằng mọi giá, mọi cách; dồn cả thân tâm mà mưu cầu cho nên ràng buộc mãi, cho nên khổ và đọa. Tôi mơ được như các ngài nhưng không làm được vì buông không đặng, tháng ngày vẫn ôm chặt lấy nó, vẫn bị nó buộc cổ lôi đi. Tôi cũng như tất cả mọi người còn chìm trong ngũ dục, việc tu tập có thể chỉ là gieo cái duyên chứ chưa thể nào thoát được sanh - tử luân hồi, tu tập cũng để giải bớt cái nghiệp xấu, tăng trưởng nghiệp lành vậy. Trong năm món dục ấy thì sắc dục là nặng nhất, ghê gớm nhất. Văn chương cổ cũng từng bảo: “Sắc không có sóng gió nhưng có thể làm khổ, làm chìm người như chơi”. Trong đời sống vợ chồng, chuyện chăn gối là không thể thiếu nhưng vì tôi không đủ sức gánh vác nên không muốn có nhiều con. Tôi vẫn thường sử dụng các biện pháp tránh thai mỗi khi ăn nằm. Có một đêm nọ, khi mọi việc vừa xong và chợp mắt ngủ thì lập tức thấy bọn con nít chập chững biết đi ở đâu kéo tới quanh nhà đông vô số, trong số trẻ ấy Tây có, ta có. Chúng vây quanh nhà, nhưng khi cách chừng vài mét là chúng khựng lại không thể tiến thêm bước nào nữa. Chúng trông khát khỉnh dễ thương làm sao, muốn xông vào nhà nhưng không thể vào được. Có đưa thử bước thêm một bước chân là lập tức lùi lại cứ như là bị điện giật vậy. Có đưa lém lỉnh nhảy lên không trung để tránh cái vạch vô hình nào đó để vào nhưng bị bật ngược về sau hết.

Tôi mơ màng và kinh ngạc không biết chuyện gì xảy ra, sau khi tỉnh lại thì cứ liên tưởng đến chuyện thầy Tam Tạng ngồi trong cái vòng an toàn mà Tôn Ngộ Không đã vạch ra. Tôi thâm nghĩ có lẽ thổ địa, thiên thần hoặc hộ pháp đã vạch một vòng kiết giới quanh ngôi nhà chằng? ngăn cản không cho các vong trẻ em này nhập vào. Tôi chỉ dám nghĩ thế thôi chứ thật sự không dám chắc và cũng không biết nói cùng ai. Tôi lúc đầu quay về học Phật, thời gian ấy cứ khoan khoái lạ lùng, kế tiếp là một thời gian rất khó khăn lạ lẫm. Cứ mỗi đêm khi nằm xuống là lập tức thấy ngạt giống như là chìm dưới nước vậy, có lúc thì chói với như té từ trên cao xuống; nhiều lúc phải bật dậy một lát sau mới ngủ trở lại được. Cái cảm giác này có lúc nghĩ là bóng đè, hoặc là bị bệnh tim - mạch, nhưng đi khám bệnh thì rõ ràng sức khỏe tốt. Có đêm vừa nằm xuống là lập tức cái cảm giác thân mình cứ từ từ chìm xuống giống như chìm vào cát sa mạc và hồn thì bay lên, sợ lắm. Tôi không biết làm gì hơn, cứ niệm Phật cấp tập, niệm không ngừng nghỉ. Tôi cũng đọc thêm sách và suy đoán: Có lẽ những chúng tử từ trong A Lại Da thức trôi dạt, có thể trong tiền kiếp xa xưa đã từng chết chìm, chết do té ngã từ trên cao... Tôi cứ kiên trì niệm Phật, ấy vậy mà một thời gian sau (không nhớ là bao lâu) tất cả những triệu chứng ám ảnh ảnh trên biến mất! Tôi cũng không biết rằng đó là mộng mị vô tình hay sự liên tưởng từ tâm sanh ra. Trong nhà thờ Phật rất trang nghiêm và ngoài sân vườn cũng bài trí khá nhiều tôn tượng Như Lai. Những tôn tượng nho nhỏ

nhưng rất xinh dưới các cội cây hay bụi hoa quanh vườn. Mỗi ngày đi làm về ngắm nhìn các tôn tượng thấy lòng thư thái và an lạc lắm, những tôn tượng nho nhỏ xinh xinh ấy đã truyền cho tôi biết bao cảm xúc an lành, một chút niềm vui giữa cuộc sống bận rộn vất vả mưu sinh này!

Trần Hoa Mộc Lan những ngày đầu năm còn lạnh lắm, nằm nhà nhớ nghĩ quân quanh, chuyện cũ trấn Phù Dung năm xưa, chuyện cố quận xa xôi... Dù rằng đang hưởng an lạc thái bình ở đây nhưng lòng còn canh cánh thương cố quận mình. Cố quận giờ nhiều nhưong quá đỗi! Giặc thù truyền kiếp vẫn lăm le xâm lấn, nay một chút, mai một chút. Hoàng Sa, Trường Sa, Gạc Ma, Tư Chính... mất, biển Đông dậy sóng, biên giới thụt lùi. Xã hội nhiều nhưong, phi quan kết hợp gian thương thành những nhóm lợi ích mặc tình chiếm đoạt đất đai, hời mại quyền thế. Dân oan ta thán thấu trời xanh, ai cũng có thể mất nhà, mất đất bởi cái mỹ từ “qui hoạch”. Đời sống đầy lo âu, thực phẩm bẩn, hoá chất độc hại tràn lan, ung thư và các bệnh nguy hiểm tăng cao. Quan lại tham lam và vô cảm, ... Có những người bạn khuyên: ”kê họ, hơi đâu lo chuyện bao đồng!”. Tôi không thể đồng ý với họ, sao gọi là bao đồng được nhỉ? “Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, có thể mình không làm được gì lớn thì ít ra cũng phải nói lên tiếng nói của mình chứ. Thầy Quảng Độ cũng từng bảo: “không làm chính trị nhưng có thái độ tỏ rõ quan điểm đúng sai của mình.”. Chuyện đời là thế, chuyện đạo cũng bao nhiêu chuyện đau lòng. Mấy

sư quốc doanh bị cây “sinh tử phù” suốt ngày cứ đeo bám quan quyền làm những chuyện trái đạo, tà pháp, ca ngợi cái xấu, cái ác. Ở Phù Dung trấn có ông thầy vốn là người tâm đắc với cha con ông trùm nhà băng (Cha con ông trùm nhà băng này từng một thời làm mưa làm gió, thị oai xung sát dưới thời ông tể tướng X), bởi vậy được tài trợ tiền bạc nhiều như núi, bạt một hòn núi dựng tượng Phật to nhất miền Trung, cất một ngôi chùa cũng to nhất xứ luôn. Người trong đạo ngoài đời xì xầm nhau: ”dù là trong đạo hay ngoài đời, muốn lên hay muốn bỏ nhậm ở đâu cũng phải thông qua thầy thì mới được!!!” thật kinh khủng! Còn những ông thầy ngoài Bắc thì càng khỏi phải nói, là những tay kinh tài có hạng, là chỗ dựa tinh thần cho quan quyền đồng thời quan quyền là chỗ dựa lưng của mấy ông. Đọc báo, nghe tin mấy ông tổ chức cúng sao giải hạn, cúng vong, trục vong... với giá cả bạc triệu, chục triệu hẵn hoi, nếu thiếu thì trả góp, chuyển khoản...Cửa chùa thành nơi kinh doanh buôn thần bán thánh thật đáng buồn sao; rồi mấy ông kết hợp với phi quan –gian thương cất những ngôi chùa to như tử cấm thành Bắc Kinh để kinh doanh du lịch. Tự nhiên nghĩ đến lời huyền ký năm xưa của Thế Tôn, Con sư tử chẳng có ai làm hại nó được, chỉ có vi trùng trong thân nó mới ăn được nó thôi! “Sư tử trùng phạm thực sư tử nhục” là đây! Những ngày đầu năm, nằm ở trấn Hoa Mộc Lan nhớ nước nhà, nhớ Phù Dung trấn, nhớ chuyện thầy tổ, nhớ chùa xưa...tôi thiếp đi lúc nào không hay, trong lúc mơ màng thiu thiu ngủ thì nghe bước

chân nhẹ nhè và tiếng sột soạt, bắt chợt gai ốc nổi cả người, bụng bảo dạ:

- Quái lạ nhỉ? trộm vào hay ma trêu?

Nghĩ thì nghĩ vậy nhưng không tài nào nhắc thân mình dậy nổi, muốn la cũng không sao la được, dường như có một lực rất nặng đè bẹp tôi xuống. Bất chợt tôi thấy một vị áo mao cân đai trông oai vệ như một võ tướng trong các vở tuồng xưa vậy. còn hai người kia thì một lùn mập râu cá chốt, một cao gầy râu dài. Cả ba người bọn họ quây quần trước tôn tượng bôn sư đặt trên bệ lò sưởi. tôi vừa sợ vừa ngạc nhiên và lòng tự hỏi:

- Võ tuồng đã vẫn từ lúc mười giờ, sao các vị ấy còn tụ họp ở đây?

Hỏi thì hỏi vậy chứ tôi không cục cựa gì được. Còn đang ngơ ngác thì vị mặc y phục võ tướng, tay cầm xử kim cương nói:

- Mỗ nghe người ta đồn đại có ngôi chùa to như tử cấm thành Bắc Kinh mới xây xong nên đi xem thử, nào ngờ bị bọn họ làm cho bẽ mặt đến giờ. Bôn mỗ đến nơi thì thấy quả thật to lớn kinh khủng, nghe đâu phải phá cả ngàn mẫu ruộng rừng cây để lấy đất xây. Từ cách đó mấy dặm bọn tiểu yêu đã đặt trạm thâu tiền vé, bắt buộc phải gởi xử kim cương lại. Mỗ giận lắm nhưng cố nhịn để xem cho ra lẽ, khi vào tới chánh điện thì lại một lần nữa phải mua vé vào, nếu không mua thì không được vào dâng hương, dâng hương xong lại phải thuê hướng dẫn viên hướng dẫn đi xem chùa! trời đất quỷ thần ơi! từ thuở tạo thiên lập địa đến giờ chưa từng có chuyện quái quỷ như

thế này! Ai đòi đến cửa Phật phải mua đủ thứ vé, chẳng học hỏi được gì, thân tâm cũng chẳng an lạc thậm chí còn mang thêm cục tức. Mỗ là hộ pháp mà còn thế thì dân đen con đỏ chúng đòi xử tệ như thế nào đây?

Ông mập phệ ngồi bệ vệ, tay phe phẩy cái quạt nan hỏi:

- Ngài là hộ pháp, có kim cang xử trong tay sao không xử chúng nó?

Hộ Pháp bảo:

- Hai vị không biết đây thôi, kim cang xử cũng vô dụng thôi! Bọn tiểu yêu có thứ bửu bối vô cùng công hiệu: Kim ngân ngoại tệ. Chúng dùng thứ này, phỉ quan gian thương kết hợp chặt chẽ coi như một thứ liên minh ma quỷ! Không ai có thể làm được gì chúng! trời đất đảo điên, đời loạn, xã hội nhiễu nhương, đạo đức suy đồi, pháp mạng đạo suy... Mỗ còn tức hơn nữa, đường đường là hộ pháp xử này ấy vậy mà chúng dám chặn đường mãi lộ. Mỗ lên Đồi chứ không có xuống Đồi, ngặt phải qua cái ngã ba giáp biên. Chúng đóng trạm ở đây, không trả tiền thì không được đi. Chúng còn kê khẩu hiệu to tướng:”Hoặc mua vé, hoặc tịch thu phương tiện và công đầu”. Mỗ đi một vòng quanh quốc độ thì thấy có đến hàng trăm trạm mãi lộ như thế! Đòi nhiễu nhương thậm tệ. Những ngôi chùa xưa mỗ ghé thăm đều bị sơn phết loè loẹt hoặc phá bỏ để xây kiêu mới, rồi chung sư tử Tàu, tượng Tàu, pháp khí Đài Loan... Rồi đờn ca hát xướng, nói xàm, cúng đám, cúng sao...đặt ra giá cả hẫ hoi; cò kê mặc cả từng

xu. Ai không đóng đủ hay không có tiền thì không được tham gia. Chùa chiền biến thành doanh nghiệp buôn thần bán thánh. Bọn ma tăng, tà sư dựa hơi thế tục, được phỉ quan nâng đỡ... càng ngày càng làm loạn chốn thiền môn!

Hộ pháp dường như âm ức đã lâu nên nói một hơi không ngưng nghỉ. Bảy giờ vị cao ồm râu dài mới lên tiếng:

- Ngài là hộ pháp mà không hộ được gì sao?

Hộ pháp lắc đầu ngao ngán:

- Không, không thể làm gì được! pháp nhược ma cường. Giờ chỉ chờ vận hội mới, mỗi người tự thức liễm thân tâm, tự mình hộ mình thôi! Hai vị còn nhớ không? Năm xưa khi Thế Tôn ngồi dưới cội bồ đề. Ma vương Ba Tuần cho ma nữ sắc dục, bạo lực âm binh... đến phá nhưng không lay chuyển được. Thế Tôn bảo ma vương: “Ngươi không thể nào phá hoại được chánh pháp!”. Ma vương Ba Tuần cười nham hiểm trả lời: “Tôi đợi đến thời kỳ mạt pháp sẽ cho con cháu khoác cà sa hết”. Thế Tôn nghe thế bèn rơi lệ. Sau này Thế Tôn huyền ký với các môn đệ rằng: ”sư tử trùng phạm thực sư tử nhục”. Các ngài thấy đấy! lời của Thế Tôn hôm nay đã chứng thực, thân sư tử bị cả bầy vi trùng rúc rĩa ngày đêm!

Hộ pháp dứt lời, cả ba ngài trầm ngâm, không khí dường lắng xuống. Ai cũng ngưỡng vọng đăm đăm nhìn tôn tượng bốn sư. Chừng nửa canh giờ thì vị râu dài cất tiếng phá vỡ sự tĩnh mịch:

- Thật tình mà nói thì không chỉ là lỗi của bọn tà sư, ma tăng hay lũ phỉ quan gian thương mà còn có một

phần từ mỗi chúng ta và ở mỗi con dân. Người ta mê muội quá đáng, cứ cung tận tụy cho những việc tà vạy sai trái. Chẳng ai chịu học giáo lý nên chẳng biết đúng - sai, chánh - tà, ưa làm bậy mà cứ mong điều tốt lành. Như tôi và ông bạn thổ địa đây. Họ bắt uống cà phê đen, nhét thuốc vào miệng cay xè cả mắt mũi... ấy vậy mà gọi là cúng dường để cầu mong phát tài, phước báo. Họ muốn phát tài thì phải hành thiện, bố thí, tạo phước...chứ hai chúng tôi làm sao giúp được? phước họa là tự thân chứ đâu có ai có quyền ban phát hay trừng phạt!

Thổ Địa bồi thêm:

Họ quá mê muội chỉ thích xin xăm, bói toán, coi ngày giờ, phong thủy, cúng đám, cúng sao... mà không biết rằng đó là tà pháp! Trong kinh Thắng Hạnh Thế Tôn từng dạy: “ Khi nghiệp thân khẩu ý
Hiền thiện và thanh tịnh
Chính là ngày cát tường
Là giờ phút hanh thông
Là thời khắc hưng vượng”

Mình làm mình chịu, gieo gì gặt nấy, chính nghiệp đã tạo tác là chủ nhân ông của mình, chẳng có ai có thể làm cho mình thăng hay đọa cả, tất cả do chính mình. Tiếc rằng thay thời mạt pháp những lời vàng, lời trí tuệ của bốn sư họ chẳng nghe, chẳng học, chẳng vâng theo mà lại thích nghe và làm theo những điều bậy bạ của bọn buôn thần bán thánh. Tà sư, ma tăng đã mù lại dắt người mù, hậu quả sẽ thế nào đây? Nhà đạo vẫn thường bảo nhau: “Địa ngục

môn tiền tăng đạo đa”. Đôi khi cảm cảnh, nghĩ đến lòng tôi không khỏi đau buồn!

Hộ Pháp khẳng định:

- Người mê phải thức tỉnh thôi! họ phải tự cứu lấy mình. Mỗi thê sẽ dùng hết năng lực của mình để thức tỉnh người mê. Mỗi cũng mong những người còn tỉnh thức hãy cùng nhau gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh đánh thức Phật tánh, tánh giác trong mỗi con người.

Thổ Địa và Thần Tài đồng thanh:

- Trong họa còn có may, đời mạt pháp còn có ngài và những vị tỉnh thức. Anh em chúng tôi cũng sẽ hết lòng phò hộ ngài trong việc cảnh tỉnh người mê. Anh em chúng tôi sẽ tận lực hộ vệ những ai tin và hành theo chánh pháp của Thế Tôn. Việc này trăm ngàn gian nan đây, bọn ma vương và con cháu chúng sẽ không ngồi yên, chúng sẽ quây phá, chụp mũ thậm chí ra tay mạnh động... Anh em chúng tôi đã nhất tâm hộ trì chánh pháp thì dù thế nào cũng không lung lay được!

Hộ Pháp giọng cảm động:

- Xin đa tạ lòng nhiệt huyết và thành tâm của hai vị! việc đạo cũng không khác việc đời đều phải chịu sự chi phối của luật vô thường , thịnh cực đại thì lại suy, suy cùng cực lại thịnh. Hôm nay đạo có suy vi, đời có nhiều nhưng nhưng một khi đến thời khắc thì nó sẽ đổi thay, đêm tàn thì trời lại sáng.

Tôi giật mình tỉnh giấc vươn vai ngồi dậy khi con Ky sửa inh ỏi ở ngoài sân, vừa lấy tay dụi dụi mắt vừa ngơ ngác, dường như có làn khói xanh phảng

phát bay lên, mùi hương còn băng lãng quanh phòng khách. Cây hương trước tượng bốn sư đã tắt tụt bao giờ, ngọn bạch lạp vẫn còn leo lét cháy.

Ngồi dậy mắt nhắm mắt mở, đầu óc hơi căng bèn bước ra ngoài sân hít một làn hơi trong lành, khí trời lạnh buốt làm tôi tỉnh ngủ hẳn và dường như cũng làm cho tinh thần dịu bớt đi. Thì ra tôi suy nghĩ nhiều quá mà sanh ra “tẩu hỏa nhập ma”, mộng mị chuyện đâu đâu, ngày nghĩ gì thì đêm tưởng đó; từ đó càng thấy rõ thêm và hiểu thêm thế nào là: “Nhất thiết duy tâm tạo”, cứ nghĩ tưởng nhiều rồi hiện ra trong mộng, rồi sẽ thành tướng! “Tướng tòng tâm sanh”. Đứng ngoài ban công một lát, hơi lạnh thấm vào từng chân tơ kẽ tóc...một chút khoan khoái dễ chịu len lõi từng tế bào trong thân thể, dưới ánh trăng khuya bàng bạc, pho tượng Bốn Sư an nhiên bất động như thế muôn đời. Ngài ngồi im lặng trầm mặc dưới bóng trăng mà sao mênh mông và hùng tráng quá. Ngài lặng lẽ mà sao cả vũ trụ như hoan ca kể từ khi thành chánh giác dưới cội bồ đề. Ánh sao mai lấp lánh trên bầu trời, giáo pháp của ngài như ánh dương bùng lên soi đường cho trời người cùng bước đi đến sự giác ngộ và giải thoát. Vườn đang mùa xuân, những bông hoa Tulip như những quả chuông rực rỡ màu sắc tỏa hương thơm, hoa pansy, hoa đỗ quyên, anh thảo...tất cả như dâng sắc hương để cúng dường Thế Tôn. Tôi đọc sách thì nghe tên các loài hoa: Mạn Thù Sa, Mạn Đà La...mà chư thiên thường tung hoa để cúng dường nhưng không làm sao để biết hoa ấy là hoa gì, hình hài ra sao, mùi

hương như thế nào...Nhưng tin chắc là rất đẹp, rất thơm và tinh khiết vì đó là hoa của cõi trời.

Mùa xuân năm ấy, các chùa trong trấn thỉnh hoà thượng Tín Nghĩa về giảng pháp. Hoà thượng tuy cao tuổi nhưng khoẻ mạnh, minh mẫn và không kém phần hóm hỉnh. Sau những thời kinh thì giải đáp thắc mắc của hàng Phật tử. Nhiều câu hỏi được giải đáp tường tận làm thỏa mãn người hỏi. Tôi đặc biệt nhớ việc thầy khuyên mọi người cố gắng niệm Phật nhất là các cụ già. Thầy bảo Cụ Lạc vốn là một cảnh giới có thật ở Tây Phương nhưng Cụ Lạc cũng là tự tâm. Thầy dí dỏm rằng:

Cụ Lạc cực khổ song song

Cả hai cùng cực muốn dong đường
nào?

Phật tử bên dưới cười thích thú lắm. Thầy lại nói chuyện về những xuyên tạc của các thành phần quá khích, cực đoan:

- Bồ Tát Thích Quảng Đức tự thiêu thân để phản đối việc đàn áp Phật giáo của nhà Ngô là một sự thật: nhân chứng, vật chứng, phim ảnh, giấy trắng mực đen...còn đó vậy mà nhiều kẻ cứ lu loa vu khống là ngài bị tiêm thuốc mê, ngài bị gài...còn nhiều kẻ khác thì bịa đặt thầy này, chùa kia là Việt Cộng...! Lịch sử mới có mấy mươi năm mà đã tam sao thất bản thì nói gì đến những dòng sử lâu xa hơn.

Phật giáo Việt Nam thường khai đàn Dược sư, tụng kinh Dược sư vào ngay sau tết Nguyên Đán. Các chùa hải ngoại cũng như ở trấn Hoa Mộc Lan này

cũng vậy thôi. Tăng, ni và Phật tử Việt Nam rất tin tưởng và mến mộ đức Dược Sư, có lẽ vì tin rằng ngài gia hộ sẽ thoát khỏi bệnh tật. Tôi cũng đọc qua kinh Thất Phật Dược Sư (bản dịch của hoà thượng Thích Thông Lai), có những yếu tố như: khi người bệnh nguy kịch thì thắp đèn diên thọ bốn mươi chín ngọn, treo phan tục mạng bằng ngũ sắc dài bốn mươi chín gang tay... làm tôi liên tưởng đến việc thắp đèn diên thọ của Khổng Minh trong tiểu thuyết Tam quốc Chí. Việc thắp đèn diên thọ, treo phan tục mạng... vốn là nghi tiết trong Lão giáo. Đức Thế Tôn chắc chắn không dạy yếu tố này, một khi quả đã chín muồi, thọ mạng đã hết thì đèn hay phan nào cứu nổi? việc này thật trái với luật nhân quả quá! Ngoài yếu tố này ra còn có những chuyện như: Bà Thanh Đề làm bánh bao nhân thịt chó, hay đốt sớ, bùa chú hoà nước lã cho bệnh nhân uống... Rõ ràng là những yếu tố Tào, đậm chất Tào, dấu ấn văn hoá Tào... Phật giáo Nguyên Thủy, Nam Tông không hề có những yếu tố này. Tôi nhận thấy hình như cũng có một số tu sĩ nhìn nhận ra vấn đề này, còn phần lớn cứ theo thói quen xưa nay mà lướt qua đương nhiên chấp nhận đó là pháp Phật. Ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa lên Phật giáo Việt Nam quá sâu đậm, có thể coi như bê nguyên xi từ kinh điển, phẩm phục và nhiều nghi lễ khác... Có một sự thật mà ít ai biết là Phật giáo truyền vào nước ta trước khi truyền đến Trung Hoa. Luy Lô được coi như kinh đô Phật giáo đầu tiên của nước ta. Các tăng sĩ từ Ấn Độ như Tỳ Ni Đa Lưu Chi... đã đến đây

hoàng pháp. Khương Tăng Hội được coi là thiền sư đầu tiên của Giao Chỉ đã sang Trung Hoa truyền đạo. Vương Diễm làm quan triều Nam Tề (471) đã sang Giao Châu thọ giáo với pháp sư Hiền... Dưới thời Tôn Quyền nước Ngô (thời tam quốc) đã có một vị tăng người Giao Chỉ đến kinh đô Kiến Nghiệp bái kiến, tiếc rằng Tôn Quyền nghe lời Nho gia nên không quan tâm đến Phật giáo. Mãi đến năm Vĩnh Bình triều nhà Hán, Phật giáo mới chính thức truyền đến Trung Hoa! Ấy vậy mà về sau Phật giáo Bắc truyền phát triển và truyền ngược lại nước ta! Lịch sử đôi khi cứ lòng vòng, đôi khi có những khúc quanh nghiệt ngã là vậy. Đạo Phật vốn xuất phát và hình thành từ Ấn Độ, rồi từ đó lan truyền ra các nước chung quanh, ấy vậy mà đạo Phật ở Ấn Độ lại bị xoá sổ. Đạo Phật ở các nước khác nhiều khi cũng thăng trầm theo tháng năm, có lúc hưng thịnh cực kỳ nhưng có lúc cũng suy tàn tệ hại. Khi Trung Cộng xâm lăng Tây Tạng. Chúng tàn sát người Tạng, phá huỷ chùa chiền và văn hoá người Tạng. Người ta thống kê hơn bốn ngàn ngôi chùa bị phá huỷ, tiếng Tạng bị cấm đoán, nhiều phong tục, lối sống Tạng bị hủy bỏ... Hơn một triệu người Tạng bị giết! (Công lý đôi khi lại là trò hai mặt, lương tâm cũng còn tùy thuộc quyền lợi, vì thế mà Liên Hợp Quốc và thế giới hoàn toàn im lặng từ đó cho đến giờ. Ngài Dalai Lama đã gửi thư cầu cứu, kêu gọi nhưng tất cả đều im lặng. Giả sử Tây Tạng có mỏ dầu, vị trí chiến lược đặc địa... thì mọi việc có thể sẽ được giúp đỡ, đau lòng thay!) Người Tạng mất nước phải lưu

vong, cũng từ những người lưu vong này mà Phật Giáo Mật Tông được người Âu - Mỹ biết đến và tu học theo. Ngày nay Mật Tông được người Âu - Mỹ rất coi trọng và tu học theo rất đông, có thể nói truyền thống tu theo Mật Tông Tây Tạng của người Âu - Mỹ là mạnh nhất và đông nhất hiện nay. Phật giáo Việt cũng được người Âu - Mỹ biết đến và tu học theo cũng khá đông, nhất là tu học theo trường phái thiền “tiếp hiện” của Làng Mai. Sau khi cuộc nội chiến tàn, người Việt ly hương và mang theo đạo Phật đến Âu - Mỹ và từ đó hình thành nên dòng Phật giáo hải ngoại cho đến hôm nay. Những môn đồ pháp quyến của dòng Nguyên Thiều, Liễu Quán, Lâm Tế... cho đến những môn đồ của các dòng mới như Minh đăng Quang cũng xuất hiện đầy đủ ở hải ngoại, tất cả cùng chung sức hành hoạt và xây dựng nên diện mạo mới cho Phật Việt. Trong hàng xuất gia và tại gia hiện nay ở hải ngoại cũng có không ít những người con của Phù Dung trần.

Trời phương ngoại vào hạ, nắng vàng như rót mật, hoa dương nở khắp nơi như triệu mặt trời bé con, những cây mộc lan trở hoa thơm ngát. Hoa mộc lan to và cánh hoa như cánh sen, tôi thường ví hoa mộc lan là hoa sen trên cao. Không biết có phải vì ở đây trồng nhiều cây mộc lan nên người ta lấy tên loài hoa này đặt làm tên của trấn? Miền đất của trấn này thanh bình như trăm ngàn trấn khác của xứ sở Cờ Hoa, thậm chí có những điều còn thú vị hơn. Trấn tuy nghèo, dân nhập cư nhiều nhưng ở đây hầu như không có thiên tai. Tôi vẫn thường trêu bạn bè của

mình ở các nơi rằng: Mộc Lan trần của tao là nhất đấy: ở đây không có động đất, lở đất, cháy rừng... như Cali; không cuồng phong bão tố như Florida; không nóng bức, vùi rông như Texas; không sóng thần, núi lửa như Hawaii; không sa mạc cháy bỏng như Nevada, Arizona; không ngập lụt như Louisiana; không quá nóng mùa hè, không quá lạnh mùa đông, thỉnh thoảng có tuyết nhưng chỉ đủ để làm duyên chứ không dữ dằn như New York hay các bang hướng Bắc Mỹ...Đã thế lại nhà cửa rẻ, vật giá thấp, công ăn việc làm nhiều...! quan trọng nữa là quê hương của “Cuốn Theo Chiều Gió”. Một tác phẩm trứ danh, kinh điển của nền văn học Hoa Kỳ và thế giới. Thế đấy, Mộc Lan trần tuyệt vời làm sao, tháng ngày bình an dễ sống. Dù sống ở cái trần xinh đẹp này nhưng lòng dạ tôi vẫn canh cánh nhớ về Phù Dung trần của cố quận. Phù Dung trần qua tay chủ mới, qua tháng năm thay đổi không biết bây giờ còn giữ được chút gì hình bóng của ngày xưa? Có một điều chắc chắn là cái dư hương của mùi thuốc phiện, mùi cô ba tiên nâu, mùi ả phù dung... mà ông già Tàu năm xưa nằm hút không thể nào phai mờ trong ký ức của tôi.

Tiểu Lục Thần Phong

Át Lăng thành, mấy mùa hạ cũ

CHUYỆN CŨ PHÙ DUNG TRẦN, tập truyện
của TIÊU LỤC THẦN PHONG, là tác phẩm thứ
81 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu.
Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ
thống toàn cầu của trang mạng văn học:

T.Vấn & Bạn Hữu
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



